

DANH MỤC TÀI LIỆU

I. DỰ THẢO BÁO CÁO		
STT	Nội dung	Trang
1.	Báo cáo tóm tắt công tác cải cách hành chính năm 2024, phương hướng, nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2025.	3
2.	Dự thảo Báo cáo tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2024, phương hướng, nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2025.	13
3.	Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ - Trưởng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ ban hành Kế hoạch hoạt động năm 2025 của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ.	68

II. THAM LUẬN CỦA BỘ VÀ ĐỊA PHƯƠNG			
STT	Nội dung	Thực hiện	Trang
1.	Kết quả cải cách thủ tục hành chính và ứng dụng công nghệ thông tin của Văn phòng Chính phủ năm 2024, phương hướng, nhiệm vụ năm 2025.	Văn phòng Chính phủ	80
2.	Những kết quả nổi bật trong Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số; xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia; nhiệm vụ, giải pháp hướng tới hiệu quả, thực chất của Chuyển đổi số với công tác cải cách hành chính trong thời gian tới.	Bộ Thông tin và Truyền thông	89
3.	Những kết quả nổi bật của cải cách thể chế trong năm 2024; những tồn tại, hạn chế và phương hướng khắc phục trong thời gian tới.	Bộ Tư pháp	96
4.	Đánh giá kết quả nổi bật trong công tác cải cách hành chính năm 2024, những tồn tại, hạn chế, trọng tâm những kết quả đạt được trong cải cách thể chế, thủ tục hành chính, góp phần phát triển kinh tế - xã hội; phương hướng trong thời gian tới.	Bộ Công Thương	107

II. THAM LUẬN CỦA BỘ VÀ ĐỊA PHƯƠNG			
STT	Nội dung	Thực hiện	Trang
5.	Kết quả sắp xếp các đơn vị hành chính trong thời gian qua, nhiệm vụ, giải pháp trong thời gian tới.	UBND tỉnh Bình Dương	112
6.	Sáng kiến và giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính phục vụ người dân, doanh nghiệp.	UBND tỉnh Nghệ An	116
7.	Những kết quả nổi bật về chuyển đổi số gắn kết với cải cách thủ tục hành chính tại địa phương.	UBND tỉnh Bình Phước	120
8.	Những kết quả nổi bật trong công tác cải cách hành chính năm 2024, nhiệm vụ, giải pháp thời gian tới.	UBND tỉnh Phú Yên	123
9.	Kết quả cải cách chế độ công vụ, nhiệm vụ, giải pháp trong thời gian tới.	UBND TP. Hồ Chí Minh	128
10.	Những kết quả nổi bật trong cải cách thủ tục hành chính, một số mô hình hay trong cải cách.	UBND TP. Hà Nội	132
11.	Những kết quả trong chuyển đổi số, mô hình hay trong cung cấp dịch vụ công trực tuyến tại địa phương, tồn tại, hạn chế, giải pháp trong thời gian tới.	UBND tỉnh Quảng Ninh	138
12.	Những kết quả nổi bật trong cải cách thể chế, có tác động lan tỏa đến phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.	UBND tỉnh Bắc Giang	143
13.	Những kết quả trong chuyển đổi số, thực hiện Đề án 06, dịch vụ công trực tuyến tại địa phương, tồn tại, hạn chế, giải pháp trong thời gian tới.	UBND tỉnh Hà Nam	148

BÁO CÁO TÓM TẮT
Công tác cải cách hành chính năm 2024,
phương hướng, nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2025

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

- Năm 2024, cải cách hành chính (CCHC) được xác định là một trong những trọng tâm chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, trong đó, xác định tiếp tục thực hiện hiệu quả Chương trình tổng thể CCHC nhà nước, trọng tâm là cải cách thể chế, cải cách tổ chức bộ máy, công chức, công vụ và thủ tục hành chính (TTHC); tập trung xây dựng Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia, là giải pháp quan trọng nhằm thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 tại Nghị quyết số 01/NQ-CP¹; với chủ đề điều hành của năm là: **“Kỷ cương trách nhiệm; chủ động kịp thời; tăng tốc sáng tạo; hiệu quả bền vững”**.

- Thủ tướng Chính phủ đã kiện toàn Ban Chỉ đạo CCHC của Chính phủ² (gọi tắt là Ban Chỉ đạo), với thành viên³ là các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, giúp Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo, điều hòa, phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương trong CCHC; ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo⁴ làm cơ sở tổ chức các hoạt động của Ban Chỉ đạo một cách thống nhất, hiệu quả; ban hành Kế hoạch hoạt động⁵ năm 2024 với 64 nhóm nhiệm vụ trọng tâm, cụ thể, gắn với trách nhiệm triển khai của từng thành viên Ban Chỉ đạo và các bộ, ngành, địa phương. Tính đến nay, các bộ, ngành đã hoàn thành 18/21 (85.71%) nhiệm vụ; chưa hoàn thành 03/21 (14.28%) nhiệm vụ, còn lại 42 nhiệm vụ là nhiệm vụ thường xuyên (có 01 nhiệm vụ xin lùi thời gian sang năm 2025).

- Trong năm 2024, Ban Chỉ đạo đã tổ chức 02 Phiên họp trực tuyến với 63 địa phương do Thủ tướng Chính phủ - Trưởng Ban Chỉ đạo chủ trì, qua đó kịp thời đánh giá tình hình, kết quả triển khai công tác CCHC của cả nước, kịp thời chỉ đạo và quyết định nhiều vấn đề quan trọng cho triển khai CCHC.

- Thực hiện vai trò vai trò cơ quan thường trực CCHC của Chính phủ, Bộ Nội vụ đã đẩy mạnh công tác theo dõi, đôn đốc và hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương triển khai công tác CCHC; kịp thời tổng hợp các kiến nghị, đề xuất và trực tiếp giải quyết hoặc chuyển cơ quan có thẩm quyền giải quyết các kiến nghị

¹ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước năm 2024.

² Quyết định số 110/QĐ-TTg ngày 28/01/2024 về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ.

³ Quyết định số 220/QĐ-TTg ngày 04/3/2024 về việc phê duyệt danh sách thành viên Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ, trong đó chỉ có thành viên của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng là Thứ trưởng.

⁴ Quyết định số 48/QĐ-BCĐCCHC ngày 02/4/2024

⁵ Quyết định số 42/QĐ-BCĐCCHC ngày 18/3/2024

có nội dung liên quan đến công tác CCHC, tạo điều kiện thuận lợi cho các địa phương trong quá trình triển khai thực hiện. Đến nay, Văn phòng Ban Chỉ đạo đã tiếp nhận **144** đề xuất, kiến nghị của các bộ, các tỉnh (trong đó có **47** kiến nghị được tổng hợp qua công tác theo dõi, kiểm tra, báo cáo CCHC của các bộ, ngành, địa phương và **97** kiến nghị được tiếp nhận trên website caicachhanhchinh.gov.vn), trên cơ sở đó đã phối hợp với các bộ, ngành có liên quan rà soát, trả lời, giải đáp, tháo gỡ **144/144** đề xuất, kiến nghị, đạt tỷ lệ **100%**.

- Các bộ, ngành, địa phương đã ban hành tổng số **4.673** văn bản để chỉ đạo, đôn đốc, quán triệt thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ CCHC; trong đó, các bộ, cơ quan ngang bộ đã ban hành **468** văn bản, các địa phương đã ban hành **4.205** văn bản. Theo kết quả thống kê, trong năm 2024, các bộ, cơ quan ngang bộ đã đề ra **1.049** nhiệm vụ; UBND các tỉnh, thành phố đã đề ra **2.917** nhiệm vụ. Đến nay, các bộ, ngành Trung ương đã hoàn thành **1.019/1.049** nhiệm vụ, đạt tỷ lệ **97,14%** so với kế hoạch, cao hơn **2,74%** so với cùng kỳ năm 2023; UBND các tỉnh, thành phố đã hoàn thành **2.842/2.917** nhiệm vụ, đạt tỷ lệ **97,43%** so với kế hoạch đề ra, thấp hơn **1,22%** so với cùng kỳ năm 2023.

- Các bộ, ngành, địa phương đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền CCHC với nội dung, hình thức đa dạng, phong phú; trong năm 2024, các địa phương đã thực hiện hơn **34.000** phóng sự, tin bài chuyên đề thông tin, tuyên truyền về CCHC; tổ chức hơn **100** hội nghị, tọa đàm và **28** cuộc thi tìm hiểu về CCHC.

- Bộ Nội vụ đã phối hợp với các bộ, ngành, địa phương tiến hành kiểm tra, làm việc về CCHC tại một số địa phương, gồm: Hải Dương, Đồng Nai, Phú Yên, Hòa Bình, Tiền Giang,... các bộ, ngành đã tiến hành kiểm tra tại **166** cơ quan, đơn vị trực thuộc; qua đó, kịp thời xử lý và chỉ đạo xử lý đối với **37/139** vấn đề tồn tại, hạn chế phát hiện qua kiểm tra, đạt tỷ lệ **26,62%**. Các địa phương đã tiến hành kiểm tra tại **761** cơ quan, đơn vị; qua đó, kịp thời xử lý và chỉ đạo xử lý đối với **1.958/2.056** nhóm vấn đề tồn tại, hạn chế phát hiện qua kiểm tra, đạt tỷ lệ **95,23%**.

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Cải cách thể chế

- Thể chế được xác định là một trong ba đột phá chiến lược⁶ để xây dựng, phát triển đất nước, đưa đất nước vào kỷ nguyên vươn mình; Quốc hội, Chính phủ xác định điểm nghẽn thể chế là “điểm nghẽn” của “điểm nghẽn” cần khai thông.

- Từ đầu năm 2024 đến nay, Chính phủ tổ chức **11** phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật, qua đó kịp thời chỉ đạo, định hướng, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong xây dựng pháp luật⁷, kịp thời chỉ đạo các bộ, cơ quan đẩy nhanh tiến độ, bảo đảm chất lượng. Chính phủ đã trình Quốc hội thông qua **29** luật, tăng **13** Luật so với năm 2023; các bộ, ngành đã tham mưu, trình Chính phủ ban hành **182** nghị định, tăng **90** nghị định so với năm 2023 và ban hành theo thẩm quyền **496**

⁶ Đại hội lần thứ XIII của Đảng khẳng định ba đột phá chiến lược gồm: Hoàn thiện đồng bộ thể chế; phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng.

⁷ Nghị quyết số 118/NQ-CP ngày 03/8/2024 về Phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật tháng 7 năm 2024; Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 01/9/2024 về Phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật tháng 8 năm 2024.

thông tư, tương đương số thông tư ban hành trong năm 2023⁸; HĐND và UBND cấp tỉnh đã ban hành **4.462** VBQPPL, tăng **1.035** VBQPPL so với năm 2023; HĐND và UBND cấp huyện đã ban hành **1.547** VBQPPL, giảm **551** VBQPPL so với năm 2023, qua đó tiếp tục hoàn thiện thể chế của nền hành chính, kịp thời thích ứng, điều chỉnh hiệu quả các mối quan hệ kinh tế - xã hội.

- Các bộ, ngành, địa phương đã quan tâm, đổi mới công tác tổ chức, theo dõi thi hành pháp luật một cách chủ động, tích cực, bám sát nội dung, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và kế hoạch năm.

- Về kiểm tra, rà soát VBQPPL: Trong năm 2024, Bộ Tư pháp đã tiếp nhận **3.292** VBQPPL (gồm 258 văn bản của các bộ, cơ quan ngang bộ; 3.034 văn bản của HĐND và UBND cấp tỉnh); đã kiểm tra và kết luận, kiến nghị xử lý đối với **166** văn bản có quy định trái pháp luật về thẩm quyền, nội dung (gồm 27 văn bản của các bộ, cơ quan ngang bộ; 139 văn bản của HĐND và UBND cấp tỉnh).

2. Cải cách TTHC

- Về cắt giảm, đơn giản hóa quy định kinh doanh (QĐKD): Trong năm, có **05** Bộ, cơ quan⁹ trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa đối với **125** QĐKD tại **47** VBQPPL; **13** bộ, cơ quan đã cắt giảm, đơn giản hóa **420** QĐKD¹⁰ tại **36** VBQPPL¹¹, nâng tổng số QĐKD được các bộ, cơ quan cắt giảm, đơn giản hóa từ năm 2021 đến nay là **3.195** QĐKD¹² tại **281** VBQPPL¹³ trên tổng số **15.763** QĐKD, đạt **20,2%** và vượt qua mục tiêu tối thiểu đề ra cho cả giai đoạn 2020 - 2025.

- Các bộ, ngành, địa phương đã tích cực rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước, đến nay, đối với các bộ, ngành, trong năm đã công bố bổ sung **664** TTHC nội bộ (gồm: *268 TTHC nhóm A và 396 TTHC nhóm B*)¹⁴, nâng tổng số TTHC nội bộ được công bố là **1.968** TTHC; Bộ Nội vụ đã rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ trong nhiều lĩnh vực¹⁵; có 03 Bộ¹⁶ đã trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án đơn giản hóa TTHC nội bộ, trong đó, một số TTHC trên các lĩnh vực trọng tâm ưu tiên đã được thực thi.

- Về phân cấp trong giải quyết TTHC: Trong năm, có **14** Bộ, cơ quan thực thi phương án phân cấp **191** TTHC tại **33** VBQPPL¹⁷, nâng tổng số TTHC được phân cấp từ năm 2022 đến nay là **350/699** TTHC tại **71** VBQPPL¹⁸ (đạt 49%).

- Thực hiện 19 Nghị quyết của Chính phủ về đơn giản hóa TTHC, giảm tải công dân

⁸ Tính đến ngày 30/12/2023.

⁹ Gồm: Tư pháp, Công Thương, Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

¹⁰ Gồm: 347 TTHC, 59 yêu cầu điều kiện, 14 chế độ báo cáo.

¹¹ Gồm: 05 Luật, 12 Nghị định, 18 Thông tư, Thông tư liên tịch và 01 văn bản khác.

¹² Gồm: 1.732 TTHC, 229 yêu cầu điều kiện, 101 chế độ báo cáo, 164 quy chuẩn, tiêu chuẩn và 969 mặt hàng kiểm tra chuyên ngành.

¹³ Gồm: 20 Luật, 65 Nghị định, 18 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, 159 Thông tư, thông tư liên tịch và 19 văn bản khác.

¹⁴ Nhóm A là TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước; nhóm B là TTHC nội bộ trong từng bộ, cơ quan.

¹⁵ Như: thi đua khen thưởng, công chức, viên chức...

¹⁶ 03 bộ gồm: Tài chính, Thông tin và Truyền thông, Văn hóa, Thể thao và Du lịch

¹⁷ Gồm: 01 Luật, 16 Nghị định và 16 Thông tư.

¹⁸ Gồm: 02 Luật, 29 Nghị định, 03 Quyết định của TTgCP, 37 Thông tư.

liên quan đến quản lý dân cư: Trong năm, có **13** bộ, ngành đã thực thi phương án đơn giản hóa **313** TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư tại **35** VBQPPL, nâng tổng số TTHC được thực thi phương án đến nay là **898** TTHC, đạt **83%**; trong đó, có **08** bộ, cơ quan¹⁹ hoàn thành 100%, **09** bộ, cơ quan đạt trên 50%²⁰, **02** bộ đạt dưới 50%²¹. Còn **186** TTHC cần tiếp tục đơn giản hóa tại 01 Luật, 13 Nghị định, 23 Thông tư, Thông tư liên tịch.

- Thực hiện nhiệm vụ được giao về việc triển khai thí điểm Mô hình Trung tâm phục vụ hành chính công một cấp trực thuộc UBND cấp tỉnh tại 05 địa phương²², đến nay đã có 04/05 địa phương thông qua Nghị quyết về việc triển khai thí điểm Mô hình Trung tâm phục vụ hành chính công một cấp (*UBND tỉnh Bắc Ninh báo cáo triển khai sau khi có phương án chính thức về sắp xếp, tổ chức bộ máy chính quyền cấp tỉnh*), trong đó Hà Nội, Bình Dương đã ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm phục vụ hành chính công²³. Bên cạnh đó, Hà Nội đã thành lập Tổ công tác liên ngành để tái cấu trúc quy định TTHC và hoàn thiện hệ thống thông tin giải quyết TTHC của địa phương²⁴.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

- Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tiếp tục chỉ đạo đẩy mạnh thực hiện cải cách tổ chức bộ máy hành chính, sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW. Bộ Nội vụ đã trình Thủ tướng Chính phủ Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo về tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW²⁵ trên cơ sở tổ chức lại Ban Chỉ đạo tổng kết 20 năm thực hiện mô hình tổ chức bộ máy của Chính phủ²⁶.

- Kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy cơ quan hành chính nhà nước các cấp²⁷ tại **63** tỉnh, thành phố đã tiếp tục giảm **12** tổ chức chi cục, phòng và tương đương của cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh; giảm **29** tổ chức phòng và tương đương thuộc UBND cấp huyện; lũy kế đến nay, đã giảm **13** Sở và tương đương, **2.613** tổ chức cấp phòng và tương đương ở địa phương.

- Kết quả thực hiện tinh giản biên chế công chức, viên chức của bộ, ngành, địa phương²⁸ theo quy định tại các Nghị định của Chính phủ tổng số là **16.149** người (trong đó, bộ, ngành là **217** người, địa phương là **15.932** người).

- Về sắp xếp đơn vị hành chính (ĐVHC) cấp huyện, cấp xã: Triển khai thực

¹⁹ 08 bộ, ngành gồm: Công an, Giao thông vận tải, Khoa học và Công nghệ, Lao động - Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

²⁰ 09 bộ, ngành gồm: Giáo dục và Đào tạo, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Ngoại giao, Y tế, Thông tin và Truyền thông, Kế hoạch và Đầu tư, Quốc phòng.

²¹ 02 bộ gồm: Tài chính và Tư pháp.

²² Nghị quyết số 108/NQ-CP ngày 10/7/2024 và Nghị quyết số 188/NQ-CP ngày 11/10/2024.

²³ Quyết định số 63/2024/QĐ-UBND ngày 24/10/2024 và Quyết định số 58/2024/QĐ-UBND ngày 28/11/2024.

²⁴ Quyết định số 4822/QĐ-UBND ngày 13/9/2024.

²⁵ Quyết định số 1403/QĐ-TTg ngày 16/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ.

²⁶ Quyết định số 269/QĐ-TTg ngày 02/4/2024, được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 796/QĐ-TTg ngày 05/8/2024 và Quyết định số 1272/QĐ-TTg ngày 25/10/2024.

²⁷ Số liệu thống kê tính đến ngày 30/10/2024.

²⁸ Số liệu thống kê tính đến ngày 30/10/2024.

hiện Kết luận số 48- KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025, Bộ Nội vụ đã chủ trì hoàn thiện hồ sơ trình Chính phủ đề trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua 51/51 Đề án của các địa phương thuộc diện sắp xếp. Kết quả thực hiện đến nay đã thành lập mới Thành phố Huế trực thuộc Trung ương; sắp xếp **38** ĐVHC cấp huyện và **1.178** ĐVHC cấp xã, sau sắp xếp giảm **09** đơn vị cấp huyện và **563** đơn vị cấp xã; đồng thời thành lập mới, nâng cấp **137** đơn vị hành chính đô thị để thúc đẩy tốc độ đô thị hóa, phấn đấu đến năm 2025 có **45%** ĐVHC đô thị theo Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng.

4. Cải cách chế độ công vụ

- Về hoàn thiện thể chế quản lý, sử dụng cán bộ, công chức viên chức: Trong năm 2024, Bộ Nội vụ đã tham mưu, xây dựng trình Chính phủ ban hành **06** nghị định, ban hành theo thẩm quyền **05** thông tư và **04** văn bản hợp nhất. Qua đó, góp phần đổi mới công tác quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm, hợp lý về cơ cấu, nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC; chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, về chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng đáp ứng yêu cầu của nền hành chính quốc gia trong tình hình mới.

- Về chính sách tiền lương: Bộ Nội vụ đã tham mưu triển khai thực hiện **4/6** nội dung cải cách chính sách tiền lương khu vực công trong năm 2024, trong đó, điều chỉnh mức lương cơ sở tăng **30%** (từ **1.800.000** đồng lên **2.340.000** đồng/tháng - mức tăng cao nhất từ trước đến nay); bổ sung quy định Quỹ tiền thưởng hằng năm bằng **10%** tổng quỹ tiền lương của các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị.

5. Cải cách tài chính công

- Về thể chế quản lý tài chính - ngân sách nhà nước: Quốc hội đã thông qua 03 luật, 01 Nghị quyết; Chính phủ đã ban hành **23** nghị định, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành **02** quyết định và Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ban hành theo thẩm quyền **82** thông tư trong lĩnh vực quản lý tài chính - ngân sách nhà nước. Theo đó, thể chế, cơ chế, chính sách về quản lý tài chính - ngân sách nhà nước tiếp tục được hoàn thiện theo hướng đồng bộ, toàn diện, nâng cao tính công khai, minh bạch và nâng cao kỷ luật, kỷ cương tài chính - ngân sách.

- Về giải ngân vốn đầu tư công: Theo báo cáo của Bộ Tài chính, tiến độ giải ngân vốn đầu tư công ước tính đến 31/12/2024 đạt **70.24%** kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao; trong đó Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội là **5.703,907** tỷ đồng (đạt **91.75%** kế hoạch), Chương trình mục tiêu quốc gia là **20.265,9** tỷ đồng (đạt **74.45%** kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao)²⁹.

6. Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số

- Về hoàn thiện khung pháp lý, tạo điều kiện triển khai các nhiệm vụ về xây

²⁹ Công văn số 14340/BTC-ĐT ngày 26/12/2024 của Bộ Tài chính

dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số: Trong năm 2024, Quốc hội đã ban hành **02** Luật, Chính phủ ban hành **06** Nghị định, Thủ tướng Chính phủ ban hành **02** Quyết định và **01** Chỉ thị.

- Từ ngày 01/01/2024 đến 20/12/2024 số lượng văn bản điện tử gửi, nhận trên Trục liên thông văn bản quốc gia là trên **12,2** triệu văn bản, tăng hơn **4** triệu văn bản so với năm 2023 (năm 2023 có hơn **8,2** triệu văn bản gửi, nhận trên Trục); lũy kế đến nay đã có hơn **46,5** triệu văn bản gửi, nhận trên Trục liên thông văn bản quốc gia, tăng hơn **18,3** triệu văn bản so với năm 2023. Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của Chính phủ (eCabinet) tiếp tục phát huy hiệu quả, tính đến nay, Hệ thống đã phục vụ **111** hội nghị, phiên họp của Chính phủ, tăng **25** phiên họp so với năm 2023; thực hiện xử lý **2.685** phiếu lấy ý kiến thành viên Chính phủ, tăng **685** phiếu so với năm 2023, thay thế hơn **932** nghìn hồ sơ, tài liệu giấy, tăng **278** nghìn hồ sơ, tài liệu so với năm 2023.

- *Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến* của bộ, ngành đạt 59,57% (tăng gần 2 lần so với năm 2023); địa phương đạt 56% (tăng 1,92 lần so với năm 2023). *Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC* tại các bộ, ngành đạt 61,40% và các địa phương đạt 67,46%.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Điểm nổi bật đạt được

- Với sự quan tâm, chỉ đạo sát sao, quyết liệt của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ cùng sự vào cuộc mạnh mẽ của các bộ, ngành, địa phương và người dân, doanh nghiệp, việc rà soát, xử lý vướng mắc, bất cập về cải cách hành chính đã được tích cực triển khai thực hiện, góp phần thúc đẩy cải cách hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh.

- Cải cách thể chế, cải cách TTHC tiếp tục được quan tâm, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã dành thời gian lắng nghe, tiếp xúc với người dân, cộng đồng doanh nghiệp để chỉ đạo nghiên cứu, xử lý những phản ánh, kiến nghị về cơ chế, chính sách, TTHC. Nhiều mô hình hay, điển hình, như: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các tỉnh, thành phố: Hà Nội, Khánh Hòa, Hậu Giang, Bà Rịa - Vũng Tàu...

- Việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy và hoàn thiện quy định về vị trí việc làm tại cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị, cải cách chính sách tiền lương tiếp tục có chuyển biến rõ nét, đạt được những kết quả tích cực. Kỷ luật, kỷ cương hành chính được tăng cường.

- Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số tiếp tục được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện đồng bộ, quyết liệt, từng bước có những kết quả cụ thể, mô hình tốt, điển hình, như: Đà Nẵng, Bình Phước, Hà Nội, Quảng Ninh, thành phố Hồ Chí Minh...

2. Tồn tại, hạn chế

- Một số bộ, ngành, địa phương chưa quan tâm đúng mức tới cải cách hành chính; công tác phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương có nơi, có lúc còn chậm, hiệu quả chưa cao. Trách nhiệm thực thi công vụ của CBCCVC ở một số nơi còn thấp, động

lực làm việc không cao, tinh thần cải cách chưa mạnh mẽ.

- Cơ chế, chính sách, pháp luật trên một số lĩnh vực còn thiếu đồng bộ³⁰, chồng chéo, mâu thuẫn, chưa phù hợp thực tiễn, chậm sửa đổi, bổ sung, tháo gỡ, dẫn đến khó khăn cho tổ chức thực hiện. Vẫn còn tình trạng VBQPPL của một số bộ, cơ quan có quy định trái pháp luật về thẩm quyền, nội dung.

- Cải cách, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC vẫn chưa đạt như kỳ vọng, người dân, doanh nghiệp vẫn mong muốn TTHC được đơn giản, thuận tiện hơn; việc thực hiện cung cấp DVCTT một số nơi còn hình thức; tỷ lệ người dân tự thực hiện DVCTT không cần sự hỗ trợ trực tiếp của công chức không cao; việc số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC chưa đạt tỷ lệ đã đề ra, tỷ lệ tái sử dụng kết quả số hóa thấp.

- Tình trạng chậm muộn, trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ TTHC cho người dân, doanh nghiệp vẫn xảy ra ở nhiều bộ, ngành, địa phương (tập trung chủ yếu vào các lĩnh vực: Đất đai, xây dựng, lao động - thương binh và xã hội), cụ thể, theo Báo cáo của Văn phòng Chính phủ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC đúng hoặc sớm hạn ở các bộ, ngành chỉ đạt 62%; tại các địa phương đạt 94.5% (trễ hạn 5.5%)³¹.

- Việc đồng bộ, kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ quản lý điều hành và giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công cho người dân, doanh nghiệp của các bộ, ngành, địa phương chưa thực sự thông suốt.

- Đánh giá CBCCVC vẫn còn tình trạng nể nang, thiếu tiêu chí định lượng để xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo VTVL.

2. Nguyên nhân

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện ở một số nơi còn chưa quyết liệt, thiếu sáng tạo, chậm đổi mới; người đứng đầu ở một số bộ, cơ quan, địa phương chưa trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo công tác CCHC dẫn đến hiệu quả chưa cao.

- Chất lượng đội ngũ công chức, viên chức tham mưu thực hiện CCHC một số nơi còn hạn chế, chưa đồng đều; một số địa phương có sự thay đổi nhân sự thực hiện công tác CCHC theo đó chưa bắt nhịp được với yêu cầu nhiệm vụ. Việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương của một số CBCCVC trong thực thi công vụ, nhiệm vụ, giải quyết TTHC phục vụ người dân, doanh nghiệp chưa cao.

- Công tác thông tin, tuyên truyền CCHC, đặc biệt là các nội dung liên quan đến việc tổ chức cung cấp dịch vụ công trực tuyến chưa thực sự phát huy hiệu quả trên thực tế.

- Chưa có giải pháp hữu hiệu, đổi mới trong phân công nhiệm vụ, trong đánh giá cá nhân và tập thể dựa trên kết quả, sản phẩm cụ thể, chưa có tiêu chí định lượng, khoa học, khách quan. Chưa hình thành hệ thống theo dõi, đánh giá trên

³⁰ Báo cáo số 135/BC-CP ngày 10/4/2024 của Chính phủ Kết quả thực hiện Nghị quyết số 110/2023/QH15, Kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XV về xem xét, xử lý kết quả rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.

³¹ Báo cáo số 12/BC-VPCP ngày 02/01/2025 của Văn phòng Chính phủ.

cơ sở ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ, chuyển đổi số.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2025

1. Các bộ, ngành, địa phương tiếp tục quán triệt, tổ chức thực hiện nghiêm, toàn diện, đồng bộ, có hiệu quả Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 theo Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ và Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 02/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2030; rà soát, có giải pháp cụ thể, thiết thực tạo đột phá mạnh mẽ để nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ CCHC được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao và các nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch CCHC năm 2025 của các bộ, cơ quan, địa phương.

2. Các thành viên Ban Chỉ đạo CCHC của Chính phủ, Ban Chỉ đạo CCHC của các bộ, ngành, địa phương tổ chức triển khai có hiệu quả Kế hoạch hoạt động năm 2025; tiếp tục phát huy vai trò và nâng cao trách nhiệm người đứng đầu các bộ, ngành, địa phương trong lãnh đạo, chỉ đạo triển khai nhiệm vụ CCHC; tăng cường công tác đôn đốc, theo dõi, đánh giá, thanh tra, kiểm tra, tuyên truyền về CCHC. Tập trung ưu tiên nguồn lực đẩy nhanh tiến độ thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho người dân, doanh nghiệp, tạo điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

3. Bộ Nội vụ - cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương tổ chức sơ kết Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2025, đề xuất nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm nhằm đẩy mạnh CCHC nhà nước giai đoạn 2026 - 2030. Tham mưu xây dựng, triển khai có hiệu quả Kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo năm 2025, Kế hoạch kiểm tra CCHC năm 2025 của cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo; triển khai Kế hoạch xác định Chỉ số CCHC năm 2024 của các bộ, các tỉnh và Kế hoạch đo lường, xác định Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính năm 2024, bảo đảm chính xác, khách quan và công bằng.

4. Triển khai đồng bộ, hiệu quả nhiệm vụ tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW và tổng kết 20 năm thực hiện mô hình tổ chức bộ máy của Chính phủ, trong đó tập trung triển khai phương án sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan hành chính nhà nước bảo đảm khả năng trương để không bị gián đoạn hoặc bỏ sót công việc, đảm bảo tinh thần "**Tinh - Gọn - Mạnh - Hiệu năng - Hiệu lực - Hiệu quả**"; tổ chức rà soát, sắp xếp tổ chức bên trong các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ theo đúng tinh thần chỉ đạo của Trung ương, gắn với tinh giản biên chế và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của từng cơ quan, đơn vị, cơ cấu lại đội ngũ CBCCVC theo VTVL.

5. Tập trung rà soát, sửa đổi, bổ sung thể chế, chính sách liên quan đến tổ chức bộ máy hành chính, cơ chế vận hành, chế độ chính sách đối với đội ngũ CBCCVC đầy đủ, đồng bộ bảo đảm thực hiện mục tiêu hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả của bộ máy và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC sau sắp xếp, tổ chức bộ máy; trong đó tập trung xây dựng trình cấp có thẩm quyền thông qua Luật sửa đổi Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Cán bộ,

công chức; xây dựng, ban hành các Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND các cấp; tổ chức triển khai hiệu quả các chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động chịu tác động bởi việc thực hiện sắp xếp, tinh gọn bộ máy, đơn vị hành chính các cấp.

6. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện việc sắp xếp, tổ chức lại, nâng cao hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập; triển khai thực hiện có hiệu quả việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 theo các Nghị quyết đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua, khẩn trương sắp xếp tổ chức, bố trí CBCCVC, xử lý đối với tài sản công sau sắp xếp bảo đảm sớm ổn định để tổ chức đại hội đảng các cấp năm 2025.

7. Cải cách thể chế mạnh mẽ, quyết liệt tháo gỡ những nút thắt, trọng tâm là các thể chế đang gây lực cản cho tăng trưởng; đổi mới tư duy xây dựng pháp luật, vừa khuyến khích sáng tạo, giải phóng toàn bộ sức sản xuất, khơi thông mọi nguồn lực để phát triển. Khẩn trương rà soát, hoàn thiện việc sửa đổi, đổi bổ sung các quy định chi tiết để triển khai có hiệu quả các Luật mới được Quốc hội thông qua. Thực hiện đồng bộ, linh hoạt các giải pháp để nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật.

8. Đẩy mạnh cải cách, đơn giản hóa TTHC ngay từ khâu xây dựng VBQPPL; rà soát, kiến nghị bãi bỏ các TTHC, điều kiện kinh doanh không cần thiết, không khả thi, không rõ ràng, khó xác định, không phù hợp thực tiễn, là rào cản cho hoạt động sản xuất, kinh doanh; tăng cường phân cấp trong giải quyết TTHC, giảm chi phí tuân thủ TTHC cho người dân, doanh nghiệp. Nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông; tổ chức triển khai thí điểm mô hình Trung tâm Phục vụ hành chính công một cấp trực thuộc UBND cấp tỉnh tại một số địa phương theo kế hoạch. Tiếp tục đẩy mạnh số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC, nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện giải quyết TTHC và cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

9. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và đội ngũ CBCCVC. Tổ chức triển khai thực hiện nghiêm, hiệu quả các cơ chế, chính sách mới trong quản lý CBCCVC³².

10. Đẩy mạnh thực hiện các giải pháp nhằm đẩy nhanh tốc độ giải ngân vốn đầu tư công tại các bộ, ngành, địa phương ngay từ đầu năm. Tổ chức triển khai có

³² Tại các văn bản, như: Nghị định số 116/2024/NĐ-CP ngày 17/9/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức và Nghị định số 06/2023/NĐ-CP ngày 21/02/2023 quy định về kiểm định chất lượng đầu vào công chức; Nghị định số 73/2023/NĐ-CP ngày 29/9/2023 của Chính phủ quy định về khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung; Nghị định số 177/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với các trường hợp không tái cử, tái bổ nhiệm và cán bộ thôi việc, nghỉ hưu theo nguyện vọng; Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Nghị định số 179/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng làm việc trong cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội...

hiệu quả cơ chế tự chủ tài chính tại cơ quan hành chính và các đơn vị sự nghiệp công lập; hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật để đẩy mạnh tự chủ đơn vị sự nghiệp công lập và xã hội hóa dịch vụ công.

11. Tập trung triển khai thực hiện các nhiệm vụ xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số theo kế hoạch, lộ trình đã phê duyệt; tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng số, hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành, bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu đồng bộ, thống nhất, thông suốt giữa các cơ quan, địa phương phục vụ phân tích, xử lý dữ liệu, hỗ trợ công tác chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước./.

Số: /BC-BCĐCCHC

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2024,
phương hướng, nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2025

Thực hiện Quy chế làm việc của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ (sau đây gọi tắt là Ban Chỉ đạo) được ban hành tại Quyết định số 48/QĐ-BCĐCCHC ngày 02/4/2024, Ban Chỉ đạo tổng hợp, báo cáo công tác cải cách hành chính năm 2024, phương hướng, nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2025 như sau:

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo, quán triệt thực hiện cải cách hành chính

- Năm 2024, cải cách hành chính (CCHC) được xác định là một trong những trọng tâm chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, trong đó, xác định tiếp tục thực hiện hiệu quả Chương trình tổng thể CCHC nhà nước, trọng tâm là cải cách thể chế, cải cách tổ chức bộ máy, công chức, công vụ và thủ tục hành chính (TTHC); tập trung xây dựng Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia, là giải pháp quan trọng nhằm thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 tại Nghị quyết số 01/NQ-CP³³; với chủ đề điều hành của năm là: “**Kỷ cương trách nhiệm; chủ động kịp thời; tăng tốc sáng tạo; hiệu quả bền vững**”. Cùng với đó, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo thực hiện nhiều giải pháp nhằm cải thiện môi trường kinh doanh³⁴, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia; rà soát, tháo gỡ các vướng mắc về thể chế, đẩy mạnh cải cách TTHC gắn với chuyển đổi số, đổi mới quản lý; kịp thời, tháo gỡ khó khăn³⁵, phục hồi sản xuất kinh doanh trong bối cảnh nền kinh tế trong nước và thế giới có nhiều biến động.

- Thủ tướng Chính phủ đã kiện toàn Ban Chỉ đạo CCHC của Chính phủ³⁶ (gọi tắt là Ban Chỉ đạo), với thành viên³⁷ là các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, giúp Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo, điều hòa, phối

³³ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước năm 2024.

³⁴ Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2024.

³⁵ Chỉ thị số 12/CT-TTg ngày 21/4/2024 về các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 02/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ: Về triển khai nhiệm vụ điều hành chính sách tiền tệ năm 2024, tập trung tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng và ổn định kinh tế vĩ mô; Công điện số 24/CĐ-TTg ngày 22/3/2024 về việc đẩy nhanh tiến độ phân bổ và giải ngân vốn đầu tư công năm 2024.

³⁶ Quyết định số 110/QĐ-TTg ngày 28/01/2024 về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ.

³⁷ Quyết định số 220/QĐ-TTg ngày 04/3/2024 về việc phê duyệt danh sách thành viên Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ, trong đó chỉ có thành viên của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng là Thứ trưởng.

hợp giữa các bộ, ngành, địa phương trong CCHC. Đồng thời, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo các địa phương kiện toàn Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính cấp tỉnh, với Trưởng ban là Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố; đến nay, 63/63 địa phương đã kiện toàn Ban Chỉ đạo cải cách hành chính³⁸. Thủ tướng Chính phủ, Trưởng Ban Chỉ đạo đã ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo³⁹ làm cơ sở tổ chức các hoạt động của Ban Chỉ đạo một cách thống nhất, hiệu quả; ban hành Kế hoạch hoạt động⁴⁰ năm 2024 với **64** nhóm nhiệm vụ trọng tâm, cụ thể, gắn với trách nhiệm triển khai của từng thành viên Ban Chỉ đạo và các bộ, ngành, địa phương.

- Trong năm 2024, Ban Chỉ đạo đã tổ chức 02 Phiên họp trực tuyến với 63 địa phương do Thủ tướng Chính phủ - Trưởng Ban Chỉ đạo chủ trì, qua đó kịp thời đánh giá tình hình, kết quả triển khai công tác CCHC của cả nước, kịp thời chỉ đạo và quyết định nhiều vấn đề quan trọng cho triển khai CCHC. Giao nhiệm vụ các thành viên Ban Chỉ đạo là Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khẩn trương rà soát, xác định rõ những điểm nghẽn đang cản trở hoạt động CCHC, đề xuất các giải pháp cụ thể để tháo gỡ; ưu tiên giải quyết ngay những vấn đề nóng, cấp bách, khó khăn, vướng mắc của người dân và doanh nghiệp.

MỘT SỐ CHỈ ĐẠO CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ - TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO⁴¹



- Các bộ, ngành, địa phương đã chủ động triển khai kế hoạch CCHC năm 2024 của mình và chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Theo đó, đã ban hành tổng số **4.673** văn bản để chỉ đạo, đôn đốc, quán triệt thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ CCHC; trong đó, các bộ, cơ quan ngang bộ đã ban hành **468** văn bản, các địa

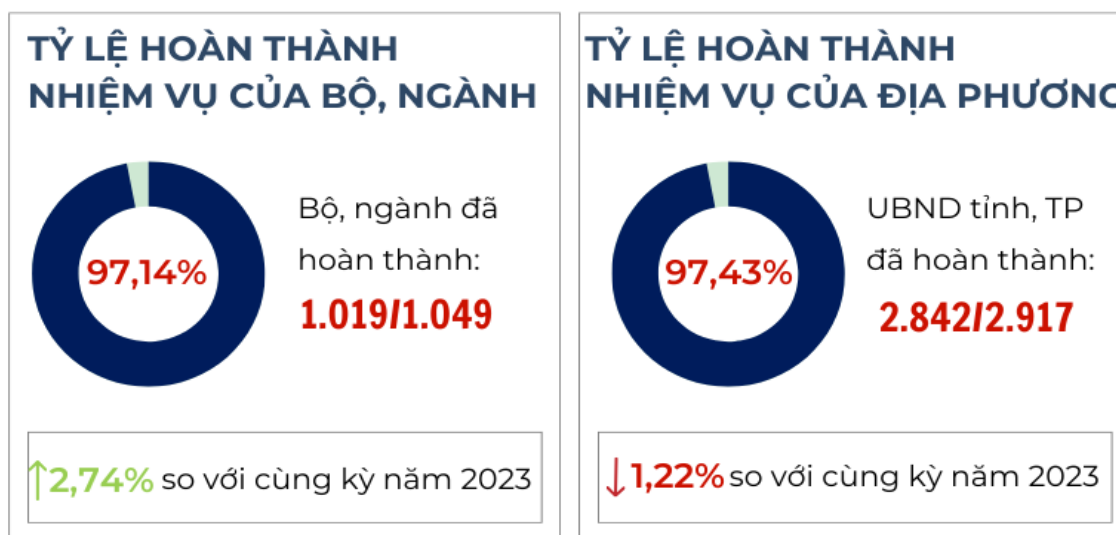
³⁸ 62/63 địa phương có Trưởng Ban Chỉ đạo CCHC là Chủ tịch UBND cấp tỉnh; riêng tỉnh Nghệ An, Trưởng Ban Chỉ đạo CCHC tỉnh là Bí thư tỉnh ủy.

³⁹ Quyết định số 48/QĐ-BCĐCCHC ngày 02/4/2024

⁴⁰ Quyết định số 42/QĐ-BCĐCCHC ngày 18/3/2024

⁴¹ Tại Thông báo số 363/TB-VPCP ngày 06/8/2024 của Văn phòng Chính phủ về Thông báo Kết luận của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ tại Phiên họp thứ tám ngày 15 tháng 7 năm 2024.

phương đã ban hành **4.205** văn bản. Theo kết quả thống kê, trong năm 2024, các bộ, cơ quan ngang bộ đã đề ra **1.049** nhiệm vụ; UBND các tỉnh, thành phố đã đề ra **2.917** nhiệm vụ. Đến nay, các bộ, ngành Trung ương đã hoàn thành **1.019/1.049** nhiệm vụ, đạt tỷ lệ **97,14%** so với kế hoạch, cao hơn **2,74%** so với cùng kỳ năm 2023; UBND các tỉnh, thành phố đã hoàn thành **2.842/2.917** nhiệm vụ, đạt tỷ lệ **97,43%** so với kế hoạch đề ra, thấp hơn **1,22%** so với cùng kỳ năm 2023.



- Thực hiện vai trò vai trò cơ quan thường trực CCHC của Chính phủ, Bộ Nội vụ đã đẩy mạnh công tác theo dõi, đôn đốc và hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương triển khai công tác CCHC; kịp thời tổng hợp các kiến nghị, đề xuất và trực tiếp giải quyết hoặc chuyển cơ quan có thẩm quyền giải quyết các kiến nghị có nội dung liên quan đến công tác CCHC, tạo điều kiện thuận lợi cho các địa phương trong quá trình triển khai thực hiện. Đến nay, Văn phòng Ban Chỉ đạo đã tiếp nhận **144** đề xuất, kiến nghị của các bộ, các tỉnh (trong đó có **47** kiến nghị được tổng hợp qua công tác theo dõi, kiểm tra, báo cáo CCHC của các bộ, ngành, địa phương và **97** kiến nghị được tiếp nhận trên website caicachhanhchinh.gov.vn), trên cơ sở đó đã phối hợp với các bộ, ngành có liên quan rà soát, trả lời, giải đáp, tháo gỡ **144/144** đề xuất, kiến nghị, đạt tỷ lệ **100%**. Bộ Nội vụ đã tích cực, chủ động phối hợp với Công đoàn viên chức Việt Nam, các bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện các giải pháp hỗ trợ, tăng cường năng lực cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC) thực hiện CCHC của các bộ, ngành, địa phương thông qua các hoạt động tập huấn nghiệp vụ cho lãnh đạo, công chức thực hiện CCHC, và cán bộ công đoàn các cấp⁴².

- Bộ Nội vụ đã chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương và các cơ quan có liên quan triển khai đo lường, xác định Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính (SIPAS) năm 2023; tổ chức triển khai xác định Chỉ số CCHC (PAR Index) năm 2023 của các bộ, cơ quan ngang bộ (gọi tắt là bộ) và UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi tắt là tỉnh). Đã thay mặt Ban Chỉ đạo phối

⁴²Bộ Nội vụ đã phối hợp với Công đoàn viên chức Việt Nam tổ chức 02 Hội nghị tập huấn CCHC cho cán bộ của Công đoàn viên chức các bộ, ngành, địa phương, gồm: Hội nghị được tổ chức tại tỉnh Lâm Đồng từ ngày 11 - 13/9/2024 và tại Hà Nội từ ngày 21 - 23/11/2024.

hợp với Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam và các cơ quan liên quan tổ chức Hội nghị công bố các chỉ số này vào ngày 17/4/2024. Kết quả các chỉ số cho thấy, giá trị trung bình Chỉ số SIPAS của 63 địa phương năm 2023 là **82.66%** tăng **2,58%** so với năm 2022 (năm 2022 đạt 80,08%); giá trị trung bình của Chỉ số PAR Index năm 2023 của 17 bộ là **84.38%** tăng **0.33%** so với năm 2022 (năm 2022 đạt 84.05%); giá trị trung bình Chỉ số PAR Index năm 2023 của các tỉnh là **86.98%** tăng **2.19%** so với năm 2022 (năm 2022 đạt 84.79%). Trên cơ sở kết quả Chỉ số SIPAS 2023, Chỉ số PAR Index 2023, hầu hết các bộ, địa phương đã tổ chức phân tích, đánh giá kết quả Chỉ số SIPAS 2023 và Chỉ số PAR Index 2023 của mình để xác định rõ nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế, gắn trách nhiệm cho từng cơ quan, đơn vị; đồng thời, đề ra các biện pháp cụ thể để khắc phục hạn chế, bất cập đã chỉ ra trong các chỉ số, nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác CCHC của bộ, tỉnh. Trong đó, Bộ Nội vụ đã tích cực kiểm tra, hỗ trợ các địa phương trong phân tích, đánh giá, sử dụng hiệu quả các chỉ số trong công tác chỉ đạo điều hành, quản lý CCHC. Hiện nay, Bộ Nội vụ đã ban hành Đề án xác định Chỉ số PAR Index⁴³ của các bộ, các tỉnh giai đoạn 2024 - 2030, đang triển khai Kế hoạch xác định Chỉ số PAR Index năm 2024 của các bộ, các tỉnh⁴⁴ và Kế hoạch đo lường, xác định Chỉ số SIPAS năm 2024 với nhiều đổi mới, thích ứng với tình hình thực tiễn.

KẾT QUẢ CHỈ SỐ SIPAS 2023 - CHỈ SỐ PAR INDEX 2023



2. Công tác tuyên truyền, kiểm tra cải cách hành chính

- Về công tác tuyên truyền:

Trong năm 2024, công tác thông tin, tuyên truyền CCHC tiếp tục được các bộ, ngành, địa phương quan tâm, đẩy mạnh triển khai, tạo sự thống nhất về nhận thức, nâng cao tinh thần trách nhiệm, chủ động của các cơ quan, đơn vị và từng CBCCVN trong tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ CCHC của bộ, ngành, địa phương; đồng thời, tạo sự đồng thuận, ủng hộ, hưởng ứng của người dân, doanh nghiệp đối với các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, nhà nước và chính quyền các cấp, góp phần nâng cao hiệu quả công tác CCHC. Bên cạnh đó, các bộ, ngành, địa

⁴³ Quyết định số 892/QĐ-BNV ngày 05/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt Đề án “Xác định Chỉ số cải cách hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giai đoạn 2024 - 2030”.

⁴⁴ Quyết định số 673/QĐ-BNV ngày 26/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Kế hoạch sửa đổi, bổ sung Đề án xác định Chỉ số cải cách hành chính giai đoạn 2022 - 2030 và triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2024 của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

phương đã chủ động đổi mới hình thức thông tin, tuyên truyền đa dạng, nội dung phong phú, sáng tạo, tận dụng sức mạnh của các mạng xã hội (zalo, facebook, youtube,...) để tổ chức thông tin, tuyên truyền về CCHC, qua đó giúp đa dạng hóa, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền; kịp thời truyền tải những định hướng, chỉ đạo mới và kết quả nổi bật về CCHC trong từng lĩnh vực, nhất là các kết quả nổi bật về cải cách TTHC, chuyển đổi số, cung cấp dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân, doanh nghiệp; các cơ chế, chính sách, giúp tháo gỡ những khó khăn, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp phục hồi và phát triển sản xuất kinh doanh. Bộ Nội vụ đã phối hợp với Công đoàn Viên chức Việt Nam tổ chức thành công Hội thi giới thiệu mô hình và thuyết trình ý tưởng CCHC trong đội ngũ công đoàn viên chức ở trung ương và địa phương⁴⁵ dưới hình thức sân khấu hóa. Đài Truyền hình Việt Nam tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền CCHC, theo đó, trong năm 2024 đã thực hiện hơn 30 phóng sự chuyên đề CCHC để tuyên truyền, lan tỏa những cách làm hay, mô hình mới và những gương sáng điển hình trong quá trình thực hiện cải cách tại bộ, ngành, địa phương. Một số phóng sự đáng chú ý, thu hút sự quan tâm, theo dõi của đông đảo người dân, doanh nghiệp, như: Công đoàn viên chức với CCHC; “5 đẩy mạnh” trong CCHC để huy động mọi nguồn lực cho phát triển; Cấp mới "sổ đỏ" trong 1 ngày, đột phá trong CCHC; Xây dựng tư duy hành chính phục vụ; CCHC dưới tác động của chuyển đổi số; Cải cách khắc phục lỗi hỏng thương mại; Tăng tốc số hóa phục vụ doanh nghiệp; Chuyển đổi số vùng sâu vùng xa,... Theo thống kê⁴⁶, trong năm 2024, các địa phương đã thực hiện hơn **34.000** phóng sự, tin bài chuyên đề thông tin, tuyên truyền về CCHC; tổ chức hơn **100** hội nghị, tọa đàm và **28** cuộc thi tìm hiểu về CCHC.

- Về công tác kiểm tra CCHC:

Triển khai thực hiện Kế hoạch kiểm tra CCHC năm 2024 của Bộ Nội vụ - cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo CCHC của Chính phủ⁴⁷, Bộ Nội vụ đã phối hợp với các bộ, ngành, địa phương tiến hành kiểm tra, làm việc về CCHC tại một số địa phương, gồm: Hải Dương, Đồng Nai, Phú Yên, Hòa Bình, Tiền Giang,... Thanh tra Chính phủ đã chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ, các bộ, ngành, địa phương có liên quan tổ chức các đoàn thanh tra trách nhiệm về thực hiện công vụ của CBCCVC trong giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công cho người dân và doanh nghiệp tại 06 Bộ và 03 địa phương⁴⁸. Qua đó đã đánh giá, làm rõ kết quả triển khai công tác CCHC; kịp thời phát hiện, xử lý, chỉ đạo xử lý và kiến nghị xử lý đối với các vấn đề tồn tại, hạn chế phát hiện qua kiểm tra, thanh tra; chấn chỉnh, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm kỷ luật, kỷ cương hành chính, góp phần nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ CCHC. Các bộ, ngành đã tiến hành kiểm tra tại **166** cơ quan, đơn vị trực thuộc; qua đó, kịp thời xử lý và chỉ đạo xử lý đối với **37/139** vấn đề tồn tại, hạn chế phát hiện qua kiểm tra, đạt tỷ lệ **26,62%**. Các địa

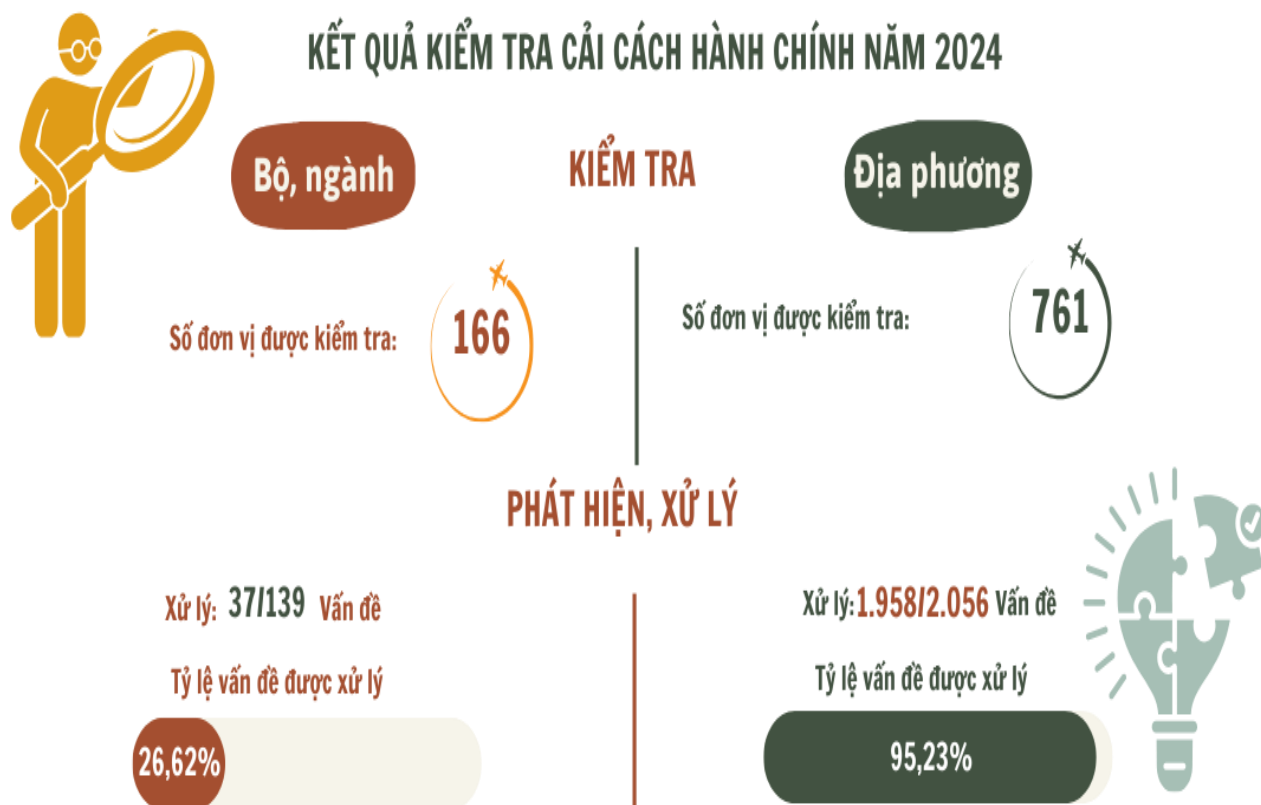
⁴⁵ Chung kết cuộc thi được tổ chức dưới hình thức sân khấu hóa tại Hà Nội ngày 01/11/2024.

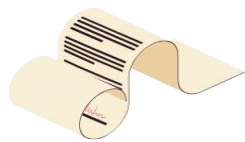
⁴⁶ Theo dữ liệu thống kê, báo cáo của các địa phương trên Hệ thống thông tin báo cáo định kỳ của Bộ Nội vụ, tính đến ngày 21/12/2024.

⁴⁷ Quyết định số 201/QĐ-BNV ngày 25/3/2024 của Bộ Nội vụ về việc ban hành Kế hoạch kiểm tra cải cách hành chính năm 2024 của Bộ Nội vụ - cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ.

⁴⁸ Các bộ: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Giao thông vận tải; các địa phương: Bắc Ninh, Đồng Nai và thành phố Đà Nẵng.

phương đã tiến hành kiểm tra tại **761** cơ quan, đơn vị; qua đó, kịp thời xử lý và chỉ đạo xử lý đối với **1.958/2.056** nhóm vấn đề tồn tại, hạn chế phát hiện qua kiểm tra, đạt tỷ lệ **95,23%**.

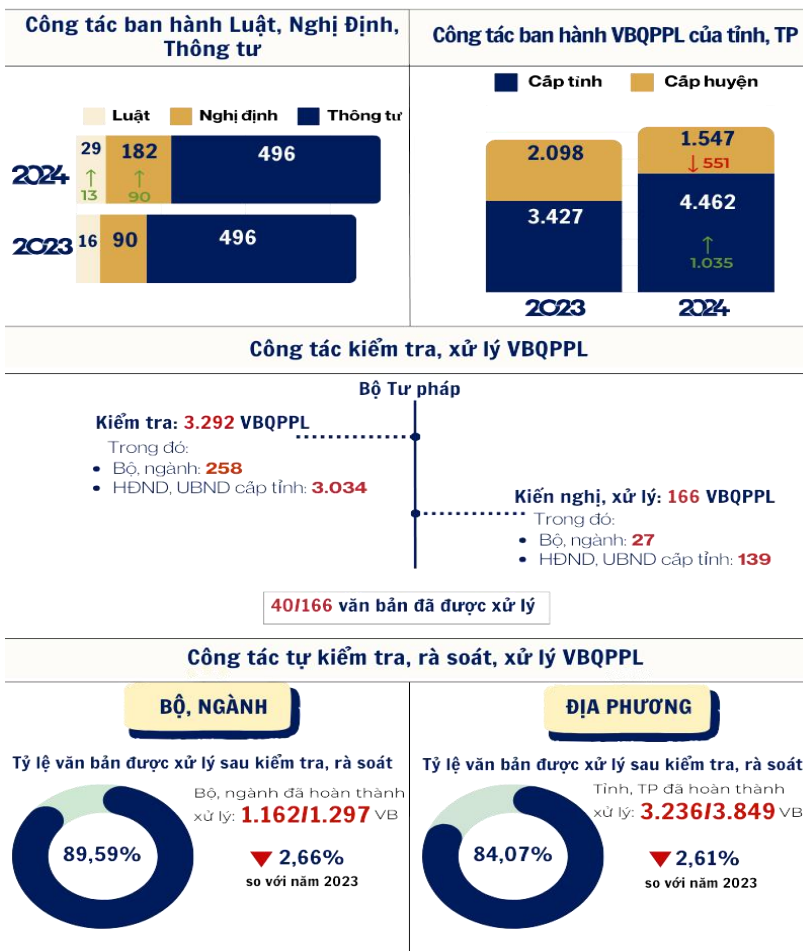




Điểm nổi bật trong cải cách thể chế năm 2024



Chính phủ tổ chức **11** phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật



II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Cải cách thể chế

- Về công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật: Thể chế được xác định là một trong ba đột phá chiến lược⁴⁹ để xây dựng, phát triển đất nước, đưa đất nước vào kỷ nguyên vươn mình; Quốc hội, Chính phủ xác định điểm nghẽn thể chế là “điểm nghẽn” của “điểm nghẽn” cần khai thông. Theo đó, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo đẩy mạnh rà soát, hoàn thiện thể chế, pháp luật, kịp thời tháo gỡ những "điểm nghẽn", khó khăn, vướng mắc phát sinh, tạo đồng thuận trong cả hệ thống chính trị và người dân, doanh nghiệp. Nghị quyết phiên họp thường kỳ Chính phủ⁵⁰ tháng 7/2024 xác định “tập trung hoàn thiện thể chế, pháp luật, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, đẩy mạnh

CCHC, tạo môi trường kinh doanh minh bạch, lành mạnh” là một trong các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu trong chỉ đạo điều hành của Chính phủ. Trong năm 2024, Chính phủ tổ chức **11** phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật, qua đó kịp thời chỉ đạo, định hướng, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong xây dựng pháp luật⁵¹, kịp thời chỉ đạo các bộ, cơ quan đẩy nhanh tiến độ, bảo đảm chất lượng, hoàn thiện hồ sơ đề nghị xây dựng các luật, các dự án văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) đã có trong chương trình, kế hoạch của Quốc hội và Chính phủ, kiên quyết khắc phục tình trạng nợ ban hành văn bản; ưu tiên rà soát, sửa đổi, bổ sung

⁴⁹ Đại hội lần thứ XIII của Đảng khẳng định ba đột phá chiến lược gồm: Hoàn thiện đồng bộ thể chế; phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng.

⁵⁰ Nghị quyết số 122/NQ-CP ngày 08/8/2024 về Phiên họp thường kỳ Chính phủ tháng 7 năm 2024.

⁵¹ Nghị quyết số 118/NQ-CP ngày 03/8/2024 về Phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật tháng 7 năm 2024; Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 01/9/2024 về Phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật tháng 8 năm 2024.

các quy định pháp luật để tháo gỡ vướng mắc, điểm nghẽn về cơ chế, chính sách, khơi thông nguồn lực, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 603/QĐ-TTg ngày 08/7/2024 về việc thành lập Ban Chỉ đạo rà soát, xử lý vướng mắc trong hệ thống VBQPPL. Trong năm 2024, Chính phủ đã trình Quốc hội thông qua **29** luật, tăng **13** Luật so với năm 2023; các bộ, ngành đã tham mưu, trình Chính phủ ban hành **182** nghị định, tăng 90 nghị định so với năm 2023 và ban hành theo thẩm quyền **496** thông tư, tương đương số thông tư ban hành trong năm 2023⁵² (năm 2023, Chính phủ đã trình Quốc hội thông qua **16** Luật, các bộ, ngành đã tham mưu, trình Chính phủ ban hành **92** Nghị định và ban hành theo thẩm quyền hơn **490** thông tư); HĐND và UBND cấp tỉnh đã ban hành **4.462** VBQPPL, tăng **1.035** VBQPPL so với năm 2023; HĐND và UBND cấp huyện đã ban hành **1.547** VBQPPL, giảm **551** VBQPPL so với năm 2023 (năm 2023, HĐND và UBND cấp tỉnh đã ban hành **3.427** VBQPPL; HĐND và UBND cấp huyện đã ban hành **2.098** VBQPPL), qua đó tiếp tục hoàn thiện thể chế của nền hành chính, kịp thời thích ứng, điều chỉnh hiệu quả các mối quan hệ kinh tế - xã hội.

- Công tác tổ chức, theo dõi thi hành pháp luật: Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành năm 2024⁵³, theo đó xác định 03 lĩnh vực trọng tâm, tiên là: (i) An toàn thực phẩm; (ii) quản lý thuế; (iii) xuất bản, in và phát hành xuất bản phẩm. Bộ Tư pháp đã ban hành Thông tư số 08/2024/TT-BTP ngày 15/8/2024 quy định chi tiết việc xem xét, đánh giá tình hình thi hành pháp luật; chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan trực tiếp thực hiện kiểm tra, điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành năm 2024 tại thành phố Đà Nẵng, tỉnh Thừa Thiên Huế và Thành phố Hồ Chí Minh⁵⁴; tiến hành kiểm tra qua báo cáo, hồ sơ, tài liệu kèm theo báo cáo và không thực hiện hoạt động điều tra, khảo sát tại các tỉnh Bắc Kạn, Cao Bằng, Hải Dương, Thái Bình⁵⁵; tổ chức các hội thảo, tọa đàm trao đổi về tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm liên ngành để trao đổi, tháo gỡ những khó khăn vướng mắc trong quá trình thi hành pháp luật ở địa phương⁵⁶; theo đó, góp phần từng bước đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật.

- Về kiểm tra, rà soát VBQPPL: Trong năm 2024⁵⁷, Bộ Tư pháp đã tiếp nhận

⁵² Tính đến ngày 31/12/2023.

⁵³ Quyết định số 192/QĐ-TTg ngày 22/4/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành năm 2024.

⁵⁴ Tập trung theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong các lĩnh vực trọng tâm, liên ngành, về: (i) an toàn thực phẩm; (ii) quản lý thuế; (iii) xuất bản, in và phát hành xuất bản phẩm.

⁵⁵ Công văn số 6458/BTP-ĐCTLN ngày 11/11/2024 của Bộ Tư pháp về việc thay đổi hình thức kiểm tra thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật và kiểm tra, điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành năm 2024, từ kiểm tra trực tiếp tại địa phương sang kiểm tra qua Báo cáo, hồ sơ, tài liệu kèm theo Báo cáo và không thực hiện các hoạt động điều tra, khảo sát tại địa phương.

⁵⁶ Như: (i) Tổ chức Hội thảo về “Đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật” tại Thành phố Hà Nội; (ii) Tổ chức 02 Hội thảo về “Triển khai công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật” tại Thành phố Hồ Chí Minh và Thành phố Hà Nội, (iii) 05 cuộc tọa đàm về theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm liên ngành tại Đà Nẵng, Thừa Thiên Huế, Thành phố Hồ Chí Minh, Lâm Đồng, Khánh Hòa.

⁵⁷ Báo cáo số 524/BC-BTP ngày 19/12/2024 của Bộ Tư pháp về kết quả công tác cải cách hành chính năm 2024 và nhiệm vụ trọng tâm công tác cải cách hành chính năm 2025.

3.292 VBQPPL (gồm 258 văn bản của các bộ, cơ quan ngang bộ; 3.034 văn bản của HĐND và UBND cấp tỉnh); đã kiểm tra và kết luận, kiến nghị xử lý đối với 166 văn bản có quy định trái pháp luật về thẩm quyền, nội dung (gồm 27 văn bản của các bộ, cơ quan ngang bộ; 139 văn bản của HĐND và UBND cấp tỉnh). Trên cơ sở theo dõi, đôn đốc của Bộ Tư pháp, đến nay, có 40/166 văn bản kết luận trong năm 2024 đã được cơ quan ban hành xử lý. Các văn bản còn lại (chủ yếu vừa được kiểm tra, phát hiện cuối Quý III và Quý IV năm 2024) đang được Bộ Tư pháp theo dõi, đôn đốc cơ quan ban hành xử lý theo đúng quy định.

Trên cơ sở kết quả kiểm tra, rà soát, trong năm 2024, các bộ, ngành cũng đã tổng hợp được **1.297** VBQPPL cần phải xử lý (sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc công bố hết hiệu lực), tăng **553** văn bản so với năm 2023, đến nay đã xử lý xong **1.162/1.297** văn bản, đạt tỷ lệ **89,59%**, giảm **2,66%** so với năm 2023; trong đó, số VBQPPL có kiến nghị xử lý qua kiểm tra đã được xử lý xong là **135/152** văn bản, đạt tỷ lệ **88,82%**, giảm **10,74%** so với năm 2023; số VBQPPL có kiến nghị xử lý qua rà soát đã được xử lý xong là **1.027/1.145** văn bản, đạt tỷ lệ **89,69%**, giảm **0,45%** so với năm 2023.

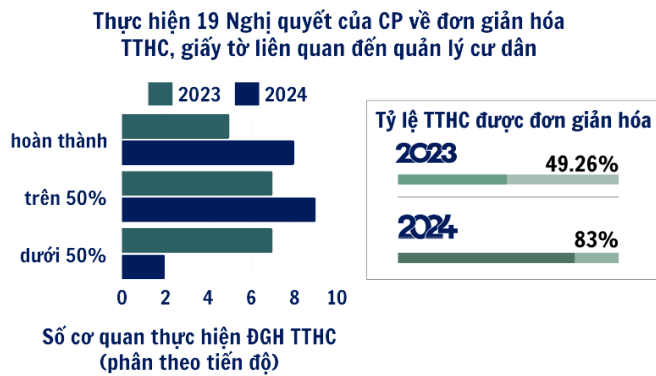
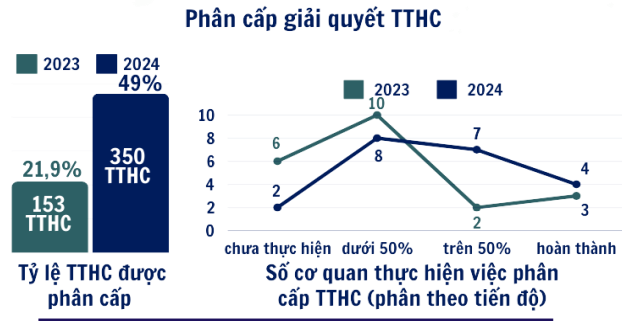
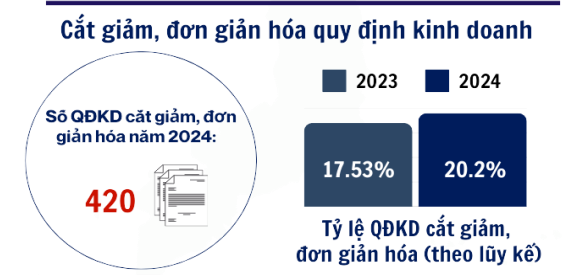
Tại địa phương, trên cơ sở kết quả kiểm tra, rà soát đã tổng hợp được **3.849** VBQPPL cần phải xử lý (sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc công bố hết hiệu lực), tăng **1.094** văn bản so với năm 2023, đến nay đã xử lý xong **3.236/3.849** văn bản, đạt tỷ lệ **84,07%**, giảm **2,61%** so với năm 2023; trong đó, số VBQPPL có kiến nghị xử lý qua kiểm tra đã được xử lý xong là **161/173** văn bản, đạt tỷ lệ **93,06%**, tăng **2,36%** so với năm 2023; số VBQPPL có kiến nghị xử lý qua rà soát đã được xử lý xong là **3.075/3.676** văn bản, đạt tỷ lệ **83,65%**, giảm **2,67%** so với năm 2023. Theo đó, các bộ, ngành, địa phương đã kịp thời tham mưu, chỉ đạo sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc thay thế các VBQPPL có nội dung chồng chéo, mâu thuẫn, trái quy định pháp luật sau khi được kiểm tra, rà soát; ban hành quyết định công bố danh mục văn bản hết hiệu lực thi hành toàn bộ hoặc một phần.

2. Cải cách thủ tục hành chính

Trong năm 2024, cải cách TTHC được Quốc hội⁵⁸, Chính phủ⁵⁹, Thủ tướng Chính phủ⁶⁰ đặc biệt quan tâm, chỉ đạo đẩy mạnh thực hiện rất quyết liệt; Tổ công tác cải cách TTHC của Thủ tướng Chính phủ⁶¹ đã tích cực hoạt động, đưa ra nhiều giải pháp thúc đẩy các bộ, ngành, địa phương triển khai có kết quả các mục tiêu, nhiệm vụ về cải cách TTHC. Theo tổng hợp từ báo cáo của Văn phòng Chính phủ⁶² và Công dịch vụ công quốc gia, một số kết quả chủ yếu đạt được như sau:

- Về cắt giảm, đơn giản hóa quy định kinh doanh (QĐKD): Trong năm, có **05** Bộ, cơ quan⁶³ trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa đối với **125** QĐKD tại **47** VBQPPL; **13** bộ, cơ quan đã cắt giảm, đơn giản hóa **420** QĐKD⁶⁴ tại **36** VBQPPL⁶⁵, nâng tổng số QĐKD được các bộ, cơ quan cắt giảm, đơn giản hóa từ năm 2021 đến nay là **3.195** QĐKD⁶⁶ tại **281** VBQPPL⁶⁷ trên tổng số **15.763** QĐKD, đạt **20,2%** và vượt qua mục tiêu tối thiểu đề ra cho cả giai đoạn 2020 - 2025.

- Các bộ, ngành, địa phương đã tích cực rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước, đến nay, đối với các bộ, ngành, trong năm



⁵⁸ Nghị quyết số 142/2024/QH15 ngày 29/6/2024 của Quốc hội về Kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XV.

⁵⁹ Nghị quyết số 122/NQ-CP ngày 08/8/2024 về Phiên họp thường kỳ Chính phủ tháng 7 năm 2024; Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 01/9/2024 về Phiên họp thường kỳ Chính phủ tháng 8 năm 2024.

⁶⁰ Công điện số 131/CD-TTg ngày 11/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ Về việc cắt giảm, đơn giản hóa TTHC, giảm phiền hà, chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp ngay từ khâu xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

⁶¹ Quyết định số 932/QĐ-TTg ngày 06/8/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

⁶² Báo cáo số 8967/BC-VPCP ngày 05/12/2024 của VPCP về tình hình, kết quả cải cách TTHC tháng 11/2024.

⁶³ Gồm: Tư pháp, Công Thương, Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

⁶⁴ Gồm: 347 TTHC, 59 yêu cầu điều kiện, 14 chế độ báo cáo

⁶⁵ Gồm: 05 Luật, 12 Nghị định, 18 Thông tư, Thông tư liên tịch và 01 văn bản khác.

⁶⁶ Gồm: 1.732 TTHC, 229 yêu cầu điều kiện, 101 chế độ báo cáo, 164 quy chuẩn, tiêu chuẩn và 969 mặt hàng kiểm tra chuyên ngành.

⁶⁷ Gồm: 20 Luật, 65 Nghị định, 18 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, 159 Thông tư, thông tư liên tịch và 19 văn bản khác

đã công bố bổ sung **664** TTHC nội bộ (gồm: 268 TTHC nhóm A và 396 TTHC nhóm B)⁶⁸, nâng tổng số TTHC nội bộ được công bố là **1.968** TTHC; Bộ Nội vụ đã rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ trong nhiều lĩnh vực⁶⁹; có 03 Bộ⁷⁰ đã trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án đơn giản hóa TTHC nội bộ, trong đó, một số TTHC trên các lĩnh vực trọng tâm ưu tiên đã được thực thi.

- Về đánh giá tác động TTHC tại dự thảo VBQPPL: Tính từ đầu năm 2024 đến nay, có **1.299** TTHC tại **220** dự thảo VBQPPL được đánh giá tác động, tăng cả về số lượng TTHC và số lượng VBQPPL so với năm 2023 (năm 2023 có **1.199** TTHC tại **178** dự thảo VBQPPL được đánh giá tác động).

- Về phân cấp trong giải quyết TTHC: Trong năm, có **14** Bộ, cơ quan thực thi phương án phân cấp **191** TTHC tại **33** VBQPPL⁷¹, nâng tổng số TTHC được phân cấp từ năm 2022 đến nay là **350/699** TTHC tại **71** VBQPPL⁷² (đạt 49%). Trong đó, **04** bộ, cơ quan⁷³ đã thực hiện phân cấp đạt 100%, **07** bộ⁷⁴ đạt từ 50% trở lên, **08** bộ⁷⁵ đạt dưới 50% và **02** Bộ (*Khoa học và Công nghệ, Ngoại giao*) chưa thực hiện phân cấp theo phương án đã được phê duyệt. Tổng số TTHC còn tiếp tục phải thực hiện phân cấp là **349** TTHC.

- Thực hiện 19 Nghị quyết của Chính phủ về đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư: Trong năm, có **13** bộ, ngành đã thực thi phương án đơn giản hóa **313** TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư tại **35** VBQPPL, nâng tổng số TTHC được thực thi phương án đến nay là **898** TTHC, đạt **83%**; trong đó, có **08** bộ, cơ quan⁷⁶ hoàn thành 100%, **09** bộ, cơ quan đạt trên 50%⁷⁷, **02** bộ đạt dưới 50%⁷⁸. Còn **186** TTHC cần tiếp tục đơn giản hóa tại 01 Luật, 13 Nghị định, 23 Thông tư, Thông tư liên tịch.

- Về công bố, công khai TTHC: Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 22/12/2024, các bộ, ngành, địa phương đã rà soát, ban hành **6.724** quyết định công bố TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ thuộc phạm vi quản lý⁷⁹; đồng thời, công khai, cập nhật danh mục và nội dung TTHC thuộc phạm vi quản lý trên Cổng dịch vụ công quốc gia và các kênh thông tin khác theo quy định. Tại thời điểm ngày 22/12/2024, cả nước có 6.273 TTHC, trong đó, 3.744 TTHC thực hiện tại bộ, cơ quan Trung ương, 1.256 TTHC thực hiện tại địa phương và 1.728 TTHC ngành dọc tại địa phương.

⁶⁸ Nhóm A là TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước; nhóm B là TTHC nội bộ trong từng bộ, cơ quan.

⁶⁹ Như: thi đua khen thưởng, công chức, viên chức...

⁷⁰ 03 bộ gồm: Tài chính, Thông tin và Truyền thông, Văn hóa, Thể thao và Du lịch

⁷¹ Gồm: 01 Luật, 16 Nghị định và 16 Thông tư.

⁷² Gồm: 02 Luật, 29 Nghị định, 03 Quyết định của TTgCP, 37 Thông tư.

⁷³ 04 bộ, cơ quan gồm: Công an, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Thanh tra Chính phủ, Ủy ban Dân tộc.

⁷⁴ 07 bộ gồm: Nội vụ, Giao thông vận tải, Quốc phòng, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động - Thương binh và Xã hội, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường.

⁷⁵ 08 bộ gồm: Công Thương, Tài chính, Y tế, Tư pháp, Giáo dục và Đào tạo, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Thông tin và Truyền thông, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

⁷⁶ 08 bộ, ngành gồm: Công an, Giao thông vận tải, Khoa học và Công nghệ, Lao động - Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

⁷⁷ 09 bộ, ngành gồm: Giáo dục và Đào tạo, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Ngoại giao, Y tế, Thông tin và Truyền thông, Kế hoạch và Đầu tư, Quốc phòng.

⁷⁸ 02 bộ gồm: Tài chính và Tư pháp.

⁷⁹ Số liệu thống kê từ Cổng dịch vụ công quốc gia.

- Về thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định, TTHC liên quan đến Phiếu lý lịch tư pháp theo Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 11 tháng 6 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ: Trong năm, có 03 Bộ (Nội vụ, Tư pháp, Y tế) đã báo cáo Chính phủ trình Quốc hội thông qua 02 Luật, trình Chính phủ ban hành 01 Nghị định, trong đó cắt giảm, đơn giản hóa **05/108** TTHC liên quan đến Phiếu lý lịch tư pháp⁸⁰.

- Về vận hành Công dịch vụ công quốc gia⁸¹: Các bộ, ngành, địa phương đã tăng cường chỉ đạo thực hiện đầy mạnh rà soát, cấu trúc lại quy trình TTHC để tích hợp vào Công dịch vụ công quốc gia, kết nối, thanh toán trực tuyến nhằm tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp. Tính đến ngày 22/12/2024, đã có **4.479** TTHC cung cấp trực tuyến trên Công dịch vụ công quốc gia (**2.678** thủ tục của người dân, **2.434** thủ tục của doanh nghiệp), trong đó có nhiều dịch vụ công được người dân, doanh nghiệp quan tâm như: Đăng ký cấp biển số xe lần đầu; Đăng ký tạm trú; Xác nhận thông tin cư trú; Cấp hộ chiếu phổ thông ở trong nước (thực hiện tại cấp tỉnh); Đăng ký thành lập hộ kinh doanh,... Theo thống kê, đến ngày 22/12/2024, đã có trên **393,10** triệu hồ sơ đồng bộ trạng thái và có hơn **60,55** triệu hồ sơ trực tuyến thực hiện qua Công dịch vụ công quốc gia.

- Các bộ, ngành, địa phương tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC. Bộ Nội vụ đã chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương tổ chức đánh giá, xây dựng Báo cáo tình hình tổ chức, hoạt động của Bộ phận Một cửa các cấp tại địa phương trình Thủ tướng Chính phủ⁸², theo đó đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Bộ phận Một cửa các cấp. Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ giao⁸³, trên cơ sở hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ⁸⁴, các địa phương: Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Bình Dương, tỉnh Quảng Ninh và tỉnh Bắc Ninh đã xây dựng đề án thí điểm Mô hình Trung tâm phục vụ hành chính công một cấp trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan hành chính có chức năng tiếp nhận, giải quyết và kiểm soát, theo dõi, đánh giá thực hiện TTHC, cung cấp dịch vụ công trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông. Bên cạnh đó, các bộ, ngành, địa phương đã tăng cường các giải pháp đổi mới tổ chức, hoạt động của Bộ phận Một cửa các cấp gắn với đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, cung cấp dịch vụ công trực tuyến; tăng cường đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất, nâng cấp phần mềm ứng dụng, tập huấn kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ công chức làm việc tại Bộ phận Một cửa

⁸⁰ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Dược, đơn giản hóa 02 TTHC thuộc lĩnh vực dược (Bộ Y tế); Luật Đấu giá tài sản, đơn giản hóa 01 TTHC (Bộ Tư pháp); Nghị định số 116/2024/NĐ-CP ngày 17/9/2024, cắt giảm, đơn giản hóa 02 TTHC thuộc lĩnh vực công chức (Bộ Nội vụ).

⁸¹ Số liệu thống kê từ Công dịch vụ công quốc gia.

⁸² Báo cáo số 6358/BC-BNV ngày 08/10/2024 của Bộ Nội vụ về tình hình tổ chức, hoạt động của Bộ phận Một cửa các cấp tại địa phương.






⁸³ Tại Nghị quyết số 108/NQ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ về Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 6 năm 2024 và Hội nghị trực tuyến Chính phủ với địa phương; Nghị quyết số 188/NQ-CP ngày 11/10/2024 của Chính phủ về Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 9 năm 2024 và Hội nghị trực tuyến Chính phủ với địa phương.

⁸⁴ Văn phòng Chính phủ đã chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương triển khai xây dựng tài liệu hướng dẫn tổ chức thí điểm mô hình Trung tâm phục vụ hành chính công một cấp trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Công văn số 5343/VPCP-KSTT ngày 27/7/2024).

các cấp, nhằm nâng cao năng suất, chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp; đồng thời đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động của Bộ phận Một cửa các cấp, nhằm kịp thời phát hiện, xử lý những hành vi nhũng nhiễu, tiêu cực, gây khó khăn, phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết TTHC. Theo báo cáo, thống kê kết quả giải quyết hồ sơ TTHC có tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn tiếp tục duy trì ở mức cao, bình quân cả nước đạt 98,79%; trong đó, tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn của các bộ, cơ quan Trung ương đạt 97,76%; tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh đạt 99,19%; tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn của UBND cấp huyện đạt 98,7%, UBND cấp xã đạt 99,52%.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

- Về xây dựng, hoàn thiện thể chế và chỉ đạo đẩy mạnh cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước: Trong năm 2024, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tiếp tục chỉ đạo đẩy mạnh thực hiện

ĐIỂM NỔI BẬT TRONG CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY NĂM 2024	
 <p>SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY 63 TỈNH, TP</p> <ul style="list-style-type: none"> Giảm 12 tổ chức (chi cục, phòng và tương đương) cấp tỉnh. Giảm 29 tổ chức phòng và tương đương thuộc UBND cấp huyện <p>Lưu ý kể đến nay:</p> <ul style="list-style-type: none"> Giảm 13 Sở và tương đương Giảm 2.613 tổ chức cấp phòng và tương đương ở địa phương. 	 <p>TINH GIẢN BIÊN CHẾ</p> <p>Tổng số người tinh giản: 16.149</p> <p>Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> Bộ, ngành: 217 người Địa phương: 15.932 người
<p>VỊ TRÍ VIỆC LÀM</p> <p>Bộ, ngành, địa phương hoàn thành phê duyệt đề án VTVL</p>  <ul style="list-style-type: none"> Tổng số VTVL trong cơ quan, tổ chức hành chính: 840 Tổng số VTVL trong ĐVLNCL: 559 VTVL cán bộ, công chức cấp xã: 17 	 <p>SẮP XẾP ĐVHC</p> <ul style="list-style-type: none"> Thành lập mới Thành phố Huế trực thuộc Trung ương Sắp xếp 38 ĐVHC cấp huyện và 1.178 ĐVHC cấp xã (sau sắp xếp giảm 09 đơn vị cấp huyện và 563 đơn vị cấp xã) 

chỉ đạo đẩy mạnh thực hiện cải cách tổ chức bộ máy hành chính, sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả” (Nghị quyết số 18-NQ/TW). Theo đó, Chính phủ đã ban hành các văn bản để hoàn thiện thể chế về tổ chức bộ máy cơ quan hành chính nhà nước, như: Nghị định số 83/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm

vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 101/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020 của Chính phủ; Nghị định số 10/2016/NĐ-CP ngày 01/02/2016 của Chính phủ quy định về cơ quan thuộc Chính phủ đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số

47/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ và Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập. Chính phủ ban hành Nghị định 84/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 về thí điểm phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực cho chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh⁸⁵. Bộ Nội vụ đã xây dựng, trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ các VBQPPL để hoàn thiện thể chế về tổ chức bộ máy các cơ quan hành chính nhà nước, bảo đảm tiến độ, như: **01** hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Tổ chức chính quyền địa phương (sửa đổi); trình Quốc hội thông qua Đề án thành lập thành phố Huế trực thuộc Trung ương; **01** Nghị quyết của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị của thành phố Hải Phòng; **51** Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính (ĐVHC) cấp huyện, cấp xã của 51 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; **02** dự thảo Nghị định của Chính phủ⁸⁶.

- Đề chỉ đạo triển khai đồng bộ **02** nhiệm vụ: (i) Tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW và (ii) tổng kết 20 năm thực hiện mô hình tổ chức bộ máy của Chính phủ, Bộ Nội vụ đã trình Thủ tướng Chính phủ Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo về tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW⁸⁷ trên cơ sở tổ chức lại Ban Chỉ đạo tổng kết 20 năm thực hiện mô hình tổ chức bộ máy của Chính phủ⁸⁸.

- Thực hiện Kế hoạch của Ban chỉ đạo Trung ương về tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW⁸⁹, Bộ Nội vụ đã chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan, đặc biệt là các cơ quan thuộc diện hợp nhất, điều chuyển chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy theo định hướng của Trung ương đã khẩn trương xây dựng đề án, văn bản quy định liên quan đến sắp xếp bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ bảo đảm tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; chủ động, kịp thời hướng dẫn các địa phương thực hiện sắp xếp tinh gọn các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện, bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất trong thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước từ Trung ương đến địa phương. Trong năm 2024, kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy cơ quan hành chính nhà nước các cấp⁹⁰ tại **63** tỉnh, thành phố đã tiếp tục giảm **12** tổ chức chi cục, phòng và tương đương của cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh; giảm **29** tổ chức phòng và tương đương thuộc UBND cấp huyện; lũy kế đến nay, đã giảm **13** Sở và tương đương, **2.613** tổ chức cấp phòng và tương đương ở địa phương.

⁸⁵ Theo đó, Chính phủ thí điểm phân cấp cho chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh (Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh) một số lĩnh vực sau: (1) Quản lý nhà nước về đầu tư; (2) Quản lý nhà nước về kinh tế, tài chính, ngân sách nhà nước; (3) Quản lý nhà nước về quy hoạch, xây dựng, tài nguyên và môi trường; (4) Quản lý nhà nước về giao thông vận tải; (5) Quản lý nhà nước về y tế; (6) Quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo; (7) Quản lý nhà nước về lao động, giáo dục nghề nghiệp; (8) Quản lý nhà nước về nội vụ.

⁸⁶ Trình Chính phủ Nghị định quy định chi tiết về tổ chức, hoạt động của UBND phường của thành phố Hà Nội và Nghị định quy định về tổ chức chính quyền đô thị thành phố Đà Nẵng (hiện nay 02 Nghị định đang được lấy ý kiến thành viên Chính phủ).

⁸⁷ Quyết định số 1403/QĐ-TTg ngày 16/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ.

⁸⁸ Quyết định số 269/QĐ-TTg ngày 02/4/2024, được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 796/QĐ-TTg ngày 05/8/2024 và Quyết định số 1272/QĐ-TTg ngày 25/10/2024.

⁸⁹ Kế hoạch số 04-KH/BCĐ ngày 13/11/2024 của Ban Chỉ đạo Trung ương về tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW.

⁹⁰ Số liệu thống kê tính đến ngày 30/10/2024.

- Các bộ, ngành, địa phương tiếp tục thực hiện sắp xếp, thu gọn đầu mối tổ chức, tinh giản biên chế, đẩy mạnh tự chủ về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập và thực hiện xã hội hóa hoạt động cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo tinh thần Nghị quyết số 19-NQ/TW và Kết luận số 62-KL/TW ngày 02/10/2023 của Bộ Chính trị về thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW.

- Về quản lý và tinh giản biên chế và xây dựng, hoàn thiện vị trí việc làm: Kết quả thực hiện tinh giản biên chế công chức, viên chức của bộ, ngành, địa phương⁹¹ theo quy định tại các Nghị định của Chính phủ tổng số là **16.149** người (trong đó, bộ, ngành là **217** người, địa phương là **15.932** người). Các bộ, ngành, địa phương về cơ bản đã sử dụng đúng số biên chế được giao, không vượt quá số biên chế được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện lộ trình tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC theo vị trí việc làm (VTVL). Thực hiện Thông tư hướng dẫn của Bộ Nội vụ⁹² và các bộ quản lý ngành, lĩnh vực⁹³, các địa phương đã tích cực chỉ đạo thực hiện kế hoạch tổ chức xây dựng và phê duyệt VTVL, kịp thời điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung các quy định hướng dẫn về VTVL theo ngành, lĩnh vực bảo đảm tính thống nhất, liên thông, đồng bộ trong hệ thống chính trị gắn với cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC. Đến nay, 100% bộ, ngành, địa phương hoàn thành phê duyệt đề án VTVL, Bộ Nội vụ đã tổng hợp kết quả phê duyệt VTVL trong cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL)⁹⁴ với tổng số VTVL trong cơ quan, tổ chức hành chính là **840** vị trí; tổng số VTVL trong ĐVLNCL là **559** vị trí; VTVL cán bộ, công chức cấp xã là **17** vị trí.

- Về cải cách tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương: Bộ Nội vụ đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch xây dựng Quy hoạch tổng thể đơn vị hành chính (ĐVHC) các cấp đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045. Triển khai thực hiện Kết luận số 48- KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025, Bộ Nội vụ đã hoàn thiện hồ sơ trình Chính phủ đề trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua 51/51 Đề án của các địa phương thuộc diện sắp xếp. Kết quả thực hiện đến nay đã thành lập mới Thành phố Huế trực thuộc Trung ương; sắp xếp 38 ĐVHC cấp huyện và 1.178

⁹¹ Số liệu thống kê tính đến ngày 30/10/2024.

⁹² 02 Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn: (1) VTVL công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong CQ, TCHC và VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong ĐVSNCL; (2) Xác định cơ cấu ngạch công chức.

⁹³ 20 Thông tư của 20 Bộ, ngành hướng dẫn về VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành; 17 Thông tư của 15 Bộ, ngành hướng dẫn về VTVL lãnh đạo quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong ĐVSNCL.

⁹⁴ Danh mục VTVL trên cơ sở Thông tư hướng dẫn của các bộ quản lý ngành, lĩnh vực gồm:

- VTVL trong cơ quan, tổ chức hành chính: Tổng số: 840 vị trí, chia ra: VTVL lãnh đạo, quản lý: 122 vị trí; VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành: 656 vị trí; VTVL công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung: 40 vị trí; VTVL hỗ trợ, phục vụ: 22 vị trí.

- VTVL trong cơ quan thuộc Chính phủ: VTVL lãnh đạo, quản lý: 31 vị trí; trong đó: VTVL đã quy định tại Thông tư: 10 vị trí; VTVL áp dụng chức danh, chức vụ tương đương: 21 vị trí. VTVL nghiệp vụ chuyên ngành, nghiệp vụ chuyên môn dùng chung và VTVL hỗ trợ, phục vụ thì áp dụng các VTVL theo hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực.

- VTVL trong ĐVSNCL: Tổng số: 559 vị trí, chia ra: VTVL lãnh đạo, quản lý: 110 vị trí; VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên ngành: 392 vị trí; VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung: 30 vị trí; VTVL hỗ trợ, phục vụ: 27 vị trí.

- VTVL cán bộ, công chức cấp xã: Tổng số 17: vị trí, trong đó: Cán bộ chuyên trách: 11 vị trí; công chức cấp xã: 06 vị trí.

ĐVHC cấp xã, sau sắp xếp giảm 09 đơn vị cấp huyện và 563 đơn vị cấp xã; đồng thời thành lập mới, nâng cấp 137 đơn vị hành chính đô thị để thúc đẩy tốc độ đô thị hóa, phấn đấu đến năm 2025 có 45% ĐVHC đô thị theo Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng.

4. Cải cách chế độ công vụ

- Về hoàn thiện thể chế quản lý, sử dụng cán bộ, công chức viên chức: Trong năm 2024, Bộ Nội vụ đã tham mưu, xây dựng trình Chính phủ ban hành **06** Nghị định⁹⁵, ban hành theo thẩm quyền **05** Thông tư⁹⁶ và **04** Văn bản hợp nhất⁹⁷, đặc biệt đã quy định tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý và đẩy mạnh phân cấp, cải cách TTHC trong tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức; đang tập trung hoàn thiện **02** dự thảo Nghị định⁹⁸, **01** dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ⁹⁹, **02** Thông tư¹⁰⁰. Qua đó, góp phần đổi mới công tác quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm, hợp lý về cơ cấu, nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC, đáp ứng yêu cầu của nền hành chính quốc gia trong tình

⁹⁵ (1) Nghị định số 29/2024/NĐ-CP ngày 06/3/2024 quy định tiêu chuẩn chức danh công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan hành chính nhà nước. (2) Nghị định số 99/2024/NĐ-CP ngày 26/7/2024 sửa đổi, bổ sung điểm p khoản 1 Điều 2 Nghị định số 83/2022/NĐ-CP ngày 18/10/2022 của Chính phủ quy định về nghỉ hưu ở tuổi cao hơn đối với cán bộ, công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý. (3) Nghị định số 116/2024/NĐ-CP ngày 17/9/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức và Nghị định số 06/2023/NĐ-CP ngày 21/02/2023 quy định về kiểm định chất lượng đầu vào công chức; (4) Nghị định số 177/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 quy định chế độ, chính sách đối với các trường hợp không tái cử, tái bổ nhiệm và cán bộ thôi việc, nghỉ hưu theo nguyện vọng; (5) Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; (6) Nghị định số 179/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 quy định chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng làm việc trong cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.

⁹⁶ (i) Thông tư số 04/2024/TT-BNV ngày 27/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2022/TT-BNV ngày 31/12/2022 hướng dẫn việc xác định cơ cấu ngạch công chức; (ii) Thông tư số 05/2024/TT-BNV ngày 27/6/2024 quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng lên hạng II và lên hạng III đối với viên chức hành chính, viên chức văn thư, viên chức lưu trữ; xếp lương đối với người được tuyển dụng, tiếp nhận vào viên chức; (iii) Thông tư số 06/2024/TT-BNV ngày 28/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập; (iv) Thông tư số 09/2024/TT-BNV ngày 26/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp thuộc lĩnh vực lưu trữ; (v) Thông tư số 12/2024/TT-BNV ngày 08/12/2024 quy định tặng Kỷ niệm chương về ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nội vụ.

⁹⁷ Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BNV ngày 08/01/2024 quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức giữa Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 và Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023. (2) Văn bản hợp nhất số 07/VBHN-BNV ngày 23/8/2024 Nghị định Quy định về nghỉ hưu ở tuổi cao hơn đối với cán bộ, công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý giữa Nghị định số 83/2022/NĐ-CP ngày 18/10/2022 và Nghị định số 99/2024/NĐ-CP ngày 26/7/2024. (3) Văn bản hợp nhất số 09/VBHN ngày 16/10/2024 Nghị định quy định về kiểm định chất lượng đầu vào công chức giữa Nghị định số 06/2023/NĐ-CP ngày 21/02/2023 và Nghị định số 116/2024/NĐ-CP ngày 17/9/2024. (4) Văn bản hợp nhất số 10/VBHN ngày 17/10/2024 Nghị định quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức giữa Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 và Nghị định số 116/2024/NĐ-CP ngày 17/9/2024.

⁹⁸ Nghị định quy định về chế độ hỗ trợ đối với CBCCVC và người làm chuyên trách về chuyển đổi, an toàn, an ninh mạng; Nghị định quy định về chế độ, chính sách đối với chuyên gia cao cấp.

⁹⁹ Quyết định thay thế Quyết định số 402/QĐ-TTg ngày 14/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Phát triển đội ngũ cán bộ, công, viên chức người dân tộc thiểu số trong thời kỳ mới.

¹⁰⁰ Thông tư hướng dẫn chế độ báo cáo định kỳ hằng năm về hoạt động đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC của trường trong các cơ quan nhà nước, cơ quan Trung ương của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; Thông tư ban hành Nội quy và Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch, xét nâng ngạch công chức, xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

Điểm nổi bật trong cải cách chế độ công vụ năm 2024



Hoàn thiện thể chế quản lý, sử dụng CBCCVC

- Đã ban hành **06** Nghị định; **05** Thông tư và **04** Văn bản hợp nhất.
- Bộ Nội vụ đang hoàn thiện **02** dự thảo Nghị định, **01** dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, **02** Thông tư.



Tuyển dụng

Bộ ngành:	Địa phương:	Cả nước:
3.740 CCVC	35.541 CCVC	39.281 CCVC

- Tuyển dụng theo nghị định 140/2017/NĐ-CP:

170 Sinh viên xuất sắc	50 cán bộ khoa học trẻ	Cả nước: 230 CCVC
------------------------	------------------------	-------------------



Đào tạo

Bộ ngành:	Địa phương:	Cả nước:
26.536 CBCCVC	615.513 CBCCVC	642.049 CBCCVC



Chế độ, chính sách

Về chính sách tiền lương

- Điều chỉnh lương cơ sở tăng **30%**: **1.800.000** → **2.340.000** đồng/tháng
- Bổ sung quy định Quỹ tiền thưởng hằng năm bằng **10%** tổng quỹ tiền lương của các cơ quan, đơn vị.

hình mới. Tiếp tục hoàn thiện hồ sơ đề xuất xây dựng Luật cán bộ, công chức (sửa đổi) trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; đôn đốc, hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương cập nhật, làm sạch, dữ liệu về CBCCVC của cơ quan mình để kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về CBCCVC bảo đảm “đúng - đủ - sạch - sống” theo quy định để từng bước vận hành, khai thác có hiệu quả.

- Về tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC: Trong năm 2024, các bộ, ngành và địa phương trong cả nước đã thực hiện tuyển dụng **39.281** công chức, viên chức (CCVC), trong đó có **3.879** công chức và **35.402** viên chức; các bộ, ngành tuyển dụng **3.740** CCVC, trong đó có **561** công chức và **3.179** viên chức; các địa phương tuyển dụng **35.541** CCVC, trong đó có **3.318** công chức và

32.223 viên chức; tổ chức tuyển dụng theo Nghị định số 140/2017/NĐ-CP được **230** người, trong đó có **170** sinh viên xuất sắc và **60** cán bộ khoa học trẻ. Công tác quản lý nhà nước về đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC tiếp tục được thực hiện có hiệu quả, có nhiều đổi mới theo hướng đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, gắn với VTVL; chú trọng đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức mới, nâng cao kỹ năng lãnh đạo, quản lý cho đội ngũ cán bộ các cấp, gắn với tiêu chuẩn chức danh và quy hoạch. Trong năm 2024, công tác đào tạo, bồi dưỡng được các bộ, ngành, địa phương xác định là khâu đột phá để nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC đáp ứng yêu cầu CCHC, cải cách công vụ, công chức gắn với chuyển đổi số quốc

gia. Kết quả năm 2024 cả nước đã đào tạo, bồi dưỡng **642.049** lượt CBCCVC, trong đó bộ, ngành **26.536** lượt người¹⁰¹; địa phương **615.513** lượt người¹⁰².

- Về chính sách tiền lương: Chính phủ đã ban hành Nghị định số 21/2024/NĐ-CP ngày 23/2/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 51/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 quy định quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 quy định tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với CBCCVC và lực lượng vũ trang. Bộ trưởng Bộ Nội vụ đã ban hành theo thẩm quyền Thông tư số 07/2024/TT-BNV ngày 05/7/2024 hướng dẫn mức lương cơ sở đối với các đối tượng hưởng lương, phụ cấp trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính - xã hội và hội; Thông tư số 08/2024/TT-BNV ngày 05/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện điều chỉnh mức trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã, phường, thị trấn già yếu đã nghỉ việc. Trong năm 2024, Bộ Nội vụ đã tham mưu triển khai thực hiện **4/6** nội dung cải cách chính sách tiền lương khu vực công, trong đó, điều chỉnh mức lương cơ sở tăng **30%** (từ **1.800.000** đồng lên **2.340.000** đồng/tháng - mức tăng cao nhất từ trước đến nay); bổ sung quy định Quỹ tiền thưởng hằng năm bằng **10%** tổng quỹ tiền lương của các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị; phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công và trợ cấp xã hội có tác động tích cực đến nhiều nhóm đối tượng trong xã hội được dư luận đồng tình, đánh giá cao.

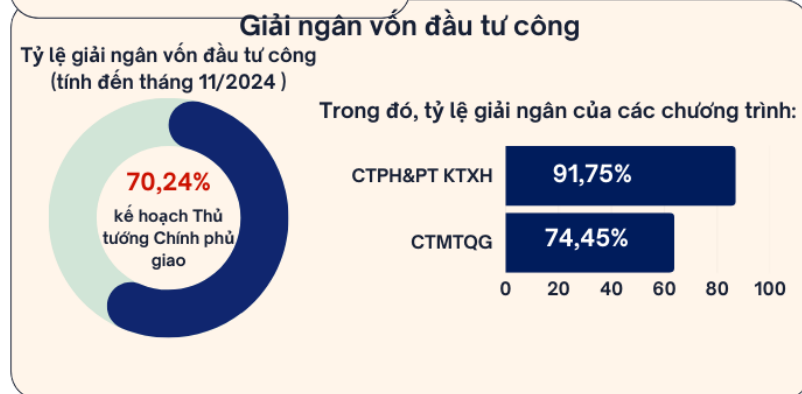
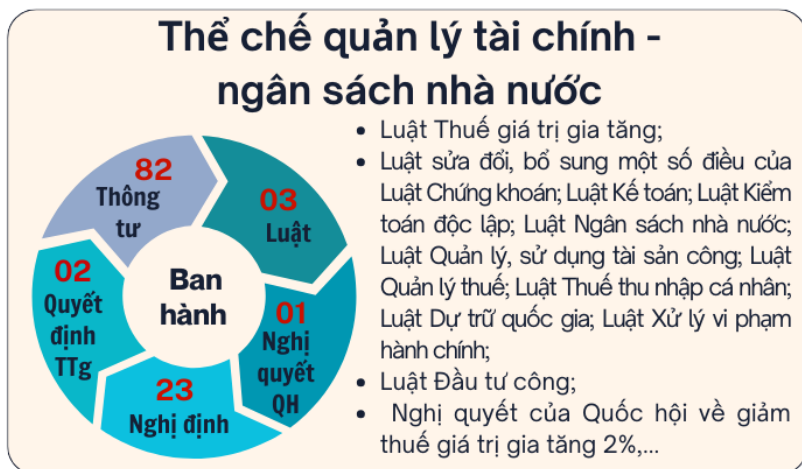
- Về chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính: Trong năm 2024, các bộ, ngành, địa phương đã tăng cường các giải giáp nhằm nâng cao kỷ cương hành chính, kỷ luật công vụ; đẩy mạnh thanh tra công vụ qua đó kịp thời chấn chỉnh những sai phạm, khuyết điểm trong công tác tuyển dụng, sử dụng và quản lý CBCCVC nhất là công tác quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại CBCCVC. Tiếp tục siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính và thực hiện đồng bộ các biện pháp nhằm đẩy lùi tình trạng đùn đẩy, né tránh, thiếu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức. Theo đó, năm 2024, các địa phương đã tổ chức **2.792** cuộc thanh tra, kiểm tra thuộc lĩnh vực Nội vụ (trong đó có **326** cuộc thanh tra và **2.466** cuộc kiểm tra).

¹⁰¹ Trong đó: (1) Cử đi đào tạo có: 259 lượt công chức; 2.566 lượt viên chức; (2) Cử đi bồi dưỡng có: 5.885 lượt công chức; 16.826 lượt viên chức.

¹⁰² Trong đó: (1) Cử đi đào tạo có: 13.300 lượt công chức; 19.776 lượt viên chức; (2) Cử đi bồi dưỡng có: 207.277 lượt công chức; 375.160 lượt viên chức.

5. Cải cách tài chính công

Điểm nổi bật trong Cải cách tài chính công



- Về thể chế quản lý tài chính - ngân sách nhà nước: Quốc hội đã thông qua (1) Luật Thuế giá trị gia tăng (sửa đổi); (2) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán; Luật Kế toán; Luật Kiểm toán độc lập; Luật Ngân sách nhà nước; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Luật Quản lý thuế; Luật Thuế thu nhập cá nhân; Luật Dự trữ quốc gia; Luật Xử lý vi phạm hành chính; (3) Luật Đầu tư công; (4) Nghị quyết của Quốc hội về giảm thuế giá trị gia tăng 2%,... Chính phủ đã ban hành 23 Nghị định, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành 02 Quyết định và Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ban hành theo thẩm quyền 82 Thông tư trong lĩnh vực quản lý tài chính - ngân sách nhà nước. Theo đó, thể chế, cơ chế, chính sách về quản lý tài chính - ngân sách nhà nước tiếp tục được hoàn thiện theo hướng đồng bộ, toàn diện, nâng cao tính công khai, minh bạch và nâng cao kỷ luật, kỷ cương tài chính - ngân sách; kịp thời tháo gỡ

những rào cản, vướng mắc về thể chế liên quan đến đầu tư công, lãi suất, thị trường vốn, thúc đẩy phát triển lành mạnh thị trường, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô; hoàn thiện hành lang pháp lý cho công tác quản lý tài chính - ngân sách nhà nước, từng bước khơi thông các nguồn lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

- Về quản lý, sử dụng tài sản công: Trong năm 2024, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tiếp tục quan tâm, chỉ đạo các bộ ngành, địa phương thực hiện nghiêm công tác quản lý, sử dụng tài sản công, quản lý chặt chẽ, sử dụng tiết kiệm, khai

thác có hiệu quả tài sản công, phòng, chống thất thoát, lãng phí, tham nhũng trong quá trình tổ chức thực thi các nhiệm vụ, công vụ. Chính phủ đã ban hành Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định về quỹ phát triển đất; Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/8/2024 quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác nhà, đất là tài sản công không sử dụng vào mục đích để ở giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương quản lý, khai thác; Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15/9/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;... Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 11/2024/QĐ-TTg ngày 24/7/2024 về tiêu chuẩn diện tích và định mức trang thiết bị nội thất nhà ở công vụ. Bộ Tài chính tiếp tục hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương thực hiện chuẩn hóa dữ liệu về tài sản công trên phần mềm Quản lý tài sản công và cập nhật đầy đủ thông tin của các loại tài sản công là tài sản cố định tại cơ quan, đơn vị, tổ chức để hoàn thiện Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công, góp phần nâng cao tính công khai, minh bạch và phòng, chống thất thoát, lãng phí, tham nhũng trong quá trình quản lý, sử dụng tài sản công; tham mưu triển khai các giải pháp nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện sắp xếp lại, xử lý cơ sở nhà, đất thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp¹⁰³; tăng cường công tác quản lý, hạch toán tài sản công¹⁰⁴. Bộ Tài chính đã chủ trì, phối hợp các bộ, ngành, địa phương thực hiện xử lý, sắp xếp nhà, đất của các bộ, ngành, tổng công ty và tập đoàn kinh tế do Thủ tướng Chính phủ thành lập; đôn đốc, hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương trong việc quản lý, sử dụng tài sản công. Trong năm 2024, Bộ Tài chính đã thực hiện **67.515** cuộc thanh tra, kiểm tra; tiến hành kiểm tra **661.930** hồ sơ khai thuế tại trụ sở cơ quan và **1.060** hồ sơ kiểm tra sau thông quan; kiến nghị xử lý tài chính **109.146** tỷ đồng (trong đó: Kiến nghị thu hồi nợ **18.224** tỷ đồng; kiến nghị xử lý tài chính khác **90.922** tỷ đồng); xử phạt vi phạm hành chính **3.464** tỷ đồng; số tiền đã thu nộp NSNN trong kỳ **13.288** tỷ đồng.

- Về giải ngân vốn đầu tư công: Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã có những chỉ đạo quyết liệt nhằm đẩy nhanh tốc độ giải ngân vốn đầu tư công, Nghị quyết phiên họp thường kỳ Chính phủ¹⁰⁵ đã xác định và đề ra nhiều giải pháp thực hiện quyết liệt để tăng tốc, bứt phá trong giải ngân vốn đầu tư công. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 8/8/2024 về các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công những tháng cuối năm 2024. Theo đó, các bộ, ngành, địa phương đã triển khai xây dựng kế hoạch giải ngân chi tiết từng dự án và tuân thủ nghiêm kế hoạch giải ngân từng tháng, quý; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát; bám sát, kịp thời tháo gỡ khó khăn và chịu trách nhiệm về kết quả giải ngân của từng dự án, qua đó đã đạt được những kết quả cụ thể. Theo báo cáo của Bộ Tài chính, tiến độ giải ngân vốn đầu tư công

¹⁰³ Công văn số 2964/BTC-QLCS ngày 22/03/2024 của Bộ Tài chính.

¹⁰⁴ Công văn số 7011/BTC-QLCS ngày 05/07/2024 của Bộ Tài chính.

¹⁰⁵ Nghị quyết số 122/NQ-CP ngày 08/8/2024 về Phiên họp thường kỳ Chính phủ tháng 7 năm 2024; Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 01/9/2024 về Phiên họp thường kỳ Chính phủ tháng 8 năm 2024.

ước tính đến 31/12/2024 đạt **70.24%** kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao; trong đó Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội là **5.703,907** tỷ đồng (đạt **91.75%** kế hoạch), Chương trình mục tiêu quốc gia là **20.265,9** tỷ đồng (đạt **74.45%** kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao)¹⁰⁶.

- Về đổi mới đổi mới cơ chế tài chính đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập: Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 91/NQ-CP ngày 18/6/2024 về việc đẩy mạnh xã hội hóa các dịch vụ sự nghiệp công; Nghị định số 138/2024/NĐ-CP ngày 24/10/2024 của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm tài sản, trang thiết bị; cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng. Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập. Các bộ, ngành, địa phương tiếp tục đẩy mạnh thực hiện cơ chế tự chủ, đổi mới cơ chế tài chính đối với cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập; kịp thời đề xuất, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thực hiện; thực hiện thẩm định phương án tự chủ tài chính và giao quyền tự chủ tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2023 - 2025.

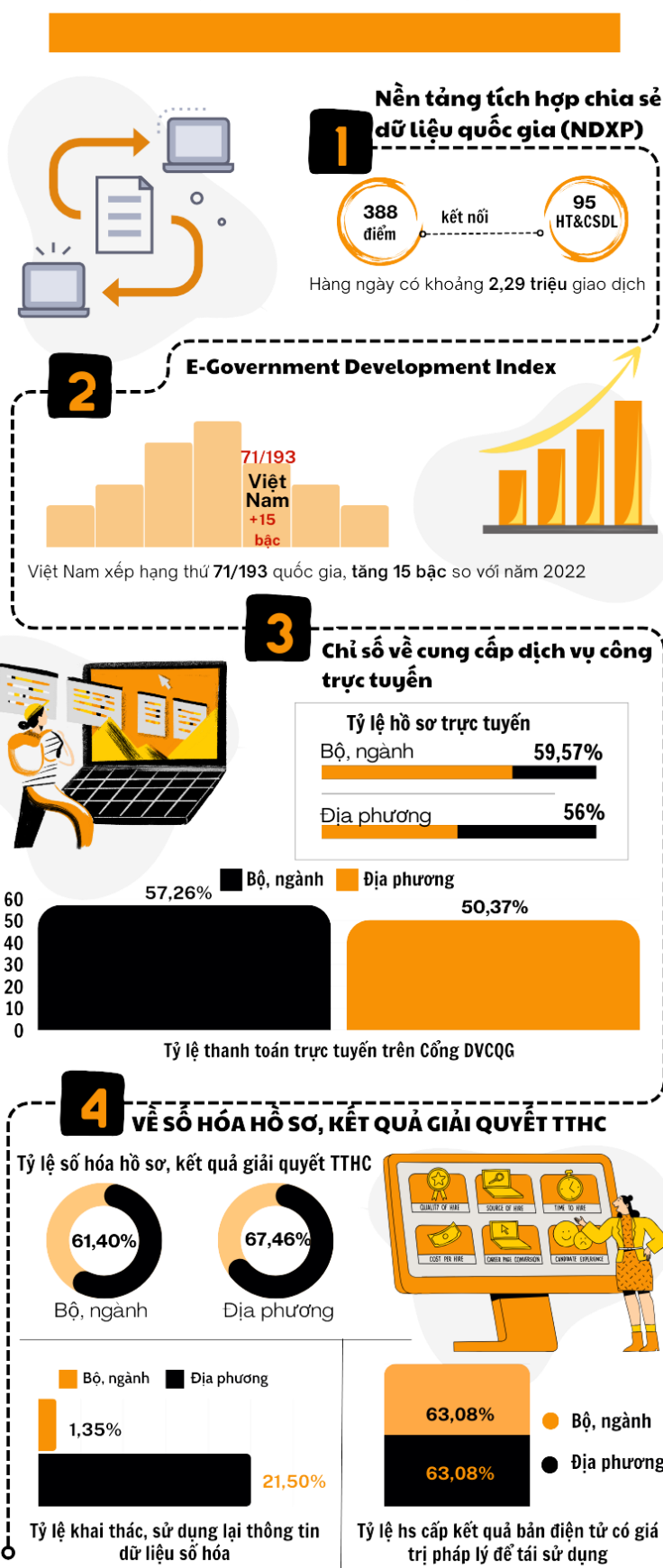
- Việc thoái vốn, cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước (DNNN): Thoái vốn nhà nước tại 05 doanh nghiệp (F1) với tổng giá trị phần vốn nhà nước là 145 tỷ đồng, thu về 157 tỷ đồng; các Tập đoàn, Tổng công ty, DNNN đã thoái vốn tại 03 doanh nghiệp (F2) với giá trị 40,9 tỷ đồng, thu về 182 tỷ đồng. Đến nay, đã có 117 doanh nghiệp được cấp có thẩm quyền phê duyệt Đề án cơ cấu lại doanh nghiệp theo Quyết định số 360/QĐ-TTg ngày 17/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

¹⁰⁶ Công văn số 14340/BTC-ĐT ngày 26/12/2024 của Bộ Tài chính

6. Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số

- Về hoàn thiện khung pháp lý, tạo điều kiện triển khai các nhiệm vụ về xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số: Trong năm 2024, Quốc hội đã ban hành **02** Luật, Chính phủ ban hành **06** nghị định, Thủ tướng Chính phủ ban hành **02** quyết định và **01** Chỉ thị, đó là: Luật Dữ liệu, Luật Lưu trữ (sửa đổi); Nghị định số 47/2024/NĐ-CP ngày 09/5/2024 quy định về danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia, việc xây dựng, cập nhật, duy trì, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia; Nghị định số 48/2024/NĐ-CP ngày 09/5/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27/9/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số; Nghị định số 52/2024/NĐ-CP ngày 15/5/2024 quy định thanh toán không dùng tiền mặt; Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 5/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước; Nghị định số 111/2024/NĐ-CP ngày 6/9/2024 quy định về hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng;

ĐIỂM NỔI BẬT TRONG XÂY DỰNG CHÍNH PHỦ ĐIỆN TỬ, CHÍNH PHỦ SỐ



Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09/11/2024 quy định quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng; Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 142/QĐ-TTg ngày 02/02/2024 phê duyệt Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030; Quyết định số 1437/QĐ-TTg ngày 20/11/2024 ban hành Kế hoạch hành động quốc gia về phát triển kinh tế số giai đoạn 2024 - 2025; Chỉ thị số 34/CT-TTg ngày 16/9/2024 về việc xây dựng đề án chuyển đổi số của các bộ, ngành, địa phương. Theo đó, đã từng bước hoàn thiện hành lang pháp lý cho xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số, tạo điều kiện thuận lợi cho các bộ, ngành, địa phương trong triển khai thực hiện chuyển đổi số, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý điều hành, giải quyết công việc, thực thi công vụ và phát triển kinh tế - xã hội.

- Về xây dựng nền tảng phát triển Chính phủ điện tử: Theo thống kê của Bộ Thông tin và Truyền thông, nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) đã thiết lập được **388** điểm kết nối giữa các hệ thống và cơ sở dữ liệu của **95** cơ quan, đơn vị, hàng ngày có khoảng **2,29** triệu giao dịch. Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đã kết nối với **18** cơ sở dữ liệu chuyên ngành của các bộ, cơ quan, tăng **03** đầu mối so với năm 2023. Theo Báo cáo khảo sát Chính phủ điện tử năm 2024 (E-Government Development Index - EGDI) của Liên hợp quốc, Việt Nam được xếp hạng ở vị trí thứ **71** trong tổng số **193** quốc gia, tăng **15** bậc so với năm 2022; lần đầu tiên được xếp vào nhóm EGDI ở mức “Rất Cao” và đạt vị trí xếp hạng cao nhất kể từ khi bắt đầu tham gia đánh giá EGDI của Liên hợp quốc năm 2003.

- Về xây dựng các hệ thống thông tin đổi mới lề lối, phương thức làm việc của cơ quan nhà nước: Theo thống kê của Văn phòng Chính phủ, từ ngày 01/01/2024 đến 20/12/2024 số lượng văn bản điện tử gửi, nhận trên Trục liên thông văn bản quốc gia là trên **12,2** triệu văn bản, tăng hơn **4** triệu văn bản so với năm 2023 (năm 2023 có hơn **8,2** triệu văn bản gửi, nhận trên Trục); lũy kế đến nay đã có hơn **46,5** triệu văn bản gửi, nhận trên Trục liên thông văn bản quốc gia, tăng hơn **18,3** triệu văn bản so với năm 2023. Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của Chính phủ (eCabinet) tiếp tục phát huy hiệu quả, tính đến nay, Hệ thống đã phục vụ **111** hội nghị, phiên họp của Chính phủ, tăng **25** phiên họp so với năm 2023; thực hiện xử lý **2.685** phiếu lấy ý kiến thành viên Chính phủ, tăng **685** phiếu so với năm 2023, thay thế hơn **932** nghìn hồ sơ, tài liệu giấy, tăng **278** nghìn hồ sơ, tài liệu so với năm 2023.

- Về xây dựng, phát triển các hệ thống thông tin phục vụ người dân, doanh nghiệp, cung cấp dịch vụ công trực tuyến (Theo báo cáo của Văn phòng Chính phủ¹⁰⁷, tại thời điểm đánh giá ngày 30/12/2024):

+ **Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến** của bộ, ngành đạt 59,57% (30.994.321 hồ sơ trực tuyến/52.033.997 hồ sơ được đồng bộ, tăng gần 2 lần so với năm 2023); địa phương đạt 56% (21.730.419 hồ sơ trực tuyến/38.881.238 hồ sơ được đồng bộ, tăng 1,92 lần so với năm 2023). **Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng DVCQG** (chỉ tiêu năm 2024: 45%): tại các bộ, ngành đạt 57,26% (1.352.544 giao dịch

¹⁰⁷ Báo cáo số 12/BC-VPCP ngày 02/01/2025 của Văn phòng Chính phủ về tình hình, kết quả cải cách TTHC tháng năm 2024.

thanh toán trên Cổng/2.361.913 giao dịch thanh toán dịch vụ công) và các địa phương đạt 50,27% (11.379.077 giao dịch thanh toán trên Cổng/22.636.212 giao dịch thanh toán dịch vụ công).

+ **Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC** tại các bộ, ngành đạt 61,40% (31.174.607 hồ sơ được số hóa/ 50.775.346 hồ sơ giải quyết) và các địa phương đạt 67,46% (26.229.283 hồ sơ được số hóa /38.881.238 hồ sơ giải quyết). **Tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả bản điện tử có giá trị pháp lý để tái sử dụng** tại các bộ, ngành đạt 63,08% (32.028.690 kết quả điện tử /50.775.346 kết quả giải quyết) và tại các địa phương đạt 63,08% (24.526.284 kết quả điện tử/38.881.238 kết quả giải quyết); trong khi đó **tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa** tại các bộ, ngành chỉ đạt 1,35% (686.701 kết quả điện tử được tái sử dụng/50.866.740 kết quả giải quyết), tại các địa phương đạt 21,50% (8.539.110 kết quả điện tử được tái sử dụng/39.716.790 kết quả giải quyết), còn thấp so với chỉ tiêu của Chính phủ (tối thiểu 50%).

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Điểm nổi bật đạt được

- Công tác xây dựng, hoàn thiện pháp luật tiếp tục có những chuyển biến tích cực. Chính phủ đã tổ chức 11 phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật; ban hành 04 quyết định, 01 công điện để chỉ đạo, yêu cầu các bộ, cơ quan ngang bộ đẩy nhanh tiến độ, bảo đảm chất lượng lập đề nghị xây dựng, soạn thảo luật, pháp lệnh và khắc phục tình trạng nợ ban hành văn bản quy định chi tiết, nâng cao chất lượng công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật nhằm ngăn ngừa tình trạng tham nhũng, lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ.

- Nhiều kết quả tích cực của cải cách TTHC được ghi nhận trong năm 2024.

Điện hình, thành phố Hà Nội, triển khai mô hình thẻ từ thay thế máy xếp hàng tự động. Theo đó, thẻ từ này kết nối bàn điều khiển thứ tự thông qua sóng radio, sạc điện tại chỗ. So với máy lấy số tự động, loại thẻ này vẫn bảo đảm thứ tự và sự ưu tiên cho công dân khi đến giao dịch, lại không đòi hỏi bảo trì hàng năm, không yêu cầu phần mềm và kết nối internet hoặc điều kiện kết nối phức tạp; không tiêu hao vật tư phụ liệu; không xả giấy, nên tiết kiệm công sức vệ sinh trụ sở; không phát tiếng ồn do gọi loa trên hệ thống... Thẻ tiêu thụ rất ít điện năng, nhỏ gọn, trong khi bán kính hoạt động lớn, hỗ trợ công dân không phải ngồi liên tục chờ gọi loa, lại có tần suất tái sử dụng lớn, nhiều lựa chọn mua sản phẩm, dễ thay linh kiện...Tiết giảm chi phí từ 2 tỉ đồng xuống chưa tới 40 triệu đồng tại 01 quận và 14 phường.

- Việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy và tăng cường kỷ luật, kỷ cương công vụ có chuyển biến rõ nét.

+ Kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy (*tính đến ngày 30/10/2024*) tại 63 tỉnh, thành phố: giảm 12 tổ chức chi cục, phòng và tương đương của cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh; giảm 29 tổ chức phòng và tương đương thuộc UBND cấp huyện, lũy kế đến nay, giảm 13 Sở và tương đương; 2.613 tổ chức cấp phòng và tương đương ở địa phương. Các địa phương thực hiện tốt công tác sắp xếp tổ

chức bộ máy, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền và quản lý biên chế, như: **Hưng Yên, Hà Nội, Nghệ An, Quảng Ninh, Đồng Nai, Kon Tum, Quảng Ngãi, An Giang, Hậu Giang, Sơn La, Đắk Nông, Bà Rịa - Vũng Tàu...**

+ **Thanh tra Chính phủ** đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan chỉ đạo triển khai các đoàn thanh tra trách nhiệm về thực hiện công vụ của cán bộ, công chức, viên chức trong giải quyết TTHC và cung cấp dịch vụ công cho người dân và doanh nghiệp tại 06 bộ và 03 địa phương (Bộ Giao thông vận tải, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài nguyên và Môi trường; Bộ Tài chính; Bộ Y tế; Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bắc Ninh, Đà Nẵng, Đồng Nai) theo Kế hoạch số 2960/KH-TTCTP ngày 08/12/2023 của Thanh tra Chính phủ.

- Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số tiếp tục được Chính phủ Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện đồng bộ, quyết liệt, có kết quả.

+ **Tỉnh Quảng Ninh** tiếp tục chuẩn hóa quy trình tiếp nhận, giải quyết TTHC với 05 bước (Tiếp nhận, thẩm định, phê duyệt, đóng dấu - ký số, trả kết quả), trong đó đã sử dụng chữ ký số điện tử trong toàn bộ quy trình, qua đó đưa việc giải quyết TTHC tại tỉnh Quảng Ninh chuyển sang thực hiện hoàn toàn trên môi trường điện tử.

+ **Thành phố Hà Nội** đưa vào triển khai mô hình “Công dân Thủ đô số” - iHaNoi là kênh tương tác trực tuyến trên môi trường số giữa người dân, doanh nghiệp với các cấp chính quyền thành phố Hà Nội. Qua ứng dụng này, người dân và doanh nghiệp có thể phản ánh các vấn đề đời sống, từ đó giúp chính quyền tiếp nhận và giải quyết kịp thời. Qua hơn 04 tháng triển khai chính thức, ứng dụng đã tiếp nhận 23.910 phản ánh, kiến nghị hiện trường của người dân gửi đến. Trong số đó, cơ quan chức năng Thành phố đã xử lý 19.871 phản ánh, kiến nghị, chiếm 83,1%.

2. Tồn tại, hạn chế

- Một số bộ, ngành, địa phương chưa quyết liệt, chưa quan tâm đúng mức tới cải cách hành chính; công tác phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương có nơi, có lúc còn chậm, hiệu quả chưa cao. Trách nhiệm thực thi công vụ của CBCCVC ở một số nơi còn thấp, động lực làm việc không cao, tinh thần cải cách chưa mạnh mẽ.

- Cơ chế, chính sách, pháp luật trên một số lĩnh vực còn thiếu đồng bộ¹⁰⁸, chồng chéo, mâu thuẫn, chưa phù hợp thực tiễn, chậm sửa đổi, bổ sung, tháo gỡ, dẫn đến khó khăn cho tổ chức thực hiện. Vẫn còn tình trạng VBQPPL của một số bộ, cơ quan ngang bộ, HĐND và UBND cấp tỉnh có quy định trái pháp luật về thẩm quyền, nội dung.

- Cải cách, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC vẫn chưa đạt như kỳ vọng, người dân, doanh nghiệp vẫn mong muốn TTHC được đơn giản, thuận tiện hơn; việc thực hiện cung cấp DVCTT một số nơi còn hình thức, chưa thực chất, hiệu quả chưa cao (tỷ lệ người dân tự thực hiện DVCTT không cần sự hỗ trợ trực tiếp của

¹⁰⁸ Báo cáo số 135/BC-CP ngày 10/4/2024 của Chính phủ Kết quả thực hiện Nghị quyết số 110/2023/QH15, Kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XV về xem xét, xử lý kết quả rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.

công chức không cao); việc số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC ở một số bộ, ngành, địa phương còn hạn chế, chưa bám sát quy định, hướng dẫn tại Thông tư số 01/2023/TT-VPCP, chưa đạt tỷ lệ số hóa mà Chính phủ, bộ ngành, địa phương đề ra, tỷ lệ tái sử dụng kết quả số hóa thấp.

- Tình trạng chậm muộn, trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ TTHC cho người dân, doanh nghiệp vẫn xảy ra ở nhiều bộ, ngành, địa phương (tập trung chủ yếu vào các lĩnh vực: Đất đai, xây dựng, lao động - thương binh và xã hội), cụ thể, theo Báo cáo của Văn phòng Chính phủ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC đúng hoặc sớm hạn ở các bộ, ngành chỉ đạt 62%; tại các địa phương đạt 94.5% (trễ hạn 5.5%)¹⁰⁹.

- Việc đồng bộ, kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ quản lý điều hành và giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công cho người dân, doanh nghiệp của các bộ, ngành, địa phương chưa thực sự thông suốt.

- Đánh giá CBCCVC vẫn còn tình trạng nể nang, thiếu tiêu chí định lượng để xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo VTVL.

3. Nguyên nhân

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác CCHC ở một số nơi còn chưa quyết liệt, thiếu sáng tạo, chậm đổi mới; người đứng đầu ở một số bộ, cơ quan, địa phương chưa trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo công tác CCHC thuộc phạm vi quản lý, dẫn đến hiệu quả chưa cao.

- Chất lượng đội ngũ công chức, viên chức tham mưu thực hiện CCHC một số nơi còn hạn chế, chưa đồng đều, một số chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; một số địa phương có sự thay đổi nhân sự tham mưu thực hiện công tác CCHC theo đó chưa bắt nhịp được với yêu cầu nhiệm vụ.

- Việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương trong thực thi công vụ của một số CBCCVC chưa cao, ảnh hưởng đến chất lượng công tác chuyên môn, chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp. Một số nơi còn lúng túng, thiếu linh hoạt trong việc chỉ đạo xử lý các vấn đề mới phát sinh trong thực tiễn.

- Công tác thông tin, tuyên truyền CCHC, đặc biệt là các nội dung liên quan đến việc tổ chức cung cấp dịch vụ công trực tuyến chưa thực sự phát huy hiệu quả trên thực tế; phần mềm cung cấp dịch vụ công trực tuyến chưa thân thiện với người dùng là một trong các nguyên nhân dẫn đến hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến chưa cao.

- Chưa có giải pháp hữu hiệu, đổi mới trong phân công nhiệm vụ, tổ chức đánh giá CBCCVC và tổ chức hành chính dựa trên kết quả, sản phẩm cụ thể, có tiêu chí định lượng, khoa học, khách quan. Chưa hình thành hệ thống theo dõi, đánh giá chất lượng hoạt động của tổ chức cũng như hiệu quả thực thi nhiệm vụ công vụ của CBCCVC trên cơ sở ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ, chuyển đổi số.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2025

1. Các bộ, ngành, địa phương tiếp tục quán triệt, tổ chức thực hiện nghiêm,

¹⁰⁹ Báo cáo số 12/BC-VPCP ngày 02/01/2025 của Văn phòng Chính phủ.

toàn diện, đồng bộ, có hiệu quả Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 theo Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ và Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 02/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2030; rà soát, có giải pháp cụ thể, thiết thực tạo đột phá mạnh mẽ để nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ CCHC được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao và các nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch CCHC năm 2025 của các bộ, cơ quan, địa phương.

2. Các thành viên Ban Chỉ đạo CCHC của Chính phủ, Ban Chỉ đạo CCHC của các bộ, ngành, địa phương tổ chức triển khai có hiệu quả Kế hoạch hoạt động năm 2025; tiếp tục phát huy vai trò và nâng cao trách nhiệm người đứng đầu các bộ, ngành, địa phương trong lãnh đạo, chỉ đạo triển khai nhiệm vụ CCHC; tăng cường công tác đôn đốc, theo dõi, đánh giá, thanh tra, kiểm tra, tuyên truyền về CCHC. Tập trung ưu tiên nguồn lực đẩy nhanh tiến độ thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho người dân, doanh nghiệp, tạo điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

3. Bộ Nội vụ - cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương tổ chức sơ kết Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2025, đề xuất nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm nhằm đẩy mạnh CCHC nhà nước giai đoạn 2026 - 2030. Tham mưu xây dựng, triển khai có hiệu quả Kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo năm 2025, Kế hoạch kiểm tra CCHC năm 2025 của cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo; triển khai Kế hoạch xác định Chỉ số CCHC năm 2024 của các bộ, các tỉnh và Kế hoạch đo lường, xác định Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính năm 2024, bảo đảm chính xác, khách quan và công bằng.

4. Triển khai đồng bộ nhiệm vụ tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW và tổng kết 20 năm thực hiện mô hình tổ chức bộ máy của Chính phủ, trong đó tập trung triển khai phương án sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan hành chính nhà nước bảo đảm khẩn trương để không bị gián đoạn hoặc bỏ sót công việc; tổ chức rà soát, sắp xếp tổ chức bên trong các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ theo đúng tinh thần chỉ đạo của Trung ương, gắn với tinh giản biên chế và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của từng cơ quan, đơn vị, cơ cấu lại đội ngũ CBCCVC theo VTVL.

5. Tập trung rà soát, sửa đổi, bổ sung thể chế, chính sách liên quan đến tổ chức bộ máy hành chính, cơ chế vận hành, chế độ chính sách đối với đội ngũ CBCCVC đầy đủ, đồng bộ bảo đảm thực hiện mục tiêu hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả của bộ máy và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC sau sắp xếp, tổ chức bộ máy; trong đó tập trung xây dựng trình cấp có thẩm quyền thông qua Luật sửa đổi Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Cán bộ, công chức; xây dựng, ban hành các Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND các cấp; tổ chức triển khai hiệu quả các chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động chịu tác động bởi việc thực hiện sắp xếp, tinh gọn bộ máy, đơn vị hành chính các cấp.

6. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện việc sắp xếp, tổ chức lại, nâng cao hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập; triển khai thực hiện có hiệu quả việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 theo các Nghị quyết đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua, khẩn trương sắp xếp tổ chức, bố trí CBCCVC, xử lý đối với tài sản công sau sắp xếp bảo đảm sớm ổn định để tổ chức đại hội đảng các cấp năm 2025.

7. Cải cách thể chế mạnh mẽ, quyết liệt tháo gỡ những nút thắt, trọng tâm là các thể chế đang gây lực cản cho tăng trưởng; đổi mới tư duy xây dựng pháp luật, vừa khuyến khích sáng tạo, giải phóng toàn bộ sức sản xuất, khơi thông mọi nguồn lực để phát triển. Khẩn trương rà soát, hoàn thiện việc sửa đổi, đổi bổ sung các quy định chi tiết để triển khai có hiệu quả các Luật mới được Quốc hội thông qua. Thực hiện đồng bộ, linh hoạt các giải pháp để nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật.

8. Đẩy mạnh cải cách, đơn giản hóa TTHC ngay từ khâu xây dựng VBQPPL; rà soát, kiến nghị bãi bỏ các TTHC, điều kiện kinh doanh không cần thiết, không khả thi, không rõ ràng, khó xác định, không phù hợp thực tiễn, là rào cản cho hoạt động sản xuất, kinh doanh; tăng cường phân cấp trong giải quyết TTHC, giảm chi phí tuân thủ TTHC cho người dân, doanh nghiệp. Nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông; tổ chức triển khai thí điểm mô hình Trung tâm Phục vụ hành chính công một cấp trực thuộc UBND cấp tỉnh tại một số địa phương theo kế hoạch. Tiếp tục đẩy mạnh số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC, nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện giải quyết TTHC và cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

9. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và đội ngũ CBCCVC. Tổ chức triển khai thực hiện nghiêm, hiệu quả các cơ chế, chính sách mới trong quản lý CBCCVC¹¹⁰.

10. Đẩy mạnh thực hiện các giải pháp nhằm đẩy nhanh tốc độ giải ngân vốn đầu tư công tại các bộ, ngành, địa phương ngay từ đầu năm. Tổ chức triển khai có hiệu quả cơ chế tự chủ tài chính tại cơ quan hành chính và các đơn vị sự nghiệp công lập; hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật để đẩy mạnh tự chủ đơn vị sự nghiệp công lập và xã hội hóa dịch vụ công.

11. Tập trung triển khai thực hiện các nhiệm vụ xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số theo kế hoạch, lộ trình đã phê duyệt. Tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 về Chương trình hành

¹¹⁰ Tại các văn bản, như: Nghị định số 116/2024/NĐ-CP ngày 17/9/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức và Nghị định số 06/2023/NĐ-CP ngày 21/02/2023 quy định về kiểm định chất lượng đầu vào công chức; Nghị định số 73/2023/NĐ-CP ngày 29/9/2023 của Chính phủ quy định về khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung; Nghị định số 177/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với các trường hợp không tái cử, tái bổ nhiệm và cán bộ thôi việc, nghỉ hưu theo nguyện vọng; Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Nghị định số 179/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng làm việc trong cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội...

động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng số, hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành, bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu đồng bộ, thống nhất, thông suốt giữa các cơ quan, địa phương phục vụ phân tích, xử lý dữ liệu, hỗ trợ công tác chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2024, phương hướng, nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2025. Ban Chỉ đạo xin trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các thành viên Ban Chỉ đạo;
- Lưu: VT, CCHC.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

**BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ
Phạm Thị Thanh Trà**

Phụ lục
Kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch hoạt động năm 2024 của Ban Chỉ đạo
(Kèm theo Báo cáo số /BC-BCĐCCHC ngày tháng năm 2025 của BCĐCCHC của Chính phủ)

TT	Nhiệm vụ	Thời gian	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Tiến độ triển khai
A. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH					
1.	Tiếp tục triển khai đồng bộ các nội dung cải cách hành chính theo Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030; tăng cường giám sát, kiểm tra tình hình thực hiện các văn bản chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính; đẩy mạnh công tác tuyên truyền cải cách hành chính; giải quyết các kiến nghị của bộ, ngành, địa phương liên quan đến cải cách hành chính.	Năm 2024	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Nội vụ và các cơ quan liên quan	Tiếp tục triển khai. Hoàn thành các nhiệm vụ của năm 2024
2.	Xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch kiểm tra cải cách hành chính của cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo.	Năm 2024	Bộ Nội vụ	Các bộ, ngành và địa phương	Đã tiến hành kiểm tra, làm việc về CCHC tại một số địa phương, gồm: Hải Dương, Đồng Nai, Phú Yên, Hòa Bình, Tiền Giang...
3.	Tiếp tục đẩy mạnh triển khai thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính.	Năm 2024	Thông tấn xã Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam	Các bộ, ngành, địa phương	- Hội thi giới thiệu mô hình và thuyết trình ý tưởng CCHC trong đội ngũ công đoàn viên chức. - Đài Truyền hình Việt Nam thực hiện hơn 30 phóng sự chuyên đề CCHC.
4.	Đổi mới công tác chỉ đạo, điều hành cải cách	Năm	Các thành	Các cơ	Tiếp tục triển khai

TT	Nhiệm vụ	Thời gian	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Tiến độ triển khai
	hành chính, tăng cường nghiên cứu, đề xuất sáng kiến cải cách hành chính; định kỳ thực hiện kiểm điểm, đánh giá kết quả của các thành viên trước Ban Chỉ đạo.	2024	viên Ban Chỉ đạo; các bộ, ngành, địa phương	quan có liên quan	
5.	Tổng hợp, đề xuất việc giải quyết các khó khăn, vướng mắc của các bộ, ngành, địa phương trong thực hiện cải cách hành chính.	Năm 2024	Bộ Nội vụ	Các bộ, ngành và địa phương	Tiếp tục triển khai
6.	Triển khai xác định và công bố Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính năm 2023 và Chỉ số cải cách hành chính năm 2023 của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.	Quý II năm 2024	Bộ Nội vụ	Các bộ, ngành và địa phương	Đã hoàn thành
B. XÂY DỰNG THỂ CHẾ, CHÍNH SÁCH VÀ TỔ CHỨC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN					
I. NHÓM NHIỆM VỤ CHUNG					
1.	Tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới và Nghị quyết số 77/NQ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp	Năm 2024	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Tư pháp	Tiếp tục triển khai

TT	Nhiệm vụ	Thời gian	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Tiến độ triển khai
	tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới.				
2.	Thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024 và điều chỉnh chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023.	Năm 2024	Các bộ, cơ quan ngang bộ	Bộ Tư pháp, các bộ, ngành và địa phương	Tiếp tục triển khai
3.	Nâng cao chất lượng thẩm định, ban hành văn bản quy phạm pháp luật, bảo đảm đồng bộ, khả thi; ban hành kịp thời các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành các luật, pháp lệnh, nghị quyết; tăng cường nguồn lực và kinh phí cho công tác tư pháp.	Năm 2024	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Tư pháp	Tiếp tục triển khai
4.	Rà soát, sớm phát hiện và có biện pháp khắc phục các quy định pháp luật chồng chéo, bất cập, không phù hợp thực tiễn, gây khó khăn, kìm hãm sự phát triển.	Năm 2024	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Tư pháp	Tiếp tục triển khai
5.	Ưu tiên nguồn lực cho công tác xây dựng, hoàn thiện pháp luật; nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật. Tập trung tháo gỡ các điểm nghẽn về cơ chế, chính sách nhằm hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh và đời sống của người dân, doanh nghiệp. Tiếp tục hoàn thiện đồng bộ khung khổ pháp lý thúc đẩy sự phát triển của khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo.	Năm 2024	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Tư pháp	Tiếp tục triển khai

TT	Nhiệm vụ	Thời gian	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Tiến độ triển khai
6.	Thực hiện có hiệu quả Đề án “Tổ chức truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật giai đoạn 2022 - 2027” ban hành kèm theo Quyết định số 407/QĐ-TTg ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ.	Năm 2024	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Tư pháp	Tiếp tục triển khai
7.	Đổi mới, tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác theo dõi thi hành pháp luật, tập trung vào các lĩnh vực được xác định là trọng tâm phát triển kinh tế - xã hội của năm 2024, phù hợp với nhiệm vụ chung của cả giai đoạn 2021 - 2025. Thực hiện tốt Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành năm 2024. Tiếp tục thực hiện hiệu quả, thực chất các giải pháp nhằm nâng cao điểm số và nâng xếp hạng chỉ số Chi phí tuân thủ pháp luật (Chỉ số B1).	Năm 2024	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Tư pháp	Tiếp tục triển khai
8.	Cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác văn bản quy phạm pháp luật thuộc trách nhiệm, thẩm quyền của cơ quan, địa phương mình trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật theo quy định tại Nghị định số 52/2015/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ.	Năm 2024	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Tư pháp	Tiếp tục triển khai
9.	Nghiên cứu, xây dựng chế độ, chính sách đặc thù cho người làm công tác thể chế.	Năm 2024	Bộ Tư pháp	Các bộ, ngành, địa phương	Tiếp tục triển khai

TT	Nhiệm vụ	Thời gian	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Tiến độ triển khai
II. VỀ CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ, KINH DOANH VÀ CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH					
1.	Tập trung triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2024 của Chính phủ; Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2024 của Chính phủ; Nghị quyết số 131/NQ-CP ngày 06 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ; Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 - 2025; Quyết định số 104/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch cải cách thủ tục hành chính trọng tâm năm 2024.	Năm 2024	- Các bộ, ngành, địa phương; - Các bộ được giao đầu mối tại Nghị quyết số 01/NQ-CP	Văn phòng Chính phủ; Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Tiếp tục triển khai và đề ra các chỉ tiêu, nhiệm vụ trong năm 2025
2.	Rà soát, báo cáo Thủ tướng Chính phủ phương án tổng thể cắt giảm, đơn giản hóa các QĐKD đang là rào cản, gây khó khăn cho người dân và doanh nghiệp, trong đó tập trung ưu tiên rà soát, đề xuất phương án cắt giảm, đơn giản hóa giấy phép liên quan đến hoạt động kinh doanh.	Tháng 5 năm 2024	Các bộ, ngành	Văn phòng Chính phủ	Chưa hoàn thành. Đã có Bộ GD&ĐT, Bộ Công Thương, Bộ Y tế, Bộ VHTTDL gửi báo cáo (Bộ TT&TT, NNPTNT chưa có báo cáo).
3.	Trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cắt giảm giấy phép liên quan đến hoạt động kinh doanh	Tháng 6 năm 2024	Văn phòng Chính phủ	Các bộ, ngành	- Đã điều chỉnh thành nhiệm vụ “trình Chính phủ ban hành Chương trình cắt giảm giấy phép và đổi mới hoạt động cấp phép tại các bộ, ngành, địa phương giai đoạn 2025-2030, hoàn thành trong Quý I năm 2025” tại Công điện số 131/CD-TTg ngày 11/12/2024.
4.	Chủ động nghiên cứu, rà soát, kiến nghị đưa ra khỏi danh mục ngành nghề đầu tư kinh doanh	Trước tháng 6	Các bộ, ngành	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã xây dựng Báo cáo rà soát ngành nghề đầu tư,

TT	Nhiệm vụ	Thời gian	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Tiến độ triển khai
	có điều kiện đối với những ngành nghề có thể áp dụng biện pháp quản lý khác hiệu quả hơn.	năm 2024		Đầu tư	kinh doanh có điều kiện và điều kiện đầu tư, kinh doanh (trình Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản số 1031/BC-BKHĐT ngày 06/02/2024).
5.	Rà soát, kiến nghị bãi bỏ các điều kiện kinh doanh không cần thiết, không khả thi, không rõ ràng, khó xác định, không phù hợp thực tiễn; bãi bỏ các loại chứng chỉ không cần thiết, thu gọn các loại chứng chỉ trùng lặp về nội dung.	Quý II năm 2024	Các bộ, ngành	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã xây dựng văn bản hướng dẫn tiêu chí rà soát, đánh giá tác động, cách thức xác định tên gọi của ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và điều kiện đầu tư kinh doanh gửi các Bộ, ngành, cơ quan tham khảo (Công văn số 3331/BKHĐT-QLKTTW ngày 03/5/2024).
6.	Rà soát, đề xuất phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt trước ngày 30 tháng 9 hàng năm.	Trước 30 tháng 9 năm 2024	Các bộ, ngành	Văn phòng Chính phủ	Đã có: Bộ Tư pháp, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Ngân hàng Nhà nước, Bộ Tài chính, Bộ Công Thương trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án đơn giản hóa
7.	Tổ chức thực thi các phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và phương án phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính tại Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ.	Năm 2024 và theo tiến độ được phê duyệt	Các bộ, ngành	Văn phòng Chính phủ	Tiếp tục triển khai
8.	Rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà	Năm 2024 và	Các bộ, ngành, địa	Văn phòng Chính phủ	Các bộ, ngành, địa phương đều đã công bố danh mục TTHC nội bộ.

TT	Nhiệm vụ	Thời gian	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Tiến độ triển khai
	nước theo Kế hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2022 và Công văn số 100/TCTCCTTHC ngày 14 tháng 11 năm 2023 của Tổ công tác cải cách thủ tục hành chính của Thủ tướng Chính phủ.	theo tiến độ phê duyệt	phương		Nhiều bộ, ngành, địa phương đã phê duyệt, thực thi phương án đơn giản hóa TTHC nội bộ. Tuy nhiên, nhìn chung về tỷ lệ cắt giảm, đơn giản hóa TTHC nội bộ và tiến độ thực hiện chưa đáp ứng yêu cầu.
9.	Cập nhật đầy đủ, chính xác và công khai kịp thời quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh, kết quả rà soát, chi phí tuân thủ, phương án cắt giảm, đơn giản hóa; thực hiện tham vấn các tổ chức, cá nhân, đối tượng chịu tác động về chính sách, quy định; tiếp nhận, tổng hợp, tiếp thu, giải trình, phản hồi, cập nhật kết quả xử lý đối với ý kiến góp ý, vướng mắc, đề xuất của tổ chức, cá nhân về chính sách, quy định thuộc phạm vi chức năng quản lý và công khai trên Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh.	Năm 2024	Các bộ, ngành	Văn phòng Chính phủ	Tiếp tục triển khai
10.	Trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án đơn giản hóa các quy định, thủ tục hành chính liên quan đến Phiếu lý lịch tư pháp.	Tháng 3 năm 2024	Văn phòng Chính phủ	Các bộ, ngành	Đã hoàn thành (Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 11/6/2024)
11.	Rà soát, điều chỉnh, thống nhất phương án đơn giản hóa, lộ trình xử lý văn bản quy phạm pháp luật có quy định về thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư đã giao tại các Nghị quyết chuyên đề của Chính phủ giai đoạn 2017 - 2018, bảo đảm phù hợp với	Quý I năm 2024	Các bộ, cơ quan	Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ về rà soát văn bản	Tiếp tục triển khai

TT	Nhiệm vụ	Thời gian	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Tiến độ triển khai
	hiện trạng kết nối, quản lý, khai thác dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân; ban hành các văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành để tổ chức thực thi phương án đơn giản hóa quy định thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư trong năm 2024.			quy phạm pháp luật	
12.	Triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích.	Năm 2024	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Thông tin và Truyền thông	<p>- Trong năm 2024, các bộ, ngành và địa phương tiếp tục đẩy mạnh việc triển khai Quyết định 45/2016/QĐ-TTg. Kết quả: Năm 2024, đã thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích là 19.647.832 lượt hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính, trong đó: tiếp nhận hồ sơ là 2.161.262 lượt, trả kết quả là 17.486.570 lượt.</p> <p>- Bộ TT&TT ban hành Quyết định số 2133/QĐ-BTTTT ngày 05/12/2024 về định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại bộ, ngành, địa phương do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích thực hiện</p>

TT	Nhiệm vụ	Thời gian	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Tiến độ triển khai
13.	Đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính theo Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ.	Năm 2024	Các bộ, ngành, địa phương	Văn phòng Chính phủ	Tiếp tục triển khai
14.	Tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện các Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông, áp dụng chuyển đổi số, tổ chức tinh gọn, phù hợp với thực tiễn.	Năm 2024	Bộ Nội vụ	Văn phòng Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương	<p>- Thực hiện Kết luận của Thủ tướng Chính phủ - Trưởng ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ tại Thông báo số 53/TB-VPCP ngày 15/02/2024, trong 6 tháng đầu năm, Bộ Nội vụ đã chủ trì, phối hợp với Văn phòng Chính phủ nghiên cứu, đánh giá mô hình Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông, áp dụng chuyển đổi số, tổ chức tinh gọn, phù hợp với thực tiễn. Bộ Nội vụ đã tham mưu thành lập Tổ nghiên cứu, có văn bản yêu cầu các địa phương báo cáo về tình hình tổ chức và hoạt động của Bộ phận một cửa các cấp.</p> <p>- VPCP đã tham mưu Chính phủ đã chỉ đạo triển khai thí điểm Mô hình Trung tâm phục vụ hành chính công một cấp trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh từ tháng 9/2024 đến tháng 11/2025 tại 05 địa phương (Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương, Quảng Ninh và Bắc</p>

TT	Nhiệm vụ	Thời gian	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Tiến độ triển khai
					Ninh) tại Nghị quyết số 108/NQ-CP ngày 10/7/2024 và Nghị quyết số 188/NQ-CP ngày 11/10/2024 của Chính phủ; VPCP đã xây dựng tài liệu hướng dẫn tổ chức thí điểm mô hình Trung tâm phục vụ hành chính công một cấp trực thuộc UBND cấp tỉnh gửi các địa phương thực hiện thí điểm để triển khai (Văn bản số 5343/VPCP-KSTT ngày 27/7/2024).
III. VỀ CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC					
1.	Tiếp tục rà soát, kiện toàn chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của các cơ quan, đơn vị trực thuộc bộ, ngành, địa phương bảo đảm tinh gọn, hoạt động hiệu quả và gắn kết chặt chẽ với các chính sách tinh giản biên chế.	Năm 2024	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Nội vụ	Đề chỉ đạo triển khai đồng bộ 02 nhiệm vụ: (i) Tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW và (ii) tổng kết 20 năm thực hiện mô hình tổ chức bộ máy của Chính phủ, Bộ Nội vụ đã trình Thủ tướng Chính phủ Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo về tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW trên cơ sở tổ chức lại Ban Chỉ đạo tổng kết 20 năm thực hiện mô hình tổ chức bộ máy của Chính phủ .
2.	Triển khai thực hiện Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước.	Năm 2024	Các bộ, cơ quan	Bộ Nội vụ, các địa phương	Tiếp tục triển khai
3.	Quyết định phê duyệt vị trí việc làm trong các	Trước 31	Các bộ,	Bộ Nội vụ	Đến nay, 100% bộ, ngành, địa phương

TT	Nhiệm vụ	Thời gian	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Tiến độ triển khai
	cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý theo hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực làm cơ sở cho việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức.	tháng 3 năm 2024	ngành, địa phương		hoàn thành phê duyệt Đề án vị trí việc làm (VTVT), Bộ Nội vụ đã tổng hợp danh mục VTVL trong cơ quan, tổ chức hành chính, cơ quan thuộc Chính phủ và đơn vị sự nghiệp công lập trên cơ sở Thông tư hướng dẫn của bộ quản lý ngành, lĩnh vực
4.	Hoàn thành việc sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập thuộc các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.	Trước 30 tháng 9 năm 2024	Các bộ, cơ quan	Bộ Nội vụ	Đang triển khai theo các chỉ đạo của Trung ương
5.	Thực hiện sáp nhập các đơn vị hành chính không đủ tiêu chuẩn, hoàn thành việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã.	Quý III năm 2024	Các địa phương	Bộ Nội vụ	Hoàn thành sắp xếp 38 ĐVHC cấp huyện và 1.178 ĐVHC cấp xã, sau sắp xếp giảm 09 đơn vị cấp huyện và 563 đơn vị cấp xã
6.	Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương nhằm tăng cường phân cấp, phân quyền gắn với phân bổ nguồn lực phù hợp và tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực.	Năm 2024	Bộ Nội vụ	Các bộ, ngành, địa phương	Đang triển khai
IV. VỀ CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ					
1.	Thực hiện tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17 tháng 4 năm 2015 của Ban Chấp hành Trung ương về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Nghị định số 29/2023/NĐ-CP	Năm 2024	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Nội vụ	Kết quả thực hiện tinh giản biên chế công chức, viên chức của bộ, ngành, địa phương theo quy định tại các Nghị định của Chính phủ tổng số là 16.149 người (trong đó, bộ, ngành là 217 người, địa phương là 15.932 người)

TT	Nhiệm vụ	Thời gian	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Tiến độ triển khai
	ngày 03 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế và Quyết định số 1046/QĐ-TTg này 06 tháng 9 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch triển khai thực hiện các quy định của Bộ Chính trị về quản lý biên chế.				
2.	Triển khai có hiệu quả Chiến lược quốc gia thu hút, trọng dụng nhân tài tại Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ và các quy định về kiểm định chất lượng đầu vào công chức tại Nghị định số 06/2023/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2023, quy định về khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung tại Nghị định số 73/2023/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2023.	Năm 2024	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Nội vụ	Tiếp tục triển khai
3.	Tiếp tục triển khai các giải pháp nâng cao kỷ luật, kỷ cương hành chính, chất lượng thực thi công vụ và cải thiện chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp; kiên quyết xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm kỷ luật, kỷ cương hành chính, bảo đảm sự nghiêm minh trong thực thi pháp luật và củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng và chính quyền.	Năm 2024	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Nội vụ	Tiếp tục triển khai
4.	Triển khai thực hiện Đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2016 - 2025.	Năm 2024	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Nội vụ	Tiếp tục triển khai

TT	Nhiệm vụ	Thời gian	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Tiến độ triển khai
5.	Hoàn thiện trình Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung các quy định về cấp phó tại Nghị định số 101/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2020 và Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính Phủ.	Năm 2024	Bộ Nội vụ	Các bộ, ngành, địa phương, cơ quan có liên quan	Chính phủ đã ban hành Nghị định số 83/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024.
6.	Nghị định về chính sách thu hút và trọng dụng người có tài năng vào cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.	Tháng 10 năm 2024	Bộ Nội vụ	Các bộ, ngành, địa phương, cơ quan có liên quan	Chính phủ đã ban hành Nghị định số 179/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng làm việc trong cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.
7.	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc nâng cao tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số trong các cơ quan nhà nước trong giai đoạn hiện nay.	Tháng 3 năm 2024	Bộ Nội vụ	Các bộ, ngành, địa phương, cơ quan có liên quan	Bộ Nội vụ đã có <i>Tờ trình số 1592/TTr-BNV ngày 23/3/2024</i> trình Thủ tướng Chính phủ Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng tại Công văn số 2692/VPCP-TCCV ngày 23/4/2024 của Văn phòng Chính phủ, Bộ Nội vụ đã tiếp tục lấy ý kiến và tiếp thu góp ý của 04 cơ quan hoàn thiện dự thảo Quyết định tại Phiếu trình số ngày 17/10/2024. Hiện nay, Bộ Nội vụ đang tiếp tục hoàn thiện dự thảo
V. VỀ CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG					
1.	Tiếp tục hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp	Năm	Các bộ,	Bộ Tài	Thực hiện thường xuyên, Bộ Tài chính

TT	Nhiệm vụ	Thời gian	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Tiến độ triển khai
	luật về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp công lập trong các lĩnh vực.	2024	ngành	chính	đã phối hợp với các bộ, ngành tiếp tục rà soát, hoàn thiện các văn bản QPPL về cơ chế tự chủ.
2.	Ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.	Quý I năm 2024	Bộ Tài chính	Các bộ, ngành, cơ quan có liên quan	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ Tài chính đã có Tờ trình số 17/TTr-BTC ngày 26/01/2024 và Tờ trình số 201/TTr-HCSN ngày 20/8/2024 trình Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 60/2021/NĐ-CP. - Căn cứ ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Đức Phớc tại văn bản số 7849/VPCP-KTTH ngày 25/10/2024 của Văn phòng Chính phủ, Bộ Tài chính đã có công văn số 11972/BTC-HCSN ngày 4/11/2024 lấy ý kiến của Bộ Tư pháp đối với nội dung cho phép Đài Truyền hình Việt Nam được tiếp tục áp dụng cơ chế tài chính, tiền lương như doanh nghiệp đang được thực hiện trong thời gian qua cho đến khi Chính phủ ban hành Nghị định mới quy định về cơ chế tài chính đối với Đài THVN. - Ngày 19/12/2024, Bộ Tư pháp đã có Công văn số 7333/BTP-PLDSKT gửi Bộ Tài chính. - Ngày 31/12/2024, Bộ Tài chính đã có Tờ

TT	Nhiệm vụ	Thời gian	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Tiến độ triển khai
					trình 423/TTr-BTC trình Chính phủ.
3.	Xây dựng Nghị định quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng kinh phí thường xuyên ngân sách nhà nước để thực hiện các dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, mở rộng dự án đã đầu tư xây dựng; mua sắm tài sản; mua, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị máy móc bảo đảm đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.	Theo Kế hoạch được phê duyệt	Bộ Tài chính	Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các bộ, ngành, cơ quan có liên quan	Đã hoàn thành. Bộ Tài chính đã trình Chính phủ ban hành Nghị định số 138/2024/NĐ-CP ngày 24/10/2024 của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm tài sản, trang thiết bị; cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng.
VI. VỀ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH PHỦ ĐIỆN TỬ, CHÍNH PHỦ SỐ					
1.	Triển khai thực hiện Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 với nội dung về phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số (được phê duyệt tại Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020).	Năm 2024	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Thông tin và Truyền thông	- Bộ T&TT tham mưu Chính phủ ban hành Nghị định số 1372024NĐ-CP ngày 23/10/2024 quy định về giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước và hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử. - Bộ TT&TT tham mưu Thủ tướng Chính phủ ký ban hành Chỉ thị số 34/CT-TTg ngày 16/9/2024 về việc xây dựng đề án chuyển đổi số của các bộ, ngành, địa phương.
2.	Xây dựng, cập nhật Kiến trúc Chính phủ điện tử cấp bộ, phiên bản 3.0, hướng tới Chính phủ số; Kiến trúc Chính quyền điện tử cấp tỉnh, phiên bản 3.0, hướng tới Chính quyền số bảo đảm phù hợp với Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 3.0, hướng tới	Năm 2024	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Thông tin và Truyền thông	- Bộ TT&TT ban hành theo Quyết định số 2568/QĐ-BTTTT ngày 29/12/2023 ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 3.0, hướng tới Chính phủ số và Quyết định số 1729/QĐ-BTTTT ngày 09/10/2024

TT	Nhiệm vụ	Thời gian	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Tiến độ triển khai
	Chính phủ số.				<p>về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định 2568/QĐ-BTTTT ngày 29/12/2023.</p> <p>- Cục Chuyển đổi số quốc gia, Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành Văn bản số 474/CĐSQG-CPS ngày 05/4/2024 về việc Hướng dẫn Đề cương Kiến trúc CPĐT/CQĐT phiên bản cập nhật 3.0.</p>
3.	Triển khai Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.	Năm 2024	Bộ Thông tin và Truyền thông	Các bộ, ngành, địa phương	<p>Theo Liên Hợp Quốc, Chính phủ điện tử của Việt Nam năm 2024 xếp hạng thứ 71 trong tổng số 193 quốc gia, tăng 15 bậc so với năm 2022, hoàn thành mục tiêu đặt ra tại Nghị quyết số 02/NQ-CP năm 2024.</p> <p>Hằng tháng, Bộ TT&TT xây dựng báo cáo Chuyển đổi số (bao gồm Chính phủ số) trình Thủ tướng Chính phủ.</p>
4.	Triển khai Quyết định số 142/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030.	Năm 2024	Bộ Thông tin và Truyền thông	Các bộ, ngành, địa phương	<p>Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành Kế hoạch hành động theo Quyết định số 813/QĐ-BTTTT ngày 17/5/2024, nhằm cụ thể hóa các nhiệm vụ và giải pháp thực hiện Chiến lược Dữ liệu Quốc gia.</p>
5.	Xây dựng và ban hành Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2030, định hướng đến năm 2035.	Tháng 11 năm 2024	Bộ Thông tin và Truyền	Các bộ, ngành, địa phương,	<p>Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi</p>

TT	Nhiệm vụ	Thời gian	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Tiến độ triển khai
			thông	các cơ quan có liên quan	mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia
6.	Đề án "Đẩy mạnh tuyên truyền nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả của dịch vụ công trực tuyến giai đoạn 2024 - 2025 và định hướng đến năm 2030".	Tháng 6 năm 2024	Bộ Thông tin và Truyền thông	Các bộ, ngành, địa phương, các cơ quan có liên quan	Đã hoàn thành. Ngày 17/12/2024, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 1588/QĐ-TTg phê duyệt Đề án “Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao chất lượng về cung cấp và sử dụng hiệu quả dịch vụ công trực tuyến đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”
7.	Triển khai hiệu quả cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến cho người dân, doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ.	Năm 2024	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Thông tin và Truyền thông, Văn phòng Chính phủ	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ TT&TT ban hành 04 văn bản hướng dẫn, đôn đốc về triển khai dịch vụ công trực tuyến (Văn bản số 220/BTTTT-CĐSQG ngày 18/01/2024; Văn bản số 1043/BTTTT-CĐSQG ngày 25/3/2024; Quyết định số 473/QĐ-BTTTT ngày 03/04/2024; Văn bản số 2710/BTTTT-CĐSQG ngày 10/7/2024; Văn bản số 4338/BTTTT-CĐSQG ngày 14/10/2024). - Bộ TT&TT tham mưu tổ chức các phiên họp của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi gồm: Phiên họp 9 của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số ngày 10/7/2024; Phiên họp Thường trực Chính phủ về Chuyển

TT	Nhiệm vụ	Thời gian	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Tiến độ triển khai
					<p>đổi số ngày 19/7/2024; Phiên họp chuyên đề Nâng cao chất lượng và hiệu quả của dịch vụ công trực tuyến ngày 31/8/2024 tại Đà Nẵng.</p> <p>- Tỷ lệ DVCTT toàn trình trên tổng số TTHC đạt 49%; tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình đạt 45%.</p>
8.	Thực hiện hiệu quả cơ chế một cửa quốc gia và cơ chế một cửa ASEAN.	Năm 2024	Bộ Tài chính	Các bộ, ngành, cơ quan có liên quan	<p>* Về Cơ chế một cửa Quốc gia: Tính đến ngày 15/5/2024, Cơ chế một cửa quốc gia đã có 250 TTHC của 13 Bộ, Ngành kết nối với sự tham gia của trên 70,8 nghìn doanh nghiệp.</p> <p>* Về Cơ chế một cửa ASEAN: Duy trì kết nối chính thức Cơ chế một cửa ASEAN để trao đổi thông tin chứng nhận xuất xứ mẫu D điện tử với tất cả 09 nước thành viên ASEAN. Phối hợp với Ban thư ký ASEAN và các nước ASEAN để trao đổi chính thức tờ khai Hải quan ASEAN theo kế hoạch. Trao đổi để xây dựng giải pháp, lộ trình kết nối trao đổi chứng từ điện tử giữa ASEAN và các đối tác như: Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Hoa Kỳ...</p>
9.	Tiếp tục thực hiện việc xây dựng quy trình nội bộ, quy trình điện tử trong giải quyết thủ tục hành chính; nghiên cứu, đề xuất cấp có thẩm quyền	Năm 2024	Các bộ, ngành, địa phương	Văn phòng Chính phủ	Tiếp tục triển khai

TT	Nhiệm vụ	Thời gian	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Tiến độ triển khai
	giảm phí, lệ phí trong trường hợp thanh toán trực tuyến để khuyến khích người dân, doanh nghiệp tham gia thực hiện; rà soát, chuẩn hóa, điện tử hóa mẫu đơn tờ khai theo hướng cắt giảm tối thiểu 20% thông tin phải khai báo trên cơ sở tái sử dụng dữ liệu đã được số hóa; đẩy nhanh việc thực hiện ký số trên thiết bị di động.				
10.	Thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng phục vụ, mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp. Công khai kết quả đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong giải quyết TTHC, cung cấp DVC tại các bộ, ngành, địa phương theo Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ. Định kỳ hàng tháng công khai danh sách cơ quan, tổ chức, cá nhân chậm muộn trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công trên Cổng Thông tin điện tử, Cổng DVC của bộ, ngành, địa phương.	Năm 2024	Các bộ, ngành, địa phương	Văn phòng Chính phủ	Tiếp tục triển khai
11.	Tiếp tục tích hợp, kết nối và chia sẻ dữ liệu dân cư giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với Cổng Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh phục vụ xác thực, chia sẻ thông tin công dân khi thực hiện thủ tục hành chính.	Năm 2024	Bộ Công an	Văn phòng Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông, các bộ, ngành, địa phương	Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đã kết nối với 18 bộ, ngành; 01 doanh nghiệp nhà nước (EVN); 03 doanh nghiệp viễn thông; 63 địa phương. Tính đến nay, đã xử lý 1.803.468.428 yêu cầu để tra cứu, xác thực thông tin; 694.235.485 yêu cầu đồng bộ thông tin công dân. Phối hợp đối soát làm sạch

TT	Nhiệm vụ	Thời gian	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Tiến độ triển khai
					115.238.458 thông tin thuê bao cho 06 nhà mạng (VNPT, Viettel, Mobifone, I-Telecom, VNSKY, ASIM). Đồng thời, triển khai dịch vụ xác thực thẻ căn cước công dân cho 06 đơn vị nêu trên với 48.879.138 lượt xác thực.
12.	Thúc đẩy triển khai Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2022 phê duyệt Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030.	Năm 2024	Bộ Công an	Các bộ, ngành, địa phương	<ul style="list-style-type: none"> - Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 04/CT-TTg ngày 11/02/2024 về tiếp tục đẩy mạnh triển khai Đề án phát triển dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn năm 2030. - Thủ tướng Chính phủ chủ trì 11 Hội nghị trực tuyến toàn quốc; các Phó Thủ tướng Chính phủ chủ trì 12 cuộc họp với các bộ, ngành để giải quyết những khó khăn, vướng mắc, thúc đẩy triển khai những nhiệm vụ của Đề án 06. - Chính phủ ban hành 03 Nghị định: (1) Nghị định quy định danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia; việc xây dựng, cập nhật, duy trì, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia (Nghị định 47/2024/NĐ-CP ngày 09/5/2024). (2) Nghị định quy định việc thực hiện liên thông điện tử 02 nhóm TTHC liên thông (Nghị định số

TT	Nhiệm vụ	Thời gian	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Tiến độ triển khai
					<p>63/2024/NĐ-CP ngày 10/6/2024). (3) Nghị định số 05/NĐ-CP ngày 11/11/2024 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 01/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an để bổ sung Trung tâm dữ liệu dân cư là đơn vị tương đương cấp Cục thuộc Bộ Công an.</p> <p>- Bộ Công an đã ban hành 04 Thông tư: (1) Thông tư quy định mẫu thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước (Thông tư số 16/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024), (2) Thông tư quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật căn cước (Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024), (3) Thông tư Quy định về quy trình cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước (Thông tư số 18/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024), (4) Thông tư Quy định về công tác tàng thư căn cước, cư trú (Thông tư số 19/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024).</p>
13.	Tiếp tục xác thực đồng bộ dữ liệu dân cư với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành để làm sạch dữ liệu và kết nối, chia sẻ phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp	Năm 2024	Bộ Công an	Các bộ, ngành	Đã hoàn thành cung cấp 25/25 dịch vụ công theo Đề án 06/CP và 13/28 dịch vụ công theo Quyết định số 422/QĐ-TTg ngày 04/4/2022 trên Cổng dịch vụ

TT	Nhiệm vụ	Thời gian	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Tiến độ triển khai
	dịch vụ công.				công quốc gia; trong đó, 23/25 dịch vụ công thiết yếu đã được thực hiện toàn trình và cung cấp 02 dịch vụ công liên thông. Triển khai tích hợp chức năng thanh toán trực tuyến và hoàn tiền tự động của hệ thống Vietcombank trên môi trường product mã hóa các dữ liệu đảm bảo an ninh, an toàn theo quy định; phát triển chức năng kết chuyển kho bạc đối với các hồ sơ có nghĩa vụ tài chính trên Cổng dịch vụ công cư trú.
14.	Tiếp tục triển khai xây dựng, hoàn thiện và đưa vào vận hành các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành đã được phê duyệt; đẩy mạnh kết nối, tích hợp, chia sẻ thông tin, dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương.	Năm 2024	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Công an, Văn phòng Chính phủ, các bộ, cơ quan liên quan	Bộ Thông tin và Truyền thông đã tham mưu Chính phủ ban hành Nghị định số 47/2024/NĐ-CP ngày 09/5/2024 quy định về danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia; việc xây dựng, cập nhật, duy trì, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia. Bộ TT&TT phát triển và vận hành Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP): đã kết nối 103 bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức ở Trung ương (cơ bản hết cơ quan cấp I); đã kết nối 10 cơ sở dữ liệu, 15 hệ thống thông tin cung cấp dịch vụ chia sẻ dữ liệu trên NDXP.

TT	Nhiệm vụ	Thời gian	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Tiến độ triển khai
					<ul style="list-style-type: none"> - Tại Nghị định số 47/2024/NĐ-CP ngày 09/5/2024 đã ban hành danh mục 10 Cơ sở dữ liệu quốc gia. Qua đánh giá, hiện tại đã có 05/10 cơ sở dữ liệu quốc gia đã được triển khai, xây dựng; 03 Cơ sở dữ liệu quốc gia đang trong giai đoạn triển khai; còn 02 cơ sở dữ liệu quốc gia (về hoạt động xây dựng và cơ sở dữ liệu Tổng hợp quốc gia) đang trong giai đoạn hình thành, xây dựng đề án để triển khai. - Qua kết quả khảo sát hiện tại có khoảng 114 cơ sở dữ liệu chuyên ngành, trong đó có 87 CSDL chuyên ngành đã được triển khai, xây dựng phục vụ hoạt động chuyên ngành của các bộ, cơ quan ngang bộ; 09 CSDL đang trong quá trình xây dựng, 14 CSDL đã có kế hoạch xây dựng, 04 CSDL chưa có kế hoạch xây dựng/không xác định cụ thể. - Về xây dựng Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về Chiến lược dữ liệu tại Trung tâm dữ liệu quốc gia: Ngày 26/4/2024, Bộ Công an ban hành Công văn 1449/BCA-C06 gửi các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính

TT	Nhiệm vụ	Thời gian	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Tiến độ triển khai
					<p>phủ và UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để xin ý kiến vào dự thảo Chiến lược dữ liệu tại Trung tâm dữ liệu quốc gia. Ngày 29/7/2024, Bộ Công an đã có văn bản số 2491/BCA-C06 gửi các bộ, ngành có liên quan xin ý kiến lần 2 về dự thảo Chiến lược. Đến nay, Bộ Công an đã có Tờ trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, ký Quyết định chiến lược dữ liệu tại Trung tâm dữ liệu quốc gia.</p>
15.	<p>Xây dựng Khung Bộ chỉ số phục vụ chỉ đạo, điều hành của các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước.</p>	<p>Năm 2024</p>	<p>Văn phòng Chính phủ</p>	<p>Các bộ, ngành, địa phương</p>	<p>VPCP đã phối hợp với BTTTT đưa nội dung của Khung Bộ chỉ số vào Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 20/9/2024 và Nghị định số 137/NĐ-CP ngày 23/10/2024, VPCP đã báo cáo Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Nguyễn Hòa Bình và PTTg đã đồng ý cho rút khỏi Chương trình công tác năm 2024 nhiệm vụ này</p>
16.	<p>Xây dựng, trình Chính phủ ban hành Nghị định về 02 dịch vụ công liên thông "Đăng ký khai sinh - đăng ký thường trú - cấp thẻ BHYT cho trẻ dưới 6 tuổi" và "Đăng ký khai tử - xóa đăng ký thường trú - trợ cấp mai táng phí".</p>	<p>Tháng 4 năm 2024</p>	<p>Văn phòng Chính phủ</p>	<p>Các bộ, ngành, địa phương</p>	<p>Đã hoàn thành (Nghị định số 63/2024/NĐ-CP ngày 10/6/2024)</p>
17.	<p>Xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục các nhóm thủ tục hành chính</p>	<p>Tháng 02 năm</p>	<p>Văn phòng</p>	<p>Các bộ, ngành, địa</p>	<p>Đã hoàn thành (Quyết định số 206/QĐ-TTg ngày 28/02/2024)</p>

TT	Nhiệm vụ	Thời gian	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Tiến độ triển khai
	liên thông điện tử, tích hợp, cung cấp lên Cổng Dịch vụ công quốc gia năm 2024.	2024	Chính phủ	phương, cơ quan có liên quan	
18.	Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện các giải pháp phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam theo Quyết định số 1813/QĐ-TTg ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021 - 2025.	Năm 2024	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Các bộ, ngành, địa phương, cơ quan có liên quan	Chính phủ đã ban hành Nghị định số 52/2024/NĐ-CP ngày 15/5/2024 quy định về thanh toán không dùng tiền mặt, thay thế Nghị định 101/2012/NĐ-CP. Đây là một trong những văn bản pháp luật quan trọng góp phần hiện thực hóa mục tiêu đưa Việt Nam trở thành một xã hội thanh toán không dùng tiền mặt vào năm 2030. Nghị định đưa ra nhiều giải pháp nhằm khuyến khích người dân và doanh nghiệp sử dụng thanh toán không dùng tiền mặt như: giảm chi phí giao dịch, tăng cường bảo mật, đa dạng hóa các sản phẩm dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt... Từ đó, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước giúp đảm bảo an ninh, an toàn cho hệ thống thanh toán, bảo vệ quyền lợi của người sử dụng dịch vụ thanh toán và góp phần thúc đẩy phát triển thanh toán không dùng tiền mặt một cách bền vững.
19.	Tiếp tục duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO	Năm 2024	Bộ Khoa học và	Các bộ, ngành, địa	Tiếp tục triển khai

TT	Nhiệm vụ	Thời gian	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Tiến độ triển khai
	9001:2015 trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước; mở rộng hệ thống quản lý chất lượng đối với các hoạt động nội bộ; từng bước triển khai áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 điện tử.		Công nghệ	phương	

Số: /QĐ-BCĐCCHC

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Kế hoạch hoạt động năm 2025
của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ

TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 110/QĐ-TTg ngày 28 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch hoạt động năm 2025 của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các thành viên Ban Chỉ đạo, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Các thành viên Ban Chỉ đạo;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, BCĐCCHC (2). NTQ.

TRƯỞNG BAN

THỦ TƯỚNG
Phạm Minh Chính

KẾ HOẠCH

Hoạt động năm 2025 của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ
(*Kèm theo Quyết định số /QĐ-BCĐCCHC ngày tháng năm 2025 của
Trưởng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ*)

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU

1. Mục tiêu

a) Nâng cao chất lượng chỉ đạo, điều hành công tác cải cách hành chính của các thành viên Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ (Ban Chỉ đạo), có những điểm nhấn quan trọng trong triển khai thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính giai đoạn 2021 - 2030 ban hành kèm theo Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ nói chung, năm 2025 nói riêng. Tăng cường trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân, nhất là người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong việc triển khai nhiệm vụ cải cách hành chính.

b) Đánh giá những kết quả cải cách hành chính giai đoạn 2021 - 2025 khoa học, hệ thống, định lượng và dựa trên kết quả theo đúng tinh thần của Nghị quyết 76/NQ-CP. Thông qua đó, nâng cao nhận thức của các cấp lãnh đạo, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức cũng như của người dân, tổ chức và xã hội về các chủ trương, chính sách, giải pháp về cải cách hành chính. Tiếp tục gắn kết công tác cải cách hành chính của các bộ, ngành, địa phương với các nội dung của Chương trình tổng thể cải cách hành chính, đặc biệt là cải cách thủ tục hành chính, cải cách chế độ công vụ, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính và xây dựng Chính phủ điện tử, Chính phủ số.

c) Thực hiện có hiệu quả các nội dung, nhiệm vụ cải cách hành chính, góp phần bảo đảm thực hiện có chất lượng những nhiệm vụ tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày tháng 01 năm 2025 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 và Nghị quyết 02/NQ-CP ngày tháng 01 năm 2025 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2025.

2. Yêu cầu

a) Giúp Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo, phối hợp giữa các bộ, ngành và địa phương thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính một cách hiệu quả.

b) Đẩy mạnh cải cách hành chính trên cả 06 lĩnh vực với trọng tâm, trọng điểm như sau:

- Về thể chế, tập trung tháo gỡ vướng mắc pháp lý cho sản xuất, kinh doanh.
- Về cải cách thủ tục hành chính, tập trung đơn giản hóa thủ tục hành chính,

phân cấp, phân quyền, giảm chi phí đầu vào, chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp.

- Về cải cách tổ chức bộ máy hành chính, tập trung xây dựng bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại và nâng cao năng lực thực thi của cán bộ, công chức, viên chức.

- Về cải cách chế độ công vụ, tập trung tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, tăng cường văn hóa công sở, xây dựng đạo đức công vụ, tăng cường trách nhiệm của các cán bộ, công chức, viên chức thực thi nhiệm vụ, công vụ đối với người dân và doanh nghiệp.

- Về cải cách tài chính công, tập trung tăng cường các biện pháp tăng thu, giảm chi thường xuyên, cơ cấu lại, tăng chi cho đầu tư phát triển, chống tiêu cực, tham nhũng trong việc sử dụng tài chính công.

- Về xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số, đẩy mạnh chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, công dân số, đặc biệt là tập trung triển khai Đề án số 06.

c) Xác định rõ trách nhiệm của từng bộ, ngành, địa phương trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

d) Thành viên Ban Chỉ đạo cần chủ động phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong quá trình triển khai thực hiện các nhiệm vụ được phân công.

II. NỘI DUNG TRIỂN KHAI

TT	Nhiệm vụ	Thời gian	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp
A. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH				
1.	Tiếp tục triển khai đồng bộ các nội dung cải cách hành chính theo Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030; tăng cường giám sát, kiểm tra tình hình thực hiện các văn bản chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính; đẩy mạnh công tác tuyên truyền cải cách hành chính; giải quyết các kiến nghị của bộ, ngành, địa phương liên quan đến cải cách hành chính.	Năm 2025	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Nội vụ và các cơ quan liên quan
2.	Sơ kết giai đoạn I (2021 - 2025) thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030	Tháng 12 năm 2025	Bộ Nội vụ	Các bộ, ngành và địa phương
3.	Xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch kiểm tra cải cách hành chính của cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo.	Năm 2025	Bộ Nội vụ	Các bộ, ngành và địa phương

TT	Nhiệm vụ	Thời gian	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp
4.	Tiếp tục đẩy mạnh triển khai thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính.	Năm 2025	Thông tấn xã Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam	Các bộ, ngành, địa phương
5.	Đổi mới công tác nghiên cứu, đề xuất sáng kiến cải cách hành chính; định kỳ thực hiện kiểm điểm, đánh giá kết quả của các thành viên trước Ban Chỉ đạo.	Năm 2025	Các thành viên Ban Chỉ đạo; các bộ, ngành, địa phương	Các cơ quan có liên quan
6.	Tổng hợp, đề xuất việc giải quyết các khó khăn, vướng mắc của các bộ, ngành, địa phương trong thực hiện cải cách hành chính.	Năm 2025	Bộ Nội vụ	Các bộ, ngành và địa phương
7.	Triển khai xác định và công bố Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính năm 2024 và Chỉ số cải cách hành chính năm 2024 của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.	Quý II năm 2025	Bộ Nội vụ	Các bộ, ngành và địa phương
B. XÂY DỰNG THỂ CHẾ, CHÍNH SÁCH VÀ TỔ CHỨC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN				
I. NHÓM NHIỆM VỤ CHUNG				
1.	Tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới và Nghị quyết số 77/NQ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới.	Năm 2025	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Tư pháp
2.	Thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025 và điều chỉnh chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024.	Năm 2025	Các bộ, cơ quan ngang bộ	Bộ Tư pháp, các bộ, ngành và địa phương

TT	Nhiệm vụ	Thời gian	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp
3.	Chương trình hành động quốc gia của Việt Nam về đăng ký, thống kê hộ tịch giai đoạn 2025 - 2030.	Tháng 08 năm 2025	Bộ Tư pháp	Các bộ, ngành, địa phương có liên quan
4.	Đề án “Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật giai đoạn 2025 - 2030”	Tháng 12 năm 2025	Bộ Tư pháp	Các bộ, ngành, địa phương có liên quan
5.	Xây dựng và trình Chính phủ, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội Dự án Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sửa đổi).	Quý I, II/2025	Bộ Tư pháp	Các bộ, ngành, địa phương có liên quan
6.	Xây dựng Nghị quyết về giải quyết vướng mắc, phát sinh trong các quy định của pháp luật liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy	Tháng 1/2025	Bộ Tư pháp	Các bộ, ngành, địa phương có liên quan
7.	Đề án “Nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật cạnh tranh đến năm 2030”	Tháng 12 năm 2025	Bộ Công Thương	Các bộ, ngành, địa phương có liên quan
8.	Đề án Tăng cường hiệu quả áp dụng và thực thi pháp luật cạnh tranh trong lĩnh vực thương mại	Tháng 12 năm 2025	Bộ Công Thương	Các bộ, ngành, địa phương có liên quan
9.	Nâng cao chất lượng thẩm định, ban hành văn bản quy phạm pháp luật, bảo đảm đồng bộ, khả thi; ban hành kịp thời các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành các luật, pháp lệnh, nghị quyết; tăng cường nguồn lực và kinh phí cho công tác tư pháp.	Năm 2025	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Tư pháp
10.	Rà soát, sớm phát hiện và có biện pháp khắc phục các quy định pháp luật chồng chéo, bất cập, không phù hợp thực tiễn, gây khó khăn, là “điểm nghẽn” của sự phát triển.	Năm 2025	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Tư pháp
11.	Ưu tiên nguồn lực cho công tác xây dựng, hoàn thiện pháp luật; nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật. Tập trung tháo gỡ các điểm nghẽn về cơ chế, chính sách nhằm hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh và đời sống của người dân, doanh nghiệp. Tiếp tục hoàn thiện đồng bộ khung khổ pháp lý thúc đẩy sự phát triển của khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo.	Năm 2025	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Tư pháp
12.	Thực hiện có hiệu quả Đề án “Tổ chức truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp	Năm 2025	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Tư pháp

TT	Nhiệm vụ	Thời gian	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp
	luật giai đoạn 2022 - 2027” ban hành kèm theo Quyết định số 407/QĐ-TTg ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ.			
13.	Đổi mới, tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác theo dõi thi hành pháp luật, tập trung vào các lĩnh vực được xác định là trọng tâm phát triển kinh tế - xã hội của năm 2025, phù hợp với nhiệm vụ chung của cả giai đoạn 2021 - 2025. Thực hiện tốt Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành năm 2025. Tiếp tục thực hiện hiệu quả, thực chất các giải pháp nhằm nâng cao điểm số và nâng xếp hạng chỉ số Chi phí tuân thủ pháp luật (Chỉ số B1).	Năm 2025	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Tư pháp
14.	Cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác văn bản quy phạm pháp luật thuộc trách nhiệm, thẩm quyền của cơ quan, địa phương mình trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật theo quy định tại Nghị định số 52/2015/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ.	Năm 2025	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Tư pháp

II. VỀ CẢI THIÊN MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ, KINH DOANH VÀ CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1.	Tập trung triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày tháng 01 năm 2025 của Chính phủ; Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày tháng 01 năm 2025 của Chính phủ; Nghị quyết số 131/NQ-CP ngày 06 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ; Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 - 2025; Quyết định số /QĐ-TTg ngày tháng 01 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch cải cách thủ tục hành chính trọng tâm năm 2025.	Năm 2025	- Các bộ, ngành, địa phương; - Các bộ được giao đầu mối tại Nghị quyết số 01/NQ-CP; Nghị quyết số 02/NQ-CP	Văn phòng Chính phủ; Bộ Kế hoạch và Đầu tư
2.	Chương trình cắt giảm giấy phép tại bộ, ngành, địa phương và chuyển một số nhiệm vụ, hoạt động cấp phép cho doanh nghiệp, tổ chức xã hội đảm nhiệm giai đoạn 2025-2030	Tháng 6 năm 2025	Văn phòng Chính phủ	Các bộ, ngành, địa phương
3.	Nghị quyết của Chính phủ về đổi mới toàn diện việc giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính	Tháng 6 năm 2025	Văn phòng Chính phủ	Các bộ, ngành, địa phương
4.	Cập nhật đầy đủ, chính xác và công khai kịp thời quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh,	Năm 2025	Các bộ, ngành	Văn phòng Chính phủ

TT	Nhiệm vụ	Thời gian	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp
	kết quả rà soát, chi phí tuân thủ, phương án cắt giảm, đơn giản hóa; thực hiện tham vấn các tổ chức, cá nhân, đối tượng chịu tác động về chính sách, quy định; tiếp nhận, tổng hợp, tiếp thu, giải trình, phản hồi, cập nhật kết quả xử lý đối với ý kiến góp ý, vướng mắc, đề xuất của tổ chức, cá nhân về chính sách, quy định thuộc phạm vi chức năng quản lý và công khai trên Cổng tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh.			
5.	Triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích.	Năm 2025	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Thông tin và Truyền thông
6.	Đánh giá việc triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính, kết quả triển khai thí điểm mô hình Trung tâm phục vụ hành chính công một cấp trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tại Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Quảng Ninh, Bắc Ninh.	Năm 2025	Văn phòng Chính phủ	Các bộ, ngành, địa phương
III. VỀ CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC				
1.	Tiếp tục rà soát, sắp xếp, tinh gọn đầu mối bên trong, tiếp tục sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập của bộ, ngành, địa phương bảo đảm mục tiêu, tiến độ đề ra.	Năm 2025	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Nội vụ
2.	Đề án Tổng kết 20 năm thực hiện mô hình tổ chức bộ máy của Chính phủ	Năm 2025	Bộ Nội vụ	Các bộ, ngành, địa phương có liên quan
3.	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 về tinh giản biên chế	Năm 2025	Bộ Nội vụ	Các bộ, ngành, địa phương có liên quan
4.	Triển khai thực hiện Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước.	Năm 2025	Các bộ, cơ quan	Bộ Nội vụ, các địa phương
5.	Rà soát, đề xuất phương án sáp nhập đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã đối với những đơn vị hành chính chưa đủ tiêu chí về diện tích, dân số theo Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để chủ động phương án việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030.	Năm 2025	Các địa phương	Bộ Nội vụ

TT	Nhiệm vụ	Thời gian	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp
6.	Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương	Năm 2025	Bộ Nội vụ	Các bộ, ngành, địa phương
IV. VỀ CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ				
1.	Thực hiện tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17 tháng 4 năm 2015 của Ban Chấp hành Trung ương về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế và Quyết định số 1046/QĐ-TTg ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch triển khai thực hiện các quy định của Bộ Chính trị về quản lý biên chế.	Năm 2024	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Nội vụ
2.	Triển khai có hiệu quả Chiến lược quốc gia thu hút, trọng dụng nhân tài tại Nghị định số 179/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng làm việc trong cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội và các quy định về kiểm định chất lượng đầu vào công chức tại Nghị định số 06/2023/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2023, quy định về khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung tại Nghị định số 73/2023/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2023.	Năm 2025	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Nội vụ
3.	Triển khai có hiệu quả các cơ chế, chính sách dành cho cán bộ, công chức, viên chức tại Nghị định số 177/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với các trường hợp không tái cử, tái bổ nhiệm và cán bộ thôi việc, nghỉ hưu theo nguyện vọng và Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.	Năm 2025	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Nội vụ
4.	Tiếp tục triển khai các giải pháp nâng cao kỷ luật, kỷ cương hành chính, chất lượng thực thi công vụ và cải thiện chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp; kiên quyết xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm kỷ luật, kỷ cương	Năm 2025	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Nội vụ

TT	Nhiệm vụ	Thời gian	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp
	hành chính, bảo đảm sự nghiêm minh trong thực thi pháp luật và củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng và chính quyền.			
5.	Triển khai thực hiện Đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2016 - 2025.	Năm 2025	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Nội vụ
6.	Nghị định về chế độ, chính sách cán bộ, công chức, viên chức khi sắp xếp tổ chức bộ máy hệ thống chính trị.	Năm 2025	Bộ Nội vụ	Các bộ, ngành, địa phương, cơ quan có liên quan
7.	Đề nghị xây dựng Luật Cán bộ, công chức (sửa đổi)	Năm 2025	Bộ Nội vụ	Các bộ, ngành, địa phương, cơ quan có liên quan

V. VỀ CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG

1.	Tiếp tục hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp công lập trong các lĩnh vực.	Năm 2025	Các bộ, ngành	Bộ Tài chính
2.	Nghị định quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập	Tháng 9 năm 2025	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành, cơ quan có liên quan

VI. VỀ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH PHỦ ĐIỆN TỬ, CHÍNH PHỦ SỐ

1.	Triển khai thực hiện Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 với nội dung về phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số (được phê duyệt tại Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020).	Năm 2025	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Thông tin và Truyền thông
2.	Xây dựng, cập nhật Kiến trúc Chính phủ điện tử cấp bộ, phiên bản 3.0, hướng tới Chính phủ số; Kiến trúc Chính quyền điện tử cấp tỉnh, phiên bản 3.0, hướng tới Chính quyền số bảo đảm phù hợp với Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 3.0, hướng tới Chính phủ số.	Năm 2025	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Thông tin và Truyền thông
3.	Triển khai Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.	Năm 2025	Bộ Thông tin và Truyền thông	Các bộ, ngành, địa phương

TT	Nhiệm vụ	Thời gian	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp
4.	Triển khai Quyết định số 142/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030.	Năm 2025	Bộ Thông tin và Truyền thông	Các bộ, ngành, địa phương
5.	Triển khai thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.	Năm 2025	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Thông tin và Truyền thông
6.	Triển khai thực hiện Quyết định số 1588/QĐ-TTg ngày 17 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao chất lượng về cung cấp và sử dụng hiệu quả dịch vụ công trực tuyến đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”	Năm 2025	Bộ Thông tin và Truyền thông	Các bộ, ngành, địa phương, các cơ quan có liên quan
7.	Triển khai hiệu quả cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến cho người dân, doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ.	Năm 2025	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Thông tin và Truyền thông, Văn phòng Chính phủ
8.	Thực hiện hiệu quả cơ chế một cửa quốc gia và cơ chế một cửa ASEAN.	Năm 2025	Bộ Tài chính	Các bộ, ngành, cơ quan có liên quan
9.	Tiếp tục thực hiện việc xây dựng quy trình nội bộ, quy trình điện tử trong giải quyết thủ tục hành chính; nghiên cứu, đề xuất cấp có thẩm quyền giảm phí, lệ phí trong trường hợp thanh toán trực tuyến để khuyến khích người dân, doanh nghiệp tham gia thực hiện; rà soát, chuẩn hóa, điện tử hóa mẫu đơn tờ khai theo hướng cắt giảm tối thiểu 20% thông tin phải khai báo trên cơ sở tái sử dụng dữ liệu đã được số hóa; đẩy nhanh việc thực hiện ký số trên thiết bị di động.	Năm 2024	Các bộ, ngành, địa phương	Văn phòng Chính phủ
10.	Thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng phục vụ, mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp. Công khai kết quả đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công tại các bộ, ngành, địa phương theo Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ. Định kỳ hàng tháng công khai danh sách cơ quan, tổ chức, cá nhân chậm muộn trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công trên Cổng Thông tin điện tử, Cổng Dịch	Năm 2025	Các bộ, ngành, địa phương	Văn phòng Chính phủ

TT	Nhiệm vụ	Thời gian	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp
	vụ công của bộ, ngành, địa phương.			
11.	Tiếp tục tích hợp, kết nối và chia sẻ dữ liệu dân cư giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với Công Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh phục vụ xác thực, chia sẻ thông tin công dân khi thực hiện thủ tục hành chính.	Năm 2025	Bộ Công an	Văn phòng Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông, các bộ, ngành, địa phương
12.	Thúc đẩy triển khai Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2022 phê duyệt Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030.	Năm 2025	Bộ Công an	Các bộ, ngành, địa phương
13.	Tiếp tục xác thực đồng bộ dữ liệu dân cư với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành để làm sạch dữ liệu và kết nối, chia sẻ phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.	Năm 2025	Bộ Công an	Các bộ, ngành
14.	Tiếp tục triển khai xây dựng, hoàn thiện và đưa vào vận hành các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành đã được phê duyệt; đẩy mạnh kết nối, tích hợp, chia sẻ thông tin, dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương.	Năm 2025	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Công an, Văn phòng Chính phủ, các bộ, cơ quan liên quan

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Nội vụ, là cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo, có trách nhiệm:

- Đôn đốc các thành viên Ban Chỉ đạo, các bộ, ngành, địa phương triển khai Kế hoạch.

- Tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch, kịp thời đề xuất với Thủ tướng Chính phủ, Trưởng Ban Chỉ đạo những vấn đề phát sinh để xem xét, giải quyết.

- Tăng cường công tác kiểm tra, theo dõi, đánh giá và đề xuất các giải pháp đẩy mạnh triển khai thực hiện các nhiệm vụ trong Kế hoạch.

- Phối hợp với Bộ Tài chính để lập và phân bổ kinh phí hoạt động năm 2025 của cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm tra của cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo.

2. Các thành viên Ban Chỉ đạo có trách nhiệm:

- Chủ động chỉ đạo, đôn đốc việc triển khai thực hiện kế hoạch cải cách hành chính năm 2025 của bộ, ngành mình.

- Trên cơ sở kế hoạch của Ban Chỉ đạo, cụ thể hóa thành các mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể để triển khai thực hiện đối với các nhiệm vụ được phân công.

- Chủ trì, phối hợp, đôn đốc các bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ, cơ quan ngang bộ.

- Báo cáo định kỳ (06 tháng và năm) kết quả công tác cải cách hành chính theo lĩnh vực, nhiệm vụ được phân công. Báo cáo của các thành viên Ban Chỉ đạo lồng ghép vào Báo cáo cải cách hành chính định kỳ của bộ, cơ quan theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Nội vụ.

- Chủ động đề xuất với Trưởng Ban Chỉ đạo và Bộ Nội vụ về những nhiệm vụ trọng tâm cải cách hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ, cơ quan cần có sự phối hợp, đôn đốc từ Ban Chỉ đạo; tích cực đổi mới công tác chỉ đạo, điều hành, đề xuất sáng kiến cải cách hành chính./.

THAM LUẬN

Kết quả cải cách thủ tục hành chính gắn với chuyển đổi số, phục vụ người dân, doanh nghiệp và xây dựng Chính phủ điện tử năm 2024, phương hướng, nhiệm vụ năm 2025

Văn phòng Chính phủ

Kính thưa đồng chí Nguyễn Hòa Bình, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ, Phó Trưởng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ!

Kính thưa đồng chí Phạm Thị Thanh Trà, Ủy viên BCH Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Phó Trưởng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ!

Kính thưa các quý vị đại biểu tham dự Hội nghị tại các điểm cầu!

Trong bài viết "*Chuyển đổi số - Động lực quan trọng phát triển lực lượng sản xuất, hoàn thiện quan hệ sản xuất, đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới*"¹¹¹, Tổng Bí thư Tô Lâm đã khẳng định "*Dưới sự lãnh đạo của Đảng, với sự đồng lòng, chung sức của toàn Đảng, toàn dân và cả hệ thống chính trị, chúng ta nhất định sẽ thực hiện thành công cuộc cách mạng chuyển đổi số, tạo ra bước đột phá trong phát triển lực lượng sản xuất và hoàn thiện quan hệ sản xuất, đưa đất nước ta, dân tộc ta vươn mình vượt bậc trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên của tiên tiến, văn minh, hiện đại*". Như chỉ đạo của Tổng Bí thư, công tác cải cách thủ tục hành chính gắn kết chặt chẽ với chuyển đổi số, phục vụ người dân, doanh nghiệp và xây dựng Chính phủ điện tử trong thời gian qua được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quyết liệt chỉ đạo, các bộ, ngành, địa phương tích cực triển khai và đạt được nhiều kết quả nổi bật:

I. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ TRIỂN KHAI

1. Quyết liệt trong công tác chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

Năm 2024, Chính phủ đã chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương tập trung cải cách TTHC, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh gắn với xây dựng Chính phủ điện tử, phục vụ người dân doanh nghiệp từ Nghị quyết số 01/NQ-CP, 02/NQ-CP ngày 05/01/2024¹¹² đến các Nghị quyết Phiên họp thường kỳ hàng tháng. Chính phủ đã báo cáo Quốc hội tại Kỳ họp thứ 7 về kết quả rà soát, xử lý các vướng mắc, bất cập về TTHC; trong đó, đề ra nhiều giải pháp, nhiệm vụ trọng tâm để các bộ, ngành, địa phương triển khai đồng bộ, hiệu quả công tác này¹¹³. Chính phủ đã ban hành

¹¹¹ Đăng trên Tạp chí Cộng sản ngày 02/9/2024.

¹¹² Tại Nghị quyết số 01/NQ-CP, Chính phủ giao các bộ, ngành, địa phương thực hiện 08 chỉ tiêu cụ thể về cải cách TTHC (trong đó, có 06 chỉ tiêu về DVCTT, 02 chỉ tiêu về QĐKD); tại Nghị quyết số 02/NQ-CP, Chính phủ giao các bộ, ngành, địa phương thực hiện 16 chỉ tiêu cụ thể (trong đó 12 chỉ tiêu về DVCTT, 04 chỉ tiêu về QĐKD).

¹¹³ Báo cáo số 248/BC-CP ngày 18/5/2024 của Chính phủ (Thực hiện yêu cầu của Quốc hội tại Khoản 3.9, Điều 3 Nghị quyết số 103/2023/QH15).

Nghị định quy định việc thực hiện liên thông điện tử 02 nhóm TTHC: đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi; đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai táng phí, tử tuất¹¹⁴; đã chỉ đạo triển khai thí điểm Mô hình Trung tâm phục vụ hành chính công một cấp¹¹⁵ trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh từ tháng 9/2024 đến tháng 11/2025 tại 05 địa phương (Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương, Quảng Ninh và Bắc Ninh)¹¹⁶...

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Kế hoạch cải cách TTHC trọng tâm năm 2024; đồng thời, đã chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương triển khai các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2024, tổ chức có hiệu quả hoạt động Bộ phận Một cửa các cấp và cung cấp 02 nhóm TTHC liên thông điện tử từ ngày 01/7/2024¹¹⁷; phê duyệt Danh mục nhóm dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) liên thông ưu tiên tái cấu trúc quy trình để tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia và phương án đơn giản hóa quy định, TTHC liên quan đến phiếu lý lịch tư pháp¹¹⁸; ban hành nhiều chỉ thị, công điện¹¹⁹ chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương đẩy mạnh cắt giảm, đơn giản hóa TTHC, nâng cao hiệu quả giải quyết TTHC, giảm phiền hà, chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp ngay từ khâu xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) và đẩy mạnh thực hiện nhiệm vụ, giải pháp triển khai Đề án 06...

Tổ Công tác cải cách TTHC của Thủ tướng Chính phủ tiếp tục đôn đốc các bộ, ngành, địa phương thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp về cải cách TTHC. Trong năm 2024, đã tổ chức 03 phiên họp¹²⁰; 02 buổi làm việc của Tổ trưởng Tổ công tác với 03 bộ, 08 địa phương theo hình thức trực tiếp kết hợp với trực tuyến¹²¹ để đánh giá kết quả thực hiện cũng như chỉ đạo, thúc đẩy cải cách TTHC; ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, đôn đốc và đề nghị các bộ, ngành, địa phương xử lý phản ánh, kiến nghị về cơ chế, chính sách, TTHC của hiệp hội, cộng đồng doanh nghiệp, thành viên Hội đồng tư vấn cải cách TTHC gửi đến Tổ công tác¹²²...

2. Chuyển biến về cải cách quy định TTHC

a) Về cắt giảm, đơn giản hóa QĐKD theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ:

¹¹⁴ Nghị định số 63/2024/NĐ-CP ngày 10/6/2024 của Chính phủ.

¹¹⁵ Trung tâm phục vụ hành chính công một cấp trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan hành chính có chức năng tiếp nhận, giải quyết và kiểm soát, theo dõi, đánh giá thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông

¹¹⁶ Nghị quyết số 108/NQ-CP ngày 10/7/2024 và Nghị quyết số 188/NQ-CP ngày 11/10/2024 của Chính phủ.

¹¹⁷ Các văn bản: số 1071/VPCP-KSTT ngày 20/02/2024, số 7641/VPCP-KSTT ngày 18/10/2024 số 454/TTg-KSTT ngày 25/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ.

¹¹⁸ Các Quyết định: số 206/QĐ-TTg ngày 28/02/2024, số 498/QĐ-TTg ngày 11/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ.

¹¹⁹ Như: Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 20/5/2024, Công văn số 727/TTg-KSTT ngày 01/10/2024, Công điện số 131/CD-TTg ngày 11/12/2024, Công điện số 133/CD-TTg ngày 14/12/2024...

¹²⁰ Thông báo kết luận số 71/TB-VPCP ngày 28/02/2024, số 204/TB-VPCP ngày 08/5/2024 và số 362/TB-VPCP ngày 05/8/2024 của Văn phòng Chính phủ.

¹²¹ Các Thông báo kết luận số 210/TB-VPCP ngày 10/05/2024, số 537/TB-VPCP ngày 29/11/2024.

¹²² Trong năm 2024, Tổ công tác đã tiếp nhận và chỉ đạo, đề nghị các bộ, ngành, địa phương xem xét, xử lý 225 phản ánh, kiến nghị, các phản ánh, kiến nghị trên đều đã được các bộ, ngành, địa phương trả lời (đạt 100%). Tính đến nay, đã trả lời 336/337 phản ánh, kiến nghị, đạt 99,7%.

Từ đầu năm đến hết tháng 11, các bộ, cơ quan đã cắt giảm, đơn giản hóa 356 QĐKD¹²³ tại 31 VBQPPL¹²⁴. Tính từ năm 2021 đến nay, 18 bộ, cơ quan đã cắt giảm, đơn giản hóa 3.131 QĐKD (gồm: 1.694 TTHC, 203 yêu cầu điều kiện, 101 chế độ báo cáo, 164 quy chuẩn, tiêu chuẩn và 969 mặt hàng kiểm tra chuyên ngành) tại 272 VBQPPL¹²⁵ trên tổng số 15.801 QĐKD, đạt 19,8%; 05/17 bộ, cơ quan¹²⁶ đã hoàn thành 100% phương án cắt giảm, đơn giản hóa QĐKD theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, 06 bộ đạt trên 50%¹²⁷ và 06 bộ đạt dưới 50%¹²⁸ trên tổng số phương án đề xuất thuộc phạm vi quản lý của từng bộ, cơ quan.

b) Về phân cấp trong giải quyết TTHC theo Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ:

Từ đầu năm đến hết tháng 11, tổng số TTHC đã được các bộ, ngành phân cấp là 172 TTHC tại 32 VBQPPL¹²⁹. Tính từ năm 2022 đến nay, đã có 19/21 bộ, cơ quan thực hiện phân cấp 328/699 TTHC tại 65 VBQPPL¹³⁰ (đạt 47%). Trong đó, 03 cơ quan đã thực hiện phân cấp đạt 100%, 08 bộ đạt từ 50% trở lên, 08 bộ đạt dưới 50% và 02 Bộ (*Khoa học và Công nghệ, Ngoại giao*) chưa thực hiện phân cấp theo phương án đã được phê duyệt. Tổng số TTHC còn tiếp tục phải thực hiện phân cấp là 371 TTHC.

c) Về rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ theo Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ:

Tính đến nay, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính đã rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ trên một số lĩnh vực¹³¹; 03 Bộ¹³² đã trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án đơn giản hóa TTHC nội bộ. Ngoài ra, 10 bộ, cơ quan¹³³ cũng đã phê duyệt phương án hoặc chủ động đơn giản hóa một số TTHC nội bộ trong quá trình xây dựng văn bản theo Chương trình công tác của Chính phủ và của bộ, cơ quan.

d) Về việc thực thi 19 Nghị quyết của Chính phủ về đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư:

Từ đầu năm đến hết tháng 11, tổng số TTHC được đơn giản hóa là 286 TTHC tại 31 VBQPPL¹³⁴. Tính đến nay, các bộ, ngành đã đơn giản hóa 867 TTHC được giao

¹²³ Gồm: 309 TTHC, 33 yêu cầu điều kiện, 14 chế độ báo cáo

¹²⁴ Gồm: 02 Luật, 06 Nghị định, 18 Thông tư, Thông tư liên tịch và 01 văn bản khác.

¹²⁵ Gồm: 16 Luật, 74 Nghị định, 04 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, 176 Thông tư, thông tư liên tịch và 02 văn bản khác

¹²⁶ Gồm: Bộ Công an, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Xây dựng, Bộ Công Thương và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

¹²⁷ 06 bộ gồm: Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Giáo dục và Đào tạo, Tài nguyên và Môi trường, Y tế.

¹²⁸ 06 bộ gồm: Thông tin và Truyền thông, Khoa học và Công nghệ, Quốc phòng, Tài chính, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tư pháp.

¹²⁹ Gồm: 01 Luật, 16 Nghị định và 15 Thông tư.

¹³⁰ Gồm: 02 Luật, 28 Nghị định, 03 Quyết định của TTgCP, 32 Thông tư.

¹³¹ Như: Thi đua khen thưởng, công chức, viên chức, quản lý tài sản công...

¹³² 03 bộ gồm: Tài chính, Thông tin và Truyền thông, Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

¹³³ Gồm các bộ: Quốc phòng, Giáo dục và Đào tạo, Khoa học và Công nghệ, Ngoại giao, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tư pháp; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Văn phòng Chính phủ.

¹³⁴ Gồm: 10 Nghị định và 21 Thông tư.

tại 19 Nghị quyết chuyên đề, đạt 80%; trong đó, có 08 bộ, cơ quan¹³⁵ hoàn thành 100%, 09 bộ, cơ quan đạt trên 50%¹³⁶, 02 bộ đạt dưới 50%¹³⁷. Còn 217 TTHC cần tiếp tục đơn giản hóa tại 01 Luật, 15 Nghị định, 10 Thông tư liên tịch, 16 Thông tư.

đ) Về cắt giảm, đơn giản hóa quy định, TTHC liên quan đến Phiếu lý lịch tư pháp theo Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 11 tháng 6 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ: Tổng số TTHC liên quan đến Phiếu lý lịch tư pháp được cắt giảm, đơn giản hóa đến nay là 05/108 TTHC, trong đó Bộ Nội vụ hoàn thành thực thi 01/01 TTHC.

3. Nỗ lực thực hiện chuyển đổi số xây dựng Chính phủ điện tử trong nội khối hành chính và phục vụ người dân, doanh nghiệp

a) Về việc thực hiện đổi mới cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC, nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp:

Việc đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC đã được tập trung triển khai thực hiện. Đến nay, cả nước đã thành lập 11.956 Bộ phận Một cửa các cấp để tiếp nhận, giải quyết TTHC, trong đó có 59¹³⁸ Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh. Bộ phận Một cửa của nhiều bộ, ngành, địa phương đã được quan tâm đầu tư, nâng cấp và chủ động đổi mới mô hình, nâng cao chất lượng hoạt động. Đến nay, đã có 63/63 địa phương, 15/20 bộ, ngành¹³⁹ hoàn thành việc kết nối Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp bộ, cấp tỉnh với Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Cổng dịch vụ công quốc gia phục vụ giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công.

Thực hiện nhiệm vụ được giao về việc triển khai thí điểm Mô hình Trung tâm phục vụ hành chính công một cấp trực thuộc UBND cấp tỉnh tại 05 địa phương (Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh, Bình Dương, Quảng Ninh, Bắc Ninh), Hội đồng nhân dân Tp. Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh, Quảng Ninh và Bình Dương đã thông qua Nghị quyết về việc thí điểm thành lập Trung tâm phục vụ hành chính công, trong đó Hà Nội, Bình Dương đã ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm phục vụ hành chính công¹⁴⁰. Bên cạnh đó, Hà Nội đã thành lập Tổ công tác liên ngành để tái cấu trúc quy định TTHC và hoàn thiện hệ thống thông tin giải quyết TTHC của địa phương¹⁴¹.

b) Nâng cấp, hoàn thiện Cổng Dịch vụ công quốc gia, đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến:

- Cổng Dịch vụ công quốc gia tiếp tục được nâng cấp, hoàn thiện để đáp ứng

¹³⁵ 08 bộ, ngành gồm: Công an, Giao thông vận tải, Khoa học và Công nghệ, Lao động - Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

¹³⁶ Gồm các bộ: Giáo dục và Đào tạo, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Ngoại giao, Y tế, Thông tin và Truyền thông, Kế hoạch và Đầu tư, Quốc phòng, Văn phòng Chính phủ.

¹³⁷ 02 bộ gồm: Tài chính và Tư pháp.

¹³⁸ Còn TP Hồ Chí Minh, Điện Biên, Hải phòng, Đà Nẵng chưa thành lập TTPVHCC.

¹³⁹ 05 bộ chưa hoàn thành, gồm: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động - Thương binh và Xã hội, Giáo dục và Đào tạo, Y tế.

¹⁴⁰ Quyết định số 63/2024/QĐ-UBND ngày 24/10/2024 của UBND thành phố Hà Nội và Quyết định số 58/2024/QĐ-UBND ngày 28/11/2024 của UBND tỉnh Bình Dương.

¹⁴¹ Quyết định số 4822/QĐ-UBND ngày 13/9/2024.

các quy định, yêu cầu, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ¹⁴². Đến nay, Cổng đã kết nối, tích hợp với 150 hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các cơ quan, đơn vị; công khai toàn bộ 6.294 TTHC, trong đó đã tích hợp, cung cấp hơn 4.400 dịch vụ công trực tuyến (DVCTT); hơn 390 triệu hồ sơ đồng bộ, hơn 25,3 triệu giao dịch thanh toán trực tuyến thành công với số tiền hơn 19.935 tỷ đồng.

- Để tiếp tục nâng cao chất lượng cung cấp DVCTT, theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, đến nay, đã có 20/22 bộ, ngành¹⁴³ đã hoàn thành công bố danh mục TTHC thuộc phạm vi quản lý đủ điều kiện thực hiện DVCTT toàn trình để tổ chức thực hiện thống nhất trong toàn quốc. Các bộ, ngành, địa phương đã tập trung triển khai tái cấu trúc quy trình, cung cấp các DVCTT thiết yếu, theo đó, đã hoàn thành, cung cấp 25/25 dịch vụ công theo Đề án 06 và 19/28 dịch vụ công theo Quyết định số 422/QĐ-TTg ngày 04/4/2022 trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia. Mặt khác, đã hoàn thành việc kết nối 63/63 Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp tỉnh, 21/21¹⁴⁴ Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp bộ với VNeID thông qua Cổng dịch vụ công quốc gia giúp công dân Việt Nam có thể đăng nhập bằng tài khoản định danh điện tử VNeID để thực hiện DVCTT trên Cổng Dịch vụ công quốc gia và Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp bộ, cấp tỉnh.

Triển khai 02 nhóm TTHC liên thông điện tử theo Nghị định số 63/2024/NĐ-CP ngày 10/6/2024, đến nay, 63/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã hoàn thành nâng cấp hệ thống thông tin giải quyết TTHC, phục vụ kết nối với phần mềm dịch vụ công liên thông. Theo thống kê từ phần mềm liên thông, toàn quốc đã thu nhận 301.330 hồ sơ đăng ký khai sinh và 73.973 hồ sơ đăng ký khai tử¹⁴⁵.

- Thực hiện đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử, các bộ, ngành, địa phương đã tích cực triển khai. Kết quả đánh giá chung có 03 bộ, cơ quan (Bộ Công Thương, Bộ Quốc phòng, Bảo hiểm xã hội Việt Nam) đạt điểm tốt; 02 địa phương đạt điểm xuất sắc (Cà Mau, Bình Định), 36 địa phương có điểm tốt. Một số chỉ tiêu đánh giá cụ thể:

+ Về công khai, minh bạch và tiến độ, kết quả trong thực hiện TTHC:

Trong năm 2024, tỷ lệ đồng bộ công bố, công khai quá trình giải quyết TTHC của bộ, ngành đạt 47% (49.532.489 hồ sơ được đồng bộ /104.555.643 hồ sơ giải quyết) (cùng kỳ năm 2023 đạt 50%), địa phương đạt 76,57% (37.931.678 hồ sơ được đồng bộ /49.539.491 hồ sơ giải quyết) (cùng kỳ năm 2023 đạt 60,67%).

Tỷ lệ hồ sơ TTHC giải quyết đúng hoặc sớm hạn tại bộ, ngành tháng cao nhất đạt 15,57% (cùng kỳ năm 2023, tháng cao nhất đạt 27,36%); tại các địa phương,

¹⁴² Nghị định số 45/2020/NĐ-CP, Nghị định số 107/2021/NĐ-CP, Nghị định số 59/2022/NĐ-CP, Quyết định số 31/2021/QĐ-TTg, Quyết định số 274/QĐ-TTg ngày 12/3/202019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Cổng Dịch vụ công quốc gia, Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 27/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ

¹⁴³ Ủy ban Dân tộc và Thanh tra Chính phủ báo cáo không có TTHC đủ điều kiện thực hiện DVCTT toàn trình.

¹⁴⁴ Trừ Thanh tra Chính phủ do việc tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo chỉ thực hiện trên Hệ thống riêng của ngành.

¹⁴⁵ Ví dụ một số địa phương có lượng hồ sơ lớn trong tháng 11 như: Thanh Hóa (21.236 hồ sơ khai sinh, 4.957 hồ sơ khai tử), Hà Nội (25.162 hồ sơ khai sinh, 2.825 hồ sơ khai tử), Nghệ An (13.493 hồ sơ khai sinh, 2.596 hồ sơ khai tử)...

tháng cao nhất đạt 92,13% (cùng kỳ năm 2023, tháng cao nhất đạt 89,25%).

+ Về cung cấp DVCTT và số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC: Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến của các bộ, ngành, địa phương có sự cải thiện rõ rệt, cụ thể: Ở bộ, ngành đạt 59,21% trong tổng số hồ sơ TTHC, tăng 29,79% so với năm 2023; ở địa phương đạt 55,9% trong tổng số hồ sơ TTHC, tăng 15,73% so với cùng kỳ năm 2023. Về thanh toán trực tuyến, tỷ lệ thanh toán trực tuyến nghĩa vụ tài chính trong thực hiện TTHC, dịch vụ công tăng, cụ thể: Ở bộ, ngành đạt 56,77% trên tổng số hồ sơ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, tăng 11,18% so với năm 2023; ở địa phương đạt 49,35% trên tổng số hồ sơ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, tăng 22,2% so với năm 2023.

Trong năm 2024, tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC của Bộ là 61,12%, tăng 32,96% so với năm 2023, của địa phương đạt 67,25%, tăng 21,72% so với năm 2023; Tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả bản điện tử có giá trị pháp lý để tái sử dụng tại bộ, ngành đạt 62,75% tăng 34,57% so với năm 2023, tại địa phương đạt 68,65%, tăng hơn 20,92% so với năm 2023.

c) *Phát triển các nền tảng, Hệ thống thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ:*

Các nền tảng, Hệ thống thông tin quan trọng thúc đẩy Chính phủ điện tử tiếp tục được vận hành, phát triển góp phần đổi mới mạnh mẽ phương thức làm việc, chuyển đổi số trong nội khối cơ quan hành chính nhà nước, phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ: Trong năm 2024, số lượng văn bản điện tử gửi, nhận trên Trục liên thông văn bản quốc gia là khoảng 12 triệu văn bản, lũy kế đến nay đã có khoảng 46 triệu văn bản gửi, nhận trên Hệ thống này. Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của Chính phủ trong năm 2024 đã phục vụ 24 phiên họp và xử lý 684 Phiếu lấy ý kiến thành viên Chính phủ, thay thế hơn 246,6 nghìn hồ sơ, tài liệu giấy; lũy kế đến nay, Hệ thống đã phục vụ 111 hội nghị, phiên họp của Chính phủ và thực hiện xử lý 2.685 phiếu lấy ý kiến thành viên Chính phủ, thay thế khoảng 962 nghìn hồ sơ, tài liệu giấy. Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia đến nay đã có 69/179 chế độ báo cáo được tích hợp hoặc nhập liệu trực tiếp. Trung tâm thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã kết nối, liên thông với các hệ thống thông tin, CSDL quốc gia, chuyên ngành của 15 bộ, cơ quan, tập đoàn, tổng công ty nhà nước và 63 địa phương để cung cấp thông tin, dữ liệu với 38 chỉ tiêu thông tin trực tuyến; hình thành 04 bộ chỉ số điều hành, thống kê, theo dõi, giám sát kinh tế - xã hội địa phương.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những mặt đạt được

Nhờ sự chỉ đạo quyết liệt của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và nỗ lực của các bộ, ngành, địa phương, công tác cải cách TTHC gắn với chuyển đổi số, phục vụ người dân, doanh nghiệp được triển khai tích cực với nhiều kết quả đáng ghi nhận trong cắt giảm, đơn giản hóa TTHC, QĐKD, TTHC nội bộ, phân cấp giải quyết TTHC. Cùng với đó, các giải pháp nâng cao chất lượng giải quyết TTHC, cung cấp DVCTT (như: Tiếp nhận TTHC phi địa giới, triển khai số hóa và tích hợp, chia sẻ, khai thác thông tin từ các Cơ sở dữ liệu dùng chung...) đã góp phần tạo thuận lợi

cho người dân, doanh nghiệp và cả cán bộ, công chức giải quyết TTHC, nâng cao hiệu quả thực thi công vụ của cơ quan hành chính nhà nước, tiết kiệm chi phí cho xã hội. Một số bộ, ngành, địa phương tích cực, chủ động và đạt kết quả tốt như: Ngân hàng Nhà nước hoàn thành 100% phương án phân cấp TTHC, đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân và cắt giảm QĐKD đã được phê duyệt; Bộ Công Thương, Bộ Quốc phòng, Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Cà Mau và Bình Định... được đánh giá chất lượng thực hiện TTHC, DVCTT tốt theo Bộ Chỉ số 766.

2. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

- Tồn tại, hạn chế: (1) Quy định, TTHC tại một số VBQPPL còn chồng chéo, mâu thuẫn; quy định về thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết một số TTHC còn qua nhiều khâu trung gian; việc phân cấp TTHC, đơn giản hóa TTHC nội bộ tại một số bộ, ngành còn chậm, đôi khi còn lúng túng¹⁴⁶; tiến độ cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh, TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư, quy định, TTHC liên quan đến phiếu lý lịch tư pháp chưa đảm bảo yêu cầu. (2) Việc công bố, công khai TTHC tại một số bộ, ngành còn chậm so với quy định, ảnh hưởng đến việc công bố danh mục TTHC tại các địa phương¹⁴⁷. (3) Chất lượng cung cấp DVCTT không đồng đều giữa các cơ quan, đơn vị; nhiều DVCTT người dân, doanh nghiệp sử dụng còn thấp hoặc chưa đáp ứng yêu cầu cung cấp mức độ toàn trình. Kết quả số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC ở một số bộ, ngành, địa phương chưa cao, giá trị pháp lý của giấy tờ được số hóa chưa bảo đảm. Tỷ lệ tái sử dụng kết quả đã được số hóa còn thấp, nhất là đối với các bộ, ngành (*trong năm 2024, tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin dữ liệu số hóa tại các bộ, ngành đạt 1,35%, tại các địa phương đạt 18,77%*). Còn 05 bộ, ngành (*Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Y tế; Lao động - Thương binh và Xã hội; Giáo dục và Đào tạo; Tài chính*) chưa hoàn thành việc kết nối Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp bộ, cấp tỉnh với Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Cổng dịch vụ công quốc gia phục vụ giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công. (4) Việc triển khai 02 nhóm TTHC liên thông điện tử còn gặp vướng mắc, khó khăn do Phần mềm dịch vụ công liên thông, phần mềm nghiệp vụ chuyên ngành của các bộ, cơ quan không ổn định; thông tin giữa các hệ thống chưa đồng nhất; lỗi đồng bộ dữ liệu... (5) Việc tiếp nhận, giải quyết TTHC chủ yếu theo phương thức truyền thống hồ sơ giấy, theo địa giới hành chính. (6) Một số bộ, ngành chưa kịp thời xem xét, trả lời phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân về quy định, hành vi hành chính¹⁴⁸.

- Nguyên nhân chủ yếu của tồn tại, hạn chế nêu trên là do: (1) Một số cơ quan, đơn vị, người đứng đầu chưa quan tâm tổ chức triển khai đầy đủ, quyết liệt để tạo chuyển biến trong công tác cải cách TTHC, nhất là việc chuyển đổi số phục vụ người dân, doanh nghiệp và phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành. (2) Thói quen làm việc theo phương

¹⁴⁶ Đến nay, còn 02 Bộ (Khoa học và Công nghệ, Ngoại giao) chưa thực hiện phân cấp TTHC; còn 03 Bộ (Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường) chưa trình phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC nội bộ trọng tâm ưu tiên...

¹⁴⁷ Tổng hợp trong 11 tháng năm 2024, một số Bộ công bố, công khai TTHC chậm như: Bộ Tư pháp (12 Quyết định), Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (05 Quyết định), Bộ Khoa học và Công nghệ (05 Quyết định), Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (03 Quyết định),...

¹⁴⁸ Đến ngày 30/11/2024, còn 12.094 PAKN chưa được xem xét, xử lý, trong đó, chủ yếu PAKN thuộc phạm vi xử lý của Bộ Công an (10.538 PAKN), Bộ Tài chính (287 PAKN)...

thức truyền thống; (3) Một số bộ phận cán bộ, công chức, viên chức chưa phát huy hết vai trò, trách nhiệm trong thực thi công vụ; (4) Công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị còn thiếu chủ động, chưa chặt chẽ, kịp thời; (5) Hạ tầng công nghệ thông tin, trang thiết bị phục vụ chuyển đổi số chưa được quan tâm đầu tư kịp thời, thiếu đồng bộ...

3. Bài học kinh nghiệm

- Nghiêm túc triển khai thực hiện các văn bản, chỉ đạo của Đảng, Nhà nước, Lãnh đạo Đảng, Nhà nước liên quan đến công tác cải cách hành chính nói chung và cải cách TTHC, chuyển đổi số, xây dựng Chính phủ điện tử nói riêng.

- Tiếp tục đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cũng như sự phối hợp chặt chẽ của các bộ, ngành, địa phương trong việc triển khai đồng bộ, nhất quán, hiệu quả các nhiệm vụ nhằm đạt được mục tiêu đề ra.

- Tăng cường chuyển đổi số trong cơ quan hành chính để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành và phục vụ người dân, doanh nghiệp, chú trọng ứng dụng công nghệ thông tin vào việc đánh giá nỗ lực cải cách của các cơ quan nhà nước và việc giám sát của người dân, doanh nghiệp để tạo sự công khai, minh bạch.

- Tăng cường tham khảo kinh nghiệm quốc tế; huy động sự vào cuộc của các tổ chức, doanh nghiệp, người dân trong công cuộc cải cách để tận dụng sức mạnh, nguồn lực, trí tuệ của khu vực tư.

- Tăng cường giám sát, kiểm tra, đánh giá, đo lường chính xác kết quả, hiệu quả công tác triển khai để có các giải pháp thúc đẩy kịp thời.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2025

Các bộ, ngành, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được giao tập trung thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm sau:

1. Thực hiện có hiệu quả Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030, Nghị quyết về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 và Nghị quyết về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia và Chương trình cắt giảm giấy phép và đổi mới hoạt động cấp phép tại các bộ, ngành, địa phương giai đoạn 2025 - 2030 sau khi được Chính phủ ban hành.

2. Thực hiện nghiêm việc cải cách TTHC ngay trong quá trình xây dựng VBQPPL, nhất là tập trung thực hiện tốt việc đánh giá tác động TTHC, tham vấn (tăng cường tham vấn trên môi trường điện tử), thẩm định, thẩm tra dự án, dự thảo VBQPPL, bảo đảm các TTHC được quy định đúng thẩm quyền, cần thiết, hợp lý và chi phí thực hiện thấp nhất theo chỉ đạo tại các Công điện số 131/CĐ-TTg, 133/CĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc cắt giảm, đơn giản hóa TTHC, nâng cao hiệu quả giải quyết TTHC, giảm phiền hà, chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp ngay từ khâu xây dựng VBQPPL và đẩy mạnh thực hiện nhiệm vụ, giải pháp triển khai Đề án 06 phục vụ người dân, doanh nghiệp và các chỉ đạo khác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ liên quan đến cải cách TTHC.

3. Cắt giảm, đơn giản hóa TTHC thực chất, hiệu quả, trong đó tập trung sửa

đổi, bổ sung các VBQPPL để thực thi phương án đơn giản hóa TTHC, quy định kinh doanh, TTHC nội bộ, TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư, TTHC liên quan đến Phiếu lý lịch tư pháp, phân cấp TTHC đã được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

4. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả việc đổi mới cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC, trong đó, tập trung triển khai có hiệu quả việc thí điểm Mô hình Trung tâm phục vụ hành chính công một cấp trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nhằm tạo thuận lợi nhất cho người dân, doanh nghiệp trong tiếp cận và thực hiện TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính theo đúng Đề án 468; chuẩn bị tổ chức sơ kết và đề xuất nhân rộng toàn quốc. Đẩy nhanh số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC; đẩy mạnh tái sử dụng dữ liệu đã được số hóa giữa các bộ, ngành, địa phương thông qua kết nối, chia sẻ dữ liệu; thực hiện việc tích hợp, chia sẻ, đồng bộ dữ liệu giữa các CSDL quốc gia, chuyên ngành, Hệ thống tin giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công tập trung do bộ, ngành quản lý với Cổng Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp bộ, cấp tỉnh.

5. Tiếp tục hoàn thiện, nâng cấp, phát triển và tăng cường kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu các hệ thống thông tin, các CSDL quốc gia, chuyên ngành đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số để nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước và chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp. Giám sát, đánh giá, bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng các hệ thống thông tin, CSDL quốc gia, CSDL của bộ, ngành, địa phương...

Nâng cấp cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC theo hướng ứng dụng trí tuệ nhân tạo để hỗ trợ người dân, doanh nghiệp trong tiếp cận thông tin về TTHC, nhất là các thủ tục liên thông để giải quyết dứt điểm công việc của cá nhân, tổ chức; hỗ trợ kiểm soát chặt chẽ quy định TTHC trong VBQPPL; tham vấn đối tượng chịu tác động; đánh giá nỗ lực cải cách TTHC của bộ, ngành, địa phương.

Triển khai hiệu quả Đề án 06 đảm bảo chất lượng, đúng tiến độ, thúc đẩy phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.

6. Đẩy mạnh truyền thông về tình hình, kết quả cải cách TTHC, chuyển đổi số, xây dựng Chính phủ điện tử. Kịp thời tiếp nhận, xử lý PAKN của người dân, doanh nghiệp về khó khăn, vướng mắc trong thực hiện quy định, TTHC bảo đảm chất lượng, hiệu quả. Tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ cải cách TTHC. Xử lý nghiêm theo quy định những cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức có hành vi đùn đẩy, kéo dài thời gian giải quyết TTHC, làm lỡ thời cơ, cơ hội thúc đẩy sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, người dân, gây lãng phí nguồn lực.

Trên đây là tham luận của Văn phòng Chính phủ.

Trước thềm năm mới 2025 - Tết Nguyên Đán - Xuân Ất Tỵ, xin kính chúc các đồng chí lãnh đạo, các quý vị đại biểu lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và đạt được nhiều thành công trong công tác.

Xin trân trọng cảm ơn!

THAM LUẬN

Những kết quả nổi bật trong Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số; xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia; nhiệm vụ, giải pháp hướng tới hiệu quả, thực chất của Chuyển đổi số với công tác cải cách hành chính trong thời gian tới

Bộ Thông tin và Truyền thông

Kính thưa đồng chí Nguyễn Hòa Bình, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ, Phó Trưởng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ!

Kính thưa đồng chí Phạm Thị Thanh Trà, Ủy viên BCH Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Phó Trưởng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ!

Kính thưa các quý vị đại biểu tham dự Hội nghị tại các điểm cầu!

Tại Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030 của Chính phủ (Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021), Bộ Thông tin và Truyền thông được giao “Chủ trì triển khai nội dung phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số”, một trong sáu nội dung chính của Cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030.

Sau đây, tôi xin trình bày các kết quả nổi bật trong xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số năm 2024, trong đó nhấn mạnh về triển khai cung cấp DVCTT; đồng thời đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp trong thời gian tới.

I. KẾT QUẢ NỔI BẬT TRONG XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CPĐT/CPS

1. Về xếp hạng quốc tế

Tháng 9/2024, Liên Hợp quốc công bố Báo cáo khảo sát Chính phủ điện tử năm 2024, theo kết quả đánh giá xếp hạng, Việt Nam đã vươn lên vị trí thứ 71 trong tổng số 193 quốc gia, tăng 15 bậc so với kỳ đánh giá năm 2022. Đây là lần đầu tiên Việt Nam được xếp vào nhóm chỉ số phát triển chính phủ điện tử (EGDI) ở mức Rất Cao và vươn lên vị trí xếp hạng cao nhất kể từ khi bắt đầu tham gia đánh giá EGDI của Liên hợp quốc năm 2003.

Với kết quả xếp hạng vượt bậc này, Việt Nam đã hoàn thành mục tiêu đặt ra năm 2024 về xếp hạng chính phủ điện tử tại Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2024.

2. Về công tác chỉ đạo, điều hành

Tính từ đầu năm 2024 đến nay, Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số đã tổ chức 02 Phiên họp toàn thể (Phiên họp lần thứ 8 và 9) và 08 Hội nghị chuyên đề gồm:

- (1) Thúc đẩy số hóa ngành nông nghiệp.

(2) Giới thiệu mô hình chuyển đổi số cấp bộ, ngành tại Tòa án nhân dân tối cao.

(3) Sơ kết 01 năm thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về việc tháo gỡ “điểm nghẽn” Đề án 06 và đẩy mạnh kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ phát triển thương mại điện tử, nâng cao hiệu quả công tác quản lý thuế.

(4) “Ngày chuyển đổi số” ngành Ngân hàng.

(5) Kinh tế số - thúc đẩy chuyển đổi số bán buôn, bán lẻ.

(6) Nâng cao hiệu quả cung cấp và sử dụng DVCTT.

(7) Hội nghị Chào mừng ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2024.

(8) Diễn đàn quốc gia về phát triển kinh tế số và xã hội số.

3. Xây dựng, hoàn thiện thể chế

- Quốc hội thông qua Luật Lưu trữ (sửa đổi).

- Chính phủ thông qua và đề xuất xây dựng **02** Luật: Luật Công nghiệp công nghệ số và Luật Dữ liệu.

- Chính phủ ban hành **16** Nghị định, trong đó nổi bật là:

+ Nghị định số 82/2024/NĐ-CP vừa ban hành ngày 10/7/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 73/2019/NĐ-CP quy định quản lý đầu tư ứng dụng CNTT sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước để tháo gỡ các vướng mắc, ‘điểm nghẽn’ về thể chế, chính sách cho thực hiện chuyển đổi số.

+ Nghị định số 137/2024/NĐ-CP ngày 23/10/2024 quy định về giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước và hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử; hướng dẫn việc chuyển đổi một số hoạt động của cơ quan nhà nước lên môi trường điện tử toàn trình, trong đó tập trung vào 04 hoạt động chính bao gồm: cung cấp dịch vụ công trực tuyến; quản trị nội bộ; chỉ đạo, điều hành; giám sát, kiểm tra, thanh tra.

- Thủ tướng Chính phủ ban hành **11** văn bản (9 Quyết định và 02 Chỉ thị), nổi bật là Quyết định số 1588/QĐ-TTg ngày 17/12/2024 phê duyệt Đề án “Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao chất lượng về cung cấp và sử dụng hiệu quả dịch vụ công trực tuyến đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.

- Các bộ, ngành đã ban hành gần 20 văn bản hướng dẫn về quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, kiện toàn tổ chức bộ máy, giải pháp nâng cao hiệu quả dịch vụ công trực tuyến, trợ lý ảo, an toàn an ninh mạng,...

- Có 63/63 địa phương (tăng 14 địa phương so với cuối năm 2023) đều đã ban hành chính sách giảm, miễn phí, lệ phí, trong đó có 04 tỉnh, thành phố Hà Nội, Vĩnh Long, TP. Hồ Chí Minh và Quảng Nam ban hành chính sách miễn phí, lệ phí để khuyến khích người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

4. Phát triển dữ liệu số

- Đối với các CSDLQG tại Nghị định số 47/2024/NĐ-CP của Chính phủ: Hiện tại đã có 05/10 CSDLQG đã được triển khai, xây dựng; 03 CSDLQG đang trong giai

đoạn triển khai; Còn 02 CSDLQG (về Hoạt động xây dựng và cơ sở dữ liệu Tổng hợp quốc gia) đang trong giai đoạn hình thành, xây dựng đề án để triển khai.

- Về triển khai Chiến lược dữ liệu quốc gia: đến tháng 11/2024, đã có 12 địa phương ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược, bao gồm: Hải Dương, Sơn La, Hà Giang, Lạng Sơn, Nghệ An, Ninh Thuận, Thừa Thiên Huế, Yên Bái, Hà Nam, Đắk Lắk, Cao Bằng, Cà Mau.

- Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đã kết nối với 18 bộ, ngành, 01 doanh nghiệp nhà nước (EVN), 03 doanh nghiệp viễn thông và 63 địa phương. Dữ liệu hộ tịch: Đã số hóa 2.524.892 sổ với hơn 60 triệu dữ liệu. Trong đó, có 17 địa phương hoàn thành (đạt 100%), 16 địa phương đã hoàn tất nhập dữ liệu vào Phần mềm hộ tịch, đang rà soát, đối chiếu chuyển dữ liệu vào CSDL hộ tịch điện tử (đạt trên 90%).

- Dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức: Đã đồng bộ 2.402.505 (tăng 12.363 so với tháng 10/2024) dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức của 36 Bộ, ngành và 63 địa phương với Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức viên chức.

- Dữ liệu bảo hiểm: Bảo hiểm xã hội Việt Nam đã xác thực hơn 99,2 triệu thông tin nhân khẩu trong Cơ sở dữ liệu do BHXH Việt Nam quản lý với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, trong đó có hơn 89 triệu người đang tham gia, thụ hưởng BHXH, BHYT, BHTN, chiếm 98,7% tổng số người tham gia.

- Về đẩy mạnh ứng dụng Cơ sở dữ liệu dân cư, căn cước công dân, định danh và xác thực điện tử phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trên các lĩnh vực:

(1) Lĩnh vực giáo dục: 11.400/14.663 cơ sở giáo dục tham gia thí điểm đã thực hiện việc tạo lập học bạ số cho học sinh từ lớp 1 đến lớp 4 năm học 2023-2024 (đạt tỷ lệ 77,75%).

(2) Lĩnh vực Ngân hàng: Đã có hơn 50 triệu hồ sơ khách hàng được thu thập, đối chiếu thông tin sinh trắc học với CCCD gắn chip và qua ứng dụng VNeID (tăng gần 4 triệu hồ sơ so với tháng 10/2024). 30 tổ chức tín dụng và 13 đơn vị trung gian thanh toán đang triển khai mở tài khoản thanh toán; xác thực giao dịch thanh toán; đối chiếu, xác thực thông tin khách hàng bằng ứng dụng VNeID.

(3) Lĩnh vực Y tế: Bộ Y tế đang tích cực phối hợp xây dựng Đề án chuyển đổi số tại Bệnh viện Bạch Mai, Bệnh viện Chợ Rẫy.

5. Phát triển hạ tầng số

Về triển khai Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông; đến thời điểm tháng 11/2024, đã có 07 địa phương ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh, bao gồm: Cà Mau, Long An, Kon Tum, Đắk Nông, Bến Tre, Lạng Sơn, Cần Thơ.

- Tỷ lệ thuê bao điện thoại di động sử dụng điện thoại thông minh đạt 89,4%;

- Tỷ lệ hộ gia đình có Internet cáp quang băng rộng đạt 82,4%.

- Về kết quả phủ sóng đối với các thôn lốm sóng: Tính đến hết tháng 10/2024, toàn quốc còn 761 thôn lốm sóng, trong đó, có 637 thôn có điện; 124 thôn chưa có điện.

- Về triển khai hạ tầng cung cấp dịch vụ truy nhập Internet băng rộng cố định: Hiện còn 3.551 thôn chưa có cáp quang đến thôn.

- Về thương mại hóa dịch vụ viễn thông 5G: Trong năm 2024, Bộ Thông tin và Truyền thông đã tổ chức đấu giá thành công quyền sử dụng tần số vô tuyến điện đối với băng tần triển khai 5G và cấp phép cho 03 doanh nghiệp là Viettel, VNPT và Mobifone triển khai 5G thương mại. Ngày 15/10/2024, Tập đoàn Viettel đã chính thức khai trương mạng 5G, với 6.531 trạm BTS, phủ sóng 100% thủ phủ của 63/63 tỉnh, thành phố, các khu công nghiệp, khu du lịch, cảng biển, sân bay, bệnh viện, đại học.

6. Cung cấp DVCTT cho người dân, doanh nghiệp

a) Triển khai dịch vụ công trực tuyến cho người dân, doanh nghiệp:

- Tỷ lệ thủ tục hành chính được cung cấp dưới dạng dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt **49%**.

- 63/63 địa phương, 14 bộ, ngành đã hoàn thành việc kết nối Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) cấp bộ, cấp tỉnh với Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Công Dịch vụ công quốc gia.

- Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC tại các Bộ, ngành đạt 60,69%, tại các địa phương đạt 66,38%; tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả bản điện tử có giá trị pháp lý để tái sử dụng tại các Bộ, ngành đạt 62,19%, tại các địa phương đạt 67,69%.

- Tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến toàn trình (trên tổng số hồ sơ thủ tục hành chính) đối với các DVC trực tuyến toàn trình của các bộ, ngành đạt **63%**; cấp tỉnh, thành phố đạt **18%**. Trung bình toàn quốc đạt **45%**.

b) Một số DVCTT điển hình:

Bộ Tư pháp triển khai thí điểm cấp Phiếu lý lịch Tư pháp trên VNeID

Tháng 4/2024, Bộ Tư pháp triển khai cấp Phiếu lý lịch tư pháp trên VNeID tại 02 địa phương. Với việc kết nối, khai thác thông tin từ CSDLQG dân cư, người dân chỉ phải tích hoặc điền **06** trường thông tin (giảm được 17 trường thông tin so với trước đây); chỉ mất khoảng **02** phút để hoàn thành dịch vụ. Kết quả được cập nhật trên ứng dụng VNeID. Đồng thời, người dân có thể lựa chọn nhận kết quả tại nhà qua dịch vụ bưu chính công ích.

Sau triển khai thí điểm thành công tại 02 địa phương, Bộ Tư pháp đã đề xuất triển khai mở rộng. Từ ngày 1/10/2024, mở rộng thí điểm trên toàn quốc, người dân cả nước có thể đăng ký cấp Phiếu lý lịch tư pháp trên ứng dụng VNeID cấp cho công dân Việt Nam có tài khoản định danh điện tử mức độ 2 mà không phải đến trực tiếp Sở Tư pháp để làm các thủ tục, hồ sơ đến việc cấp Phiếu lý lịch tư pháp.

Bộ Giáo dục và Đào tạo chuyển đổi số vào công tác thi cử

Kỳ thi năm 2024, có **1.029.678** thí sinh sử dụng Dịch vụ công trực tuyến toàn trình “Đăng ký dự thi tốt nghiệp trung học phổ thông và Xét tuyển trình độ đại học, trình độ cao đẳng” trực tuyến thành công, chiếm tỷ lệ **96,11%**.

Đây là năm thứ 3, Bộ Giáo dục và Đào tạo triển khai dịch vụ công này bằng hình thức đăng ký trực tuyến toàn trình theo nhiệm vụ được giao tại Đề án số 06 để phục vụ khoảng 1 triệu thí sinh hằng năm trên cả nước.

Điểm mới là đến nay, Bộ GDĐT không phải tổ chức phân chia thời gian đăng ký dự thi, nên tất cả thí sinh có thể cùng truy cập vào hệ thống để đăng ký thi tốt nghiệp THPT trực tuyến bằng tài khoản được cấp theo thời gian quy định; đồng thời, việc đối chiếu, xác nhận ưu tiên liên quan đến nơi cư trú cho thí sinh dự thi đã tích hợp chức năng khai thác dữ liệu dân cư trên Hệ thống Quản lý Thi và Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung.

Bảo hiểm Xã hội Việt Nam triển khai DVCTT toàn trình

Bảo hiểm Xã hội Việt Nam đã cung cấp **25/25 (100%)** TTHC dưới dạng DVCTT toàn trình, các dịch vụ công được cung cấp trên nhiều nền tảng: Cổng DVC BHXH Việt Nam, Cổng DVC quốc gia, ứng dụng VssID, các nhà cung cấp dịch vụ IVAN. Hằng năm có khoảng **13,5** triệu hồ sơ giao dịch điện tử (nếu tính số lượng hồ sơ gắn với từng người lao động là gần **100 triệu hồ sơ**).

Khi thực hiện dịch vụ khám chữa bệnh theo bảo hiểm y tế (KCB BHYT), người dân có thể lựa chọn sử dụng ứng dụng VssID, VNeID hoặc thẻ CCCD gắn chip để làm thủ tục KCB BHYT thay cho thẻ BHYT giấy. **100%** cơ sở KCB BHYT đã triển khai KCB BHYT bằng VssID, VNeID và thẻ CCCD gắn chip, giúp ngành BHXH Việt Nam cắt giảm được tối đa chi phí in ấn thẻ BHYT. Với công nghệ sinh trắc ứng dụng trên CCCD gắn chip, VNeID, VssID, chỉ mất khoảng **6-15 giây** để hoàn thành thủ tục đăng ký KCB BHYT, thay bởi mất tối thiểu **10 phút** như trước đây.

Đà Nẵng – địa phương điển hình về triển khai DVCTT toàn trình

Kể từ năm 2020 đến nay, Đà Nẵng luôn là địa phương dẫn đầu về chuyên đổi số nói chung và dịch vụ công trực tuyến nói riêng. Ở thời điểm hiện tại, Đà Nẵng đã triển khai cung cấp **96%** thủ tục hành chính là dịch vụ công trực tuyến toàn trình; xử lý hồ sơ trực tuyến toàn trình cao với tỷ lệ **66%** tổng hồ sơ, gấp gần 4 lần tỷ lệ trung bình của khối địa phương.

7. Về các nền tảng, hệ thống phục vụ công tác quản lý, điều hành, tác nghiệp trong cơ quan nhà nước trên môi trường số

- Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP): đã kết nối 103 bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức ở Trung ương (cơ bản hết cơ quan cấp I); đã kết nối 10 cơ sở dữ liệu, 15 hệ thống thông tin cung cấp dịch vụ chia sẻ dữ liệu trên NDXP.

- Trục liên thông văn bản quốc gia: Từ ngày 01/01/2024 đến 20/11/2024 số lượng văn bản điện tử gửi, nhận trên Trục là trên 10 triệu văn bản. Tính lũy kế đến nay đã có hơn 45,3 triệu văn bản gửi, nhận trên Trục liên thông văn bản quốc gia.

- Cổng Dịch vụ công quốc gia: hiện cung cấp 4.489 DVCTT, Số hồ sơ đồng bộ trạng thái xử lý lên Cổng DVCQG đạt gần 392 triệu.

- Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của Chính phủ: Lũy kế đến nay, Hệ thống đã phục vụ 109 hội nghị, phiên họp của Chính phủ và thực hiện xử lý 2.646 phiếu lấy ý kiến thành viên Chính phủ, thay thế khoảng 912 nghìn hồ sơ, tài liệu giấy.

- Hệ thống thông tin báo cáo Quốc gia, Trung tâm thông tin chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ: Trong tháng 11/2024, đã cập nhật 287 file dữ liệu lên kho dữ liệu nội dung; tiếp tục xây dựng và cập nhật kho dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

8. An toàn thông tin mạng

- Tình hình sản xuất kinh doanh và phát triển lĩnh vực An toàn thông tin mạng: Doanh thu 11 tháng trong năm 2024 đạt 4.277,5 tỷ đồng, tăng 12,5% so với cùng kỳ năm 2023 (3.801 tỷ đồng).

- Số cuộc tấn công mạng gây ra sự cố vào các hệ thống thông tin tại Việt Nam được Bộ Thông tin và Truyền thông ghi nhận, cảnh báo và hướng dẫn xử lý: Trong 11 tháng đầu năm 2024, có 4.663 cuộc, giảm 59,2% so với cùng kỳ 2023 (11.428 cuộc).

- Tình hình phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin: Tính đến 11/2024, tổng số hệ thống thông tin của các cơ quan nhà nước là 8.951 hệ thống, trong đó số hệ thống thông tin được phân loại và thực hiện bảo vệ theo cấp độ là 8.025 hệ thống, đạt tỷ lệ 89,7%, tăng 26,6% so với cùng kỳ tháng năm 2023.

II. TÒN TẠI, HẠN CHẾ

Việc triển khai dịch vụ công trực tuyến đã có thành công nhưng không đồng đều giữa các bộ ngành, địa phương, bên cạnh những đơn vị đạt kết quả cao, vẫn còn nhiều đơn vị đạt kết quả rất thấp, đặc biệt là hồ sơ trực tuyến toàn trình. Một số địa phương đạt tỷ lệ rất cao lên tới **69%**, tuy nhiên vẫn còn nhiều địa phương đạt tỷ lệ rất thấp dưới **5%**, trung bình khối địa phương mới chỉ đạt **18%**.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRONG THỜI GIAN TỚI

Bộ Thông tin và Truyền thông đề nghị các bộ, ngành, địa phương cần tập trung triển khai một số nhiệm vụ, giải pháp sau:

- Các bộ, ngành, địa phương thực hiện phổ cập dịch vụ công trực tuyến toàn trình theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông tại Khung triển khai dịch vụ công trực tuyến; Đẩy nhanh tiến độ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC; kết nối, chia sẻ với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương để làm giàu dữ liệu; phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu được Chính phủ giao tại Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 05 tháng 01 năm 2024.

- Văn phòng Chính phủ chủ trì, phối hợp với các Bộ có liên quan hỗ trợ, hướng dẫn 05 địa phương (Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương, Quảng Ninh, Bắc Ninh) triển khai mô hình thí điểm Trung tâm phục vụ hành chính công một cấp trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo Nghị quyết số 108/NQ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ.

Trên đây là tham luận của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Trước thềm năm mới 2025 - Tết Nguyên Đán - Xuân Ất Tỵ, xin kính chúc các đồng chí lãnh đạo, các quý vị đại biểu lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và đạt được nhiều thành công trong công tác.

Xin trân trọng cảm ơn!

THAM LUẬN

Những kết quả nổi bật của cải cách thể chế trong năm 2024; những tồn tại, hạn chế và phương hướng khắc phục trong thời gian tới

Bộ Tư pháp

Kính thưa đồng chí Nguyễn Hòa Bình, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ, Phó Trưởng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ!

Kính thưa đồng chí Phạm Thị Thanh Trà, Ủy viên BCH Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Phó Trưởng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ!

Kính thưa các quý vị đại biểu tham dự Hội nghị tại các điểm cầu!

Xây dựng, hoàn thiện thể chế là một trong ba đột phá chiến lược để đất nước phát triển bền vững đã tiếp tục được nêu trong văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; đồng thời, được Chính phủ xác định là một trong ba trọng tâm thực hiện cải cách hành chính (CCHC) theo Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 ban hành Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021- 2030. Tham luận này tập trung vào những kết quả nổi bật của cải cách thể chế năm 2024; tồn tại, hạn chế và phương hướng khắc phục trong thời gian tới, như sau:

1. Kết quả nổi bật

1.1. Công tác chỉ đạo, điều hành

Công tác xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật luôn được Đảng, Nhà nước quan tâm, xác định rõ là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, nhằm xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tiếp tục tăng cường chỉ đạo công tác xây dựng thể chế, soạn thảo, trình các dự án luật, pháp lệnh thuộc Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024; thực hiện việc lập đề nghị của Chính phủ về Chương trình năm 2025, điều chỉnh Chương trình năm 2024 và đẩy mạnh việc ban hành văn bản quy định chi tiết. Ngoài các phiên họp thường kỳ, Chính phủ đã tổ chức 11 phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật¹⁴⁹; ban hành 11 nghị quyết chuyên đề về xây dựng pháp luật¹⁵⁰, Thủ tướng Chính phủ ban hành 04 quyết định¹⁵¹, 01 công điện để chỉ

¹⁴⁹ Phiên họp chuyên đề xây dựng pháp luật tháng 01/2024, tháng 02/2024, tháng 3/2024, tháng 4/2024, tháng 6/2024, tháng 7/2024, tháng 8/2024, 02 chuyên đề tháng 9/2024, tháng 11/2024, tháng 12/2024

¹⁵⁰ Nghị quyết số 22/NQ-CP; Nghị quyết số 26/NQ-CP; Nghị quyết số 42/NQ-CP; Nghị quyết số 49/NQ-CP; Nghị quyết 97/NQ-CP; Nghị quyết số 118/NQ-CP; Nghị quyết số 126/NQ-CP; Nghị quyết số 148/NQ-CP; Nghị quyết số 174/NQ-CP; Nghị quyết số 240/NQ-CP.

¹⁵¹ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 23/01/2024 phân công cơ quan chủ trì soạn thảo, thời hạn trình các dự án luật được điều chỉnh trong chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024; Quyết định số 299/QĐ-TTg ngày 10/4/2024 của Thủ tướng Chính phủ: Ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành Luật Các tổ chức tín dụng và Luật Đất đai được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp bất thường lần thứ năm; Quyết định số 1372/QĐ-TTg ngày 13/11/2024 phân công cơ quan chủ trì soạn thảo, thời hạn trình các dự án luật, pháp lệnh được điều chỉnh bổ sung vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025.

đạo, yêu cầu các bộ, cơ quan ngang bộ đẩy nhanh tiến độ, bảo đảm chất lượng lập đề nghị xây dựng, soạn thảo luật, pháp lệnh và khắc phục tình trạng nợ ban hành văn bản quy định chi tiết, nâng cao chất lượng công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật nhằm ngăn ngừa tình trạng tham nhũng, lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ.

Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang tổ chức 01 buổi làm việc với các bộ và ban hành 01 văn bản để chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ trình ban hành các văn bản chậm ban hành và các văn bản quy định chi tiết các luật có hiệu lực từ 01/7/2024. Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Thành Long tổ chức 01 buổi làm việc với các Bộ và ban hành 01 văn bản để chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ trình, ban hành văn bản quy định chi tiết, đặc biệt là các văn bản quy định chi tiết các luật có hiệu lực từ 01/01/2025. Đồng thời, các Phó Thủ tướng Chính phủ phụ trách theo ngành, lĩnh vực cũng tổ chức nhiều buổi làm việc với các bộ để chỉ đạo, cho ý kiến nhằm đẩy nhanh tiến độ ban hành văn bản quy định chi tiết.

Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Chính phủ, Bộ Tư pháp, các bộ, ngành, địa phương đều ban hành các chương trình, kế hoạch, văn bản triển khai hoặc lồng ghép trong các chương trình, kế hoạch công tác năm 2023 về việc hoàn thiện các quy định của pháp luật thuộc ngành, lĩnh vực được văn bản cấp trên giao hoặc thuộc thẩm quyền ban hành.

1.2. Về lập đề nghị, xây dựng, trình dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết

1.2.1. Về lập đề nghị dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết:

Bộ Tư pháp đã phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ chuẩn bị đề nghị của Chính phủ về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025, điều chỉnh Chương trình năm 2024. Việc chuẩn bị hồ sơ đề nghị đưa dự án, dự thảo vào Chương trình có tiến bộ rõ rệt cả về hình thức và chất lượng, cơ bản bảo đảm thời gian theo luật định, không còn tình trạng rút khỏi Chương trình. Các dự án luật, dự thảo nghị quyết đề nghị đưa vào Chương trình được đầu tư chuẩn bị kỹ lưỡng hơn, tập trung vào nội dung chính sách được đề xuất để quy định bảo đảm tính khả thi.

Trên cơ sở đề nghị của Chính phủ và các cơ quan, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã trình Quốc hội xem xét, ban hành Nghị quyết số 129/2024/QH15 về Chương trình năm 2025, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024. Sau đó, Chính phủ tiếp tục có 08 Tờ trình đề xuất bổ sung 16 dự án luật, dự thảo nghị quyết vào Chương trình; Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã xem xét và đồng ý bổ sung vào Chương trình 2024 đối với 14 dự án, dự thảo nghị quyết¹⁵².

¹⁵² Luật Dữ liệu; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế; Luật Đầu tư công (sửa đổi); Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đấu thầu; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Dự trữ Quốc gia; dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về cơ chế, chính sách đặc thù để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đối với các dự án, đất đai trong kết luận thanh tra, kiểm tra, bản án tại Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Đà Nẵng và tỉnh Khánh Hòa; Luật Tình trạng khẩn cấp; Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo; Nghị quyết của Quốc hội thí điểm thực hiện dự án nhà ở thương mại thông qua thỏa thuận về nhận

1.2.2. Về xây dựng, trình dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết:

Các bộ, ngành tham mưu Chính phủ xây dựng, trình Quốc hội thông qua 28 luật, 05 Nghị quyết tại Kỳ họp bất thường lần thứ 5, Kỳ họp thứ 7, Kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV. Riêng tại Bộ Tư pháp đã chủ trì, xây dựng, trình Chính phủ trình Quốc hội thông qua 03 luật, 01 nghị quyết tại Kỳ họp thứ 7 và Kỳ họp thứ 8.

Nhìn chung, các đạo luật mới được ban hành hoặc được đề nghị bổ sung vào Chương trình trong thời gian qua, đều bám sát chủ trương, đường lối của Đảng, tiếp tục thể chế hóa Hiến pháp, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, từ đó góp phần hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN; bảo vệ, bảo đảm các quyền con người, quyền công dân; thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, tăng cường nội luật hóa các điều ước, cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên và đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế.

1.3. Về xây dựng, trình ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền

- Các bộ, ngành đã xây dựng, trình ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền 832 văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL). Các địa phương đã ban hành 4.832 VBQPPL cấp tỉnh, 2.144 VBQPPL cấp huyện và 2.629 VBQPPL cấp xã. Một số bộ, ngành và địa phương đã ban hành nhiều văn bản như: Bộ Giao thông vận tải, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh... Có thể thấy, công tác xây dựng, ban hành văn bản QPPL tại các bộ, ngành và địa phương tiếp tục được quan tâm, quán triệt thực hiện nghiêm túc thực hiện. Trên thực tế cho thấy, các văn bản có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị liên quan, trong đó có Vụ pháp chế, Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp, giúp đảm bảo chất lượng VBQPPL.

- Về kết quả xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết, tính đến ngày 20/12/2024, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các bộ đã ban hành được 143 văn bản quy định chi tiết các luật hoặc một số nội dung của các luật sẽ có hiệu lực từ 01/01/2025, còn nợ ban hành 10 văn bản quy định chi tiết các luật, nghị quyết đã có hiệu lực.

- Công tác thẩm định đề nghị xây dựng văn bản, dự thảo, dự án VBQPPL được Bộ Tư pháp thực hiện theo đúng quy định của Luật Ban hành VBQPPL năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020). Nội dung thẩm định bám sát quy định Luật Ban hành VBQPPL năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020), trong đó chú trọng tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất của hệ thống pháp luật, vấn đề về TTHC, lồng ghép giới và kiên quyết không đưa các quy định về tổ chức, bộ máy, biên chế trong các văn bản pháp luật không thuộc lĩnh vực tổ chức nhà nước. Trong năm 2024, Bộ Tư pháp đã có ý kiến thẩm định đối với 181 dự án, dự thảo VBQPPL (16 Luật, 08 Nghị quyết của Quốc hội, 03 Nghị quyết của UBTVQH, 02 Nghị quyết liên tịch, 02 Pháp lệnh, 120 Nghị định, 25 Quyết định của Thủ

tướng Chính phủ) và 33 đề nghị xây dựng VBQPPL (16 Luật, 14 Nghị quyết của Quốc hội; 03 Nghị định); thẩm định đối với 1.126 TTHC tại 104 đề nghị xây dựng và dự án, dự thảo VBQPPL (28 luật, 02 nghị quyết, 67 nghị định, 04 quyết định, 03 thông tư) do các Bộ, cơ quan ngang Bộ, đơn vị thuộc Bộ Tư pháp chủ trì soạn thảo và Bộ đã đề nghị không quy định 18 thủ tục, đề nghị sửa đổi, bổ sung 742 thủ tục (chiếm tỷ lệ 67% tổng số TTHC quy định tại các đề nghị xây dựng và dự án, dự thảo văn bản).

1.4. Về công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa VBQPPL

- Về công tác rà soát VBQPPL: Trong năm 2024, việc thực hiện công tác rà soát VBQPPL thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của các bộ, cơ quan ngang bộ và nhiệm vụ của Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ về rà soát VBQPPL theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Công văn chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ và chỉ đạo, đề nghị liên quan của cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp tục được thực hiện theo kế hoạch và đạt được một số kết quả nổi bật như Bộ trưởng Bộ Tư pháp - Tổ trưởng Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ về rà soát VBQPPL có Báo cáo số 132/BC-TCT ngày 15/3/2024 của Tổ công tác về kết quả hoạt động năm 2023 và Kế hoạch công tác năm 2024 của Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ về rà soát VBQPPL; Báo cáo số 155/BC-TCT ngày 29/03/2024 báo cáo Thủ tướng Chính phủ về kết quả rà soát, điều chỉnh phương án đơn giản hóa, lộ trình xử lý văn bản QPPL có quy định về TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư đã giao tại các Nghị quyết chuyên đề của Chính phủ giai đoạn 2017-2018; Báo cáo số 28/BC-BTP ngày 17/01/2024 báo cáo Lãnh đạo Chính phủ về kết quả rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung VBQPPL có quy định vướng mắc, bất cập do cơ quan nhà nước ở trung ương ban hành; trình Chính phủ đề trình Quốc hội Báo cáo số 135/BC-CP ngày 10/4/2024 của Chính phủ về kết quả thực hiện Nghị quyết số 110/2023/QH15 Kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XV về xem xét, xử lý kết quả rà soát hệ thống VBQPPL; Báo cáo số 332/BC-BTP ngày 13/8/2024 gửi Thủ tướng Chính phủ và Ban Chỉ đạo rà soát, xử lý vướng mắc trong hệ thống VBQPPL về kết quả rà soát, xử lý. Theo đó, Bộ Tư pháp đã tham mưu triển khai hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo rà soát, xử lý vướng mắc trong hệ thống VBQPPL¹⁵³ nhằm khẩn trương rà soát, xử lý các vướng mắc, bất cập trong các quy định pháp luật, đề xuất Chính phủ báo cáo Quốc hội tại Kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV xem xét, ban hành **03** luật¹⁵⁴ sửa đổi **13** luật trong lĩnh vực tài chính, kế hoạch đầu tư để tháo gỡ kịp thời các vướng mắc phát sinh trong thực tiễn, cản trở sự phát triển.

- Về công tác kiểm tra VBQPPL: Năm 2024, Bộ Tư pháp, các bộ, ngành đã

¹⁵³ Bộ Tư pháp đã tham mưu Ban Chỉ đạo họp **03** Phiên; kiến nghị xử lý đối với **71** nhóm nội dung tại **13** luật. Trên cơ sở đề xuất của Bộ Tư pháp, Ban Chỉ đạo đã giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính xây dựng 03 luật sửa đổi, bổ sung 13 luật. 03 dự án luật trên đã được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 8. Bên cạnh đó, Bộ Tư pháp tiếp tục tổng hợp, nghiên cứu, phân loại **153** kiến nghị từ kết quả rà soát đối với **43** luật, xem xét, đánh giá các vướng mắc, bất cập cần xử lý đối với **05** luật với 07 nội dung...

¹⁵⁴ Gồm Luật Đầu tư công (sửa đổi), Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Dự trữ quốc gia.

tiếp nhận, phân loại, kiểm tra **6.099** VBQPPL. Riêng tại Bộ Tư pháp đã tiếp nhận, phân loại, kiểm tra **3.040** văn bản¹⁵⁵. Các địa phương đã kiểm tra theo thẩm quyền **5.195** VBQPPL. Một số bộ, ngành đã quan tâm chỉ đạo, chú trọng kiểm tra văn bản theo thẩm quyền, như: Bộ Nội vụ, Bộ Công thương, Bộ Y tế, Bộ Thông tin và Truyền thông và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Công tác hợp nhất, hệ thống hóa VBQPPL được các bộ, ngành thực hiện khá kịp thời; công tác pháp điển quy phạm pháp luật đạt kết quả tích cực, góp phần xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật, giúp cho người dân, doanh nghiệp, tổ chức dễ dàng hơn trong tiếp cận, áp dụng các quy định của pháp luật. Điểm nhấn là Bộ Tư pháp cùng với các bộ, ngành hoàn thành và công bố Bộ pháp điển Việt Nam.

Như vậy, trong năm 2024, công tác kiểm tra, rà soát, hợp nhất, hệ thống hóa VBQPPL tiếp tục được thực hiện có trọng tâm, trọng điểm, bám sát thực tiễn và gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật, kỷ luật, kỷ cương trong công tác xây dựng, ban hành VBQPPL, góp phần bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất, khả thi, minh bạch, dễ tiếp cận của hệ thống pháp luật, tạo thuận lợi cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc áp dụng và thực hiện pháp luật, nhằm phát triển kinh tế, xã hội.

1.5. Công tác tổ chức thi hành pháp luật, theo dõi tình hình thi hành pháp luật

Công tác tổ chức thi hành pháp luật, theo dõi tình hình thi hành pháp luật được các bộ, ngành, địa phương triển khai có trọng tâm, trọng điểm, bám sát các lĩnh vực trọng tâm, liên ngành, gắn kết chặt chẽ với công tác xây dựng pháp luật theo đúng chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ¹⁵⁶, nổi bật là: tham mưu cho Chính phủ, Ủy ban Thường vụ Quốc hội tổ chức Hội nghị triển khai thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội thông qua; phối hợp chặt chẽ với Văn phòng Chính phủ đôn đốc, theo dõi, hướng dẫn các bộ, ngành xây dựng, trình ban hành các văn bản quy định chi tiết, góp phần giảm thiểu đáng kể tình trạng nợ đọng văn bản quy định chi tiết thi hành luật, pháp lệnh so với trước. Công tác thi hành pháp luật đã được các cấp ủy đảng, chính quyền quan tâm thực hiện và đạt được những kết quả bước đầu; đồng thời, tham mưu kịp thời các cơ quan có thẩm quyền sửa đổi hoặc sửa đổi theo thẩm quyền các văn bản nhằm tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, cản trở hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp cũng như đời sống của Nhân dân và các vấn đề mới phát sinh.

Công tác theo dõi thi hành pháp luật nói chung và theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm liên ngành có nhiều đổi mới, mang lại hiệu quả tích cực.

¹⁵⁵ Gồm: 247 văn bản của các bộ, cơ quan ngang bộ; 2.793 văn bản của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

¹⁵⁶ Tại Chỉ thị số 43/CT-TTg ngày 11/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về nâng cao chất lượng công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tăng cường hiệu quả thi hành pháp luật; Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 14/8/2023 của Chính phủ về một số giải pháp nâng cao chất lượng công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật nhằm ngăn ngừa tình trạng tham nhũng, lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ.

1.6. Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật

Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật được triển khai thực hiện có trọng tâm, trọng điểm. Về thể chế, Bộ Tư pháp đã trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt 02 đề án: “Nâng cao năng lực cho đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật thực hiện PBGDPL tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2024 - 2030” (Đề án 279); “Nâng cao năng lực đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở giai đoạn 2024 - 2030” (Đề án 315). Các hoạt động PBGDPL được thực hiện chủ động với nhiều mô hình hay, cách làm mới, sáng tạo, ứng dụng rộng rãi công nghệ thông tin¹⁵⁷, nhiều cuộc thi tìm hiểu về pháp luật đã thu hút được đông đảo người dân tham gia; các hoạt động đối thoại về chính sách, pháp luật giữa cơ quan nhà nước với người dân, doanh nghiệp hay các chương trình, chuyên mục, trò chơi tìm hiểu pháp luật trên sóng phát thanh - truyền hình, phổ biến pháp luật thông qua mạng xã hội... đã giúp người dân tiếp cận thông tin pháp luật nhanh chóng, tiện lợi. Năm 2024, các bộ, ngành, địa phương đã tổ chức **566.479** cuộc tuyên truyền pháp luật cho hơn **55** triệu lượt người; tổ chức **10.239** cuộc thi cho hơn **14** triệu lượt người dự thi; phát hơn **46** triệu tài liệu tuyên truyền, PBGDPL; các hoạt động hưởng ứng Ngày pháp luật Việt Nam được triển khai đa dạng, phong phú.

Thực hiện Quyết định số 407/QĐ-TTg ngày 30/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tổ chức truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) giai đoạn 2022 – 2027” (Đề án 407), sau hơn 02 năm thực hiện, đã có 13 bộ, cơ quan, tổ chức trung ương và đã có 62 tỉnh, thành phố ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án ban hành Kế hoạch, công văn hướng dẫn triển khai thực hiện Đề án. Trên cơ sở xác định chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng VBQPPL cần truyền thông theo Đề án 407 và yêu cầu thực tiễn, từ khi ban hành Đề án đến nay, các cơ quan chủ trì soạn thảo VBQPPL đã tổ chức truyền thông dự thảo chính sách, dự thảo VBQPPL bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú, hiệu quả. Ngoài ra, Bộ Tư pháp đang trong quá trình nghiên cứu và xây dựng hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật Ban hành VBQPPL (sửa đổi), dự kiến sẽ tham mưu đề xuất quy định hoạt động truyền thông dự thảo chính sách là nhiệm vụ trong quy trình xây dựng VBQPPL, từ khâu lập đề nghị xây dựng VBQPPL đến khi VBQPPL được ban hành, tạo cơ sở để triển khai công tác này thống nhất, bài bản và có hiệu quả.

2. Một số tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

2.1. Một số tồn tại, hạn chế

Bên cạnh kết quả đạt được nêu trên, công tác cải cách thể chế vẫn còn một số tồn tại, hạn chế như sau:

- Một số chủ trương, định hướng lớn của Đảng chưa được thể chế kịp thời, đầy đủ hoặc đã thể chế nhưng tính khả thi không cao; việc nghiên cứu, ban hành

¹⁵⁷ Một số cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đã chủ động nghiên cứu xây dựng và đưa vào thử nghiệm sử dụng ứng dụng trí tuệ AI để PBGDPL.

chính sách, quy định của pháp luật điều chỉnh đối với những vấn đề mới còn chậm, chưa tạo khung pháp lý, thúc đẩy các động lực tăng trưởng mới.

- Vẫn còn tình trạng điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh nhất là việc bổ sung vào Chương trình, theo đó sau khi Chính phủ có Tờ trình về Chương trình năm 2025, điều chỉnh Chương trình năm 2024 (ngày 5/3/2024) thì ngay sau đó lại có thêm 08 Tờ trình Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024, trong đó vẫn còn có đề nghị điều chỉnh vào thời điểm ngay sát phiên họp Ủy ban Thường vụ Quốc hội, kỳ họp Quốc hội.

- Tiến độ xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành một số VBQPPL vẫn còn chậm so với kế hoạch đề ra, các bộ, ngành vẫn còn nợ ban hành văn bản quy định chi tiết các luật, nghị quyết đã có hiệu lực¹⁵⁸. Tại địa phương, tiến độ ban hành văn bản quy định chi tiết các văn bản của cơ quan nhà nước cấp vẫn còn chậm so với quy định; công tác cập nhật, rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định do cấp có thẩm quyền của địa phương đã ban hành trước đây để phù hợp với văn bản của Trung ương có lúc còn chưa kịp thời hoặc còn gặp khó khăn, vướng mắc, chưa đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước.

- Chất lượng của hệ thống VBQPPL ngày càng được cải thiện song vẫn còn có những quy định mâu thuẫn, chồng chéo, chưa phù hợp với thực tiễn và quy định pháp luật; tính ổn định và tính dự báo của một số VBQPPL chưa cao, sau một thời gian ban hành chưa lâu đã có những bất cập, hạn chế cần phải sửa đổi, bổ sung. Điều này làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức, gây khó khăn, vướng mắc trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

- Việc gắn kết giữa xây dựng pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật trong một số lĩnh vực chưa thực sự hiệu quả, chưa phản ánh đầy đủ, kịp thời nhu cầu thực tiễn; một số chế định pháp luật được triển khai thực hiện còn thiếu đồng bộ; xử lý vi phạm chưa kịp thời và chưa nghiêm.

- Việc thực hiện thẩm quyền, trách nhiệm kiểm tra, rà soát, xử lý văn bản tại một số cơ quan cấp bộ và cấp tỉnh chưa thực sự được chú trọng, đảm bảo đầy đủ theo quy định; vẫn còn tình trạng cơ quan cấp bộ chưa chú trọng kiểm tra theo thẩm quyền đối với VBQPPL do cơ quan cấp bộ khác và địa phương ban hành có nội dung liên quan đến phạm vi quản lý nhà nước của mình; việc kiểm tra, phát hiện, xử lý văn bản trái pháp luật, chồng chéo, mâu thuẫn hoặc không phù hợp với thực tiễn chưa kịp thời. Việc thực hiện xử lý văn bản theo kiến nghị, kết luận kiểm tra còn chưa thực sự nghiêm, còn chậm.

2.2. Nguyên nhân

2.2.1. Nguyên nhân khách quan:

- Thời gian qua, nhiều vấn đề kinh tế, xã hội mới, phức tạp nảy sinh, nhất là trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, dịch bệnh Covid-19 đã

¹⁵⁸ Còn nợ ban hành 10 văn bản quy định chi tiết các luật, nghị quyết đã có hiệu lực.

bộc lộ một số bất cập trong hệ thống pháp luật hiện hành; yêu cầu cải cách đơn giản hóa TTHC, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong hoạt động quản lý đã đặt ra yêu cầu sửa đổi, bổ sung nhiều VBQPPL.

- Các bộ, cơ quan ngang bộ phải xây dựng, ban hành một số lượng lớn văn bản quy định chi tiết, một số nội dung được luật giao là những vấn đề khó, phức tạp. Đối với địa phương, việc các bộ, cơ quan ngang bộ chậm ban hành văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn dẫn đến việc ban hành văn bản của địa phương phải hoãn, lùi do phải chờ văn bản quy định, hướng dẫn của Trung ương.

- Số lượng VBQPPL rà soát theo nhiệm vụ, kế hoạch của Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ về rà soát VBQPPL ngày càng nhiều, trong khi nhiều văn bản được rà soát, cần xử lý có nội dung phức tạp, liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực, đòi hỏi nhiều thời gian, công sức, trí tuệ, sự phối hợp giữa các bộ, ngành, cơ quan, tổ chức có liên quan; tiến độ xử lý nhiều văn bản phụ thuộc vào tiến độ, lộ trình xử lý của các văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn.

- Nguồn lực về tài chính và nguồn nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong khi khối lượng công việc là rất lớn, nhiều việc khó, phạm vi tác động rộng, đòi hỏi trình độ chuyên sâu; một số dự thảo VBQPPL xây dựng, ban hành trong thời gian ngắn.

2.2.2. Nguyên nhân chủ quan:

- Nhận thức của lãnh đạo ở một số cơ quan, đơn vị về vai trò, tầm quan trọng của công tác xây dựng pháp luật còn hạn chế, chưa thật sự quan tâm, dành nguồn lực thỏa đáng cho công tác này.

- Sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị có liên quan trong xây dựng một số VBQPPL còn chưa thực sự chủ động, kịp thời và chặt chẽ, nhất là trong việc cho ý kiến đối với đề nghị xây dựng, dự án, dự thảo VBQPPL.

- Việc thực hiện quy định về xây dựng, ban hành VBQPPL của một số bộ, ngành, địa phương chưa tuân thủ đúng quy định, ảnh hưởng đến chất lượng các quy định pháp luật.

- Cán bộ làm công tác xây dựng pháp luật, pháp chế tại một số bộ, ngành, địa phương, chuyên gia có trình độ chuyên sâu làm công tác xây dựng pháp luật thiếu về số lượng, năng lực một bộ phận công chức làm công tác xây dựng pháp luật chưa thật sự đáp ứng được yêu cầu thực tiễn, nhất là về kỹ năng phân tích, dự báo, xây dựng chính sách, soạn thảo văn bản, áp dụng pháp luật; thiếu nguồn nhân lực để tuyển dụng tại một số địa phương.

- Việc xem xét, xử lý trách nhiệm đối với cơ quan, cá nhân liên quan đến việc ban hành văn bản trái pháp luật chưa được thực hiện một cách thỏa đáng, mới ở mức độ rút kinh nghiệm, phê bình, đánh giá việc hoàn thành công vụ, chưa đảm bảo kỷ luật, kỷ cương trong công tác xây dựng, ban hành VBQPPL.

3. Phương hướng khắc phục trong thời gian tới

Để bám sát các nghị quyết, kết luận của BCH Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về công tác xây dựng pháp luật, cải cách tư pháp, phổ biến, giáo dục pháp luật, cải cách hành chính và hợp tác quốc tế về pháp luật; cùng với việc thực hiện Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021 – 2030, phát huy các kết quả đạt được, khắc phục các tồn tại, hạn chế, Bộ Tư pháp đề nghị Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính của Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương tiếp tục quan tâm, thực hiện tốt công tác cải cách thể chế, cụ thể như sau:

3.1. Về công tác chỉ đạo, điều hành

- Tiếp tục quan tâm chỉ đạo quán triệt và thể chế hóa kịp thời, đầy đủ, chính xác các chỉ thị, nghị quyết, kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Tổng Bí thư Tô Lâm liên quan đến công tác xây dựng pháp luật mà trọng tâm là đổi mới tư duy xây dựng pháp luật theo hướng vừa bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước, vừa khuyến khích sáng tạo, giải phóng toàn bộ sức sản xuất, khơi thông mọi nguồn lực để phát triển, dứt khoát từ bỏ tư duy “không quản được thì cấm”; luật chỉ quy định những vấn đề thuộc thẩm quyền Quốc hội, tuyệt đối không luật hoá các nội dung thuộc thẩm quyền của Chính phủ và các bộ, ngành; những vấn đề thực tiễn biến động thường xuyên thì giao cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, địa phương quy định để bảo đảm linh hoạt trong điều hành; phát huy tính đảng trong xây dựng, thi hành pháp luật; phải coi việc lãnh đạo thể chế hóa chủ trương đường lối của Đảng thành pháp luật và lãnh đạo công tác thi hành pháp luật là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên của cấp ủy, tổ chức đảng, mỗi đảng viên; tăng cường phân cấp, phân quyền gắn với quy định rõ nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong bộ máy nhà nước, nâng cao năng lực thực thi; triệt để cắt giảm, đơn giản hóa TTHC, điều kiện đầu tư, sản xuất, kinh doanh, giảm chi phí tuân thủ, tạo thuận lợi cao nhất cho người dân và doanh nghiệp; siết chặt kỷ luật, kỷ cương, đề cao trách nhiệm của cơ quan chủ trì, kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm mọi hành vi tham nhũng, tiêu cực, “cài cắm” lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ trong dự án, dự thảo VBQPPL; phát triển nguồn nhân lực làm công tác tham mưu xây dựng pháp luật đáp ứng tình hình mới; đẩy mạnh chuyển đổi số trong công tác xây dựng pháp luật¹⁵⁹.

- Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp trực tiếp chỉ đạo công tác xây dựng, ban hành VBQPPL, tiếp tục siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong công tác này, phân công rõ trách nhiệm của từng đơn vị, cá nhân trong việc nghiên cứu, soạn thảo, trình văn bản; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong các khâu xây dựng văn bản. Thường xuyên kiểm tra, kiểm điểm rõ trách nhiệm và có hình thức xử lý trách nhiệm đối với đơn vị, cá nhân để xảy ra tình trạng chậm tiến độ và không bảo đảm chất lượng văn bản; cương quyết không xem xét khen thưởng các tổ chức, cá nhân để xảy ra tình trạng nợ ban hành văn bản.

¹⁵⁹ Trích Thông báo Kết luận số 108-TB/VPTW ngày 18/11/2024 của Văn phòng Trung ương thông báo kết luận của Đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm tại buổi làm việc với Ban cán sự Đảng Bộ Tư pháp về kết quả lãnh đạo, chỉ đạo và phương hướng thực hiện nhiệm vụ của Bộ, ngành Tư pháp nhân dịp kỷ niệm Ngày Pháp luật Việt Nam

- Nâng cao chất lượng, năng lực đội ngũ công chức làm công tác pháp luật; cấp ủy địa phương quan tâm phân công cấp ủy viên phụ trách công tác tư pháp và cơ cấu Giám đốc Sở Tư pháp tham gia cấp ủy cấp tỉnh.

3.2. Trong quá trình xây dựng VBQPPL, tổ chức thi hành pháp luật và kiểm tra, rà soát VBQPPL

- Tuân thủ Quy định số 69-QĐ/TW ngày 06/7/2022 của Ban chấp hành Trung ương về kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm; Quy định số 178-QĐ/TW ngày 27/6/2024 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật; tinh thần chỉ đạo của Tổng Bí thư tại Phiên khai mạc Kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV (ngày 21/10/2024) và các văn bản chỉ đạo của Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ¹⁶⁰ về đổi mới tư duy trong công tác xây dựng pháp luật.

- Thực hiện nghiêm các quy định của Luật Ban hành VBQPPL năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020) và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành, đặc biệt là Nghị định số 59/2024/NĐ-CP.

- Tập trung nguồn lực để tổ chức soạn thảo dự án, dự thảo trong Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025, điều chỉnh Chương trình năm 2024; văn bản quy định chi tiết đảm bảo chất lượng, đúng thời hạn theo quyết định phân công của Thủ tướng Chính phủ, đảm bảo tiến độ và chất lượng, tránh chậm, nợ ban hành văn bản. Đồng thời, báo cáo Chính phủ về hướng xử lý cụ thể để chấm dứt việc nợ ban hành văn bản và đề xuất giải pháp xử lý “khoảng trống” pháp lý trong thời gian chưa có văn bản quy định chi tiết thi hành.

- Bảo đảm nguồn lực về biên chế, kinh phí cho công tác xây dựng pháp luật và công tác kiểm tra, rà soát, hợp nhất, hệ thống hóa VBQPPL, pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật; trong đó, đặc biệt quan tâm việc nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn của đội ngũ công chức làm công tác xây dựng pháp luật, pháp chế theo hướng chuyên nghiệp và hiện đại, đáp ứng các yêu cầu công việc đặt ra.

- Tập trung thực hiện kịp thời, hiệu quả công tác tự kiểm tra, kiểm tra, rà soát văn bản QPPL theo thẩm quyền của Bộ, ngành, địa phương; xử lý triệt để, đúng quy định các văn bản QPPL có quy định trái pháp luật đã kết luận, không để tồn tại trường hợp văn bản có quy định trái pháp luật gây trở ngại đến quyền lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân, tổ chức, môi trường sản xuất, kinh doanh; hoàn thành việc kiểm tra theo chuyên đề về các văn bản liên quan đến việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội về các Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030.

¹⁶⁰ Văn bản số 15/CTQH ngày 29/10/2024 của Chủ tịch Quốc hội về việc đổi mới tư duy trong công tác xây dựng pháp luật; Văn bản số 868/TTg-TKBT ngày 25/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh xây dựng, hoàn thiện thể chế đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới theo tinh thần chỉ đạo của Tổng Bí thư Tô Lâm tại Phiên khai mạc Kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV.

- Triển khai kịp thời chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm về đổi mới công tác PBGDPL, xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật trong cán bộ và Nhân dân, trọng tâm là tạo đột phá trong ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số về PBGDPL; tiếp tục đánh giá hiệu quả thực thi Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật và các văn hướng dẫn thi hành, nghiên cứu và chuẩn bị các điều kiện đề nghị xây dựng Luật PBGDPL (sửa đổi); tổng kết, đánh giá 05 năm thực hiện Kết luận số 80-KL/TW và Quyết định số 1521/QĐ-TTg; rà soát, đánh giá việc triển khai các văn bản, đề án về PBGDPL, trọng tâm là Đề án “Thí điểm đổi mới hoạt động đánh giá hiệu quả công tác PBGDPL” ; Đề án “Nâng cao năng lực cho đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật thực hiện PBGDPL tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2024 - 2030” ; triển khai Đề án “Chuyển đổi số trong công tác PBGDPL giai đoạn 2025 - 2030” sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành. Tích cực triển khai công tác truyền thông chính sách trong quá trình xây dựng VBQPPL, bám sát thực tiễn, trách nhiệm được giao tại Nghị định số 59/2024/NĐ-CP, Đề án 407 và Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội, Chương trình xây dựng đề án, văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, địa phương trong năm 2025, 2026. Triển khai hiệu quả Đề án “*Tổ chức truyền thông dự thảo chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng VBQPPL giai đoạn 2022 - 2027*”¹⁶¹; Đề án “*Nâng cao năng lực cho đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2024 - 2030*”¹⁶².

Trên đây là tham luận của Bộ Tư pháp.

Trước thềm năm mới 2025 - Tết Nguyên Đán - Xuân Ất Ty, xin kính chúc các đồng chí lãnh đạo, các quý vị đại biểu lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và đạt được nhiều thành công trong công tác.

Xin trân trọng cảm ơn!

¹⁶¹ Ban hành kèm theo Quyết định số 407/QĐ-TTg ngày 30/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

¹⁶² Ban hành kèm theo Quyết định số 279/QĐ-TTg ngày 04/4/2024 của Thủ tướng Chính phủ.

THAM LUẬN

Đánh giá kết quả nổi bật trong công tác cải cách hành chính năm 2024, những tồn tại, hạn chế, trọng tâm những kết quả đạt được trong cải cách thể chế, thủ tục hành chính, góp phần phát triển kinh tế - xã hội; phương hướng trong thời gian tới

Bộ Công Thương

Kính thưa đồng chí Nguyễn Hòa Bình, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ, Phó Trưởng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ!

Kính thưa đồng chí Phạm Thị Thanh Trà, Ủy viên BCH Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Phó Trưởng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ!

Kính thưa các quý vị đại biểu tham dự Hội nghị tại các điểm cầu!

Trong những năm qua, Bộ Công Thương luôn nỗ lực trong công tác cải cách thể chế, cắt giảm thủ tục hành chính (TTHC), điều kiện đầu tư kinh doanh theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp làm thước đo chất lượng công tác cải cách thể chế, cải cách TTHC. Trong năm 2024 Bộ đã có nhiều đề xuất tham mưu cho Chính phủ cũng như có văn bản chỉ đạo các đơn vị chức năng thường xuyên rà soát các văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL), cắt giảm đơn giản hóa TTHC và các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc các lĩnh vực quản lý.

Sau đây tôi xin trình bày về những kết quả đã đạt được, những tồn tại hạn chế trong công tác cải cách thể chế, cải cách TTHC của Bộ Công Thương năm 2024.

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN**1. Cải cách thể chế****1.1. Kết quả xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ**

Bộ Công Thương đã trình Chính phủ dự án Luật Hóa chất (sửa đổi) và dự án Luật Điện lực (sửa đổi) theo đúng tiến độ. Trong đó, dự án Luật Điện lực đã được Quốc hội thông qua ngày 30/11/2024; trình Chính phủ 04 dự thảo Nghị định (trong đó 02 Nghị định đã được ban hành) và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành 01 Quyết định qua đó cơ bản hoàn thành Chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ năm 2024 tại Quyết định số 53/QĐ-TTg ngày 15/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ.

Đối với Chương trình xây dựng VBQPPL: Tính đến thời điểm hiện tại, Bộ đã trình Chính phủ 03 Nghị định, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành 02 Quyết định và ban hành theo thẩm quyền 20 Thông tư trong Chương trình năm 2024. Bộ còn ban hành thêm 06 Thông tư ngoài Chương trình.

Ngoài ra, Bộ đã tham mưu trình Chính phủ ban hành 13 Nghị định, 01 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ giai đoạn 2022 - 2023; Bộ ban hành thêm 06 Thông tư ngoài Chương trình xây dựng VBQPPL năm 2024.

1.2. Kết quả tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi, thi hành pháp luật

Căn cứ Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 192/QĐ-TTg ngày 22/02/2024, Bộ Công Thương đã ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2024 tại Bộ Công Thương từ đó thực hiện 18 chuyên đề theo dõi thi hành pháp luật trong các lĩnh vực của ngành. Qua công tác kiểm tra, Bộ Công Thương luôn kịp thời đánh giá tính đầy đủ, chính xác, thống nhất trong thi hành pháp luật và mức độ tuân thủ pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân cũng như nắm bắt, tư vấn, hướng dẫn, xử lý những khó khăn, vướng mắc về pháp lý cho các đơn vị.

1.3. Kết quả kiểm tra, rà soát và hệ thống hoá VBQPPL

Ngay từ tháng 12 năm 2023, Bộ Công Thương đã ban hành Kế hoạch kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa VBQPPL năm 2024 của Bộ Công Thương. Tính đến nay, Bộ Công Thương đã thực hiện kiểm tra 147 VBQPPL do các Bộ ngành, địa phương ban hành có nội dung liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

Bộ Công Thương đã rà soát 30 văn bản đã hết hiệu lực và ban hành Thông tư số 25/2024/TT-BCT bãi bỏ một số VBQPPL do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành hoặc liên tịch ban hành.

Ngày 02/02/2024, Bộ đã ban hành Quyết định số 231/QĐ-BCT công bố kết quả hệ thống hóa VBQPPL ngành Công Thương kỳ 2019-2023, đồng thời đã có Báo cáo số 771/BC-BCT gửi Bộ Tư pháp.

1.4. Về công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chính sách pháp luật

Thực hiện Nghị định số 19/2020/NĐ-CP của Chính phủ về kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, Bộ Công Thương đã ban hành Kế hoạch kiểm tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm 2024. Theo đó, nội dung kiểm tra tập trung vào việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính tại 7 Cục Quản lý thị trường địa phương (Hà Nam, Thái Bình, Hưng Yên, Cà Mau, Sóc Trăng, Đồng Nai, Bà Rịa – Vũng Tàu) và 2 đơn vị thuộc Bộ (Thanh tra Bộ, Cục Hóa chất). Đến nay, Đoàn kiểm tra của Bộ đã cơ bản hoàn thành các nhiệm vụ trong Kế hoạch năm 2024.

2. Cải cách thủ tục hành chính

2.1. Kết quả rà soát, cắt giảm, đơn giản hoá TTHC

Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 1122/QĐ-BCT ngày 10/5/2024 về Kế hoạch rà soát đơn giản hóa quy định, TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương năm 2024. Theo đó, Bộ đề xuất bãi bỏ đối với 15 TTHC, sửa đổi bổ sung đối với 19 TTHC, đề xuất giữ nguyên 03 TTHC và đã gửi công văn số

8158/BCT-VP ngày 14/10/2024 tới Văn phòng Chính phủ báo cáo kết quả rà soát, đánh giá TTHC của Bộ Công Thương năm 2024.

Bên cạnh đó, Bộ đã thực hiện bãi bỏ thêm 29 TTHC ngoài Kế hoạch Rà soát năm 2024 của Bộ.

2.2. Kết quả thực hiện Chương trình cắt giảm, đơn giản hoá quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh

Bộ Công Thương đã hoàn thành triển khai cắt giảm, đơn giản hóa 13 TTHC trong lĩnh vực hóa chất, xúc tiến thương mại theo Quyết định số 209/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương năm 2024.

2.3. Thực thi phương án đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân tại Nghị quyết số 100/NQ-CP

Tính đến thời điểm hiện tại, Bộ đã hoàn thành phương án đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân đối với 64/67 TTHC (đạt tỷ lệ 95%) theo Nghị quyết số 100/NQ-CP.

2.4. Kết quả rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ theo Quyết định số 1085/QĐ-TTg

Ngày 10/10/2024, Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 2688/QĐ-BCT về việc công bố danh mục TTHC nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.

Đến thời điểm hiện tại, Bộ Công Thương đã hoàn thiện dự thảo Phương án đơn giản hóa TTHC nội bộ (dự kiến xây dựng phương án đối với: 79 TTHC nội bộ. Trong đó: dự kiến bãi bỏ 21 TTHC nội bộ; Sửa đổi, bổ sung: 6 TTHC nội bộ; Bổ sung trường thông tin: 60 TTHC nội bộ) và đang xin ý kiến các Bộ ngành đối với dự thảo Phương án.

2.5. Kết quả thực thi phương án phân cấp trong giải quyết TTHC theo Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ

Bộ đã hoàn thành phương án phân cấp đối với 14/45 TTHC theo Quyết định 1015/QĐ-TTg. Bộ đang tiếp tục rà soát xây dựng phương án thực thi đối với các TTHC còn lại. Để đảm bảo tính khả thi và quy trình xây dựng, ban hành Văn bản QPPL, Bộ Công Thương đã có Công văn số 8821/BCT-VP ngày 04/11/2024 gửi Văn phòng Chính phủ báo cáo những khó khăn vướng mắc trong quá trình thực thi phương án trên.

3. Hiện đại hóa thủ tục hành chính và chuyển đổi số tại Bộ Công Thương

Đến thời điểm này, Công Dịch vụ công (DVC) Bộ Công Thương đang cung cấp 267 DVCTT (168 DVCTT toàn trình, 99 DVCTT một phần), với hơn 54.000 doanh nghiệp tham gia khai báo. Tổng số hồ sơ nộp qua các DVCTT của Bộ đến hết tháng 11 năm 2024 là hơn 1,68 triệu bộ hồ sơ, tương ứng hơn 99% tổng số hồ sơ được gửi đến Bộ.

Đến thời điểm hiện tại, Bộ Công Thương đang được xếp thứ nhất trong số các bộ, ngành theo xếp hạng của Bộ Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, cung cấp DVC (theo công bố của VPCP trên Cổng Dịch vụ công quốc gia).

Trong năm 2024 Bộ Công Thương đã trao đổi hơn 520.000 giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa thông qua Cơ chế một cửa quốc gia mà không phải gửi hồ sơ giấy cho các nước trong khu vực ASEAN và Hàn Quốc.

Cổng dịch vụ công trực tuyến Bộ Công Thương đã hoàn thành việc kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Qua đó cán bộ, công chức có thể tiến hành tra cứu thông tin của người dân, người đại diện doanh nghiệp tham gia vào thủ tục hành chính của Bộ Công Thương thông qua Cổng dịch vụ công trực tuyến của Bộ.

Bộ Công Thương đã hoàn thành chia sẻ dữ liệu với Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế) về các website/ứng dụng thương mại điện tử bán hàng và website/ứng dụng cung cấp dịch vụ thương mại điện tử, sớm hơn một năm so với thời hạn đặt ra tại Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 30/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ: Về đẩy mạnh kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ phát triển thương mại điện tử, chống thất thu thuế, bảo đảm an ninh tiền tệ

II. TỒN TẠI, HẠN CHẾ

Kinh phí cấp cho công tác rà soát, nghiên cứu, xây dựng, thi hành và hoàn thiện thể chế rất hạn chế. Vì vậy, việc triển khai đầy đủ các nhiệm vụ, hoạt động được giao theo quy định pháp luật đang gặp nhiều khó khăn, như: rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL; tổ chức tổng kết công tác thi hành luật; tổ chức khảo sát thực tế; tổ chức hội nghị phổ biến pháp luật; tổ chức hội nghị lấy ý kiến góp ý các tổ chức, cá nhân, các chuyên gia về dự thảo văn bản QPPL.

Cổng dịch vụ công quốc gia và Cơ chế một cửa quốc gia đều đang yêu cầu các bộ ngành kết nối chia sẻ dữ liệu, vì vậy đề nghị Chính phủ thống nhất mô hình kết nối giữa Cổng Dịch vụ công quốc gia và Cơ chế một cửa quốc gia, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp khi thực hiện các TTHC trên môi trường điện tử.

Số lượng cán bộ, công chức của Bộ phận thường trực đầu mỗi công tác cải cách TTHC còn mỏng trong khi khối lượng công việc nhiều và yêu cầu chất lượng ngày càng cao; chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất liên quan đến công tác cải cách TTHC còn nhiều, tần suất thực hiện dày đặc.

III. PHƯƠNG HƯỚNG TRONG THỜI GIAN TỚI

Thứ nhất, tập trung công tác xây dựng VBQPPL theo đúng tiến độ được giao tại Chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Chương trình xây dựng VBQPPL năm 2025 của Bộ.

Thứ hai, tiếp tục kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa các VBQPPL phục vụ quản lý nhà nước ngành Công Thương và tiếp tục tham gia hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, cắt giảm điều kiện kinh doanh, kiểm tra chuyên ngành và thủ tục hành chính.

Thứ ba, tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả, đúng tiến độ, thực thi phương án đơn giản hóa điều kiện kinh doanh tại Nghị quyết 68/NQ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ; phương án phân cấp TTHC theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1015/QĐ-TTg và phương án đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân theo Nghị quyết 100/NQ-CP.

Thứ tư, Bộ tiếp tục rà soát, thống kê TTHC nội bộ và xây dựng phương án đơn giản hóa TTHC nội bộ năm 2025 của Bộ Công Thương.

Trên đây là những kết quả nổi bật trong công cải cách thể chế, cải cách thủ tục hành chính năm 2024; tồn tại, hạn chế và phương hướng trong năm 2025 của Bộ Công Thương.

Trước thềm năm mới 2025 - Tết Nguyên Đán - Xuân Ất Tỵ, xin kính chúc các đồng chí lãnh đạo, các quý vị đại biểu lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và đạt được nhiều thành công trong công tác.

Xin trân trọng cảm ơn!

THAM LUẬN
Kết quả sắp xếp các đơn vị hành chính trong thời gian qua,
nhiệm vụ, giải pháp trong thời gian tới

UBND tỉnh Bình Dương

Kính thưa đồng chí Nguyễn Hòa Bình, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ, Phó Trưởng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ!

Kính thưa đồng chí Phạm Thị Thanh Trà, Ủy viên BCH Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Phó Trưởng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ!

Kính thưa các quý vị đại biểu tham dự Hội nghị tại các điểm cầu!

Được sự cho phép của chủ trì Hội nghị, tôi xin đại diện lãnh đạo UBND tỉnh Bình Dương báo cáo một số nội dung về: “*Kết quả sắp xếp các đơn vị hành chính trong thời gian qua, nhiệm vụ, giải pháp trong thời gian tới*”.

Kính thưa quý đại biểu!

1. Về công tác chỉ đạo, điều hành

Thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện và cấp xã; Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 – 2030; Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 – 2030; Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 30/7/2023 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 – 2025, Tỉnh ủy Bình Dương đã ban hành Chỉ thị số 38-CT/TU ngày 13/12/2023 về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Bình Dương giai đoạn 2023-2030; Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Kế hoạch số 5052/KH-UBND ngày 29/9/2023, trong đó đề ra lộ trình triển khai thực hiện, phân công và gắn trách nhiệm trong triển khai thực hiện nhiệm vụ đối với mỗi cơ quan, đơn vị, từng cấp, từng ngành liên quan đến công tác sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã của tỉnh Bình Dương.

2. Về tổ chức thực hiện nhiệm vụ

Trên cơ sở Kế hoạch ban hành, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo Sở Nội vụ phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thực hiện rà soát, đề xuất phương án sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã của địa phương, xây dựng Phương án tổng thể sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 của tỉnh Bình Dương.

Ngày 28/11/2023, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương đã ban hành Phương án số 6163/PA-UBND Tổng thể sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Bình Dương giai đoạn 2023 - 2025. Phương án này đã được Tỉnh ủy chỉ đạo

rà soát, đánh giá kỹ lưỡng, đồng thời thăm dò ý kiến Nhân dân tại các địa phương có liên quan.

Trên cơ sở ý kiến góp ý của Bộ Nội vụ tại Công văn số 7539/BNV-CQĐP ngày 21/12/2023, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương đã ban hành Báo cáo số 01/BC-UBND ngày 12/01/2024 về giải trình và bổ sung Phương án tổng thể sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 của tỉnh Bình Dương (Phương án số 323/PA-UBND ngày 22/01/2024).

Trong Phương án hoàn chỉnh đã gửi Bộ Nội vụ, giai đoạn 2023 – 2025, với kết quả rà soát: xã An Sơn có 5,77 km² diện tích tự nhiên (đạt 19,23% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 9.624 người (đạt 120,30% so với tiêu chuẩn) và xã Thạnh Hội có 4,27 km² diện tích tự nhiên (đạt 14,25% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 4.467 người (đạt 55,84% so với tiêu chuẩn) thuộc diện sắp xếp trong giai đoạn 2023 - 2025, tỉnh Bình Dương kiến nghị không thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã. Cụ thể như sau:

+ 01 đơn vị hành chính cấp xã đồng thời có diện tích tự nhiên và quy mô dân số dưới 70% tiêu chuẩn theo quy định là xã Thạnh Hội thuộc thành phố Tân Uyên với diện tích tự nhiên 4,27km² (đạt 14,25% so với tiêu chuẩn), dân số 4.467 người (đạt 55,84% so với tiêu chuẩn). Tuy nhiên, về vị trí địa lý, toàn bộ diện tích tự nhiên của xã Thạnh Hội là một cù lao (cù lao Thạnh Hội), cách biệt hoàn toàn với các đơn vị hành chính còn lại của thành phố Tân Uyên bởi sông Đồng Nai, và là xã có đặc thù về truyền thống lịch sử, văn hóa, tôn giáo, phong tục, tập quán riêng biệt so với các đơn vị hành chính cấp xã còn lại của thành phố Tân Uyên (*Di tích khảo cổ Cù lao Rùa thuộc xã Thạnh Hội, thành phố Tân Uyên đã được Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận là di tích khảo cổ cấp quốc gia tại Quyết định số 836/QĐ-BVHTTDL ngày 03 tháng 3 năm 2009*). Do đó, việc sáp nhập xã Thạnh Hội với đơn vị hành chính cùng cấp liền kề khác sẽ dẫn đến mất ổn định về an ninh và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn; gây khó khăn cho người dân khi có nhu cầu giao dịch hành chính.

+ 01 đơn vị hành chính cấp xã đồng thời có diện tích tự nhiên dưới 20% và quy mô dân số dưới 300% tiêu chuẩn là xã An Sơn thuộc thành phố Thuận An với diện tích 5,77km² (đạt 19,23% so với tiêu chuẩn), dân số 9.624 người (đạt 120,30% so với tiêu chuẩn). Tuy nhiên, theo Đồ án điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung thành phố Thuận An được phê duyệt tại Quyết định số 1837/QĐ-UBND ngày 14/7/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương, xã An Sơn thuộc khu vực nội thị và được quy hoạch phát triển thành phường trong giai đoạn 2021 – 2030, đồng thời đảm bảo 100% tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số của phường thuộc thành phố theo quy định tại Điều 8 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Hiện thành phố Thuận An đang thực hiện quy trình, thủ tục xây dựng Đề án thành lập phường An Sơn và dự kiến trình UBND tỉnh, HĐND tỉnh trong năm 2025, sau đó trình Bộ Nội vụ và Chính phủ theo quy định.

Tại điểm d khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030 có quy định: “Đơn vị hành chính nông thôn thuộc diện sắp xếp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch phát triển thành đơn vị hành chính đô thị trong giai đoạn 2023 - 2030, có diện tích tự nhiên và quy mô dân số đạt tiêu chuẩn của đơn vị hành chính đô thị theo quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính”. Do đó, xã An Sơn thuộc trường hợp không bắt buộc sắp xếp đơn vị hành chính giai đoạn 2023 – 2030.

Đối chiếu quy định tại điểm a, c khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030, tỉnh Bình Dương có 02 ĐVHC cấp xã (02 xã) thuộc diện sắp xếp trong giai đoạn 2023 - 2025 nhưng có yếu tố đặc thù theo quy định tại điểm a, c, d khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 nên tỉnh Bình Dương kiến nghị không thực hiện sắp xếp trong giai đoạn 2023 – 2025.

Ngày 27/02/2024, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương đã có Công văn số 839/UBND-NC gửi Bộ Nội vụ về việc đề nghị xem xét kiến nghị của tỉnh Bình Dương về không thực hiện hồ sơ Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trong giai đoạn 2023 - 2025. Bộ Nội vụ đã có Công văn số 1403/BNV-CQĐP ngày 14/3/2024 gửi Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025. Trong đó có đề cập hiện nay Bộ Nội vụ đang tổng hợp các trường hợp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã có các yếu tố đặc thù của các địa phương (trong đó có tỉnh Bình Dương với xã An Sơn thuộc thành phố Thuận An và xã Thạnh Hội thuộc thành phố Tân Uyên) trình Chính phủ đề báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét.

3. Nhiệm vụ, giải pháp sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, cấp huyện giai đoạn 2026 - 2030

- Xây dựng Phương án tổng thể, Đề án sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã đồng thời có diện tích tự nhiên và quy mô dân số dưới 100% tiêu chuẩn quy định; ĐVHC cấp huyện đồng thời có diện tích tự nhiên dưới 30% và quy mô dân số dưới 200% tiêu chuẩn quy định; ĐVHC cấp xã đồng thời có diện tích tự nhiên dưới 30% và quy mô dân số dưới 300% tiêu chuẩn quy định. Khuyến khích các địa phương chủ động đề xuất sắp xếp ĐVHC phù hợp với thực tiễn địa phương (kể cả các ĐVHC đã đảm bảo tiêu chuẩn) để giảm số lượng ĐVHC, tăng quy mô của từng ĐVHC, giải quyết các vấn đề còn bất hợp lý về phân định địa giới ĐVHC, tinh gọn tổ chức bộ máy và tinh giản biên chế, tạo thuận lợi cho công tác quản lý nhà nước, hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp và đời sống của Nhân dân.

- Tổ chức tuyên truyền, vận động, cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân về việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã.

- Tổ chức xây dựng phương án tổng thể, đề án sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2026 - 2030; tổ chức lấy ý kiến cử tri về đề án; thông qua đề án theo quy định.

- Tổ chức sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của các cơ quan, tổ chức ở địa phương; ổn định đời sống của Nhân dân địa phương, bảo đảm quốc phòng, an ninh và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn các ĐVHC cấp huyện, cấp xã sau khi thực hiện sắp xếp.

- Xây dựng kế hoạch và bố trí nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng kinh tế - xã hội của ĐVHC đô thị sau sắp xếp.

Căn cứ quan điểm, chỉ đạo, mục tiêu, nguyên tắc, lộ trình, các nhiệm vụ và giải pháp nêu tại Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp các ĐVHC cấp huyện và cấp xã. Thực hiện Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030; các quy định tại Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030; Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 30/7/2023 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cam kết sẽ chủ động xây dựng phương án sắp xếp đối với các ĐVHC cấp huyện, cấp xã chưa đạt tiêu chuẩn theo quy định trong giai đoạn 2026 - 2030 và thực hiện theo lộ trình chung toàn quốc.

Trên đây là tham luận của UBND tỉnh Bình Dương.

Trước thềm năm mới 2025 - Tết Nguyên Đán - Xuân Ất Ty, xin kính chúc các đồng chí lãnh đạo, các quý vị đại biểu lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và đạt được nhiều thành công trong công tác.

Xin trân trọng cảm ơn!

THAM LUẬN**Sáng kiến và giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính phục vụ người dân, doanh nghiệp****UBND tỉnh Nghệ An**

Kính thưa đồng chí Nguyễn Hòa Bình, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ, Phó Trưởng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ!

Kính thưa đồng chí Phạm Thị Thanh Trà, Ủy viên BCH Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Phó Trưởng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ!

Kính thưa các quý vị đại biểu tham dự Hội nghị tại các điểm cầu!

Trước hết, tỉnh Nghệ An đồng tình cao với các nội dung báo cáo đã được trình bày tại phiên họp hôm nay và các ý kiến phát biểu tham luận của lãnh đạo các Bộ, ngành, địa phương.

1. Kết quả đạt được

Trong những năm qua, tỉnh Nghệ An luôn xác định cải cách thủ tục hành chính (TTHC) là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt trong công tác CCHC để cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, góp phần tăng cường thu hút đầu tư. Tỉnh đã bám sát chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ban chỉ đạo CCHC của Chính phủ và các Bộ, ngành để ban hành các Chương trình, Kế hoạch hành động cụ thể. Đồng thời đẩy mạnh công tác cải cách TTHC gắn với việc thực hiện các nhiệm vụ của Đề án 06, bằng các sáng kiến, giải pháp đồng bộ để nâng cao chất lượng, hiệu quả giải quyết TTHC phục vụ người dân, doanh nghiệp và đạt được một số kết quả nổi bật như sau:

- Về xây dựng thể chế:

UBND tỉnh đã ban hành 03 văn bản QPPL để hoàn thiện thể chế về hoạt động kiểm soát quy định TTHC; ban hành Chỉ thị về việc đẩy mạnh các giải pháp cải cách và nâng cao hiệu quả giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công phục vụ người dân, doanh nghiệp để đơn đốc giải quyết kịp thời những yêu cầu, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp, đồng thời khắc phục các tồn tại, hạn chế trong giải quyết TTHC. Ban hành các văn bản đơn đốc, hướng dẫn các Sở, ngành, địa phương có các giải pháp tăng tỷ lệ hồ sơ trực tuyến, thực hiện nghiêm việc số hoá hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử; trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết miễn giảm phí, lệ phí khi thực hiện DVC trực tuyến (mức giảm 40%) đối với 41 TTHC; Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp để khuyến khích, động viên đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa yên tâm công tác.

- Về tổ chức thực hiện:

+ Để công tác CCHC ngày càng đi vào thực chất, năm 2023, tỉnh đã thành lập Ban Chỉ đạo CCHC do đồng chí Bí thư Tỉnh uỷ làm Trưởng Ban, Thành viên BCD là các đồng chí BTV Tỉnh uỷ, Giám đốc các Sở, ban, ngành cấp tỉnh. Đồng thời BCD đã ban hành các Quy chế hoạt động, phân công nhiệm vụ cho từng Thành viên để trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra, giám sát các cơ quan, đơn vị, địa phương được phân công. Theo đó, các Sở, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố, thị xã đã thành lập BCD CCHC của cơ quan, đơn vị, địa phương do người đứng đầu cấp ủy làm Trưởng ban nên đã tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng đối với công tác CCHC, huy động trí tuệ tập thể của cả hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở vào cuộc CCHC.

+ Năm 2024, UBND tỉnh đã chọn chủ đề CCHC của năm: “Đẩy mạnh chuyển đổi số - Tập trung nâng cao tỉ lệ thực hiện dịch vụ công trực tuyến - Tỷ lệ số hóa hồ sơ - Tỷ lệ thanh toán trực tuyến”. Bám sát các nhiệm vụ theo Kế hoạch của UBND tỉnh, các cơ quan, địa phương đã tập trung quyết liệt trong việc phân công, phân cấp, gắn với trách nhiệm người đứng đầu. UBND tỉnh đã ban hành Đề án đẩy mạnh phân cấp trong các cơ quan hành chính nhà nước và mạnh dạn thực hiện phân cấp, phân quyền trong hoạt động quản lý nhà nước ở một số lĩnh vực như: Xây dựng; Nông nghiệp; Nội vụ; Tài chính;... đồng thời, ủy quyền cho cơ quan chuyên môn, người đứng đầu cơ quan chuyên môn giải quyết một số TTHC thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh... nhằm phát huy tính chủ động, sáng tạo, đề cao tinh thần trách nhiệm của từng cấp, từng ngành, nhất là người đứng đầu các cơ quan, đơn vị và giải quyết kịp thời, có hiệu quả các công việc của người dân, doanh nghiệp.

+ Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận Một cửa các cấp thường xuyên được quan tâm, đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất bảo đảm hoạt động với phương châm “lấy người dân làm trung tâm phục vụ”, người dân, doanh nghiệp khi có yêu cầu giải quyết TTHC đều được hướng dẫn tận tình, lịch sự, thân thiện, chuyên nghiệp.

+ Chỉ đạo các Sở, ngành, địa phương đồng bộ 100% trạng thái hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh với Cổng Dịch vụ công quốc gia, đến ngày 15/12/2024, tỉnh đã tiếp nhận và giải quyết 1.226.730 hồ sơ (Nghệ An là địa phương có số hồ sơ lớn thứ 5 toàn quốc); tỷ lệ giải quyết trước và đúng hạn đạt 94,35%; tỷ lệ hồ sơ trực tuyến đạt tỷ lệ 49,1%; tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến đạt tỷ lệ 51,42%.

+ Cấp uỷ, chính quyền đã quyết liệt chỉ đạo và sự sáng tạo, bản lĩnh trong tổ chức thực hiện nên đến nay, các mục tiêu của Đề án 06 cơ bản đã đạt được, đồng thời khẳng định Đề án 06 là “điểm sáng” trong chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh: 100% người đủ điều kiện trên địa bàn tỉnh đã được cấp thẻ CCCD, kích hoạt 2,02 triệu tài khoản định danh điện tử; 100% cơ sở KCBBHYT đã thực hiện việc sử dụng CCCD-CC thay thế BHYT trong KCB; các tiện ích trên ứng dụng VNeID (cấp Phiếu lý lịch tư pháp, Sổ sức khỏe điện tử, sử dụng các DVC và thông tin

giấy tờ tùy thân đã được tích hợp...) đã đem lại giá trị thiết thực, được người dân hưởng ứng, ủng hộ; Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh thường xuyên được nâng cấp và kết nối với các Hệ thống của Bộ, ngành TW nhằm đáp ứng việc tiếp nhận hồ sơ và giải quyết TTHC; nhóm giải quyết TTHC và DVC trực tuyến đã chuyển biến rõ nét, nhiều chỉ tiêu tăng cao so với năm 2023.

+ Kịp thời tiếp nhận, xử lý, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, phản ánh kiến nghị về quy định, TTHC; ban hành văn bản chấn chỉnh việc tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC về đất đai của UBND cấp huyện...; Các Tổ công tác do Chủ tịch UBND tỉnh thành lập hoạt động có hiệu quả, giúp cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh thông suốt, hiệu lực, hiệu quả, phân công nhiệm vụ rõ người, rõ việc, rõ thời gian. Cương quyết xử lý, điều chuyển vị trí công tác đối với những trường hợp có dư luận không tốt trong giải quyết TTHC cho người dân, doanh nghiệp.

+ Định kỳ hàng tháng UBND tỉnh thực hiện đánh giá việc tiếp nhận và giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh, qua đó chấn chỉnh và đôn đốc đối với các sở, ngành địa phương có hồ sơ quá hạn. 100% hồ sơ thủ tục hành chính để chậm, muộn đều được các Sở, ngành, địa phương báo cáo giải trình lý do và thực hiện xin lỗi người dân theo đúng quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Tồn tại, hạn chế

- Công tác rà soát, kiến nghị đơn giản hoá TTHC chưa thực chất, chưa có nhiều kiến nghị cắt giảm, đơn giản hoá thành phần hồ sơ, trình tự, thủ tục, thời gian giải quyết TTHC;

- Tỷ lệ thực hiện dịch vụ công trực tuyến chưa cao (chưa đạt mục tiêu đề ra 60%); tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC chưa đáp ứng yêu cầu (chưa đạt 100%); tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hoá còn thấp (chỉ đạt 0,37%);

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc của Bộ phận Một cửa của các xã thuộc huyện miền núi xuống cấp nhưng chưa được đầu tư nâng cấp, chưa đáp ứng yêu cầu tiếp nhận, giải quyết TTHC của tổ chức, cá nhân.

3. Bài học kinh nghiệm

- Người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp phải có quyết tâm chính trị cao, chọn việc trọng tâm, hành động quyết liệt, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả Hệ thống chính trị để hoàn thành các nhiệm vụ được giao;

- Thường xuyên chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc thực hiện và gắn trách nhiệm của các thành viên Ban chỉ đạo CCHC, các Tổ công tác cấp tỉnh với từng đơn vị, địa phương được phân công theo dõi để kịp thời nắm bắt “điểm nghẽn”, tập trung chỉ đạo tháo gỡ;

- coi trọng và làm tốt công tác tuyên truyền, vận động, tạo sự đồng tình, ủng hộ, hợp tác của người dân, đồng thời xác định đặc điểm dân cư, trình độ nhận thức của người dân theo từng khu vực để có biện pháp xây dựng nội dung, hình thức

tuyên truyền, phổ biến phù hợp với từng đối tượng, từng địa bàn, đảm bảo người dân có thể tiếp thu và thực hiện, nhất là giá trị thiết thực của DVC, tiện ích của Đề án 06 giúp người dân giảm chi phí, tiết kiệm thời gian; phát triển công dân số thông qua Định danh điện tử tích hợp giấy tờ, tài liệu trong giao dịch hành chính, dân sự.

Nhân dịp này, thay mặt lãnh đạo UBND tỉnh, xin được trân trọng cảm ơn Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ban chỉ đạo CCHC của Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương và cơ quan liên quan đã quan tâm chỉ đạo, hướng dẫn, giúp đỡ đề Nghệ An thực hiện tốt hơn công tác CCHC nói chung, công tác cải cách TTHC nói riêng góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội của tỉnh phát triển.

Trên đây là tham luận của UBND tỉnh Nghệ An.

Trước thềm năm mới 2025 - Tết Nguyên Đán - Xuân Ất Tỵ, xin kính chúc các đồng chí lãnh đạo, các quý vị đại biểu lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và đạt được nhiều thành công trong công tác.

Xin trân trọng cảm ơn!

THAM LUẬN
Những kết quả nổi bật về chuyển đổi số gắn kết với cải cách
thủ tục hành chính tại địa phương

UBND tỉnh Bình Phước

Kính thưa đồng chí Nguyễn Hòa Bình, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ, Phó Trưởng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ!

Kính thưa đồng chí Phạm Thị Thanh Trà, Ủy viên BCH Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Phó Trưởng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ!

Kính thưa các quý vị đại biểu tham dự Hội nghị tại các điểm cầu!

Trong những năm qua, Bình Phước luôn xác định: “Chuyển đổi số giải quyết các vấn đề của xã hội, vì một cuộc sống tốt đẹp hơn cho người dân”. Từ năm 2021, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Nghị quyết số 04/NQ-TU ngày 18/5/2021 về chuyển đổi số đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh. Bên cạnh đó, tại Chương trình hành động số 17-CTr/TU ngày 30/9/2021 của Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh xác định cải cách thủ tục hành chính (TTHC) là một trong ba đột phá chiến lược của nhiệm kỳ 2020 - 2025. Năm 2024, nhiệm vụ chuyển đổi số gắn kết với cải cách TTHC là một trong nhiệm vụ trọng tâm được UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của tỉnh xác định trong Kế hoạch cải cách hành chính Nhà nước năm 2024 của tỉnh.

Theo đó, Bình Phước đã hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu về chính quyền số, kinh tế số, xã hội số theo Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025 và năm 2024 Bình Phước là một trong 02 tỉnh đạt giải thưởng ASOCIO do tổ chức Công nghiệp Điện toán Châu Á - Châu Đại Dương trao cho hạng mục Chính quyền số xuất sắc.

Về hạ tầng số phục vụ cho nhiệm vụ cải cách TTHC Bình Phước: (1) đã triển khai đầu tư nâng cấp Hệ thống thông tin giải quyết TTHC đạt tiêu chuẩn và đảm bảo an toàn thông tin theo đúng quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông; (2) tiếp tục nâng cấp và trang bị cơ sở vật chất trang thiết bị công nghệ thông tin cho Bộ phận Một cửa các cấp; (3) phổ cập điện thoại thông minh, internet đạt 128 thuê bao/100 dân, tỷ lệ người sử dụng internet đạt 100%; 89% hộ gia đình có kết nối internet cáp quang băng thông rộng, phủ sóng di động tới 100% thôn, ấp, khu dân cư; (4) song song đó, đã triển khai tập huấn kỹ năng số cho hơn 600.000 lượt người dân và cấp gần 300.000 chữ ký số cho người dân để thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

Kính thưa Hội nghị!

Với những kết quả nêu trên đã tạo tiền đề quan trọng giúp tỉnh Bình Phước hoàn thành một số chỉ tiêu nhiệm vụ được Chính phủ giao trong thực hiện nhiệm

vụ chuyển đổi số gắn kết với cải cách TTHC, trong đó 06 chỉ tiêu tăng mạnh, biên độ tăng từ 40 - 80%, cụ thể:

(1) Tỷ lệ thanh toán trực tuyến đạt 68,14%, tăng 43,7% so với năm 2023, xếp thứ 14 cả nước; tỷ lệ hồ sơ trực tuyến đạt 57,6%, tăng 46,25% so với năm 2023.

(2) Tỷ lệ TTHC cung cấp dịch vụ công trực tuyến đạt 76,85% với 1.497 TTHC (1.065 dịch vụ công toàn trình, 328 dịch vụ công một phần) và 1.537 dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia, xếp thứ 06/63 tỉnh, thành phố (tính đến ngày 17/12/2024).

(3) Tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả điện tử đạt 77,94 %, tăng 65,96% so với năm 2023; tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC đạt 75,62%, tăng 65,29% so với năm 2023; tỷ lệ khai thác sử dụng lại dữ liệu, thông tin đạt 76,4%, tăng 76,4% so với năm 2023 và xếp hạng thứ 05 tỉnh, thành phố.

(4) Tỷ lệ cấp bản sao chứng thực điện tử từ bản chính đạt 100% (Bình Phước đảm bảo 122/122 đơn vị đã tổ chức triển khai, đã cung cấp được 185.642 hồ sơ hồ sơ chứng thực điện tử).

(5) Tỷ lệ hồ sơ được đồng bộ đầy đủ lên Cổng Dịch vụ công Quốc gia đạt 100%, tăng 11,31% so với năm 2023, xếp hạng 01/63 tỉnh, thành phố.

(6) Mức độ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC của người dân, doanh nghiệp đạt 97,86%, tăng 3,15% so với năm 2023.

Từ những kết quả đạt được, Bộ Chỉ số phục vụ người dân và doanh nghiệp trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia (đến ngày 11/12/2024) đánh giá, xếp hạng Bình Phước đứng vị trí thứ 05/63 tỉnh, thành phố (tăng 41 bậc so với năm 2023, tăng 20,29 điểm).

Đối với nhiệm vụ triển khai thực hiện 02 nhóm TTHC liên thông, đến ngày 16/12/2024, đã tiếp nhận và thực hiện 2.621 hồ sơ; việc triển khai cấp Phiếu lý lịch tư pháp trên ứng dụng VNeID, đã tiếp nhận và giải quyết 428 hồ sơ. Đây là bước tiến quan trọng trong việc nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước, bảo đảm đơn giản hóa thủ tục, tạo thuận lợi cho người dân trong thực hiện hồ sơ TTHC trên môi trường điện tử.

Hiện nay, tỉnh đang tiếp tục chỉ đạo, nỗ lực phấn đấu thực hiện tốt các chỉ tiêu chưa đạt, gồm: (1) các chỉ tiêu về 02 nhóm TTHC liên thông: “Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ dưới 6 tuổi” và “Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hỗ trợ chi phí mai táng, trợ cấp mai táng”; (2) số hóa hồ sơ; (3) cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử.

Kính thưa Hội nghị!

Qua quá trình thực hiện, tỉnh gặp một số khó khăn, vướng mắc, như:

Thứ nhất, chưa đồng bộ việc kết nối, chia sẻ dữ liệu tác nghiệp, giải quyết TTHC giữa các Hệ thống của Bộ, ngành với Hệ thống của tỉnh dẫn đến tình trạng công chức, viên chức tại Bộ phận Một cửa cùng lúc phải thao tác xử lý hồ sơ trên nhiều Hệ thống (như Tư pháp, Hộ tịch, Lao động, Thương binh và Xã hội...) gây lãng phí thời gian, cũng như tâm lý của công chức, viên chức. Bên cạnh đó, trường dữ liệu khai báo còn nhiều, chưa thuận lợi cho người dân khi tiếp cận dịch vụ công trực tuyến.

Thứ hai, hệ thống hỗ trợ thanh toán trực tuyến chưa kịp thời đồng bộ (hiện các Hệ thống ngân hàng mặc dù đã thu phí và lệ phí của người dân nhưng chậm xuất chứng từ đồng bộ về Công Dịch vụ công tỉnh và chậm chuyển tiền vào ngân sách Nhà nước). Việc thanh toán trực tuyến hiện còn yêu cầu thực hiện nhiều thao tác chưa thực sự tiện ích đối với người dân và doanh nghiệp.

Thứ ba, một số Bộ, ngành còn chậm công bố, công khai TTHC theo quy định; có những Quyết định công bố TTHC có hiệu lực trở về trước, gây khó khăn cho các địa phương trong việc công bố TTHC địa phương hóa.

Thứ tư, hiện nay, TTHC của một số Bộ, ngành công bố có thời gian xử lý không đồng nhất và có cả đơn vị là “ngày làm việc” và “ngày”. Trong thực tế, thời gian nghỉ cuối tuần, các ngày lễ, tết trong năm có dịp dài lên đến 7 - 9 ngày dẫn đến việc tính thời gian xử lý hồ sơ bằng “ngày” là chưa hợp lý, đặc biệt là đối với các hồ sơ có thời hạn xử lý ngắn (dưới 10 ngày), vấn đề này dẫn đến thời hạn trả kết quả trùng vào các ngày thứ bảy, chủ nhật hoặc ngày lễ, ảnh hưởng đến chỉ số tiến độ giải quyết hồ sơ TTHC

Kính thưa Hội nghị!

Từ những vướng mắc trên, tỉnh Bình Phước có một số kiến nghị như sau:

1. Kiến nghị Văn phòng Chính phủ

- Làm việc với các Bộ, ngành, đơn vị có liên quan hỗ trợ kịp thời, khắc phục một số hạn chế, bất cập trong quá trình thanh toán trực tuyến như hiện nay.

- Xem xét đồng bộ, hợp nhất sử dụng chung một nền tảng dịch vụ công thông suốt từ các Bộ, ngành và địa phương để đảm bảo thực hiện có hiệu quả, đồng bộ, thông suốt và đáp ứng với yêu cầu, mục đích của chuyển đổi số trong chuyển đổi số gắn với cải cách TTHC.

- Làm việc với các Bộ, ngành rà soát, xem xét, quyết định điều chỉnh thống nhất thời gian giải quyết cho tất cả TTHC là “ngày làm việc”.

2. Kiến nghị với Bộ Tư pháp: Sớm nâng cấp phần mềm hộ tịch nhằm kịp thời giải quyết TTHC và triển khai có hiệu quả 02 nhóm TTHC liên thông cho người dân.

3. Kiến nghị các bộ, ngành: Xem xét cắt giảm hồ sơ TTHC theo hướng sử dụng hồ sơ số, cơ sở dữ liệu Quốc gia để thuận tiện cho người dân và doanh nghiệp thuận lợi hơn trong thực hiện TTHC; đồng thời xem xét công bố, công khai TTHC đảm bảo đúng quy định về hiệu lực thi hành tạo điều kiện cho địa phương công bố đúng thời hạn.

Trên đây là tham luận của UBND tỉnh Bình Phước.

Trước thềm năm mới 2025 - Tết Nguyên Đán - Xuân Ất Tỵ, xin kính chúc các đồng chí lãnh đạo, các quý vị đại biểu lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và đạt được nhiều thành công trong công tác.

Xin trân trọng cảm ơn!

THAM LUẬN**Những kết quả nổi bật trong công tác cải cách hành chính năm 2024, nhiệm vụ, giải pháp thời gian tới****UBND tỉnh Phú Yên**

Kính thưa đồng chí Nguyễn Hòa Bình, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ, Phó Trưởng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ!

Kính thưa đồng chí Phạm Thị Thanh Trà, Ủy viên BCH Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Phó Trưởng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ!

Kính thưa các quý vị đại biểu tham dự Hội nghị tại các điểm cầu!

Được sự cho phép của Chủ trì, UBND tỉnh Phú Yên xin Báo cáo tham luận về nội dung **“Những kết quả nổi bật trong công tác cải cách hành chính năm 2024, nhiệm vụ và giải pháp trong thời gian tới”**.

Kính thưa Hội nghị!

Trong năm 2024, cải cách hành chính tiếp tục được coi là nhiệm vụ, động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, thu hút đầu tư, góp phần quan trọng thực hiện thắng lợi các mục tiêu, chỉ tiêu của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh đã đề ra. UBND tỉnh tiếp tục tập trung và quyết liệt hơn trong thực hiện các nhiệm vụ CCHC, cơ bản khắc phục các tồn tại, hạn chế của năm 2023 và các năm trước đây, đưa công tác cải cách hành chính ngày càng đi vào chiều sâu, chất lượng, hiệu quả hơn. Một số đổi mới và kết quả nổi bật trong thực hiện cải cách hành chính trong năm 2024, như sau:

1. Thứ nhất, Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính tỉnh và các cấp chính quyền đã quyết liệt trong công tác chỉ đạo, điều hành, nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện cải cách hành chính.

Bám sát chỉ đạo của Chính phủ, Bộ, ngành Trung ương và ý kiến chỉ đạo của Thường trực, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã kịp thời cụ thể hóa và ban hành hơn 80 văn bản để lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh cải cách hành chính đồng bộ, toàn diện.

- Kien toàn Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh tỉnh có sự tham gia bổ sung thêm các thành viên là Lãnh đạo cơ quan Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh.

- Thường xuyên tổ chức các Hội nghị về công tác cải cách hành chính, hội nghị gặp mặt, đối thoại doanh nghiệp, nhà đầu tư năm 2024 kịp thời khắc phục

hạn chế, tháo gỡ khó khăn vướng mắc nhất là các vấn đề liên quan đến sản xuất kinh doanh của người dân, doanh nghiệp, nhà đầu tư.

Ban chỉ đạo CCHC thực hiện báo cáo cải cách hành chính hàng tháng tại Hội nghị UBND tỉnh thường kỳ, thẳng thắn nêu ra những tồn tại, hạn chế, những nhiệm vụ chậm tiến độ; nêu tên, trách nhiệm các cơ quan, đơn vị liên quan và có chỉ đạo cụ thể quyết liệt đối với từng nội dung CCHC.

- Công tác thanh tra, kiểm tra đã được quan tâm, chú trọng, thực hiện kiểm tra CCHC theo định kỳ và chú trọng đến công tác hậu kiểm. Năm 2024, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đưa nội dung kiểm tra CCHC vào kế hoạch kiểm tra, giám sát và thực hiện kiểm tra toàn diện công tác chỉ đạo triển khai CCHC trên toàn tỉnh. Các đoàn thanh tra, kiểm tra liên ngành tiến hành thanh tra, kiểm tra các nội dung liên quan đến CCHC, kỷ luật kỷ cương tại 29 cơ quan, đơn vị trên toàn tỉnh. Qua đó, kiến nghị các cơ quan, đơn vị nghiêm túc khắc phục những hạn chế, thiếu sót còn tồn tại.

- Công tác tuyên truyền cải cách hành chính được đẩy mạnh và đa dạng với các hình thức phù hợp, hướng đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân trên địa bàn tỉnh; tổ chức cuộc thi tìm kiếm và nhân rộng nhiều sáng kiến, giải pháp hay để nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

2. Một giải pháp quan trọng quyết định sự cải thiện chất lượng là UBND tỉnh đã thực hiện đổi mới phương thức đánh giá chất lượng hoạt động của các cơ quan, đơn vị gắn với kết quả thực hiện cải cách hành chính và trách nhiệm người đứng đầu và cấp phó người đứng đầu.

Từ năm 2023, UBND tỉnh thực hiện đánh giá chất lượng hoạt động các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và UBND cấp huyện bằng phần mềm điện tử thông qua hệ thống bộ chỉ số để định lượng cụ thể kết quả hoạt động của từng cơ quan, đơn vị. Từ năm 2024, việc đánh giá tiếp tục được thực hiện đối với 43 cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, cấp huyện, bao gồm cả các cơ quan TW được tổ chức theo ngành dọc đóng tại địa bàn tỉnh.

Đồng thời, các sở, ban, ngành triển khai thực hiện đánh giá đến cấp phòng chuyên môn, đơn vị thuộc sở và UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện đánh giá phòng, ban và UBND cấp xã dựa trên kết quả định lượng cụ thể. Từ đó, nâng cao kỷ luật kỷ cương hành chính, có cơ sở đánh giá xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ, thi đua, khen thưởng đối với từng CBCCVC thực chất, khách quan, đồng bộ.

3. Thứ ba, công tác cải cách TTHC và nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh và Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn tỉnh được đặc biệt quan tâm.

Tỷ lệ giải quyết hồ sơ TTHC đúng hạn và mức độ hài lòng của người dân trong thực hiện TTHC là 02 nội dung quan trọng trong đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị.

Tỉnh đã ban hành và triển khai Đề án đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn tỉnh Phú Yên gắn với công tác hướng dẫn, tuyên truyền và vận động người dân cùng giám sát, đồng hành với chính quyền các cấp trong việc thực hiện đổi mới.

Việc ban hành quy trình giải quyết TTHC nội bộ, quy trình công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị được chỉ đạo quyết liệt; phân định rõ từng khâu giải quyết, rõ người, rõ việc, rõ thời gian và rõ trách nhiệm và kết quả thực hiện.

Với những nỗ lực của tỉnh trong công tác cải cách thủ tục hành chính, đến nay đã có những chuyển biến rất tích cực, cơ bản khắc phục được các tồn tại, hạn chế thậm chí yếu kém tồn tại từ nhiều năm trước đây, như: tỷ lệ hồ sơ đúng hạn của tỉnh đạt 98% ở cả 03 cấp tỉnh, huyện, xã; 100% số phản ánh, kiến nghị đã xử lý đúng hạn theo quy định; tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị đạt 100%.

Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, cung cấp dịch vụ công do Văn phòng Chính phủ chủ trì đánh giá thông qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia là 81,42 điểm, xếp thứ 33/63 tỉnh, thành phố trong cả nước, xếp loại Tốt (Chỉ số này cuối năm 2022 xếp 61/63 với 48,38 điểm, cuối năm 2023 xếp 27/63 với 73 điểm).

4. Thứ tư, tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả công tác cải cách tổ chức bộ máy; nâng cao năng lực, đạo đức công vụ và thái độ phục vụ của cán bộ, công chức, viên chức.

Tổ chức bộ máy cơ quan hành chính nhà nước được phân định, điều chỉnh rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, khắc phục tình trạng chồng chéo. Hệ thống chính quyền từ tỉnh đến cơ sở tiếp tục được củng cố, kiện toàn, ngày càng vững mạnh, chất lượng hoạt động được nâng cao; hoàn thành Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Phú Yên từng giai đoạn đúng tiến độ Trung ương quy định. Hiện nay, cùng với cả nước, tỉnh Phú Yên đang khẩn trương triển khai thực hiện các Đề án sắp xếp bộ máy hành chính trên địa bàn tỉnh Phú Yên đảm bảo đúng tiến độ yêu cầu.

Đội ngũ cán bộ lãnh đạo các sở, ngành, UBND cấp huyện, được bổ sung, kiện toàn kịp thời, giúp các cơ quan, đơn vị, địa phương có đội ngũ cán bộ lãnh đạo đủ về số lượng, đảm bảo chất lượng, lãnh đạo đơn vị, địa phương hoạt động có hiệu lực, hiệu quả, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; kịp thời ban hành nhiều văn bản chú trọng đến chính sách, chế độ hỗ trợ cho cán bộ, công chức, viên chức, về xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh, để chỉ đạo thực hiện theo quy định và phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh.

5. Thứ năm, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý nhà nước, đẩy nhanh tiến độ xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số; tạo thuận tiện và nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân.

Cung cấp dịch vụ công trực tuyến có nhiều cải thiện và cải thiện nhanh so với các năm trước đây và cao hơn trung bình của cả nước, như: tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến là 69,9% (năm 2023 là 29,5%, trung bình của cả nước 55,3%); tỷ lệ hồ

sơ cấp kết quả điện tử đạt 73,84% (năm 2023 là 26,56%, trung bình cả nước là 67,97%); tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến là 69,51% (năm 2023 là 45,59%, trung bình của cả nước 51,45%); tỷ lệ số hóa kết quả giải quyết TTHC là 73,17% (năm 2023 là 29,72%, trung bình cả nước là 65,54%);...

Bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn tồn tại những hạn chế như: Tỷ lệ giải quyết hồ sơ TTHC đúng hạn cả tỉnh đạt tỷ lệ yêu cầu tuy nhiên tỷ lệ hồ sơ trễ hạn trong lĩnh vực đất đai khá cao. Đầu tư cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ cải cách hành chính còn chậm. Việc triển khai số hóa hồ sơ giải quyết TTHC chưa đảm bảo tiến độ theo quy định. Thu NSNN trên địa bàn tỉnh vẫn chưa đạt kế hoạch giao (dự ước đạt 95%); tỷ lệ giải ngân thấp; số doanh nghiệp giải thể và tạm ngừng hoạt động còn nhiều;...

Kính thưa Hội nghị!

Công tác cải cách hành chính tiếp tục xác định là nhiệm vụ, động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, trong thời gian tới, tỉnh Phú Yên triển khai thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp như sau:

- Thứ nhất, tiếp tục đổi mới tư duy nhận thức và nâng cao hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính gắn với vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu. Chủ tịch UBND các cấp và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm trực tiếp về kết quả lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện cải cách hành chính của cơ quan, đơn vị mình. Thực hiện bảo đảm thực chất, hiệu quả, quan tâm hơn đến cảm nhận, mong đợi và kết quả đánh giá, nhận định của người dân; từ đó, nâng cao chất lượng phục vụ người dân; tạo dựng môi trường kinh doanh thông thoáng, minh bạch, thân thiện, thu hút được các nhà đầu tư để phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Thứ hai, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, đề cao và thực hành văn hóa phục vụ người dân và doanh nghiệp tại các cơ quan hành chính nhà nước. Tăng cường thanh tra, kiểm tra công vụ, trách nhiệm người đứng đầu trong thực thi nhiệm vụ, tăng hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước. Tiếp tục đổi mới việc đánh giá chất lượng hoạt động các cơ quan, đơn vị, địa phương và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Nâng cao trách nhiệm và hiệu quả trong công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị.

- Thứ ba, thường xuyên rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh để kịp thời cụ thể hóa quy định pháp luật và kịp thời phát hiện, xử lý hoặc kiến nghị xử lý các quy định chồng chéo, mâu thuẫn, trái pháp luật, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp với pháp luật hiện hành và tình hình thực tế của tỉnh, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, hiệu lực, hiệu quả của văn bản quy phạm pháp luật.

- Thứ tư, nâng cao hiệu quả tiếp nhận giải quyết và trả kết quả hồ sơ thủ tục hành chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công và Bộ phận Một cửa các cấp. Đẩy mạnh việc giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu về cung cấp dịch vụ công trực tuyến. Tăng cường phân cấp, ủy quyền trong thực hiện thủ tục hành chính.

- Thứ năm, triển khai thực hiện hiệu quả các quy định của Trung ương, của tỉnh về sắp xếp bộ máy hành chính nhà nước, quy định về phân cấp uỷ quyền; đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập. Kịp thời tham mưu, giải quyết các chế độ, chính sách về tiền lương và các quy định khác có liên quan đến cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh.

- Thứ sáu, dành nguồn lực thích đáng để đầu tư cơ sở vật chất, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, tập trung đẩy nhanh việc đầu tư và đưa vào sử dụng các hạ tầng xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số đảm bảo tiến độ Chính phủ quy định.

Trên đây là tham luận của tỉnh Phú Yên về nội dung “Những kết quả nổi bật trong công tác trong công tác cải cách hành chính năm 2024, nhiệm vụ và giải pháp trong thời gian tới”.

Trước thềm năm mới 2025 - Tết Nguyên Đán - Xuân Ất Ty, xin kính chúc các đồng chí lãnh đạo, các quý vị đại biểu lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và đạt được nhiều thành công trong công tác.

Xin trân trọng cảm ơn!

THAM LUẬN
Kết quả cải cách chế độ công vụ, nhiệm vụ,
giải pháp trong thời gian tới

UBND Thành phố Hồ Chí Minh

Kính thưa đồng chí Nguyễn Hòa Bình, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ, Phó Trưởng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ!

Kính thưa đồng chí Phạm Thị Thanh Trà, Ủy viên BCH Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Phó Trưởng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ!

Kính thưa các quý vị đại biểu tham dự Hội nghị tại các điểm cầu!

Trong bối cảnh đất nước ta đang chuyển mình mạnh mẽ về kinh tế, xã hội và khoa học công nghệ, công tác cải cách hành chính nói chung, cải cách chế độ công vụ nói riêng đóng vai trò trung tâm trong việc đổi mới toàn diện, đồng bộ của nước ta. Thành phố Hồ Chí Minh với vai trò là trung tâm kinh tế, đã có những bước tiến quan trọng trong việc cải cách chế độ công vụ, nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, phục vụ tốt hơn nhu cầu của nhân dân và phát triển bền vững.

Hôm nay, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình bày tham luận về Kết quả cải cách chế độ công vụ, nhiệm vụ, giải pháp trong thời gian tới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Nhằm lập thành tích hướng đến kỷ niệm 50 năm Ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2025) và tập trung hoàn thành thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ XI. Thành phố đã đẩy mạnh thực hiện công tác cải cách chế độ công vụ và đạt được một số kết quả trọng tâm như sau:

Thứ nhất, nhằm thực hiện đồng bộ, tổng thể các nhiệm vụ cải cách chế độ công vụ, Thành phố đã xây dựng và triển khai thực hiện nhiều văn bản như:

(1) Đề án đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức của Thành phố giai đoạn 2022 - 2027; (2) Quy định về các biện pháp tăng cường trách nhiệm đối với người đứng đầu cơ quan, đơn vị và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ; (3) Đề án xây dựng nền công vụ Thành phố Hồ Chí Minh hoạt động hiệu lực, hiệu quả giai đoạn 2024 - 2030 và (4) Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án với các giải pháp cụ thể nhằm thực hiện những nhiệm vụ trọng tâm và thí điểm các cơ chế, chính sách đặc thù phù hợp với thực tiễn của Thành phố. Mục tiêu của Đề án là xây dựng nền công vụ Thành phố hoạt động hiệu lực, hiệu quả để phụng sự người dân và kiến tạo phát triển, đồng thời xây dựng đội ngũ công chức, viên chức “muốn làm, làm được, được làm”. Đề án sẽ

chuẩn bị các nền tảng để phát triển nền công vụ chuyên nghiệp, đưa Thành phố bước vào kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

Thứ hai, về xây dựng hoàn thiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm, Thành phố đã hoàn thành việc phê duyệt vị trí việc làm của 608 tổ chức hành chính và 1779/1780 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý. Việc xác định vị trí việc làm có ý nghĩa rất lớn, tác động đến nhiều khía cạnh, đặc biệt là đối với việc quản lý, tuyển dụng, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức và cải cách tiền lương hiệu quả; xác định vị trí việc làm sẽ là căn cứ khách quan, khoa học để tính toán, xác định chỉ tiêu biên chế.

Thứ ba, trong năm 2024, Thành phố đã tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng cho 30.005 lượt cán bộ, công chức và 62.487 lượt viên chức về các nội dung như: bổ sung, nâng cao kiến thức quốc phòng, an ninh, lý luận chính trị, kỹ năng quản lý nhà nước theo vị trí việc làm, chuyển đổi số, thương mại điện tử và các nghiệp vụ chuyên môn ... Ngoài ra, cán bộ, công chức, viên chức còn được cử tham gia các lớp bồi dưỡng do Bộ, ngành tổ chức. Thành phố còn chú trọng triển khai các chương trình hợp tác quốc tế, như tổ chức lớp bồi dưỡng tại Thượng Hải (Trung Quốc) và cử cán bộ tham gia các khóa đào tạo tại Nhật Bản. Đồng thời, Hội đồng nhân dân Thành phố đã ban hành Nghị quyết quy định về chính sách đặc thù hỗ trợ trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của Thành phố Hồ Chí Minh. Theo đó, Thành phố hỗ trợ kinh phí đào tạo từ ngân sách đối với các đối tượng được cấp có thẩm quyền của Thành phố cử tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị theo quy định của Đảng; các lớp đào tạo theo các đề án do Ban Thường vụ Thành ủy, Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành.

Thứ tư, Thành phố đã quan tâm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thông qua tuyển dụng công chức, viên chức từ nguồn sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ năm 2024, kết quả đã tuyển dụng được 04 công chức, 02 viên chức vào làm việc tại các cơ quan, đơn vị quan trọng của Thành phố (tỷ lệ tăng 50% so với năm 2023). Đồng thời, chủ động phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận tổ chức thành công kỳ thi nâng ngạch cho công chức của Thành phố Hồ Chí Minh và tiến hành triển khai thực hiện công tác xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức theo quy định.

Thứ năm, Thành phố thực hiện đổi mới công tác cán bộ thông qua việc thực hiện Đề án thí điểm thi tuyển chức danh lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương và định hướng tiếp tục tổ chức thí điểm thi tuyển chức danh lãnh đạo, quản lý cấp sở, cấp phòng và tương đương trong thời gian tới. Đây là bước tiến đột phá trong việc lựa chọn người có năng lực, phù hợp với vị trí lãnh đạo, đảm bảo tính minh bạch và công bằng trong công tác bổ nhiệm.

Thứ sáu, thực hiện các cơ chế, chính sách đặc thù theo Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội, Hội đồng nhân dân Thành phố đã ban hành: (1) Nghị quyết quy định về mức thu nhập chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt để thu hút đối tượng này tham gia thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của Thành phố; (2) Nghị quyết quy định về nguyên

tắc, tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình, mức thu nhập và các chính sách đãi ngộ để tuyển dụng công chức, viên chức từ nguồn sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, người có trình độ cao.

Bên cạnh những kết quả đạt được, Thành phố còn tồn tại một số nội dung sau:

Một là, việc thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế còn gặp nhiều khó khăn, chưa đáp ứng được tình hình vì thực tế khối lượng công việc quá lớn cùng với tốc độ phát triển trước nhu cầu phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Hai là, việc thực hiện các chỉ tiêu về chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đã được Thành phố tập trung triển khai đồng bộ, quyết liệt. Tuy nhiên, do quy mô đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của Thành phố là rất lớn, đồng thời có sự thay đổi liên tục về số lượng và đối tượng nên việc đảm bảo 100% đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đạt chuẩn còn gặp nhiều khó khăn khi tổ chức thực hiện và đánh giá kết quả.

Ba là, chính sách ưu đãi về thu nhập cho chuyên gia, nhà khoa học và người có tài năng đặc biệt đã được Thành phố thực hiện với mức cao hơn nhiều lần so với tiền lương bình quân của công chức, viên chức. Tuy nhiên, các tổ chức, doanh nghiệp ngoài khu vực công sẵn sàng chi trả mức thu nhập hấp dẫn hơn khu vực công nhằm mời gọi nhân lực chất lượng cao về làm việc. Do đó, áp lực cạnh tranh về thu hút và giữ chân chuyên gia, nhà khoa học đối với Thành phố là rất lớn.

Để tiếp tục thực hiện có hiệu quả công tác cải cách chế độ công vụ, Thành phố Hồ Chí Minh đề ra một số phương hướng, giải pháp như sau:

Thứ nhất, thực hiện tốt Chủ đề năm 2025 của Thành phố “Tập trung sắp xếp tổ chức bộ máy tinh - gọn - mạnh - hiệu năng - hiệu lực - hiệu quả; đẩy mạnh chuyển đổi số, Nghị quyết 98/2023/QH15 của Quốc hội; giải quyết cơ bản những vướng mắc, tồn đọng của Thành phố” gắn với công tác cải cách chế độ công vụ, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đảm bảo sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp. Đảm bảo hiện đồng bộ việc tinh gọn tổ chức bộ máy gắn với cơ cấu lại đội ngũ cán bộ đủ phẩm chất, năng lực, ngang tầm nhiệm vụ.

Thứ hai, quán triệt các văn bản, chỉ đạo của Thành phố về nâng cao trách nhiệm hoạt động công vụ nói chung, đặc biệt là Kế hoạch của Ủy ban nhân dân Thành phố về thực hiện Đề án Văn hóa công vụ; Đề án đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức của Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2022 - 2027 và Đề án xây dựng nền công vụ Thành phố hoạt động hiệu lực hiệu quả giai đoạn 2024 - 2030. Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến nhằm tác động vào quan điểm, nhận thức của người đứng đầu cơ quan, đơn vị và từng cá nhân cán bộ, công chức, viên chức, từ đó thay đổi thái độ, hành vi trong thực hiện công vụ.

Thứ ba, tiếp tục triển khai thực hiện tốt Đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2016 - 2025 và Kế hoạch của Ủy ban nhân dân Thành phố về đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức,

viên chức của Thành phố hàng năm, tạo điều kiện cho cán bộ, công chức được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ.

Thứ tư, hoàn thiện tổ chức bộ máy, cơ chế phối hợp đảm bảo thông suốt, tránh chồng chéo, trùng lặp. Đồng thời, phải nâng cao hiệu quả các khâu của công tác cán bộ (quy hoạch, đánh giá, phân công, điều động, bổ nhiệm, đào tạo, bồi dưỡng ...) để tạo động lực cho cán bộ, công chức, viên chức an tâm công tác, phấn đấu, nỗ lực vượt qua khó khăn vì lợi ích chung. Bên cạnh đó, phải khẩn trương đẩy mạnh chuyển đổi số, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin nhằm hiện đại hóa công tác quản lý nhà nước phù hợp với tình hình, yêu cầu thực tiễn.

Thứ năm, tăng cường quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND, Nghị quyết số 27/2023/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố về các cơ chế, chính sách tuyển dụng, sử dụng, phát huy năng lực của công chức, viên chức từ nguồn sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, người có trình độ cao nhằm thu hút chuyên gia, nhà khoa học và phát huy tài năng trẻ của Thành phố. Các cơ quan, đơn vị xem việc triển khai, thực hiện chính sách thu hút nhân tài là nhiệm vụ chính trị quan trọng cần thực hiện nghiêm túc, quyết liệt, lâu dài, là “đòn bẩy” trong nâng cao chất lượng công tác cán bộ tại cơ quan, đơn vị.

Thứ sáu, tiếp tục quán triệt, triển khai, tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thi đua, khen thưởng gắn với việc thực hiện học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong toàn Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân Thành phố nhằm thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 39/CT-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước chào mừng Đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Đại hội thi đua yêu nước toàn quốc lần thứ XI.

Trên đây là tham luận của UBND Thành phố Hồ Chí Minh.

Trước thềm năm mới 2025 - Tết Nguyên Đán - Xuân Ất Tỵ, xin kính chúc các đồng chí lãnh đạo, các quý vị đại biểu lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và đạt được nhiều thành công trong công tác.

Xin trân trọng cảm ơn!

THAM LUẬN
Những kết quả nổi bật trong cải cách thủ tục hành chính,
một số mô hình hay trong cải cách

UBND Thành phố Hà Nội

Kính thưa đồng chí Nguyễn Hòa Bình, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ, Phó Trưởng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ!

Kính thưa đồng chí Phạm Thị Thanh Trà, Ủy viên BCH Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Phó Trưởng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ!

Kính thưa các quý vị đại biểu tham dự Hội nghị tại các điểm cầu!

Hôm nay, thành phố Hà Nội xin phép được chia sẻ một số kết quả nổi bật trong công tác cải cách thủ tục hành chính (TTHC) của thành phố Hà Nội trong thời gian qua, cũng như những mô hình hay đã và đang được triển khai trong công tác cải cách hành chính (CCHC) của Thành phố nhằm không ngừng nâng cao chất lượng phục vụ người dân, tổ chức và doanh nghiệp.

Cải cách TTHC là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong Chương trình tổng thể CCHC nhà nước. Thành phố Hà Nội luôn xác định cải cách TTHC là một yếu tố then chốt trong công tác quản lý nhà nước, phục vụ người dân, tổ chức và doanh nghiệp, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh đồng thời góp phần xây dựng nền hành chính dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, tinh gọn và hiệu quả.

I. NHỮNG KẾT QUẢ NỔI BẬT TRONG CẢI CÁCH TTHC

1. Chuyển đổi số mạnh mẽ trong cải cách TTHC

Một trong những điểm sáng trong cải cách TTHC là sự kết hợp giữa cải cách TTHC và chuyển đổi số. Thành phố Hà Nội là địa phương đầu tiên trong cả nước ban hành Nghị quyết quy định về mức phí, lệ phí bằng "không" khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến; quy định việc hỗ trợ phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp qua ứng dụng định danh và xác thực điện tử (VNeID).

Thành phố tiếp tục duy trì và vận hành các ứng dụng, dịch vụ với người dân, tổ chức, doanh nghiệp như: Hệ thống thông tin giải quyết TTHC, Ứng dụng Công dân Thủ đô số (iHanoi), Hồ sơ sức khỏe điện tử Thành phố, Ứng dụng "Thẻ vé giao thông Hà Nội" sử dụng thẻ QR động (thẻ ảo) cho vận tải hành khách công cộng. Hiện nay, Thành phố đã cung cấp trên Cổng dịch vụ công Thành phố: 1.191 DVC trực tuyến toàn trình và một phần/1.191 TTHC đủ điều kiện - đạt 100%; Thực hiện tích hợp 893/1.191 DVC trực tuyến đủ điều kiện với Cổng DVC quốc gia (đạt 74,9% - vượt 4,9% chỉ tiêu so với chỉ tiêu giai đoạn 2021-2025). Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Thành phố đã kết nối với một số cơ sở dữ liệu chuyên ngành của các Bộ, ngành chủ quản (Cục C06 - Bộ Công an, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng Chính phủ....). Triển

khai các giải pháp thanh toán phí, lệ phí không dùng tiền mặt đối với hồ sơ TTHC có phát sinh nghĩa vụ tài chính, phần đầu bảo đảm 100% các giao dịch không dùng tiền mặt, khuyến khích các đơn vị áp dụng giải pháp phần mềm sinh mã “QR động”; tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp về các phương thức thực hiện hình thức thanh toán phí, lệ phí không dùng tiền mặt khi thực hiện TTHC. Trong năm 2024 (tính đến 15/12/2024), tỉ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn đạt 99,6%. Về số hóa thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC: Tỷ lệ hồ sơ được số hóa thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC của toàn Thành phố đạt 80%.

Bên cạnh đó, Hà Nội đã và đang đầu tư, xây dựng, hoàn thiện, phát triển đồng bộ và hiện đại hạ tầng số đáp ứng nhu cầu thực tiễn và sẵn sàng cho các mục tiêu chuyển đổi số như: Đưa vào vận hành trung tâm dữ liệu chính; tiếp tục duy trì mạng diện rộng; nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu đã kết nối với 7 hệ thống thông tin/cơ sở dữ liệu của Thành phố và 14 hệ thống thông tin/cơ sở dữ liệu của quốc gia và các bộ, ngành. Hà Nội cũng phát triển dữ liệu số, duy trì hiệu quả các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ ứng dụng, dịch vụ chính quyền số nội bộ thuộc các ngành, lĩnh vực: Giáo dục, giao thông - vận tải, lao động, xây dựng, nông nghiệp, đầu tư, tài chính.

2. Tăng cường phân cấp, ủy quyền tiếp nhận, giải quyết TTHC

Thành phố Hà Nội là địa phương đi đầu trong việc thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về việc phân cấp, ủy quyền trong giải quyết TTHC. Việc ủy quyền giải quyết TTHC đã tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện TTHC, giúp tiết giảm thời gian, chi phí đồng thời giảm tải áp lực công việc cho cán bộ, công chức tại các Sở, ban, ngành để tập trung hơn cho nhiệm vụ tham mưu xây dựng chính sách, quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực trên địa bàn Thành phố. Bên cạnh đó, việc thực thi phương án ủy quyền trong giải quyết TTHC đã đem lại hiệu ứng, khí thế trong công tác CCHC, phát huy tính chủ động, sáng tạo, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương, đơn giản hóa TTHC, mang lại những lợi ích thiết thực nhất cho người dân, doanh nghiệp. Từ đầu năm 2024, Thành phố tiếp tục thực hiện Phương án ủy quyền đối với 547 TTHC.

Triển khai Luật Thủ đô, trong tháng 11 năm 2024, HĐND Thành phố đã thông qua Nghị quyết quy định ủy quyền giải quyết TTHC của Chủ tịch UBND cấp xã cho công chức thuộc UBND cấp xã trên địa bàn Thành phố, trên 03 lĩnh vực: Tư pháp (Chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận; chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản theo quy định của pháp luật, trừ việc chứng thực chữ ký người dịch); Văn hóa - xã hội (Thành lập thư viện đối với thư viện cộng đồng; sáp nhập, hợp nhất, chia tách thư viện đối với thư viện cộng đồng; thông báo chấm dứt hoạt động thư viện cộng đồng); Lao động, Thương binh và Xã hội: Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật. Đối với việc phân cấp, ủy quyền khối đơn vị sự nghiệp công lập: Thành phố đã ban hành Nghị quyết phân cấp, ủy quyền cho các Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thuộc UBND Thành phố, Giám đốc các Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thuộc UBND Thành phố một số nội dung, nhiệm vụ cụ thể.

3. Thúc đẩy, phát hiện các sáng kiến, ý tưởng, giải pháp CCHC đóng góp cho Thành phố

Xác định, mỗi ý tưởng, giải pháp, sáng kiến sẽ đóng góp rất quan trọng, mang lại hiệu quả xã hội cao và góp phần nâng cao sự hài lòng của người dân, tổ chức; trong năm 2024, Thành phố đã tổ chức Cuộc thi Tìm kiếm ý tưởng, giải pháp CCHC Thành phố. Cuộc thi đã thu hút đông đảo sự tham gia của các sở, ngành, quận, huyện, thị xã, xã, phường, thị trấn với rất nhiều sáng kiến trên cả 06 nội dung, trong đó, nhiều ý tưởng, sáng kiến trên lĩnh vực cải cách TTHC. Đây là năm đầu tiên thành phố Hà Nội triển khai Cuộc thi tìm kiếm ý tưởng, giải pháp CCHC trên địa bàn toàn Thành phố và kết quả đã vượt ngoài mong đợi. Những sáng kiến xuất sắc từ Cuộc thi không chỉ thể hiện tinh thần sáng tạo, đổi mới của các cán bộ, công chức, viên chức mà còn là minh chứng cho cam kết của Hà Nội trong việc cải thiện hệ thống cơ quan hành chính nhà nước, hướng tới phục vụ người dân tốt hơn.

4. Thành lập Trung tâm Phục vụ hành chính công

Hà Nội là địa phương đi đầu trong thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về triển khai thí điểm mô hình Trung tâm Phục vụ hành chính công với định hướng cải tiến toàn diện, giảm từ 673 Bộ phận "một cửa" còn 30 chi nhánh và không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong giải quyết TTHC. Đây là mô hình một cấp, trực thuộc UBND Thành phố và là cơ quan hành chính. Đây là mô hình cải tiến từ Bộ phận Một cửa truyền thống, giúp khắc phục những hạn chế như thiếu tính độc lập và chưa có cơ quan chuyên trách cấp Thành phố. Trung tâm này hoạt động với vai trò chuyên trách về tiếp nhận, trả kết quả TTHC, đảm bảo công khai, minh bạch và tăng cường sự hài lòng của tổ chức, cá nhân khi sử dụng dịch vụ công. Việc thành lập Trung tâm giúp giảm số lượng công chức, viên chức tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC tại bộ phận "một cửa" (giảm từ 2.768 nhân sự còn 184 người). Với tính độc lập trong tổ chức, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin và quy trình số hóa, mô hình Trung tâm phục vụ hành chính công Thành phố sẽ góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ công, tăng cường tính chuyên nghiệp, hiệu quả trong giải quyết TTHC. Mô hình mới của Thành phố cũng cho phép tiếp nhận TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính, người dân có thể thực hiện các TTHC tại bất kỳ chi nhánh, điểm tiếp nhận nào thuận tiện. Quá trình tiếp nhận và xử lý hồ sơ được số hóa hoàn toàn từ khâu tiếp nhận đến trả kết quả, giúp tối ưu hóa thời gian và công sức. Quy trình này được tự động hóa và liên thông giữa các sở, ban, ngành và UBND các cấp, bảo đảm theo dõi, giải quyết TTHC nhanh chóng, minh bạch.

Đây không chỉ là bước tiến trong CCHC mà còn là minh chứng cho "Tầm nhìn dài hạn - Tư duy sáng tạo - Giải pháp thông minh" của Thành phố trong việc xây dựng chính quyền số, phục vụ người dân và doanh nghiệp, khẳng định "Tư duy Thủ đô, hành động Hà Nội" trong nỗ lực chung nhằm cải thiện sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp, đáp ứng yêu cầu thực tiễn của một đô thị đặc biệt.

II. CÁC MÔ HÌNH HAY TRONG CCHC

Trong thời gian qua, nhiều sáng kiến, giải pháp, mô hình hay đã và đang được triển khai trên địa bàn toàn Thành phố và đạt được hiệu quả thiết thực. Cụ thể như:

1. Mô hình Công dân thủ đô số - iHanoi:

Mô hình được phát triển với mục tiêu xây dựng một nền tảng số đồng bộ cho cư dân Thủ đô. “Công dân Thủ đô số” - iHaNoi là kênh tương tác trực tuyến trên môi trường số giữa người dân, doanh nghiệp với các cấp chính quyền thành phố Hà Nội. Qua ứng dụng này, người dân và doanh nghiệp có thể phản ánh các vấn đề đời sống, từ đó giúp chính quyền tiếp nhận và giải quyết kịp thời. Qua hơn 04 tháng triển khai chính thức, ứng dụng đã tiếp nhận 23.910 phản ánh, kiến nghị hiện trường của người dân gửi đến. Trong số đó, cơ quan chức năng Thành phố đã xử lý 19.871 phản ánh, kiến nghị, chiếm 83,1%. Tính đến tháng 11/2024, đã có khoảng 16 triệu lượt người truy cập, sử dụng ứng dụng iHanoi. Hiện có 1.446.705 người đăng ký tài khoản trên ứng dụng Công dân số Thủ đô – iHanoi, trong đó có 70.573 người dùng đã đăng ký mới bằng VneID. Từ ngày 11/11, Thành phố tích hợp tài khoản định danh điện tử VNeID lên iHanoi. Người dân chỉ cần sử dụng một tài khoản định danh điện tử duy nhất (VneID) để đăng nhập sử dụng các dịch vụ, ứng dụng của cơ quan chính quyền Hà Nội cung cấp, như ứng dụng iHanoi, Cổng dịch vụ công thành phố Hà Nội. Sắp tới, Thành phố sẽ đưa ứng dụng thuế điện tử dùng cho thiết bị di động (eTax Mobile) lên iHanoi...

2. Mô hình thẻ từ thay thế máy xếp hàng tự động

Nổi bật của mô hình này là cải tiến thay thế hệ thống máy xếp hàng, lấy số tự động bằng hệ thống thẻ từ rung. Nhận thấy đầu tư máy lấy số đạt công suất sử dụng thấp (mỗi ngày ở “một cửa” quận chỉ khoảng 200 lượt và phường hơn 10 lượt người đến giao dịch), 01 đơn vị thuộc Thành phố đã có sáng kiến chuyển sang đầu tư hệ thống thẻ từ kết nối bàn điều khiển thứ tự thông qua sóng radio, sạc điện tại chỗ. So với máy lấy số tự động, loại thẻ này vẫn bảo đảm thứ tự và sự ưu tiên cho công dân khi đến giao dịch, lại không đòi hỏi bảo trì hàng năm, không yêu cầu phần mềm và kết nối internet hoặc điều kiện kết nối phức tạp; không tiêu hao vật tư phụ liệu; không xả giấy, nên tiết kiệm công sức vệ sinh trụ sở; không phát tiếng ồn do gọi loa trên hệ thống... Thẻ tiêu thụ rất ít điện năng, nhỏ gọn, trong khi bán kính hoạt động lớn, hỗ trợ công dân không phải ngồi liên tục chờ gọi loa, lại có tần suất tái sử dụng lớn, nhiều lựa chọn mua sản phẩm, dễ thay linh kiện...Tiết giảm chi phí từ 2 tỉ đồng xuống chưa tới 40 triệu đồng tại 01 quận và 14 phường.

3. Mô hình ứng dụng phần mềm chấm điểm Chỉ số CCHC hằng tháng

Mô hình này giúp theo dõi và đánh giá hiệu suất làm việc của các phòng ban và UBND các phường từ đó tạo động lực để các đơn vị cải thiện chất lượng công việc, đồng thời tăng cường tính minh bạch và trách nhiệm của công chức, viên chức. Bằng việc đánh giá hằng tháng, các chỉ số CCHC của các phòng ban và UBND các phường, lãnh đạo quận có thể dễ dàng xác định các vấn đề cần cải thiện và đưa ra biện pháp điều chỉnh kịp thời.

4. Mô hình liên thông thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cấp giấy phép xây dựng

Việc thực hiện đồng thời 02 TTHC trên đã giúp quy trình cấp giấy chứng nhận và cấp phép xây dựng cho người dân trong khu vực được thuận lợi, nhanh chóng, giảm bớt TTHC mà vẫn bảo đảm được quy định của pháp luật, tiết kiệm thời gian, công sức cho cá nhân, tổ chức, đồng thời giảm thiểu các bước trung gian, tăng hiệu suất công việc. Đây là bước tiên quan trọng trong việc đơn giản hóa các TTHC, quy trình nội bộ bên trong, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp.

5. Mô hình đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận thông báo nhắc lịch tiêm chủng cho trẻ từ 0 đến 24 tháng tuổi

Mô hình tích hợp này giúp các gia đình có trẻ nhỏ thực hiện 02 TTHC quan trọng chỉ trong một lần đăng ký, là một giải pháp thông minh, không chỉ giúp các gia đình giảm bớt công sức và thời gian mà còn nâng cao hiệu quả quản lý y tế, góp phần bảo vệ sức khỏe cộng đồng và tạo dựng sự tin tưởng vào hệ thống hành chính và y tế. Nhờ có thông báo nhắc nhở, tỷ lệ tiêm chủng trong cộng đồng sẽ được nâng cao, giúp giảm thiểu nguy cơ bùng phát dịch bệnh. Mô hình này cũng thúc đẩy sự phối hợp giữa các cơ quan đăng ký khai sinh và cơ quan y tế, tạo ra một hệ thống dịch vụ công hiệu quả hơn.

6. Mô hình đón tiếp khám chữa bệnh bằng Kiosk tự phục vụ

Mô hình này mang lại sự tiện lợi và nâng cao chất lượng dịch vụ y tế công khi cho phép người bệnh thực hiện đăng ký và nhận số thứ tự khám bệnh tại các Kiosk tự phục vụ. Mô hình đón tiếp khám chữa bệnh bằng Kiosk tự phục vụ là một giải pháp công nghệ hiện đại, giúp tối ưu hóa quy trình đón tiếp, đăng ký khám chữa bệnh và cải thiện trải nghiệm của bệnh nhân tại các cơ sở y tế. Kiosk tự phục vụ là các màn hình cảm ứng lớn được đặt tại khu vực tiếp đón của bệnh viện hoặc phòng khám, cho phép bệnh nhân thực hiện nhiều thủ tục mà không cần sự trợ giúp của nhân viên. Sau khi hoàn thành thủ tục đăng ký, hệ thống tự động cấp số thứ tự cho bệnh nhân, đồng thời cung cấp hướng dẫn chi tiết về phòng khám, bác sĩ và các khu vực liên quan trong bệnh viện. Nhân viên y tế sẽ không còn phải làm các công việc thủ công như nhập liệu, hướng dẫn bệnh nhân hoặc thanh toán, giúp họ có thể tập trung vào công việc chuyên môn hơn. Với giao diện thân thiện và dễ sử dụng, Kiosk giúp bệnh nhân thực hiện các thủ tục một cách tự động và thuận tiện, mang đến một trải nghiệm khám chữa bệnh nhanh chóng và hiện đại.

III. THÁCH THỨC VÀ ĐỊNH HƯỚNG TRONG THỜI GIAN TỚI

Mặc dù đã đạt được những kết quả quan trọng, tuy nhiên, công tác cải cách TTHC của Thành phố vẫn còn gặp phải một số khó khăn, vướng mắc. Cụ thể: Việc công bố TTHC của một số Bộ, ngành chưa đầy đủ và kịp thời; giao diện các TTHC trên Cổng Dịch vụ công quốc gia còn chưa thân thiện với người sử dụng. Ngoài ra, một số người dân vẫn có thói quen đến trực tiếp cơ quan nhà nước để thực hiện thủ tục do hạn chế về công nghệ thông tin.

Trong thời gian tới, UBND Thành phố sẽ tiếp tục chỉ đạo cải cách TTHC gắn chặt với chuyển đổi số, tăng cường công khai, minh bạch và đơn giản hóa quy trình giải quyết TTHC. Đồng thời, Thành phố sẽ tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn, khuyến khích người dân và doanh nghiệp về các dịch vụ công trực tuyến, góp phần tạo dựng một môi trường hành chính thuận tiện, minh bạch và hiện đại.

Kính thưa các đồng chí lãnh đạo, các quý vị đại biểu, những kết quả đạt được trong công tác cải cách TTHC là bước đi quan trọng trong quá trình xây dựng nền hành chính hiện đại, phục vụ nhân dân, tổ chức và doanh nghiệp. Hà Nội sẽ tiếp tục phấn đấu để đạt được những thành tựu mới, đóng góp vào sự phát triển chung của đất nước. Trong thời gian tới, thành phố Hà Nội rất mong nhận được sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương để Thành phố tiếp tục thực hiện và hoàn thành tốt các nhiệm vụ CCHC, phục vụ người dân và doanh nghiệp ngày càng tốt hơn.

Trên đây là tham luận của UBND Thành phố Hà Nội.

Trước thềm năm mới 2025 - Tết Nguyên Đán - Xuân Ất Ty, xin kính chúc các đồng chí lãnh đạo, các quý vị đại biểu lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và đạt được nhiều thành công trong công tác.

Xin trân trọng cảm ơn!

THAM LUẬN

Những kết quả trong chuyển đổi số, mô hình hay trong cung cấp dịch vụ công trực tuyến tại địa phương, tồn tại, hạn chế, giải pháp trong thời gian tới

UBND tỉnh Quảng Ninh

Kính thưa đồng chí Nguyễn Hòa Bình, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ, Phó Trưởng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ!

Kính thưa đồng chí Phạm Thị Thanh Trà, Ủy viên BCH Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Phó Trưởng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ!

Kính thưa các quý vị đại biểu tham dự Hội nghị tại các điểm cầu!

Trước hết, tỉnh Quảng Ninh bày tỏ thông nhất cao với báo cáo của đồng chí Bộ trưởng Bộ Nội vụ Phạm Thị Thanh Trà đã trình bày tại Hội nghị. Có thể thấy trong thời gian qua dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, sát sao của Chính phủ, mà trực tiếp, thường xuyên của đồng chí Thủ tướng Chính phủ, Trưởng ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ và sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở, công tác cải cách hành chính nói chung và công tác chuyển đổi số nói riêng đã đạt được nhiều kết quả nổi bật, đã mang lại nhiều lợi ích to lớn cho người dân và doanh nghiệp.

Đối với Quảng Ninh, bám sát sự chỉ đạo của Trung ương và thực tiễn tại địa phương, Tỉnh đã luôn sáng tạo, chủ động, linh hoạt với một quyết tâm chính trị cao nhất, đồng lòng, chung sức của cả hệ thống chính trị tỉnh, qua đó tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh năm 2024 ước đạt 8,42%, tổng thu ngân sách ước đạt 48.189 tỷ đồng (tính đến 10/12/2024), tỉnh đã tiếp tục giữ vị trí dẫn đầu các Chỉ số PCI, PAR INDEX, SIPAS năm 2023.

Kính thưa Hội nghị!

Bám sát các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông, thời gian qua, tỉnh Quảng Ninh đã tập trung chỉ đạo, triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp thúc đẩy chuyển đổi số, cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh; hàng năm UBND tỉnh đều giao cụ thể từng nhiệm vụ, chỉ tiêu về chuyển đổi số, thực hiện dịch vụ công trực tuyến đến từng sở, ngành, địa phương từ cấp tỉnh đến cấp xã; qua đó, kết quả trong công tác chuyển đổi số, cung cấp dịch vụ công trực tuyến của tỉnh Quảng Ninh đạt được một số kết quả chủ yếu như sau:

1. Về chuyển đổi số

Xác định việc thực hiện chuyển đổi số và triển khai Đề án 06 của Thủ tướng Chính phủ là nhiệm vụ trọng tâm cần tập trung triển khai thực hiện, ngay từ đầu năm, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch chuyển đổi số trong đó đặt ra 20 mục

tiêu, 35 nhiệm vụ thực hiện chuyển đổi số và Kế hoạch thực hiện Đề án 06 đặt ra 17 mục tiêu, 41 nhiệm vụ thực hiện; đồng thời, kịp thời ban hành các văn bản chỉ đạo, tổ chức triển khai hiệu quả các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tổ Công tác triển khai Đề án 06 của Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương giao tại các Nghị quyết, Thông báo; Trên cơ sở đó, định kỳ hàng tháng, tại phiên họp UBND tỉnh thường kỳ tổ chức kiểm đếm kết quả thực hiện, giải quyết các vướng mắc và đẩy nhanh tiến độ triển khai các nhiệm vụ được giao.

Trong năm 2024 đã có 19/35 nhiệm vụ hoàn thành (đạt 55,3%), 15/35 nhiệm vụ đang thực hiện (chiếm 42,9%) và đạt được nhiều kết quả như: Tỷ lệ thuê bao băng rộng di động/100 dân đạt 99%; Hộ gia đình có đường Internet cáp quang băng rộng đạt 93%; 100% cơ sở y tế trong tỉnh thực hiện chuyển đổi số, trong đó 50% cơ sở y tế khám chữa bệnh triển khai bệnh án điện tử theo quy định tại Thông tư số 46/2018/TTBYT ngày 28/12/2018 của Bộ Y tế quy định về Hồ sơ bệnh án điện tử; 50% người dân trưởng thành tham gia và sử dụng nền tảng hỗ trợ tư vấn khám chữa bệnh từ xa; 100% người dân được cập nhật thông tin sức khỏe và dữ liệu khám chữa bệnh; Đảm bảo việc kết nối, chia sẻ thông tin khám chữa bệnh của người dân tỉnh Quảng Ninh với các hệ thống tin Quốc gia và các bệnh viện tuyến Trung ương phục vụ nhu cầu giải quyết công việc, thủ tục hành chính; Đã thực hiện chi trả an sinh xã hội theo hình thức không dùng tiền mặt số tiền với số tiền hơn 469 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 87,78%; 100% cơ sở kinh doanh, bán lẻ xăng dầu trên địa bàn tỉnh đã triển khai ít nhất 01 giải pháp thanh toán không dùng tiền mặt trong quá trình mua, bán xăng dầu; 100% chợ trung tâm chấp nhận thanh toán không sử dụng tiền mặt; tỷ lệ số hộ kinh doanh sử dụng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt đạt trung bình 83%; 100% các cơ sở giáo dục, y tế, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và Trung tâm hành chính công cấp huyện thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt;...An toàn thông tin mạng được thực hiện nghiêm túc, trong năm 2024 không ghi nhận sự cố mất an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh; hiện tại toàn tỉnh có 297 hệ thống thông tin; đã cập nhật 119 hệ thống thông tin lên Nền tảng quản lý cấp độ của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Cùng với đó, việc triển khai 13 nhiệm vụ trọng tâm thúc đẩy Đề án 06 được quan tâm thực hiện, hiện đã có 9/13 nhiệm vụ trọng tâm đã hoàn thành, đang tiếp tục duy trì, triển khai; 03 nhiệm vụ đang triển khai và đã có kết quả; 01 nhiệm vụ đang triển khai.

2. Về dịch vụ công trực tuyến

Thứ nhất, về chính sách thúc đẩy sử dụng dịch vụ công trực tuyến:

(1) HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND, ngày 31/10/2023 quy định mức thu đối với 07 khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quy định của HĐND tỉnh thực hiện TTHC thông qua dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh với mức thu phí giảm từ 50-100% so với mức thu hiện hành, thời gian áp dụng đến hết năm 2025 nhằm khuyến khích người dân, doanh nghiệp nộp hồ sơ qua Cổng dịch vụ công. (2) Chủ động rà soát, chuẩn hóa quy trình tiếp nhận, giải quyết TTHC với 05 bước (Tiếp nhận, thẩm định, phê duyệt, đóng dấu - ký số, trả

kết quả), trong đó đã sử dụng chữ ký số điện tử trong toàn bộ quy trình, qua đó đưa việc giải quyết TTHC tại tỉnh Quảng Ninh chuyển sang thực hiện hoàn toàn trên môi trường điện tử.

Thứ hai, về kết quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến:

Đã cung cấp 1.320 TTHC đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến/tổng số 1.717 TTHCC của tỉnh, trong đó có 668 dịch vụ trực tuyến toàn trình, như vậy, 100% TTHC đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo các Quyết định công bố của các Bộ, ngành Trung ương.

Tỷ lệ số hóa hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh, cấp tỉnh đã thực hiện số hóa 57.877 hồ sơ đầu vào (đạt 99,1%), trả 57.900 kết quả bản điện tử (đạt 98%); cấp huyện đã thực hiện số hoá 134.139 hồ sơ đầu vào (đạt 99,3%), trả 130.141 kết quả bản điện tử (đạt 93,9%); cấp xã đã thực hiện số hoá 201.881 hồ sơ (đạt 98,3%), trả 199.790 kết quả bản điện tử (đạt 96,7%); Kết quả giải quyết TTHC được ký số và trả vào Kho dữ liệu của tổ chức, công dân trên Cổng dịch vụ công của tỉnh và Cổng dịch vụ công quốc gia. Đối với các kết quả đặc thù hoặc phải ký trực tiếp được Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp, Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp xã scan, ký số sao y chuyển sang bản điện tử theo quy định.

100% tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, Trung tâm hành chính công cấp huyện và 97% tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã đã thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt trong giải quyết TTHC. Trong năm 2024 đã thu trên 30 tỷ đồng tiền phí, lệ phí không dùng tiền mặt.

Kết quả thực hiện 53 dịch vụ công thiết yếu theo Đề án 06 và Quyết định 422, ngày 04/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ đảm bảo chỉ tiêu đề ra, một số dịch vụ công thiết yếu thực sự đã đi vào cuộc sống, được người dân thường xuyên sử dụng như: Cấp hộ chiếu phổ thông (tỷ lệ 100%), Thông báo lưu trú (99,99%), Đăng ký thường trú, tạm trú (93,2%),... Đặc biệt, việc triển khai 02 nhóm dịch vụ công liên thông “Đăng ký khai sinh - Đăng ký thường trú - Cấp thẻ BHYT cho trẻ em dưới 06 tuổi” và “Đăng ký khai tử - Xóa đăng ký thường trú - Trợ cấp mai táng phí”, theo đó đến nay đã tiếp nhận và giải quyết: Liên thông đăng ký khai sinh - đăng ký thường trú - cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ dưới 6 tuổi: 8.488 hồ sơ; Liên thông đăng ký khai tử - Xóa đăng ký thường trú - Trợ cấp mai táng phí: 2.703 hồ sơ, giúp người dân làm thủ tục “3 trong 1”, tiết kiệm được nhiều thời gian và công sức đi lại, nhận được nhiều đánh giá và phản hồi tích cực.

Thứ ba, về công tác tuyên truyền, kiểm tra giám sát:

Đã chỉ đạo thành lập 1.473 Tổ công nghệ số cộng đồng của địa phương và doanh nghiệp với trên 11.200 thành viên tại 100% thôn, bản, khu phố trên địa bàn tỉnh và đẩy mạnh tuyên truyền, hỗ trợ người dân khai thác, sử dụng dịch vụ công trực tuyến và các tiện ích trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công của tỉnh.

Tiếp tục khai thác hiệu quả Hệ thống đánh giá Bộ chỉ số theo Quyết định số 766 ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ để thường xuyên kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc tiếp nhận, giải quyết TTHC đúng tiến độ, chất lượng. Đồng thời, duy trì đồng bộ việc khảo sát mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm hành chính công cấp huyện và Bộ phận một cửa cấp xã.

Kính thưa các đồng chí!

Bên cạnh những kết quả đạt được, trong quá trình triển khai chuyển đổi số, cung cấp dịch vụ công trực tuyến, tỉnh Quảng Ninh cũng gặp những khó khăn nhất định:

Thứ nhất, hệ thống các văn bản pháp luật, hành lang pháp lý đối với lĩnh vực công nghệ thông tin, chuyển đổi số đang được hoàn thiện và thay đổi nhanh; có những công việc phát sinh trong thực tiễn nhưng vẫn đang trong quá trình dự thảo văn bản hướng dẫn; đặc biệt là liên quan đến việc phân cấp, thẩm quyền quyết định đầu tư đối với các dự án, kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh dẫn đến rất khó khăn trong việc triển khai các nhiệm vụ, dự án và kế hoạch thuê dịch vụ.

Thứ hai, sự thiếu hụt nhân lực công nghệ thông tin chuyên sâu, đặc biệt là trong các lĩnh vực chuyển đổi số, dữ liệu lớn và an toàn thông tin mạng. Chuyển đổi số là lĩnh vực mới, thay đổi nhanh, phức tạp, nhận thức của một số cán bộ, công chức, người dân và doanh nghiệp vẫn còn hạn chế, dẫn đến tâm lý “e ngại”, “đùn đẩy” khi triển khai các dự án công nghệ thông tin.

Thứ ba, một số bộ, ngành liên quan chưa có hướng dẫn chi tiết về cách thức kết nối và chia sẻ thông tin nên chưa hoàn thành triển khai 100% kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin của tỉnh với các hệ thống thông tin của các bộ, ngành Trung ương.

Thứ tư, việc kết nối, đồng bộ dữ liệu giữa phần mềm dịch vụ công liên thông và Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp thực hiện còn chậm; Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch không cho phép sửa thông tin sai sót từ người dân hoặc thông tin mặc định từ cơ sở dữ liệu Quốc gia về Dân cư; Chưa theo dõi được toàn bộ quá trình xử lý, tiến độ thực hiện; không kiểm đếm kết quả liên thông đối với nhóm liên thông “Đăng ký khai sinh - Đăng ký thường trú - Cấp thẻ Bảo hiểm y tế cho trẻ dưới 6 tuổi” (trừ việc liên thông cấp thẻ BHYT cho trẻ em dưới 6 tuổi).

Kính thưa các đồng chí!

Để tiếp tục phát huy kết quả đạt được trong chuyển đổi số, cung cấp dịch vụ công trực tuyến trong thời gian tới, tỉnh Quảng Ninh có một số đề xuất, kiến nghị như sau:

Một là, đề nghị Chính phủ nghiên cứu chỉ đạo xây dựng cơ chế, chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, tăng cường nguồn nhân lực CNTT, chuyển đổi số đáp ứng được yêu cầu chuyển đổi số hiện nay; có cơ chế chính sách hỗ trợ

hoạt động của Tổ Công nghệ số cộng đồng giúp lan tỏa công nghệ số trong cuộc sống, thúc đẩy chuyển đổi số trong toàn xã hội.

Hai là, đề nghị các bộ, ngành Trung ương rà soát, điều chỉnh lại kết quả giải quyết TTHC phải in, ký trực tiếp trên phiôi, thẻ và một số vật liệu khác thành các phương thức đơn giản để các cơ quan, đơn vị có thể triển khai số hóa theo đúng quy trình; sửa đổi, bổ sung các văn bản quy định hướng dẫn về nghiệp vụ thực hiện các TTHC theo quy trình số hóa. Đẩy nhanh tiến độ tích hợp các dịch vụ công thiết yếu và hệ thống phần mềm chuyên ngành của các bộ, ngành với Hệ thống Chính quyền điện tử các địa phương. Thống nhất sử dụng một phần mềm cho một loại TTHC để triển khai đồng bộ, tránh việc cán bộ phải thao tác trên nhiều phần mềm.

Ba là, đề nghị Bộ Công an quan tâm hỗ trợ Tỉnh trong việc kiểm tra, cấp khóa kết nối chính thức Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh với Hệ thống định danh và xác thực điện tử; đồng thời, hỗ trợ việc thực hiện kết nối, đồng bộ Hệ thống thông tin giải quyết THCC của tỉnh với các Phần mềm dịch vụ công liên thông, Phần mềm quản lý, đăng ký hộ tịch để phục vụ cung cấp 02 dịch vụ công liên thông theo quy định tại Nghị định số 63/2024/NĐ-CP của Chính phủ.

Bốn là, tỉnh Quảng Ninh đề xuất Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương tiếp tục quan tâm, hỗ trợ Quảng Ninh trong triển khai thực hiện chuyển đổi số, đặc biệt là quan tâm, triển khai thí điểm các tiện ích mới của Đề án 06. Quảng Ninh luôn sẵn sàng tiên phong đi đầu trong thực hiện “điểm”, tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện chuyển đổi số, Đề án 06 phát triển các ứng dụng, tiện ích để phục vụ tối đa lợi ích của người dân, doanh nghiệp.

Trên cơ sở các kết quả đạt được trong chuyển đổi số, cung cấp dịch vụ công trực tuyến của tỉnh và chia sẻ của các địa phương trong triển khai các nội dung cải cách hành chính, tỉnh Quảng Ninh sẽ tiếp tục chỉ đạo các sở, ngành, địa phương tham dự Hội nghị tập trung nghiên cứu, chủ động tham mưu, đề xuất áp dụng những giải pháp, mô hình, kinh nghiệm phù hợp với tình hình thực tiễn của tỉnh nhằm nâng cao hơn nữa công tác cải cách hành chính của tỉnh Quảng Ninh trong thời gian tới.

Trên đây là tham luận của UBND tỉnh Quảng Ninh.

Trước thềm năm mới 2025 - Tết Nguyên Đán - Xuân Ất Tỵ, xin kính chúc các đồng chí lãnh đạo, các quý vị đại biểu lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và đạt được nhiều thành công trong công tác.

Xin trân trọng cảm ơn!

THAM LUẬN**Những kết quả nổi bật trong cải cách thể chế, có tác động lan tỏa đến phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương****UBND tỉnh Bắc Giang**

Kính thưa đồng chí Nguyễn Hòa Bình, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ, Phó Trưởng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ!

Kính thưa đồng chí Phạm Thị Thanh Trà, Ủy viên BCH Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Phó Trưởng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ!

Kính thưa các quý vị đại biểu tham dự Hội nghị tại các điểm cầu!

Như chúng ta đã biết, hoàn thiện thể chế là yêu cầu có tính tất yếu, khách quan đối với sự phát triển của một đất nước. Nhiều nghiên cứu đã ghi nhận mối quan hệ chặt chẽ giữa thể chế và phát triển. Ở nước ta, cải cách và hoàn thiện thể chế luôn được Đảng và Nhà nước ta quan tâm, chú trọng trong quá trình đổi mới đất nước. Trong ba đột phá chiến lược phát triển bền vững đất nước được xác định trong Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển tiếp tục được đặt ở vị trí đầu tiên. Đặc biệt, tại phiên khai mạc kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV ngày 21/10/2024 vừa qua, Tổng Bí thư Tô Lâm đã chỉ ra "Trong 3 điểm nghẽn lớn nhất hiện nay là thể chế, hạ tầng và nhân lực thì thể chế là điểm nghẽn của điểm nghẽn, chất lượng xây dựng, hoàn thiện pháp luật chưa đáp ứng nhu cầu của thực tiễn...". Chính vì vậy, vấn đề hoàn thiện, cải cách thể chế càng có ý nghĩa then chốt để nắm bắt cơ hội, khơi thông, huy động mạnh mẽ nguồn lực cho phát triển, chăm lo cho Nhân dân.

Với Bắc Giang, công tác cải cách thể chế luôn được cấp ủy đảng, chính quyền tỉnh xác định là một trong các nhiệm vụ trọng tâm để quan tâm lãnh đạo chỉ đạo. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Bắc Giang lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025 đã xác định một trong bốn nhiệm vụ trọng tâm mang tính giải pháp đột phá trong nhiệm kỳ 2020 - 2025 là "tiếp tục bổ sung, hoàn thiện các cơ chế chính sách phù hợp với thể chế kinh tế thị trường và tình hình thực tế của địa phương để tập trung xây dựng môi trường kinh tế, môi trường đầu tư và kinh doanh nhằm khuyến khích phát triển tất cả các thành phần kinh tế dựa trên nguyên tắc bình đẳng và minh bạch".

Do đó, công tác cải cách thể chế tỉnh Bắc Giang có tác động lan tỏa, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Kết quả, Chỉ số PAR Index tỉnh Bắc Giang năm 2023 đạt 91,16/100 điểm, xếp thứ 4/63 tỉnh, thành phố và đứng đầu Vùng Trung du và miền núi phía Bắc (tăng 2,62 điểm); 04 năm liên tiếp lĩnh vực Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số dẫn đầu cả nước; lĩnh vực cải cách thể chế luôn nằm trong nhóm 10 tỉnh dẫn đầu cả nước; Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) đứng thứ 04/63 tỉnh, thành phố; Chỉ số chuyển đổi

số đứng thứ 9 cả nước; Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) xếp thứ 10, nằm trong nhóm “Cao nhất” cả nước.

Kính thưa các đồng chí!

Để có được kết quả đó, tỉnh Bắc Giang đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành có nhiều giải pháp, cách làm hay trong công tác xây dựng thể chế, đẩy mạnh cải cách thể chế để góp phần xây dựng hành lang pháp lý đồng bộ, tập trung xây dựng môi trường đầu tư và kinh doanh bình đẳng, lành mạnh, nhằm thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh. Cụ thể:

1. Công tác xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) thường xuyên được chú trọng. Tỉnh đã ban hành Kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới trên địa bàn tỉnh. Đặc biệt, ngay sau khi Quốc hội khoá XV thông qua các Luật quan trọng, có tác động lớn đến sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước, tỉnh đã ban hành văn bản quy định chi tiết các nội dung được giao tại các Luật này theo quy định. Đến nay, với các nội dung được giao quy định chi tiết đến thời hạn yêu cầu hoàn thành tại Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở đã được tỉnh ban hành theo đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định.

Trong năm 2024 (tính đến ngày 12/12/2024), HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã thông qua, ban hành 68 văn bản QPPL (với 23 Nghị quyết (trong đó có 13 Nghị quyết đã ban hành và 10 dự thảo Nghị quyết đã được HĐND tỉnh thông qua tại kỳ họp thứ 22 ngày 10-11/12/2024), 45 Quyết định của UBND tỉnh). Các văn bản QPPL đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất và phù hợp với tình hình thực tế ở địa phương; đã kịp thời triển khai thực hiện đồng bộ các quy định pháp luật mới ban hành, tạo cơ sở pháp lý quan trọng để điều chỉnh các mối quan hệ kinh tế xã hội trên địa bàn tỉnh.

2. Công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật tiếp tục được quan tâm thực hiện. Đã thực hiện tự kiểm tra được 100% văn bản QPPL do UBND tỉnh ban hành; kiểm tra theo thẩm quyền 99 văn bản do HĐND, UBND cấp huyện ban hành. Chỉ đạo thực hiện rà soát văn bản QPPL do HĐND, UBND tỉnh ban hành theo chuyên đề, lĩnh vực về giá; liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp; ưu đãi đầu tư; nhà ở, bất động sản, tư pháp, thanh tra, phòng, chống tham nhũng trong lĩnh vực tư pháp; qua rà soát đã kịp thời phát hiện các văn bản QPPL có nội dung không còn phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và kiến nghị xử lý bằng hình thức sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ.

Đã thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL kỳ 2019 - 2023 với 439 còn hiệu lực thi hành; 293 văn bản hết hiệu lực; kiến nghị xử lý 111 văn bản bằng hình thức sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, ban hành mới; trên cơ sở kết quả hệ thống hoá, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành chỉ đạo việc xử lý văn bản sau kỳ hệ thống hóa. Qua công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản nhằm kịp thời phát hiện văn bản trái pháp luật, nội dung không còn phù hợp và kiến nghị xử lý

nhằm đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của hệ thống pháp luật góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật ở địa phương.

3. Công tác theo dõi thi hành pháp luật được tăng cường. Năm 2024, tỉnh Bắc Giang đã tổ chức theo dõi thi hành ở 04 lĩnh vực: Chăn nuôi, thú y; hoạt động quản lý, khai thác khoáng sản; Luật Xuất bản; An toàn thực phẩm. Qua theo dõi thi hành pháp luật, đã đánh giá những kết quả đạt được, những tồn tại hạn chế trong quá trình thực thi pháp luật, đưa ra các kiến nghị hoàn thiện pháp luật và các giải pháp nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật. Kết thúc mỗi đợt theo dõi thi hành pháp luật Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành các văn bản chỉ đạo sau theo dõi thi hành pháp luật nhằm kịp thời chấn chỉnh, khắc phục những hạn chế và nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật trong các lĩnh vực này. Đồng thời, tỉnh đã thường xuyên, sát sao đôn đốc, theo dõi kiểm tra việc thực hiện các kiến nghị, chỉ đạo, kết luận sau theo dõi thi hành pháp luật ở các lĩnh vực. Do vậy, công tác theo dõi thi hành pháp luật đã góp phần quan trọng nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước ở các lĩnh vực tại địa phương.

Nhờ sự vào cuộc quyết liệt trong công tác cải cách thể chế, đã tác động tích cực đến tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) của tỉnh 3 năm liên tiếp dẫn đầu cả nước: năm 2022, đạt 19,3%; năm 2023, đạt 14,99%; đặc biệt năm 2024, kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Giang năm 2024 đạt được những kết quả tích cực, toàn diện trên các lĩnh vực. Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) của tỉnh ước đạt 13,85%, đứng đầu cả nước. Quy mô GRDP của tỉnh đạt 207 nghìn tỷ đồng, đứng đầu khu vực Trung du miền núi phía Bắc; giá trị sản xuất công nghiệp và dịch vụ lần lượt tăng 30% và 11,6%. Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu ước đạt 60 tỷ USD, tăng 14,5% so với năm 2023, riêng giá trị xuất khẩu đạt 33 tỷ USD tăng 20,4%. Tổng thu ngân sách cả năm ước đạt hơn 19,5 nghìn tỷ đồng, vượt trên 24% dự toán được giao. Thu hút đầu tư toàn tỉnh đạt trên 2,14 tỷ USD vốn đầu tư quy đổi. Tính riêng thu hút FDI, Bắc Giang đứng thứ 10 cả nước. Toàn tỉnh giải ngân được gần 9,2 nghìn tỷ đồng, bằng 97,8% kế hoạch.

Kính thưa các đồng chí!

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác cải cách thể chế vẫn còn một số hạn chế, khó khăn, vướng mắc sau:

(i) Ở Trung ương, có thể thấy đó là số lượng văn bản quy phạm pháp luật được ban hành nhiều nhưng vẫn còn những nội dung chồng chéo, trùng lặp, chưa ổn định; công tác rà soát, xử lý sau rà soát đã được chỉ đạo thực hiện quyết liệt kịp thời nhưng những bất cập đã được phát hiện qua rà soát văn bản còn rất lớn, ở các cấp độ văn bản khác nhau và mới chỉ xử lý được một phần. Việc phân cấp, phân quyền chưa triệt để, chưa rõ trách nhiệm, vẫn tập trung nhiều ở Trung ương.

(ii) Ở tỉnh Bắc Giang: (ii.1) Trong công tác xây dựng văn bản: Một số ít chính sách trong đề nghị xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh còn chưa được thực hiện đánh giá tác động đầy đủ theo quy định; Việc lấy ý kiến một số dự thảo văn bản QPPL, kể cả một số hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh

chưa thực sự hiệu quả, đôi khi còn mang tính hình thức, chưa lấy được nhiều ý kiến trực tiếp từ các đối tượng chịu sự tác động của chính sách.

(ii.2) Trong công tác kiểm tra, rà soát VBQPPL: Một số cơ quan chưa chủ động thực hiện rà soát văn bản QPPL, chưa kịp thời phát hiện đầy đủ các nội dung không còn phù hợp với quy định pháp luật hiện hành hoặc không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

(ii.3) Trong công tác theo dõi thi hành pháp luật: Việc xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật tại một số cơ quan, đơn vị còn hình thức, chưa thực sự hiệu quả, hoạt động theo dõi thi hành pháp luật chủ yếu được thực hiện lồng ghép trong quá trình triển khai thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn.

Những hạn chế, khó khăn trên do một số nguyên nhân chủ yếu như: (i) trước hết là do hệ thống pháp luật của nước ta mặc dù cơ bản đồng bộ, tuy nhiên, vẫn còn tình trạng mâu thuẫn, chồng chéo, không rõ ràng, hoặc chưa điều chỉnh hết các quan hệ phát sinh trong thực tiễn; tính ổn định của một số văn bản chưa cao, chưa theo được yêu cầu của thực tiễn phát triển. (ii) hai là một số cấp ủy, lãnh đạo cơ quan, địa phương chưa thực sự quan tâm, chỉ đạo sát sao; (iii) ba là chất lượng của một bộ phận đội ngũ tham mưu thực hiện công tác văn bản pháp luật chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu công việc trong tình hình mới, trong khi nhiệm vụ công tác này là một trong những nhiệm vụ đặc thù, đòi hỏi đội ngũ tham mưu cần có kiến thức, kỹ năng nhất định.

Kính thưa các đồng chí!

Để tạo sự chuyên biến mang tính đột phá trong thực hiện nhiệm vụ cải cách thể chế, có tác động lan tỏa đến phát triển kinh tế - xã hội trên phạm vi cả nước, UBND tỉnh Bắc Giang có 03 đề xuất, kiến nghị với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ như sau:

- Thứ nhất là, đề nghị tập trung chỉ đạo sửa đổi Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật để cụ thể hoá các tư duy, quan điểm mới trong xây dựng pháp luật, như: đổi mới quy trình xây dựng pháp luật theo hướng đảm bảo khả thi, dễ áp dụng trên thực tế; đánh giá tác động chính sách thực chất; bảo đảm cơ chế tiếp thu giải trình ý kiến góp ý của các đối tượng chịu sự tác động của chính sách.

Tập trung hoàn thiện pháp luật về tổ chức, hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị, gắn với đẩy mạnh phân cấp, phân quyền tối đa cho địa phương.

- Thứ hai là, chỉ đạo các bộ, ngành kịp thời thể chế hoá, tham mưu thể chế hoá các chủ trương, định hướng lớn của Đảng một cách đầy đủ, mang tính khả thi cao, không dễ bị tác động, “lợi ích nhóm” trong quá trình xây dựng, hoàn thiện pháp luật.

- Thứ ba là, chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương tăng cường thực hiện đồng bộ, có hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật ở các ngành, lĩnh vực pháp luật, trong đó tập trung vào đổi mới công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và tập trung xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật; thường xuyên đánh giá hiệu quả thi

hành pháp luật trong thực tiễn; chủ động phát hiện và kịp thời tháo gỡ những điểm nghẽn có nguyên nhân từ quy định pháp luật.

Trên đây là tham luận của UBND tỉnh Bắc Giang.

Trước thềm năm mới 2025 - Tết Nguyên Đán - Xuân Ất Tỵ, xin kính chúc các đồng chí lãnh đạo, các quý vị đại biểu lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và đạt được nhiều thành công trong công tác.

Xin trân trọng cảm ơn!

THAM LUẬN

Những kết quả trong chuyển đổi số, thực hiện Đề án 06, dịch vụ công trực tuyến tại địa phương, tồn tại, hạn chế, giải pháp trong thời gian tới

UBND tỉnh Hà Nam

Kính thưa đồng chí Nguyễn Hòa Bình, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ, Phó Trưởng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ!

Kính thưa đồng chí Phạm Thị Thanh Trà, Ủy viên BCH Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Phó Trưởng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ!

Kính thưa các quý vị đại biểu tham dự Hội nghị tại các điểm cầu!

Được sự cho phép phát biểu tham luận của Thủ tướng Chính phủ, thay mặt lãnh đạo tỉnh Hà Nam, tôi xin phát biểu về một số kết quả cũng như tồn tại, khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện công tác chuyển đổi số, triển khai Đề án 06, dịch vụ công trực tuyến tại địa phương.

Trước hết, tôi thống nhất cao với những nội dung đánh giá tại các báo cáo và ý kiến phát biểu của các đại biểu.

Đối với tỉnh Hà Nam, năm 2024, tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt 10,93%, đứng thứ 2 khu vực đồng bằng sông Hồng và thứ 5 cả nước; thu ngân sách tăng trên 20% so với năm 2023, 16/16 chỉ tiêu về kinh tế - xã hội đều đạt và vượt kế hoạch đề ra. Đạt được những kết quả trên là có sự chỉ đạo quyết liệt của Tỉnh ủy, UBND tỉnh trên tất cả các mặt, các lĩnh vực trong đó có công tác CCHC và chuyển đổi số. Một số kết quả thực hiện công tác chuyển đổi số, triển khai Đề án 06 và dịch vụ công trực tuyến như sau:

1. Kết quả

Thời gian qua, với sự vào cuộc và chỉ đạo quyết liệt của Ban Chỉ đạo về CCHC, chuyển đổi số tỉnh Hà Nam, kết quả chuyển đổi số, giải quyết dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh có sự thay đổi mạnh mẽ. Bám sát chỉ đạo của Chính phủ, Tỉnh ủy Hà Nam đã ban hành Nghị quyết số 17 về đẩy mạnh CCHC; Nghị quyết số 24 về Chuyển đổi số tỉnh Hà Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; UBND tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt Đề án Chuyển đổi số tỉnh Hà Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030...

- **Về hạ tầng số:** 100% các cơ quan, ban ngành từ tỉnh đến cấp xã kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng để triển khai các dịch vụ, các nền tảng số phục vụ việc quản lý, điều hành chung của tỉnh, đảm bảo an toàn thông tin. 100% các xã, phường, thị trấn đều có đường truyền cáp quang, Internet cung cấp đến tận thôn, tổ dân phố; 100% khu vực dân cư được phủ sóng thông tin di động 4G; đang triển khai phủ sóng mạng 5G tại một số khu vực trên địa bàn tỉnh. Hệ thống hội nghị truyền hình gồm 116 điểm cầu, có kết nối với Chính phủ, hoạt động thường

xuyên từ Trung ương đến tỉnh, từ huyện đến xã mang lại hiệu quả cao trong công tác chỉ đạo, điều hành và tiết kiệm thời gian, chi phí.

- **Về phát triển dữ liệu, nền tảng số:** Hoàn thành kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu 17 hệ thống LGSP, bao gồm Cơ sở dữ liệu quốc gia về: Đăng ký doanh nghiệp; dân cư; bảo hiểm; đất đai; cấp phiếu lý lịch tư pháp; đăng ký và quản lý hộ tịch; quản lý danh mục điện tử dùng chung của các cơ quan nhà nước; Cơ sở dữ liệu giấy phép lái xe; định danh và xác thực điện tử; Liên thông giữa các hệ thống quản lý văn bản và điều hành; Cổng dịch vụ công quốc gia... Trong đó, các hệ thống, cơ sở dữ liệu kết nối, tích hợp với Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh được khai thác và sử dụng thường xuyên, hiệu quả. Từ 12/10/2024, Hà Nam là 1 trong 8 tỉnh đầu tiên trên cả nước thực hiện cấp phiếu lý lịch tư pháp trên ứng dụng VneID, tạo thuận lợi cho người dân, đặc biệt là đối tượng công nhân làm tại các khu công nghiệp, không có nhiều thời gian nghỉ trong ngày hành chính để đến bộ phận 1 cửa giải quyết trực tiếp.

- **Về phát triển nguồn nhân lực:** Các sở, ban, ngành và địa phương đều có cán bộ công nghệ thông tin. 100% xã, thôn tổ dân phố đã thành lập Tổ công nghệ số cộng đồng, trong đó: 109 Tổ cấp xã, 686 Tổ tại thôn, tổ dân phố. Năm 2024, UBND tỉnh đã phối hợp với Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông quân đội (Viettel) tổ chức 03 lớp tập huấn về chuyển đổi số dành cho cán bộ chủ chốt của tỉnh. Hà Nam đứng thứ hai toàn quốc về kết quả bồi dưỡng, tập huấn chuyển đổi số trên Nền tảng học trực tuyến của Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức (đạt 93%).

- **Về đảm bảo an toàn thông tin:** Duy trì hoạt động hiệu quả Trung tâm Giám sát, điều hành an toàn thông tin mạng (SOC) tỉnh Hà Nam. Tổ chức diễn tập thực chiến về đảm bảo an toàn thông tin trên địa bàn tỉnh.

UBND tỉnh Hà Nam đã chỉ đạo chuyển đổi số đồng bộ trên cả 03 trụ cột: Chính quyền số, kinh tế số và xã hội số.

- Về phát triển chính quyền số:

Hệ thống quản lý văn bản và điều hành liên thông 4 cấp chính quyền. 100% các sở, ban, ngành, từ tỉnh đến xã thường xuyên ứng dụng phần mềm vào công tác chỉ đạo, điều hành và gửi, nhận văn bản điện tử liên thông giữa các cơ quan trong tỉnh, liên thông với các bộ, ngành trung ương qua trực liên thông văn bản quốc gia. Trên 90% văn bản được ký số phát hành trên môi trường mạng (trừ văn bản mật). Hệ thống thư điện tử của tỉnh đảm bảo cung cấp hộp thư điện tử cho cán bộ, công chức từ cấp tỉnh đến cấp xã.

Trung tâm điều hành thông minh tỉnh Hà Nam đã tích hợp, kết nối 10 hệ thống thông tin của các sở, ngành. Một số chỉ tiêu cơ bản về kinh tế - xã hội được các ngành cung cấp số liệu và cập nhật vào hệ thống. Hà Nam là tỉnh đầu tiên kết nối Trung tâm Điều hành thông minh tỉnh với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Hà Nam cung cấp tất cả các dịch vụ công đủ điều kiện lên trực tuyến toàn trình. Năm 2024: Tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến đạt 85,2%; tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng và trước hạn đạt 98,8%; tỷ lệ hồ sơ thành toán trực tuyến đạt 78,3%. Hà Nam đứng đầu cả nước về tỷ lệ

hồ sơ trực tuyến toàn trình (Hà Nam đạt 69%; trung bình cả nước đạt khoảng 19%). Hà Nam là tỉnh thứ 08 hoàn thành kết nối và được phê duyệt triển khai chính thức liên thông điện tử 02 nhóm thủ tục hành chính (Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi; đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai táng phí, tử tuất).

- Về phát triển kinh tế số:

Tỉnh Hà Nam đã quan tâm thu hút đầu tư trong phát triển công nghiệp công nghệ cao tại các khu công nghiệp. Hiện có trên 140 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin, điện tử viễn thông trên địa bàn tỉnh.

Theo công bố của Tổng cục Thống kê cuối tháng 12/2023, tỷ trọng kinh tế số trong GRDP của Hà Nam đạt 13,25% %, xếp thứ 9/63 tỉnh, thành phố.

- Về phát triển xã hội số:

Tỷ lệ người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản thanh toán điện tử đạt gần 90%. Số lượng dân số ở độ tuổi trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân khoảng 130.000 chữ ký số (đạt khoảng 17% dân số trưởng thành, trung bình cả nước đạt khoảng 14%).

Các cơ sở y tế, bệnh viện, cơ sở giáo dục, trường học đã thúc đẩy triển khai thanh toán viện phí, học phí không dùng tiền mặt. Ngành giáo dục và đào tạo đang triển khai ký số học bạ điện tử, sổ điểm điện tử toàn ngành giáo dục ở các cấp học. Ngành du lịch triển khai ứng dụng du lịch thông minh. Ngành lao động - thương binh và xã hội tích cực triển khai các biện pháp phát triển người hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp thất nghiệp... qua tài khoản ATM, các phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt.

Tổ công nghệ số cộng đồng đã tổ chức hướng dẫn người dân cài đặt, sử dụng dịch vụ số phục vụ cho nhu cầu thiết yếu như thanh toán số; hướng dẫn đăng ký cài đặt và sử dụng các tài khoản thanh toán điện tử, mô hình chợ 4.0; sử dụng các ứng dụng chuyển đổi số; tham gia sàn thương mại điện tử...

- Về kết quả thực hiện Đề án 06:

Tỉnh Hà Nam cơ bản đã hoàn thành việc thu nhận hồ sơ cấp Căn cước đối với công dân dưới 14 tuổi đủ điều kiện trên địa bàn. Tổng số công dân trên địa bàn được cấp thẻ căn cước công dân gắn chip và thẻ căn cước đạt 99,52 %. Kết quả kích hoạt tài khoản định danh điện tử đạt ở nhóm các tỉnh đạt tỷ lệ cao trên toàn quốc (đạt trên 96% công dân đủ 14 tuổi trở lên trên địa bàn tỉnh).

Đẩy mạnh việc cấp tài khoản cho các đối tượng an sinh xã hội, người hưởng lương hưu, trợ cấp hàng tháng và chi trả không dùng tiền mặt. Tổng số đối tượng đã có tài khoản và được chi trả qua tài khoản đạt trên 99%.

Hoàn thành số hóa dữ liệu hộ tịch lịch sử trong Quý III năm 2024; tập trung số hóa dữ liệu đất đai để sử dụng kết quả số hóa vào nhiệm vụ cắt giảm thủ tục hành chính trong lĩnh vực cư trú và đất đai.

Thực hiện số hóa hồ sơ giấy tờ thủ tục hành chính phục vụ việc tái sử dụng, không yêu cầu người dân cung cấp lại giấy tờ.

Đến nay, tỉnh Hà Nam đã triển khai, thực hiện được 39/44 mô hình Đề án 06. Trong đó có 29 mô hình mang lại hiệu quả, nổi bật như: Mô hình sử dụng thẻ CCCD gắn chip, VNeID trong khám chữa bệnh; Triển khai tố giác tội phạm qua ứng dụng VNeID; Sử dụng camera AI trong kiểm soát ra/vào khu công nghiệp; triển khai giám sát thiết bị thi cử, sát hạch lái xe; Triển khai hệ thống quản lý trường học; Khai báo lưu trú qua phần mềm; Xử phạt vi phạm giao thông qua camera giao thông tại thành phố Phủ Lý...

2. Tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc

- Hạ tầng số, các nền tảng số chưa hoàn thiện, chưa đáp ứng nhu cầu đặt ra; trang thiết bị, máy móc làm việc còn hạn chế, lạc hậu; các nền tảng số phục vụ giáo dục, đào tạo, chăm sóc sức khỏe và an sinh xã hội còn thiếu. Một số cơ sở dữ liệu triển khai còn chậm.

- Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin còn ít; đặc biệt là các hệ thống thông tin chuyên ngành.

- Việc tái sử dụng hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại bộ phận một cửa còn thấp.

- Phần mềm liên thông giải quyết thủ tục hành chính một số thời điểm gặp lỗi hệ thống dẫn đến việc chậm đồng bộ hồ sơ, gây khó khăn trong việc tác nghiệp của cán bộ cơ sở, ảnh hưởng đến thời gian giải quyết thủ tục hành chính.

- Việc thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia không được thuận lợi, nhiều hồ sơ tiền trả về tài khoản của cơ quan rất chậm, làm ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết hồ sơ cũng như tâm lý không yên tâm của người dân, doanh nghiệp khi thực hiện thanh toán qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Một số dịch vụ công trong nhóm 53 dịch vụ công thiết yếu chưa được triển khai từ bộ, ngành trung ương; trong đó một số dịch vụ công liên thông chưa được thực hiện liên thông; một số dịch vụ công mới chỉ triển khai trên phần mềm của bộ, ngành, chưa được tích hợp, kết nối trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh.

- Đối với nhiều công dân cao tuổi việc tự sử dụng các thiết bị công nghệ như điện thoại thông minh, internet, máy vi tính để thực hiện dịch vụ công trực tuyến không thành thạo, gặp nhiều khó khăn.

3. Giải pháp thực hiện các nhiệm vụ thực hiện công tác chuyển đổi số, triển khai Đề án 06, dịch vụ công trực tuyến tại địa phương

- Thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng phục vụ, mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; công khai kết quả đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công theo Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

- Chỉ đạo xây dựng và triển khai Đề án chuyển đổi số theo Chỉ thị số 34/CT-TTg ngày 16/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ, trong đó xác định rõ mũi đột phá và tính khả thi để tập trung thực hiện trong năm 2025.

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện ngay công tác ổn định tổ chức, kiện toàn Ban Chỉ đạo về CCHC, chuyển đổi số, Tổ công tác Đề án 06 các cấp sau khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy; tổ chức bồi dưỡng, đào tạo, tập huấn đối với thành viên Tổ công tác, cán bộ được phân công thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số, Đề án 06.

- Tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện các nhiệm vụ CCHC, nhiệm vụ của Đề án 06, đảm bảo nguyên tắc “5-4-3-2-1” (5 nhóm nhiệm vụ; xuyên suốt 4 cấp; 3 lĩnh vực “phát triển kinh tế - xã hội; phục vụ người dân; phòng chống tội phạm”; 2 việc “nhận thức đúng, giải pháp đúng”; 1 trách nhiệm người đứng đầu) và phải rõ người, rõ việc, rõ thời gian hoàn thành.

- Đầu tư xây dựng, nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh. Triển khai Kho dữ liệu dùng chung và Cổng dữ liệu mở tỉnh Hà Nam. Xây dựng, duy trì cơ sở dữ liệu phục vụ cho việc kết nối, chia sẻ, khai thác thông tin của người sử dụng trên môi trường mạng: Cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Hà Nam; Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử...

- Triển khai Nền tảng bản đồ số để cung cấp dịch vụ để phát triển các ứng dụng, dịch vụ dựa trên nền bản đồ, phục vụ quản lý nhà nước và các lĩnh vực đời sống, kinh tế xã hội trên địa bàn tỉnh. Đẩy mạnh Nền tảng hỗ trợ các doanh nghiệp, người dân đưa sản phẩm lên các sàn thương mại điện tử.

- Hoàn thành việc triển khai hệ thống Quản lý, vận hành, lưu trữ, bảo trì hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai; Cơ sở dữ liệu quy hoạch, đô thị liên thông trên địa bàn tỉnh; Hệ thống giám sát xe vận chuyển rác và khối lượng xử lý rác thải sinh hoạt; Hệ thống quản trị, điều hành điện tử tại Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh; Hệ thống ứng dụng (App) công dân số tỉnh Hà Nam...

- Số hóa hồ sơ và tái sử dụng kết quả số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính; thực hiện số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực; đẩy mạnh xử lý hồ sơ trực tuyến, hồ sơ thanh toán trực tuyến.

- Triển khai chính thức cấp phiếu lý lịch tư pháp trên ứng dụng định danh điện tử (VNeID). Nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm Điều hành thông minh (IOC) của TP. Phủ Lý và tỉnh Hà Nam.

Cuối cùng, xin kính chúc đồng chí Thủ tướng Chính phủ, đồng chí Phó Thủ tướng Chính phủ, các đồng chí lãnh đạo các bộ, ngành Trung ương, lãnh đạo các tỉnh, thành phố; các đại biểu dự Hội nghị sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Trên đây là tham luận của UBND tỉnh Hà Nam.

Trước thềm năm mới 2025 - Tết Nguyên Đán - Xuân Ất Tỵ, xin kính chúc các đồng chí lãnh đạo, các quý vị đại biểu lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và đạt được nhiều thành công trong công tác.

Xin trân trọng cảm ơn!